

nguyễn khai thương để thì cười



NGUYỄN KHAI



nguyễn khai
thương để
thì cười
nhà xuất bản trẻ
com

Thượng đế thì cười

Nguyễn Khải

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Chương 1

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Con người suy nghĩ còn Thượng đế thì cười.

(Ngạn ngữ Do Thái, theo lời dẫn của Milan Kundera trong Diễn văn Zérusalem - Nguyên Ngọc dịch)

Hắn không thể tin được đã sang tuổi bảy mươi lại phải đối mặt với những câu hỏi hết sức vô lý, buồn cười, chỉ có thể hét lên vì giận dữ chứ không thể trả lời. Tại sao hắn phải trả lời, người hỏi đã không có cái quyền được hỏi thì việc gì hắn phải trả lời. Nhưng hắn vẫn không thể không trả lời vì người hỏi là vợ hắn, là người bạn đời từ năm hắn mới ngoài hai chục tuổi, đã ăn ở với nhau gần hết một đời người, đã có con chết con sống, con sống đứa lớn đã ngoài bốn chục tuổi, đứa nhỏ đã ba mươi tuổi, lớn hơn năm hắn làm bạn với mẹ nó những ba tuổi. Năm mới về tạp chí hắn mới hăm năm tuổi, anh Thanh Tịnh khoảng ngoài bốn mươi, anh Văn Phác, chủ nhiệm tạp chí cũng mới ba mươi, anh Chính Hữu trẻ hơn một tuổi mới hai mươi chín. Nếu thằng con đầu của hắn còn sống thì nó đã bốn mươi tư tuổi. Nói thế, tức là vợ chồng hắn đã ăn ở với nhau lâu lắm, cùng sống hết một thời, gần hết một kiếp lại chưa đủ để hiểu nhau ư? Chẳng lẽ từng ấy năm tháng sống bên nhau mà chưa thể là một sao? Hắn và vợ còn là một cặp vợ chồng may mắn, chưa từng phải xa nhau lâu, ngay trong những năm có chiến tranh hắn vẫn đi đi về về, chưa hề ở một chiến trường nào dài quá hai tháng. Còn thời đó nhiều cặp vợ chồng phải xa nhau năm, bảy năm, cả chục năm cũng là chuyện thường. Có một sĩ quan của quân chủng hải quân, từ năm 1960 đã nhận nhiệm vụ chuyển vũ khí vào Nam bằng đường biển trên những con tàu không số, đi về vài chuyến rồi mất tích. Đã có giấy báo tử, vợ đã đi lấy chồng khác, đã có một con với người chồng mới thì người chồng cũ đột ngột hiện ra ở khuôn cửa căn hộ tập thể, tóc bạc, da nhăn, chân tay lòng không giống hệt ông bố chồng lúc con trai vào chiến trường. Mười lăm năm đã trôi qua, một đời người đã trôi qua. Với người chồng cũ, người vợ cùng sống mới có dăm năm, còn với người chồng mới họ đã sống với nhau gần mười năm. Vậy mà người đàn ông đến sau sẵn sàng từ bỏ hạnh phúc đang có, tự nguyện ra đi để người ở chiến trường về được bù đắp mọi mất mát. Cặp vợ chồng tái hôn ấy đã sống rất yên ấm bên nhau cho đến tận bây giờ. Cái đạo làm người của một thời cũng đẹp nhỉ, rất đẹp. Còn vợ chồng hắn suốt bốn mươi lăm năm chưa một lần ăn tết lẻ loi, năm ăn tết ở Hà Nội, năm ăn tết ở nơi sơ tán, trong chiến tranh mà lúc nào cũng cặp kè bên nhau nhìn bà con trong xóm cũng ngượng. Đã vui lẻ là không thể vui hoàn toàn, vẫn cứ phải lén lút thế nào, chẳng lẽ giữa cảnh chia ly của nhiều nhà lại trưng ra cái cảnh đoàn tụ, cứ như những kẻ đã tách khỏi cộng đồng. Vậy mà tới tuổi già, cả vợ lẫn chồng đã biến hoá thành hai cái túi xương thịt dẫn đeo, dúm dó, người vợ còn hỏi chồng: "Anh có còn yêu tôi không? Anh có định ruồng bỏ tôi không?" Câu hỏi thì vô lý và buồn cười nhưng người hỏi thì đau đớn, nghiêm trang, mắt nhìn tuyệt vọng như kẻ vừa bị tuyên án tử hình. Lần đầu hắn nghe câu hỏi ấy liền trả lời nửa đùa nửa thật: "Bà nghĩ tôi với bà còn ở tuổi đôi mươi à? Bà đã lần rồi à?" - "Anh đừng nói thế, tôi chưa lần, tôi hỏi thật đấy". Mặt hắn đã cứng lại: "Sao lúc trẻ không hỏi, nay đã sắp xuống lỗ mới hỏi. Tôi có chung thủy với bà hay không thì bà cũng biết, gần nửa thế kỷ sống với nhau lại còn chưa đủ để biết sao?" Người vợ vẫn nhìn hắn bằng lòng mắt đã đục đục, cặp môi

nhấn nhúm tím lợt run khe khẽ: "Thuở trẻ anh không thể, về già độc chứng nên mới thể, tôi không nói vu cho anh đâu". Chồng bảy chục, vợ sáu mươi lăm, thời trẻ sống với nhau chả ai phải nghi ngờ lòng chung thủy của ai, bây giờ sắp chết lại giở trò ghen tuông bóng gió! Cứ như một chuyện hài, một trò hề, không dè lại có ngày là chuyện đau đầu của chính hắn! Hắn vốn thích cười, thích nói đùa, thích thăm thì vào tai bạn bè nhiều nhận xét ngộ nghĩnh về những hành vi buồn cười, những cảnh ngộ dễ bật cười của người này người kia, cũng là những cái cười hiền lành, thư giãn chứ không có ác ý, nếu đương sự có nghe được cũng đành cười rồi bỏ qua. Nhưng cái thẳng hay gây cười rồi cũng có lúc trở thành trò cười của thiên hạ, bạn bè đã đe thế, nhưng hắn vẫn cười vì tự nghĩ mình là người biết cách lui tới đời nào chịu làm bung xung để người khác có dịp chọc cười. Mà hoá ra đã từng là một nhân vật gây cười, khi diễn trò thì không tự biết, năm tháng qua đi nghĩ lại mới thấy tức cười. Vậy mà bạn bè lại không nở cười, chỉ trách nhẹ, thì ra các vị ấy còn thương hắn thật. Ấy là hai lần xuất chính của một thằng nhà văn vốn được khen là không hám danh. Cả hai lần hắn đều thất bại, mặt mũi lem luốc vì từ chỗ quyền lực chui ra làm sao còn giữ được gương mặt sạch. Người khác bôi lem mặt mình, tự mình cũng vẽ bậy vẽ bạ lên mặt mình, như thằng hề, lại còn nghĩ không ai biết mình đã là hề nên mới dám lên mặt thuyết lý về tâm hồn, về đạo đức, cả về lý tưởng để có được những tác phẩm văn chương để đời! Nó buồn cười là ở chỗ ấy. Nhưng cái buồn cười ở chốn ba quân, nói gì thì nói, mình chỉ là một vai diễn cùng với nhiều vai diễn khác, dầu là buồn cười thì vẫn có nhiều tiếng vỗ tay, có cả tiếng la hét nên có cái say, cái xuất thần khoảnh khắc của vai diễn, nên mới nói được nhiều câu rất tâm huyết, rất chân thành, nếu ngồi vài người mà thốt lên những lời lẽ đó thì xấu hổ chết được. Đó là cái buồn cười không tự biết, vì tự mình cũng chưa lần nào dám nhìn thẳng vào cái nghịch lý ấy để thấy hết được tính hài hước của nó. Có lẽ vì hắn là người đã từng làm trò cười trong vai diễn hào hứng của mình, tự thấy mình là người rất quan trọng nên vui lắm, nói nhiều hơn, cười nhiều hơn, da thịt như nở ra vì sự mãn nguyện nên không chỉ đóng vai một lần, còn tiếp tục tình nguyện đóng vai những hai lần, lần sau còn ê chề hơn lần trước, tất nhiên lúc hết vai cũng hơi buồn, cũng hơi xấu hổ, mà nói cho cùng cũng chả có gì đáng xấu hổ, có phải chỉ có một mình hắn tự ra sân khấu, tự múa may mà bảo phải xấu hổ. Riêng lần này thì ngay từ lúc bắt đầu đã thấy nực cười rồi, vì cái trái nghịch, cái vô lý đã được bày ra một cách trơ trẽn, chả có một cái nhân danh đẹp đẽ nào che đậy cả. Chả lẽ nhân danh cái tình yêu vĩnh cửu, già rồi, sắp chết rồi vẫn không trốn khỏi những trói buộc của mình yêu. Ở người già hắn chỉ chấp nhận những mối tình ân nghĩa, sự hàn huyên, sự bù đắp những cơ hội bị trượt đi thời họ còn rất trẻ. Như mối tình bị trượt đi của bà chị hắn với ông anh rể muộn màng. Có cái gì rất lặng lẽ, rất ngậm ngùi làm nên cái ý vị riêng trong chút hạnh phúc vớt vát lúc cuối đời. Vợ hắn vừa mếu máo vừa nói: "Lúc nào tôi cũng yêu anh, lúc nào tôi cũng sợ mất anh!" Giọng nói đã thiếu não, cái nhìn càng thiếu não, là cái nhìn tuyệt vọng của một người đã gần mất cả chỗ bám víu cuối cùng. Nhưng sao lại có thể nghĩ được thế nhỉ? Tuổi ba mươi có thể lo sợ sẽ mất hết nếu bị chồng ruồng bỏ. Còn ở tuổi bảy mươi người chồng đã gần như vô nghĩa nếu như họ muốn ra đi. Vì ở tuổi già người đàn bà chỉ cần biết có con với cháu thôi. Mà cái thằng đàn ông là hắn cũng chỉ tha thiết có con với cháu. Nếu như con trai hắn lại nói: "Con rất yêu bố, con rất sợ bị mất bố", thì hắn phải xúc động cả nhiều ngày sau. Vì con cái với tuổi già là tất cả, nó bỏ mình tức là cả cuộc đời của mình đã rời bỏ mình. Ở nó mình đã nuôi trồng chăm bón bằng tất cả máu huyết của mình, tất cả hãnh diện và hy vọng một đời, chúng nó quay lưng lại thì mình chỉ còn là cái túi rỗng rách chứ còn gì nữa. Cũng như tình yêu với tuổi trẻ là tất cả. Tuổi trẻ có thể chết vì sự tan vỡ của một cuộc tình. Ấy là nói cái thời sự lãng mạn còn chi phối toàn xã hội. Còn ở thời này tất cả đã là sự tính toán rất tỉnh táo, thì mất một mối tình chàng trai hay cô gái chỉ buồn nhiều lắm khoảng một tháng, có bao nhiêu trò chơi rất công nghiệp sẽ bù đắp nhanh chóng khoảng trống ấy. Tiếng kêu rất não nuột của người vợ chỉ làm hắn kinh ngạc và thương hại. Nghĩ lại một chút còn hơi buồn cười. Cái buồn cười bao giờ cũng nảy sinh từ sự trái nghịch. Người đã già lại thốt ra những lời yêu đương của bọn trẻ là dễ

buồn cười vì nó không thuận tai. Người đã già lại cô có những biểu hiện của tuổi thanh niên, bước đi nhảy nhót, mắt mũi đong đưa, nói năng ỏn ẻn lại càng dễ gây cười vì nó vừa nghịch tai vừa nghịch mắt. Trong cái trò chơi ghen tuông lạc điệu nếu một người bật cười phẩy tay đứng lên thì trò chơi lập tức chấm dứt. Mọi màn hài kịch sẽ sớm chấm dứt nếu một người trong cuộc chợt nhận ra cái buồn cười của thân phận phẩy tay bước ra. Nhưng hắn đã không bật cười, không phẩy tay đứng lên mà lại tự trối mình bằng những lời thanh minh dài dòng, càng nói càng mất bình tĩnh, càng giống một người có tội thật đang cố gắng tự biện hộ. Và tấn hài kịch gia đình không những không thể chấm dứt ngay mà còn kéo dài tới hai năm sau, tới tận bây giờ.

Chương 2

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Người bảy mươi tuổi lại phải đối mặt với một nghịch cảnh, thoát nghĩ là chuyện buồn cười, chuyện trẻ con, muốn chấm dứt lúc nào cũng được, không dè cứ phải dần sâu vào mãi, mỗi ngày một trầm trọng thêm, mỗi ngày càng tự làm mình hao mòn đi, tự đánh mất mình đi, và có lúc đã nghĩ chỉ có cái chết mới tự giải thoát được. Một đời người lại được kết thúc bằng cách ấy thì buồn cười lắm, oan uổng lắm. Với hắn vẫn tự xem là người biết lui tới, luôn luôn tìm được lối thoát trong mọi thế kẹt thì cái tình huống hiện tại còn là một đòn trừng phạt rất cay nghiệt, rất đáng đời, một tiếng cười dài trong những trò chơi bất tận của thượng đế. Bởi vì hắn là một thằng đàn ông rất lãnh đạm, rất nhặt nhẻo trong địa hạt tình yêu những năm còn trẻ thì lại bị vu là có ngoại tình lúc đã về già; là người thích lý lẽ, lý lẽ trong văn chương, lý lẽ trong ứng xử thì lại va đầu vào sự câm lặng và điếc đặc trước mọi lý lẽ; là người thích sống bằng sự tinh táo thì lại bị bọc chặt bởi sự phi lý khiến hắn dần dần cũng trở nên ngu muội. Như người bị nhấc khỏi môi trường sống quen thuộc quăng vào một môi trường sống rất khác lạ, trong đó hắn bị tước đoạt mọi kinh nghiệm, mọi thói quen, mọi phán đoán, kể cả cái lợi khí vẫn giúp hắn vượt qua mọi trở ngại là ngôn ngữ cũng hoá ra bất lực. Tức là hắn đã rơi vào một hoàn cảnh mà tất cả đều đối nghịch với hắn, đều trở thành khắc tính, thậm chí một nửa của hắn cũng thù ghét với cái nửa còn lại. Cứ như đang bị đuổi bắt trong một giấc mơ mà kẻ đuổi bắt mình không rõ hình thù là người hay là vật, là người sơ hay kẻ thân, là đàn ông hay đàn bà, già hay trẻ. Chỉ là một cái khối luôn thay đổi hình dạng dòn dươi mình, và hắn do bản năng tự vệ cứ thế chạy, cũng chả hiểu sao lại phải chạy nhưng nếu không chạy thì hắn sẽ bị tan biến trong nó, thành chính nó, trở thành một phần tử của cái khối khủng khiếp ấy. Nhưng dẫu sao thì hắn vẫn cứ chạy được, dưới mặt đất cùng đường thì hắn vọt bay lên, bao giờ cũng bay cao hơn, bay xa hơn cái khối sát nhân một quãng. Trong nhiều giấc mơ dài ngắn từ trẻ đến già hắn hay bị vây bủa trong những tình huống bị mất danh dự đến tột cùng. Chẳng hạn như ăn nằm với một người đàn bà xa lạ và bị bắt quả tang. Hoặc lấy cắp tiền và cũng bị bắt quả tang. Trong đời một người đàn ông hắn chưa từng ân ái với một người đàn bà nào ngoài vợ hắn. Nhưng phản bội vợ trong tưởng tượng, trong thèm muốn thì luôn luôn có, gặp một người đàn bà đẹp lớn tuổi hơn hoặc nhỏ tuổi hơn là hắn lập tức nghĩ ngay tới những mối quan hệ bất chính dẫu biết chắc rằng sẽ không bao giờ có thể có. Những ẩn ức của đời thường đã tìm được lối thoát bằng những giấc mơ chẳng? Nhưng cả đời hắn chỉ phạm tội ăn cắp có một lần, lấy một cuốn truyện tại nhà thầy giáo năm còn học tiểu học. Còn khi đã trưởng thành hắn chưa từng lấy cắp công của ai, lấy cắp danh của ai, lấy cắp tiền của ai. Riêng trong nghề văn, nói cho thật, cũng có lấy cắp một cách nghĩ, một cách nhìn, một cách viết không chỉ của một vài vị tiền bối mà còn của mấy bạn văn mới bước vào nghề. Lấy cắp của người khác chưa từng là một ám ảnh trong hắn tại sao nó lại biến hoá vào những giấc mơ của hắn. Chắc là cái ám ảnh phạm tội thời còn thơ ấu. Những người gây nên nỗi ám ảnh dai dẳng này lại là bố hắn, mẹ già của hắn, các chị hắn và ông anh rể của hắn. Một đời người chưa lúc nào hắn quên được toà án gia đình ngồi quây quanh cái bàn ăn trong ngôi nhà cổ của phố Hàng Nâu, Nam Định, và cái giọng lên án lạnh lùng của ông bố: "Tại sao mày lại lấy tiền của các chị mày..." Và bà mẹ già nói nhẹ

nhót trong cái nhếch mép như hơi cười: "Con thiếu tiền sao không nói với mẹ? Hay là để con cần tiền?" Những lời nói lạnh buốt ấy khiến hắn, một thằng trẻ con mới lớn, vỡ ra thành những mảnh băng nhỏ, và cái nhúm băng nát vụn ấy ngay lập tức đã tan thành nước. Trong mấy chục giây hay lâu hơn hắn không rõ, hắn đã mất biến trên cõi thế gian này, đã chưa từng tồn tại, cho tới lúc bà gắt to với các cô con gái: "Có làm gì thì làm đi! Từ nay có tiền thì phải giữ!" Vì từ nay trong gia đình đã xuất hiện một thằng ăn cắp! Hắn bàng hoàng mất mấy ngày nhưng rồi hắn cũng vượt qua được, vì hắn đã nhận ra cái tội của hắn không phải tội ăn cắp mà là cái tội khó nói hơn, cái tội là con thêm con thừa, đưa con không mong đợi của một ông bố vì chót mê say thêm một người đàn bà mà có đứa con thêm này. Đó là lầm lỗi của người lớn, hắn chẳng có tội gì trong cái lỗi của họ. Nửa năm sau hắn lại bị vu là thằng ăn cắp ở nhà ông anh rể. Anh là ông chủ của một cụm cửa hàng bách hoá ở một đường phố lớn của Hải Phòng. Anh kéo hắn vào căn phòng làm việc của anh vào một buổi sáng, nói thẳng với hắn là hắn đã mở cửa dắt người quen vào lấy đi một cúp-pông len ở quầy bán len dạ. Cũng vẫn cái lý lẽ, ở nhà này trước đây chưa hề mất mát bất cứ cái gì, từ ngày hắn đến ở mới... Rồi anh giúi vào túi áo hắn một tờ bạc một trăm, tiền Đông Dương, bảo hắn về Hà Nội ở với mẹ chữa cho khỏi cái bệnh lở rồi anh chị sẽ gọi là ra Phòng. Trên chuyến tàu trở lại Hà Nội hắn chẳng buồn một tí nào, chẳng xấu hổ một tí nào, vì hắn tự biết cái tội của hắn không thuộc về hắn, chỉ là mưu mô của những người lớn tìm cách đuổi hắn đi để họ khỏi gai mắt, mà mẹ hắn cũng chẳng có cơ gì để trách oán họ cả. Nó hư thế thì anh chị nào dám giúp, chứ không phải không muốn giúp.

Nỗi kinh hoàng bị vỡ ra, bị tan ra thành những mảnh băng nhỏ trong những giây đầu của một người lương thiện bỗng dưng bị vu là phạm tội mãi mãi hắn sâu trong tiềm thức của hắn, mãi mãi hắn hãi sợ mọi yếu tố có thể cấu thành tội phạm. Hắn sợ đã vô tình đắc tội với Nhà nước, với Đảng, với tổ chức, với cả bạn bè. Nhưng với vợ con thì không, vợ con là của riêng hắn, sống cho hắn, vì hắn, và hắn cũng đã tự nguyện hy sinh một đời mình cho họ. Có đúng thật thế không? Hình như không hoàn toàn là thế. Vợ hắn đã nói trong một lần giận dữ (giận dữ vì hắn cứ khẳng khẳng nói rằng hắn không hề có ngoại tình, hắn chỉ biết có vợ với con, hắn phản đối mọi sự vu khống!): "Nếu anh ruồng bỏ tôi để sống với một người đàn bà khác lúc cuối đời thì tôi sẽ viết thư cho tổ chức Đảng yêu cầu khai trừ anh ra khỏi Đảng, tôi sẽ viết thư gửi các tờ báo lớn tố cáo cái bộ mặt đạo đức giả của anh cho bạn đọc cả nước biết anh là một thằng chồng phản bội, một ông bố khốn nạn, một người đáng khinh bỉ, không xứng đáng cầm bút". Thì ra vợ hắn vẫn còn một chỗ dựa khác vững chắc hơn nếu bà ấy muốn loại bỏ hắn, đó là tổ chức Đảng, là dư luận bạn đọc qua báo chí. Bà vẫn còn đủ sức mạnh để kết tội hắn, dẫu bà chẳng có chứng cứ gì để xác minh là hắn đã phạm tội. Vợ hắn nói: "Tôi cần gì phải có chứng cứ, tự tôi là một chứng cứ. Ai chẳng biết năm còn trẻ tôi rất khoẻ mạnh rất xinh đẹp, sau mấy chục năm hầu chồng hầu con tôi mới ra nông nổi này, không còn là người nữa, là một con vật xấu xí, bệnh tật, bần thủ như năm giẻ. Nên anh mới phụ tôi, mới chê tôi..." Hắn vẫn còn khoẻ mạnh, vẫn là một ông già đẹp lão ngồi cạnh một bà vợ còm cõi, hai tay run rẩy, tóc bạc quá nửa, mắt luôn nhìn xuống, quả thật bố con hắn hết sức có tội, chẳng cần chứng cứ gì thêm, chỉ thế thôi cũng đủ là người có tội, dẫu là một cái tội chưa bao giờ hắn có, tội ngoại tình. Nhưng cũng chẳng nên trách vợ hắn, vì muốn tự cứu bà phải tách khỏi hắn ra, để tự do lên án cái nửa kia vốn vẫn là của riêng bà. Còn hắn thì sao? Đã có nhiều trường hợp tự hắn cũng phải nói ngược lại niềm tin của mình, tự kết tội mình, dẫu hắn chẳng có tội gì cả để cứu lấy cái nghề mà hắn không thể rời bỏ. Nếu hắn không có tội vậy tổ chức nói sai ư? Dư luận xã hội nói sai ư? Có thể trước đó cái tội của hắn còn mơ hồ, đe nẹt phòng ngừa trước chứ chưa hắn đã là tội, nhưng vì hắn cố cãi rằng hắn không có tội, vậy cái tổ chức kết án hắn có tội hay sao? Chính là sự tự biện hộ, tự bào chữa một cách ngang bướng đã khiến cái tội mơ hồ thành một tội cụ thể, tội chống đối lại tổ chức! Nên hắn thường tự nhận tội trước khi tổ chức chính thức kết tội. Và lại chính hắn cũng tự thấy mình là có

tội, cái tội đã làm tổ chức phải phiền lòng, phải khó nói vì mình, chả lẽ như thế lại không phải là một tội sao?

Chương 3

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Tới đây hấn muốn được rẽ ngang câu chuyện đang kể để nói rõ thêm vì nguyên do nào một người viết văn vốn sợ đụng chạm tới "quyền vua phép nước", vốn thích sống "an phận thủ thường" lại hay tự gây những tai họa vật. Ấy là do hấn đã kiên quyết từ chối mọi trói buộc của nhiều quan niệm văn chương đã lỗi thời sau hai lần để lỡ trượt những cơ hội có thể viết được những tác phẩm hay. Một lần vào năm 1952, thời kháng chiến chống Pháp và một lần vào năm 1955, khi cuộc sống hoà bình ở miền Bắc vừa mới bắt đầu. Năm 1952, miền nam Nam Định được giải phóng sau hai năm bốn tháng sống trong máu me, tù đầy của một tỉnh công giáo tự trị dưới sự giám hộ của quân đội chiếm đóng Pháp. Hấn là người viết báo đầu tiên của quân khu có mặt ngay tại chỗ và ở liền đó cả tháng. Trong một tháng hấn đã đến rất nhiều xã, nghe cả ngàn câu chuyện, chuyện nào cũng lạ, cũng hay, có cả trăm tình huống không một nhà văn nào có thể bịa đặt nổi, và cũng có cả trăm nhân vật hấn được tiếp xúc không giống với bất cứ ai hấn đã từng gặp. Có thể viết cả ngàn trang sách về những choáng váng của hấn trước cuộc sống ngồn ngộn ngang những trái ngược, chỉ cần gọt giũa một chút là có hy vọng thành một pho sách để đời rồi. Nếu theo chân mà đóng giày không chừng còn sáng tạo được một loại tiểu thuyết mà cách kết cấu sẽ rất lạ rất mới. Rút cuộc thắng viết báo tôi chỉ viết được có mười mẩu chuyện ngắn, vài bài phóng sự, vật liệu bèn vững thì quăng đi thay vào là một thứ văn chương học trò và những tưởng tượng hết sức trẻ con. Trưởng ban Tuyên huấn, một người có bằng tú tài triết thời Pháp, bảo hấn: "Cậu kể chuyện về chuyến đi rất hay, rất lạ, có bao nhiêu là cái lạ mà viết thì dở quá. Tại sao thế?" Tạo sao ư? Tại vì hấn đã trót đọc quá nhiều tiểu thuyết, truyện ngắn của các nhà văn trước cách mạng, cái thứ văn chương ao tù, ngòi cạn của một thời làm dân thuộc địa với những hy vọng, lo lắng vật vãnh, tụn mồn của cuộc sống tẻ nhạt, không thay đổi thường ngày. Tìm ra cái đẹp để sống, để hy vọng trong cái nhạt nhẽo thường ngày là công lao không thể chối bỏ của các vị ấy, nhưng không thể dùng cái hành lang quá nghèo nàn ấy để bước vào một xã hội bắt đầu có sóng to gió lớn làm đảo lộn tất cả, cuộc sống đầy dẫy những bất ngờ, những trái ngược, khung cảnh thay đổi, lòng người thay đổi, những tiêu chí làm người của một thời giông bão cũng hoàn toàn thay đổi. Lấy cái ngắn hẹp để mặc vào cái rộng lớn làm sao vừa! Không vừa thì gọt bớt cái rộng lớn để có thể nhét gọn vào cái ngắn hẹp, vì cái ngắn hẹp là di sản văn chương duy nhất thế hệ bọn hấn được thừa hưởng! Năm 1955, hấn về thôn Long Động, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương để viết về nữ anh hùng liệt sĩ Mạc Thị Bưởi. Mọi dấu vết của một làng tẻ thời kháng chiến hầu như còn nguyên vẹn. Còn nguyên vẹn cả cái yêu cái ghét, các mối quan hệ, các nhân vật chính và phụ, cả lời ăn tiếng nói lưỡng lự, nước đôi của một thời đêm ta ngày địch cũng chưa kịp thay đổi. Đi dọc các ngõ xóm gần như hấn còn ngửi thấy cả mùi tanh của máu người đã khô và mùi khét của các đám cháy vừa tàn. Được gặp một nhà báo ai cũng thích kể lại chuyện, chuyện còn tươi rói như chỉ vừa mới xảy ra, một kho tư liệu còn tươi nguyên, còn sống nguyên, còn cả cái ấm cái nóng của hơi thở mà chỉ viết được một truyện ký Người con gái quang vinh, văn của mình mà không dám đọc lại, nhìn lại cũng không dám, toàn là những chữ nghĩa mòn mỏi của một cậu học trò dốt văn! Lại tại sao thế? Là do hấn muốn biến một cô gái Việt có tên là Mạc Thị Bưởi thành một bản sao của người

con gái Nga Zoia. Mỗi dân tộc đều có cái tôn nghiêm, cái hùng vĩ của mình, có cách chiến đấu riêng và cả cách chọn lấy cái chết rất riêng. Cái rất riêng ấy mới làm nên tư tưởng, nên văn chương của một dân tộc. Cái bất chước, cái nhái lại, cái tình nguyện làm bản sao tồi trước sau cũng sẽ bị sức sống tiềm ẩn của dân tộc loại bỏ.

Tới năm 1957, sau gần chục năm viết nháp viết thật đều thất bại, hấn quyết định tìm cho mình một cách viết khác, tức là gạt loại mọi ý tưởng có sẵn sang một bên, quên nó đi, thâm nhập vào cái bề bộn, ngổn ngang của người và việc đang diễn ra tại một xã công giáo, cũng không có tình ý riêng, thiện cảm riêng với một loại người nào, ghi lại thật trung thành những gì mắt nhìn thấy, tai nghe thấy, cảm nhận một cách hồn nhiên những cái sai đúng, trái phải, cứ theo sự phát triển tự nhiên của mấy nhân vật chính mà viết, họ có thể phong phú hơn mà cũng có thể nghèo nàn đi, có thể họ gợi thêm nhiều suy nghĩ mới, mà cũng có thể họ đã hoà tan trong đám đông chả để lại dấu tích gì. Nhà văn chỉ là người quan sát và ghi chép chứ không còn là người giật dây những con rối của mình sau tấm màn che. Viết chương đầu hấn vẫn chưa biết sự phát triển ở những chương giữa và nhất là ở những chương cuối, ai còn ai mất, cũng không thể và cũng không muốn đoán trước, chính tác giả cũng hồi hộp theo dõi mọi hành vi của các nhân vật thân thiết của mình, như bạn đọc, tất nhiên có lo lắng hơn bạn đọc. Vì là một cách viết thử còn nửa tin nửa ngờ nên khi đưa in trên tạp chí Văn nghệ quân đội số tháng 3 năm 1957, hấn chỉ gọi là ghi chép và chương đầu gọi là tập I. Mãi tới năm 1959 khi in thành sách hấn mới dám đề ngoài là tiểu thuyết. Tất nhiên nhiều bậc đàn anh trong nghề đã giễu hấn gọi làm thể loại, tiểu thuyết gì mà kỳ cục thế, không có cốt truyện rõ ràng, tuyến nhân vật chính cũng không rõ ràng, chỉ thấy một đám người ồn ào, nhón nháo. Viết về đám người ồn ào quả tình là chủ đích của hấn khi đặt bút viết, rồi từ trong đám người hỗn độn ấy mà những gương mặt quan trọng sẽ dần dần tách ra để có những số phận riêng, nhưng là cả bạn đọc và tác giả sẽ dần dần nhận ra họ chứ không phải đã biết chắc ngay từ những trang đầu. Tiểu thuyết Xung đột được bạn đọc hoan nghênh vì tính chân thật của nó nhưng trong dư luận chính thức chỉ được công nhận là thành công có quyền I, viết về cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai hệ tư tưởng đối nghịch nhau. Còn quyền II viết về cuộc chiến rất đáng buồn giữa những người anh hùng của một thời thì bị chê là viết sai sự thật, bôi nhọ cán bộ, có cách nhìn không đúng đắn về hiện thực của một vùng nông thôn Thiên Chúa giáo. Trong các bài báo khi điểm lại những cuốn sách viết tốt trong mấy năm đều có nhắc tới Xung đột nhưng thêm cái đóng ngoặc (cuốn 1). Và một bài nói chuyện miệng tỏ ý không tán thành Xung đột (cuốn 2) của bí thư tỉnh uỷ Nam Định những năm ấy. Ngoài ra không có sự phê phán công khai nào, răn đe thêm nào.

Những năm ấy, lứa tuổi bọn hấn mới chỉ trong ngoài ba mươi, là những đảng viên cầm bút rất có tính kỷ luật. Là đảng viên thì phải chấp hành nghị quyết của Đảng nhưng còn là nhà văn lại không thể bỏ qua những đòi hỏi của nghề. Ngay từ những năm ấy hấn đã nhận ra cách tiếp nhận sự thật của người cầm quyền và người cầm bút có những điểm khác nhau. Người cầm quyền xem xét thực tế là để khẳng định một chủ trương một cách làm. Còn người viết văn thì chỉ quan tâm tới những diễn biến muôn hình vạn trạng của một chủ trương, một cách làm khi đã trở thành hành động và lo nghĩ thường ngày của quần chúng. Ví như trường hợp bí thư tỉnh uỷ Vĩnh Phú bị kỷ luật, bị cách chức vì muốn có một cách quản lý ruộng đất và lao động nông nghiệp hợp lý hơn, vẫn là làm ăn tập thể nhưng sáng kiến, kinh nghiệm và cả sự hăng say làm việc của người nông dân không bị trói buộc mà còn có cơ hội phát huy đến triệt để. Một chủ trương rất hợp lòng dân, được dân ủng hộ mà một Đảng vì dân lại bảo người lãnh đạo có cái chủ trương đó, có đủ tài thuyết phục một đảng bộ tin theo cái chủ trương đó, lại có đủ bản lĩnh để thực hiện thắng lợi cái chủ trương đó ở địa phương mình, một người có tài có tâm như thế lại bảo là người không trung thành với lý tưởng, là người đáng phải cách chức, phải loại bỏ là nghĩa

Chương 4

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Những người cầm bút dễ dàng nhận lỗi, dễ dàng nhận sự phê bình của cấp trên vì việc làm của họ là việc công khai, vua biết mà người dân thường cũng biết. Vua có ý kiến của vua, dân cũng có ý kiến của dân, vua chê nhưng dân khen thì sao? Dân nhiều khi cũng hùa theo tư tưởng chính thống mà chê, vua chê còn có chừng mực vì nghĩ tới sự tôn nghiêm của mình, còn dân đã chê thì chê hết mức, chê tàn tệ, trong lời chê như có cả sát khí của gươm đao. Dầu họ bị oan lại không có cả cái quyền kêu oan nhưng họ vẫn không quá lo lắng, lòng ngay dạ thẳng việc gì phải lo lắng. Hơn nữa họ còn có thời gian kia mà. Chữ nghĩa vẫn còn đây, vài chục năm sau nó vẫn còn nguyên đây, thời gian sẽ là người xét xử công bằng nhất, vô tư nhất cái công cái tội của một thời. Chưa hết! Với riêng hấn còn một lý do hết sức quan trọng khác khiến hấn mau mắn nhận lỗi, vui vẻ mà nhận lỗi, nhận lỗi rồi mặt mũi vẫn hơn hớn, chả có tí buồn rầu nào. Là vì cách mạng, nói cho rõ hơn là Đảng Cộng sản, vốn có ơn sâu nghĩa nặng với riêng hấn. Từ một thằng bé chữ nghĩa một vốc tay, trí khôn dưới mức trung bình, lại có tính nhút nhát bẩm sinh, bị khinh rẻ, bị làm nhục từ trong gia đình, cái ngữ ấy thì làm gì cho nên nếu thời thế không thay đổi. Năm còn ở với mẹ, bố hấn còn nói: "Cái thằng này đầu óc nó làm sao ấy nhỉ?" Mẹ hấn nói buồn rầu: "Nó ngây ngô như thế sợ sau này nuôi thân cũng không nổi nói gì nuôi mẹ". Họ nói trước mặt hấn chứ không phải nói vắng mặt. Hấn còn nhớ như in câu chuyện thoáng qua giữa bố mẹ năm hấn mười hai tuổi, mới từ Hải Phòng lên Hà Nội và thuê một căn gác nhỏ của ngôi nhà 4 bis phố Résident Miribel (Trần Nhân Tông bây giờ). Ba mươi ba năm sau, hấn gặp lại bố và mẹ già tại Sài Gòn vừa được giải phóng khoảng một tuần, bố hấn nghe hấn nói chuyện, nhìn ngắm hấn cả giờ rồi bất thần bảo: "Anh khác thật đấy, khác hoàn toàn, không còn một nét gì giống ngày xưa!" Vài ngày sau có một cuộc gặp mặt một số người trong họ với hấn để nghe hấn nói một số chính sách của các nhà cầm quyền mới. Trong đó có một ông anh con cô con cậu (nhân vật Chương trong Gặp gỡ cuối năm), là bộ trưởng Bộ Quốc phòng của chính quyền Dương Văn Minh, một ông thứ trưởng cũng Bộ Quốc phòng, vốn là đại tá của đội quân vừa bại trận, một ông nguyên là đại sứ của chính quyền cũ, bạn lâu năm của gia đình, một ông anh nguyên là giáo sư trường Quốc gia Hành chánh, có cả bố hấn và vài người khác nữa. Gặp nhau để nhận họ chỉ là cái cớ để nói, còn thật bụng họ muốn được xem mặt và tiếp xúc thử với một thằng nhà báo được đào tạo từ một thể chế độc quyền về chính trị và tư tưởng, xem nó nói năng ra sao, lý lẽ ra sao về việc nước, về việc đời để còn liệu cách ứng xử với các đồng đội, đồng chí của nó. Hấn biết ngay cái ý tứ đó từ cái nắm tay lỏng lẻo và cái cười xã giao và hấn cũng sẵn sàng đối trận. Hấn tin là hấn nhập cuộc được, nhập cuộc cũng rất ngọt ngào. Trò chuyện với các giáo sĩ của các niềm tin hấn còn chả ngại hướng hồ với mấy ông làm chính trị vốn chả có một niềm tin đích thực nào. Hấn ngồi nghe các vị ấy ca ngợi quân giải phóng cả giờ, nào là nhân từ, nào là độ lượng, là một đội quân có kỷ luật đến kinh ngạc v.v... Hấn chỉ nói các vị khen chúng tôi vừa vừa thôi để sau này khỏi phải chê chúng tôi quá nhiều. Rồi thì trong những tiếp xúc cụ thể người thua vẫn còn nhiều cái để sợ nên dễ hèn, người thắng vì chóng thoả mãn nên dễ kiêu, cái kiêu gặp cái hèn sẽ khó cùng tìm ra một cách làm việc cho nghiêm minh, cho công bằng. Nhiều chuyện không vui sẽ từ đó mà sinh ra. Lúc chia

tay ông anh họ nói với hắn: "Nghe các cụ bên ấy bảo thuở nhỏ cậu học hành dang dở, sau này cậu có được ra nước ngoài học thêm không?" Hắn trả lời: "Tôi vẫn học, học trong nước thôi nhưng là học theo cách của tôi". Trong suốt mấy chục năm là nhân viên của các cơ quan tuyên huấn hắn đã được sống với rất nhiều người tài giỏi, và họ đã dạy hắn học, học lại văn hoá, học lại tiếng Pháp, học cả cách đọc và cách viết. Sau này hắn cũng hay bị các ông làm tuyên huấn làm tư tưởng bẻ hành bẻ tỏi truyện này truyện kia của hắn nhưng hắn không hề cãi, cũng chẳng giận, họ vốn là thầy hắn cả. Nhưng trò thì mỗi năm đi một xa, còn các thầy vẫn đứng nguyên một chỗ, người đã được nhìn xa làm sao thuyết phục được người chỉ quen nhìn gần, nên chỉ còn biết cười và nói: "Tôi sẽ chú ý khi viết những truyện sau". Cũng có ông anh mỉm cười tinh quái bảo hắn: "Tao biết mày không thèm tranh cãi với tao nhưng cái việc phải nói thì tao đã nói rồi. Còn là tùy mày...". Nếu ông anh cho hắn được tự do lựa chọn thì hắn xin biết ơn lắm lắm. Lại nói tới tự do trong cái nghề rất cần tự do của bọn hắn. Xưa nay khi ngồi trước trang giấy hắn chưa hề băn khoăn về sự tự do trong lựa chọn đề tài và ý tưởng. Vùng cấm có ít lắm, và lại mon men quanh vùng cấm cũng có cái thú của nó. Bỏ nó sang một bên thì vẫn còn vô vàn đề tài để mình khai thác, còn vô số vùng đất để mình tự do tung hoành, cái cần nói vẫn cứ nói được, thiếu gì cách nói, càng nhiều trói buộc câu văn càng lắm ý tứ, càng lung linh, càng hay. Hắn tìm được cho riêng mình một vùng trời tự do là do hắn luôn tỉnh táo, biết tự kiểm chế trong cái chừng mực cả cách nghĩ lẫn cách sống, câu chữ dùng cũng chặt chẽ, dẫn dắt theo kiểu văn tuyên huấn (là nghề ruột của hắn mà) nên mới dành được cho mình sự yên tĩnh cần thiết để làm nghề. Nhưng ngầm cho kỹ thì được cái hôm nay lại mất cái mai sau. Là một nghệ sĩ đích thực còn phải biết mê muội trong niềm tin của mình, biết đi tới cùng cái yêu và cái ghét, là thứ văn chương rất khó chịu, đôi khi còn rất khó hiểu với người đương thời, và cả một cách sống cũng khó chấp nhận với những người xung quanh. Ngồi nói chuyện với các bậc đàn anh Hữu Loan, Hoàng Cầm, tuy hắn rất ngưỡng mộ tài thơ của các anh ấy nhưng vẫn hơi khó chịu khi tiếp xúc. Ở hắn có cái sạch sẽ, cái chừng mực của một viên chức. Ở các anh ấy có mùi khét nồng, có cả mùi chua gắt của những đời người có lắm nỗi gian truân. Hình như từ nhiều chục năm nay các anh chỉ còn sống trong những mộng tưởng của một tác phẩm mãi mãi chưa hoàn thành, quên hẳn cái đời thời với những luật lệ, những quy tắc cần phải có. Đúng là quên thật nên người của luật lệ, của quy tắc mới ngỡ ngàng trước những người chỉ còn nhớ những gì mình tưởng tượng mãi mãi còn nguyên vẹn. Họ sống bằng tiềm thức, bằng bản năng nên chữ nghĩa của họ cũng trong suốt, thơ ngây, có sức quyến rũ của cái thế giới mình đã đánh mất. Hắn ngưỡng mộ họ nhưng hắn không thích kết bạn với họ mà họ cũng không thích đánh bạn với hắn, rượu không biết uống, đàn bà không biết yêu, chuyện tục không biết kể, chỉ thích nói chuyện chính trị là cái họ chúa ghét, thế mà là người cầm bút viết văn! Ngay như cụ Nguyễn Tuân là ông thầy trong tâm tưởng của hắn, hắn cũng chỉ đứng xa nhìn ngắm cụ, ngưỡng mộ tài văn của cụ, chứ cũng không muốn làm thư đồng hầu cụ trong một chuyến đi dài. Ở các nhân vật đỉnh cao người thường rất khó nhận ra diện mạo thật của họ, cứ như họ đang sắm vai của một cái "tôi khác", đang làm các giai thoại vặt cho mọi lời nói và hành vi của mình để lưu lại cho hậu thế. Ngay với những người có cùng một dòng máu công chức với hắn, hắn cũng không khoái được gần gũi họ. Những cử chỉ, những lời nói dẫn dắt, mực thước ở họ khiến hắn chỉ muốn bật cười, chẳng lẽ hắn lại là người như thế, là nghệ sĩ mà có thể sống nhạt nhẽo đến thế. Nhất là các vị ấy không bao giờ quên họ là đàn anh của hắn trong văn chương, là cấp trên của hắn trong các cấp chức họ đã từng làm hoặc đang làm nếu như hắn trong một khoảnh khắc nào đó muốn làm kẻ ngang hàng. Vậy hắn thuộc loại người nào, là một viên chức đang muốn biến hoá thành một nghệ sĩ tự do, nhưng lác lư mãi cũng chỉ biến được từng bộ phận, cái đuôi viên chức thỉnh thoảng lại lấp ló ra nếu như bạn bè luận bàn về chính trị tự do quá, luận bàn về đàn bà lỗ mãng quá, cười hét to quá, nói năng tục tĩu quá...

Tức là hắn rất biết hắn, cả cái hay lẫn cái dở, cái gì có thể với tới và những gì mãi mãi chỉ nên đứng

xa mà nhìn để giữ được cái thanh thản trong lòng lúc cuối đời. Vậy mà lúc cuối đời hấn lại là một lão già khôn khổ khôn nạn nhất, bao nhiêu vũ khí phút chốc bị tước sạch, chỉ còn lại con người trần trụi, mất mọi niềm vui, mất mọi hy vọng, tự than vãn từ sáng đến tối cho cái số phận không may của mình. Cứ như là chuyện bịa! Nhưng cái tài của hấn làm sao mà bịa được một cảnh ngộ dở khác dở cười lạ lùng đến thế, lại nhận ra một cách cay đắng cái trở trêu, cái nghịch cảnh của một kiếp nhân sinh. Đã nghĩ sẽ được nhắm nháp một hoàng hôn yên tĩnh bằng sự chuẩn bị khôn ngoan từ nhiều năm của mình, nào ngờ...

Chương 5

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Những năm kháng chiến chống Pháp đối với hấn là quãng thời gian rất đẹp và rất vui, tám năm trôi qua chỉ trong một chớp mắt. Đang sống như thằng đầy tớ, bụng bát cơm ăn cũng không dám và miếng to, không dám nhai mạnh, bụng cái bát không xuống nhìn nồi cơm còn đầy, thức ăn trên bàn trên mâm mới vui già nửa là tiếc lắm, bỗng chốc thành người tự do, thành một chiến sĩ nhỏ tuổi, ăn tha hồ, cười nói thoải thích, chả ai ghét cả, chả ai lườm nguýt cả, lại còn được khen là ngoan, chấp hành kỷ luật tốt, chỉ như thế cũng đã được vui từ sáng tới tối rồi. Sau này đọc văn Nam Cao, hấn cứ nhớ mãi một truyện ngắn viết về một bà lão đi thăm cháu gái đang bế con cho một bà nhà giàu ở xã khác, nhớ cháu có một phần, cái chính là sẽ được ăn một bữa cơm no nên phải đến đúng lúc người ta dọn cơm. Cái cách bà lão nhìn mâm cơm dọn ra, cách cầm đũa, cách và, nhìn người khác ăn rồi lại nhìn vào nồi cơm đang vui dần, nó thật quá, nhục nhả cho một kiếp người quá, nhục nhả là cái miếng ăn, các cụ xưa đã nói thế. Cứ y như hấn tự viết về hấn. Khi hấn đã già viết truyện Mẹ và các con, cái cảnh bà mẹ ngồi ăn nắm cháy trước mặt khách của con trai, viết như xuất thần, như viết về chính mình cái thời còn nhỏ. Cũng như khi hấn viết về ông lão thư ký của trạm máy kéo trong Hai ông già ở Đồng Tháp Mười, trong một bữa ăn mà hấn là khách, mắt hấn cứ mờ dần đi vì nước mắt tự cái năm nào còn lưu lại và đang chảy ứa ra. Miếng ăn là miếng nhục nhưng cũng là nỗi mong đợi một ngày của người luôn luôn đói, đang phải sống nhờ, ăn nhờ, bụng bát cơm mỗi ngày ở nhà người khác. Mà ông lão vốn là một giáo sư dạy văn chương Pháp của một trường trung học, là cựu sinh viên trường đại học danh tiếng Sorbonne. Trí thức và dân nghèo, già cũng như trẻ đã phải bụng bát cơm ăn nhờ trong ngôi nhà mình sống nhờ đều có một gương mặt giống hệt nhau: nhẫn nhục, sợ hãi và thèm thuồng. Chính là cái nhìn thèm thuồng muốn vồ lấy, muốn nuốt lấy mà mặt người biến dạng. Năm 1987, nhân lễ kỷ niệm 70 năm ngày sinh của nhà văn Nam Cao tổ chức ở thành phố Nam Định, hấn có hỏi đùa chị Nam Cao: "Chị nuôi anh thế nào mà để anh đói thế?" Chị ấy cười: "Ông ấy mà đói thì còn ai no, nhà tôi đâu phải là nhà thiếu ăn!" Người không đói mà viết về cái đói hay đến thế thì sự cảm thông của nhà văn quả là hoàn toàn.

Năm 1947, trung đội Tự vệ chiến đấu của hấn đóng quân ở làng An Tảo bám dọc con đường 39 nối với đường 5, một buổi chiều, hấn từ ngoài mặt đường chạy như thằng rồ về xóm, chả có chuyện quan trọng gì để phải chạy cả, tự nhiên thấy vui thì chạy, vừa chạy vừa nhảy. Trung đội trưởng đang ngồi ở sân đứng bật dậy, hỏi: "Có Tây à?" Hấn nhìn mọi người ngơ ngác, nói: "Không, không có gì cả!" - "Sao lại chạy như ma đuổi thế!" - "Dạ, dạ...". Bữa ấy hấn bị đồng đội xúm lại mắng một trận nên thân. Chả lẽ hấn lại nói thật, vì bỗng dưng thấy vui quá nên em chạy! Hấn có một tuổi thơ nhạt và buồn, sau này đi kháng chiến được nhìn thấy núi cao sông rộng, được đi nhiều nơi, tiếp xúc với nhiều người, đôi lúc ngoái nhìn lại về cái thời chỉ vừa mới trôi qua mà đã xa xôi thăm thẳm, chả có một khoảng sáng nào để mình phải nhớ, phải tiếc, chỉ có mỗi màu xám nhờ lặng lẽ, bất động như một ngôi nhà hoang lâu ngày không có người ở. Năm Tổng khởi nghĩa là năm Hà Nội vui nhất, nhìn vào đâu cũng thấy cờ và hoa và rất nhiều báo, báo hàng ngày và hàng tuần. Cả thành phố như chột thức giấc, ồ ạt lao vào những

công việc mới mẻ trong một niềm vui menh mang. Ấy là hấn vẫn chưa được nhập cuộc, vẫn là kẻ đứng ngoài vì tuổi còn quá nhỏ, một lũ trẻ con lộc ngộc đã bỏ học từ ngày Nhật đảo chính Pháp, kéo nhau đi chơi từ sáng đến đêm, nói với nhau bao nhiêu là chuyện trên trời dưới đất, rồi mơ mộng, rồi hy vọng. Cuối năm 1949, hấn được tỉnh đội Hưng Yên cử về Mặt trận 5 để làm số báo đặc biệt cho Hội nghị Rèn Cán Chính Quân của năm tỉnh tả ngạn sông Hồng, cũng là những ngày hết sức vui. Đang là một anh viết báo litô của bộ đội địa phương được bước vào quân doanh của bộ đội chủ lực cũng để làm báo niềm vui lớn ấy khiến hấn muốn nghẹt thở. Xung quanh hấn ngòm ngợp những bộ quân phục bằng vải kaki màu vàng sáng, mũ ca lô với những ngôi sao vàng, rồi súng ngắn, túi bản đồ, giày ghệt, sang trọng, hào nhoáng rất giống với cái thứ văn thơ huênh hoang, hò hét của một thời. Đội quân công tử ấy cũng phải mất nhiều xương máu mới thành đội quân thiện chiến của Việt Nam. Còn cái thứ văn của hấn mà cụ Tuân đã chê một cách tế nhị là pittoresque [*] quá thì hấn phải hì hụi tẩy rửa gần mười năm mới thành câu văn của chính mình. Nghĩ lại những năm đầu của kháng chiến hấn chẳng tiếc cái gì chỉ tiếc đã mất đi mãi mãi cái niềm vui ngây ngô, hồn nhiên của đứa trẻ lần đầu được sống thoải mái trong tự do.

Cũng vào dịp các phóng viên của 5 tỉnh lần đầu về phục vụ cho tờ báo của mặt trận, người phụ trách báo liền tổ chức một bữa ăn gặp mặt tại một quán cơm ở thị trấn Quỳnh Côi. Thị trấn kháng chiến, một bữa ăn kháng chiến mà có khăn trải bàn, dao nĩa, cốc tách sáng choang. Sau bữa ăn có cà phê đá với thuốc lá thơm Cotab. Suốt mười lăm năm ở Hà Nội hấn chưa được mẹ dặt vào một hiệu ăn nào cả, chỉ biết mùi vị các món xào nấu ở các bữa giỗ và mấy ngày Tết, còn chỉ là những bữa cơm xoàng xĩnh ngày thường. Nhưng vẫn được ăn no, ngay như năm đói anh em hấn vẫn được ăn đầy đủ, nhưng cơm xối thì phải qui định, có bữa ăn hai bát, có bữa ăn một bát đầy, vì là ăn theo gạo số, mỗi bữa vẫn phải dành ra mấy lễ gạo phòng khi Hà Nội không còn gạo. Không còn gạo thì ăn cỏ, một tờ báo đã bày cách chế biến cỏ cho người ăn. Nhưng cỏ thì mua ở đâu, nếu ăn cỏ cũng sống được thì làm sao lại có cả ngàn người, cả vạn người ở các vùng quê là nơi có rất lắm cỏ, lũ lượt kéo về Hà Nội để nằm chết ở các vỉa hè, các gốc cây, các góc phố, các gầm cầu. Hấn sẽ còn nhớ mãi vài hình ảnh ghê rợn của cái năm đói. Vào khoảng cuối tháng 4 của năm 1945, hấn và mấy thằng bạn rủ nhau đi học lớp vỡ lòng tiếng Nhật vì người Nhật đã thay Pháp cai trị xứ này. Lớp học buổi chiều mở ở một trường tiểu học của phố Hàng Cót. Trong vuông sân của trường đã có mấy trăm người ngồi từng nhóm như để đợi phát chẩn hay đợi đưa đi đâu đó. Có một anh thanh niên khoảng ngoài đôi mươi, mặt mũi đẹp đẽ, da thịt còn tươi, như người ở tỉnh chứ không phải ở quê, trên người anh ta không có một mảnh vải nào, trần truồng với nạm lông đen nhánh ở bụng. Anh ta cứ đi nhòng nhòng từ góc sân này tới góc sân khác như đang tìm một ai đó, trần truồng mà đi chẳng xấu hổ một tí nào, và ngay cả đám người ngồi đen đặc ở sân cũng không một ai buồn ngược nhìn anh ta, cũng không ai cất lời hoặc than hoặc mắng một câu. Thì ra cái đói đã thay đổi con người thành con vật rồi, những con vật đã quên mọi thói quen trong các mối quan hệ cái thú còn là con người. Dầu thế nào người mẹ cũng không bao giờ quên được thương con, quên sự hy sinh tất cả cho con. Đầu năm đói, gia đình hấn dọn từ phố Miribel về phố Duvigneau (phố Bùi Thị Xuân bây giờ), bên hông nhà thương chữa mắt. Một buổi chiều có một bà mẹ khoảng ngoài ba chục tuổi tay cấp chiếu, tay cấp con đến trải chiếu ngồi ngay ở trước cửa nhà. Một lúc sau hấn bước ra đã thấy bà ta đang mớm cháo hay cơm hấn không rõ, cũng chỉ có một chút ở mảnh gạo dứa, chỉ thấy đứa bé ngo ngoáy rồi trớ ra tất cả. Bà mẹ rên lên: "Không cố ăn một chút thì chết mất, con ơi!" Khoảng nửa đêm hấn chợt tỉnh giấc vì chợt nghe có tiếng khóc hờn con của người mẹ, tiếng khóc khàn khàn, yếu ớt, thê lương đến đứt ruột. Khoảng gần sáng thì tiếng khóc im bật, chắc người mẹ cũng đã ngủ. Sáng rõ mặt người từ lâu hấn mới bước ra đường đã thấy mấy người phu nhật xác đang cuộn chiếu bó chặt xác cả mẹ lẫn con vút lên xe bò. Hơn nửa năm trời đi lại trên đường phố Hà Nội người đâu cũng phảng phất cái mùi hôi khắm của các xác chết đã khô lại đen lại ở mọi góc ngách còn chưa lượm kịp

đem chôn. Cứ đi một quãng lại va phải một xe bò chở xác người, các bó chiếu cuộn người xếp chồng lên nhau, mặt thì kín nhưng chân thì hở, những cẳng chân đen khô với những bàn chân có những ngón toè ra, nhìn xa như từng chùm rễ cây của các cây-xác-người. Từ trong đám xác chết đói bước ra, từ cái thân phận bị khinh rẻ bị làm nhục bước ra, nên những gian nan thiếu thốn của kháng chiến hẳn chẳng coi vào đâu, lúc nào cũng vui, bị anh em trong cơ quan bỏ lại tại cái lán trống giữa rừng, dứt cơn sốt ngồi chồm dậy ngỡ ngác một lúc lâu mới tỉnh lại dần, thấy bụi mọt đã phủ đầy người, phủ đầy những tấm giát nứa đã bỏ trống, tức là nằm chết ở đây đã lâu lắm, không chừng phải một hai ngày rồi vì hẳn rất đói, đói còn cào, lại dốc gạo trong bao ra, bắc nồi lên, nhìn ngọn lửa bốc cao lại thấy vui, một niềm vui bất tận, vui không duyên cớ gì, cũng không hy vọng vào bất cứ cái gì, được sống, được cất bước cùng với bạn bè là vui, kháng chiến bao năm cũng được, kháng chiến đến bạc đầu vẫn được, có bao giờ phải sống một mình đâu mà buồn, có bao giờ bị làm nhục bị bỏ đói đâu mà buồn.

Chương 6

Trong hai năm 1954 và 1955, không có ngày nào, tháng nào rơi vào quên lãng vì mỗi ngày đều có cái hội họp, cái căng thẳng riêng và những niềm vui rất bất ngờ, không dám hy vọng cứ theo chân nhau ulla đến. Một năm các cơ quan chính trị, tham mưu của quân khu cứ hoạt động đều đặn theo các mùa, hạ thu thì nhộn nháo xúm quanh các hội nghị quân chính lớn nhỏ, các lớp tập huấn. Còn đông xuân là mùa tác chiến, cán bộ các ban phòng lại thay nhau đi xuống các đơn vị theo dõi các hoạt động phối hợp với các chiến trường chính. Tháng mưa tháng nắng, mùa nóng mùa lạnh, thời gian cứ nhịp nhàng trôi đi dưới những tán cây, trong các dãy lán, sáng có chuyện sáng, tối có chuyện tối, ngày ngày giống nhau, thì thoảng lại rộ lên một chuyện vui, vợ anh này, mẹ anh kia từ trong vùng "tê", cả từ trong Hà Nội và Nam Định vừa ra hiện đang có mặt ở nhà khách. Có anh ở Ban Tuyên huấn vừa nhận được tin vợ ra mang theo cả thằng con lớn liền kêu lên thăm thiết: "Người đâu mà liêu thế, đường xá xa xôi nguy hiểm lại còn đem theo cả trẻ con đi!" Ăn ở với nhau được mười ngày vợ con lại trở về Thành, một nửa năm vắng mặt mọi tin tức, nhìn ông anh mà thương hại, cứ như người đã nhận án tử hình chỉ còn chờ ngày thi hành án. Đầu tháng 7 năm 1954, thành phố Nam Định được giải phóng, anh đeo ba lô lao về hướng đó ngay, làng của anh thuộc vùng ngoại vi của thành phố.

Tháng 3 năm 1954, phòng Chính trị phân công hấn thêm một việc mới, sáng sáng sang phòng Tham mưu tới chỗ cơ yếu nhận tin mới nhất từ mặt trận Điện Biên về thuật lại cho anh em ở cơ quan, sau đó viết bản tin rồi đưa xuống nhà in, sáng hôm sau gửi nhanh xuống các đơn vị. Ngày 7 tháng 5, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng, cả cơ quan làm bữa ăn tươi vào ngày hôm sau để ăn mừng. Ngày 21 tháng 7 Hiệp định đình chiến ở Việt Nam, Miên, Lào được ký kết. Lần đầu tiên hấn đi đại tiện trên một mòm đồi còn sót lại những gốc chè, lắng nghe tiếng máy bay Dakota từ xa, rồi nó bay ngang qua đầu, trong lòng vẫn yên tĩnh lạ thường, khoan khoái lạ thường, vì chiến tranh đã thuộc về ngày hôm qua. Cuối tháng 11 hấn vào Hà Nội bằng xe taxi tư nhân từ thị xã Phủ Lý để tìm mẹ và em. Mẹ hấn già hấn, đang quẩy hai cái xảo to bày trầu cau và những khúc vò đi tới thì gặp hấn. Cứ nghĩ hai mẹ con đều phải oà khóc sau năm năm xa nhau trong chiến tranh mà rồi cả ai khóc cả, chân hấn tự nhiên nhũn ra và mẹ hấn cũng chỉ nói: "Anh đã về đây à?", rồi bà cúi mặt xuống đứng nguyên tại chỗ một lúc mới lại bước tiếp. Hấn cũng gặp lại em trai, nó đã cao bằng hấn, người gầy mỏng như cây sậy, mặc quần áo nâu, chít khăn chữ bát làm sư bác ở chùa Hoè Nhai. Tháng 8 năm 1955, hấn được Cục Tuyên huấn triệu tập về Hà Nội để viết truyện anh hùng. Cách đây năm năm hấn đang là lính ngoài biên chế của một trung đoàn giải thể thì được điều động về báo quân khu cũng không ăn không ngủ được vì quá vui. Lần này cũng thế, người cứ bồn chồn nửa vui nửa buồn nhưng vui nhiều hơn vì những dây rợ để níu kéo hấn ở lại không nhiều, chỉ có một cô gái đang làm cấp dưỡng của đội văn công quân khu còn khiến hấn dùng dằng đôi chút. Nhưng ở Hà Nội thiếu gì người đẹp để hấn lựa chọn, vả lại "anh bộ đội" đang là một hình tượng có giá để phái đẹp săn lùng. Mỗi lần ăn cơm đều gặp nhau nhưng hấn vẫn không hé môi nói lời từ biệt với cô bạn mới quen biết. Hấn cũng chưa từng gặp riêng cô, cũng không mời cô sang thị xã Phủ Lý cùng mua sắm cái gì đó mỗi sáng chủ nhật, hình như hấn cũng chưa nói với cô gái một lời nào ngoài cái câu tế nhị: "Cho xin một cái tăm". Rồi cô theo đội văn công đi công tác, hấn chuẩn bị về Hà Nội. Với cô hấn vẫn chưa thể tự dứt khoát, hoặc là giữ lại bằng một lời hứa, hoặc buông bỏ để được tự do hoàn toàn trong hoàn cảnh mới. Trước ngày về Hà Nội, anh Lê Mai, phóng viên duy nhất còn lại của tòa báo đã gần như không hoạt động, gặp hấn và có lời khuyên hấn nên gần bó với cô gái nông dân vừa xinh đẹp vừa hơi ngốc nghếch nhưng chắc chắn là người rất tháo vát, có

đủ tài để gánh vác một gia đình trong mọi cảnh ngộ nếu như hần còn muôn theo đuôi nghề văn. Anh nói: "Máu của cậu là máu loãng, máu bạc nhược, máu ăn bám của một dòng họ quan lại lâu đời. Cái loại máu ấy không được pha trộn với loại máu sạch, có sức chảy mạnh mẽ của người nông dân thì con cháu cậu sau này chả là cái giống gì!" Năm ấy hần 25 tuổi, cô gái 19, kém hần sáu tuổi, đẹp, đáng người đẹp, gương mặt đẹp, không ra người ở nông thôn, chỉ phải tội hai bàn tay dày và hơi to, ngón tay cũng to, cũng là người lao động vất vả từ nhỏ, mẹ chết sớm, lúc ở với dì (là bà hai do bà cả cưới cho chồng vì bà chỉ có ba người con gái) lúc ở với các chị, phải làm mới có ăn chứ chả ai nuôi không. Ông cụ là đội khổ xanh, các anh chị đều là người kháng chiến. Năm ấy lấy vợ là phải chọn người có lý lịch tốt, nếu vợ có liên quan tới tề nguỵ là hết sức rắc rối sau này. Cô ấy được cả người lẫn lý lịch, không nhanh tay thì người khác sẽ vô mất, lúc ấy lại tiếc. Chỉ hiềm một nỗi cô ấy không được học hành gì, nói năng quá thật thà gần như ngây ngô nên hay gây cười trong bữa ăn vì những câu trả lời thiếu ý tứ. Nhưng ở xa thì nhớ lại sợ mất nữa, già kén lựa chọn phải một cô vợ không hiền thì tan cửa nát nhà. Trong kháng chiến hần đã được chứng kiến nhiều cô cán bộ đã lớn tuổi lại xấu gái, lại hay nói chuyện chính trị, cười nói đùa giỡn như đàn ông mà vẫn lấy được những ông chồng vừa đẹp trai, vừa là cấp chỉ huy. Là do bị mắc bẫy mà phải lấy. Một ông đại đội trưởng đóng quân liền nhà văn phòng của huyện hội phụ nữ. Cả xóm chỉ có một cái ao sạch và mát bên nhà huyện hội, nên trưa nào ông đại đội trưởng cũng mặc quần đùi sang tắm nhờ. Lúc thay quần lại nghĩ giữa trưa vắng vẻ nên cứ trần truồng bước lên bậc ao, đứng cạnh cái bể nước gội thêm vài gáo cho sạch, vừa gội vừa vỗ đùi vỗ mông như người khoe. Trong nhà vẫn có một thường vụ huyện hội tuổi ngót nghét ba mươi, mỗi lần thấy ông hàng xóm sang là chồm dậy đứng trong màn ngó ra. Con gái lỡ thì nhìn đàn ông còn trẻ tắm truồng dẫu là nữ tu cũng phát cuồng. Một lần tắm xong ông ta lại cả gan bước lên hè, gọi vào: "Chị có báo Cứu quốc số mới cho tôi mượn với". Chả ai trả lời cả, ông ta vén màn bước vào, cô cán bộ nằm ngủ, quần kéo đến trên đùi, chân co chân ruỗi, tờ báo muôn mượn đang phủ lên mặt. Thế là cái việc không nên xảy ra đã xảy ra. Ngày hôm sau, cô gái già bị cưỡng hiếp liền báo cáo với cấp trên của mình, và một tập thể các bà lên thẳng trung đoàn bộ gặp chính uỷ để kể lể về cái nhục đã phải chịu của một cô gái còn nguyên vẹn trinh tiết. Chính uỷ bảo: "Thế thì cái thằng ấy sẽ phải chịu trách nhiệm với chị suốt đời rồi, chị bằng lòng chứ?" Đám cưới được tổ chức liền mấy ngày sau đó. Cô dâu tuy thấp mập, nước da hơi đen nhưng nét mặt đều đặn, nói năng lại hoạt bát có duyên, thôi thế cũng là được, lấy vợ cái sắc không quan trọng bằng cái nết. Nhiều chục năm sau, trong một lần dự một Hội nghị Nông nghiệp toàn quốc, hần đứng trước quầy sách báo thì có người đụng nhẹ vào khuỷu tay và một giọng nói rất sang: "Xin chào nhà văn lớn!" Hần quay người lại, ngỡ ngàng trước một bà thấp mập, tóc uốn cao đã bạc nhiều, đeo kính trắng, mặc áo dài gấm màu xanh đen, sang trọng, quý phái không thể tả, làm sao bà ấy lại có thể biết hần, có thể đùa cợt với hần, ai nhỉ? Bà nào nhỉ? - "Còn nhớ Huyện hội phụ nữ Phù Cừ không?" Nhớ hết rồi! Hoàn toàn nhớ rồi! Bà nói hiện nay là là phó chủ tịch phụ trách nông nghiệp một tỉnh, ông chồng đã về hưu, mới đi thăm con đang làm ăn bên Liên Xô chắc phải vài tháng mới về, có một con gái đang ở Mỹ, nó làm bên ngoại giao. Ông bà có ba trai, hai gái, sáu cháu vừa nội vừa ngoại, cháu đích tôn mới sang học đại học ở bên Úc, khéo chừng chúng tôi được làm ông cố bà cố sớm hơn anh đấy nhá. Còn anh thế nào? Thế nào ư? Năm mươi tuổi đầu còn nuôi con lên năm là thua bà chị nhiều lắm rồi. Thì ra con người ta làm gì cũng có số thật. Cặp vợ chồng này nghĩ là ép nhau mà nên hoá ra cũng vẫn là có duyên số.

Năm 1957 cô cấp dưỡng của Đội văn công quân khu được tuyển về Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị vì có đáng người đẹp, gương mặt đẹp và giọng nói rất ấm. Đoàn muôn huấn luyện một người đẹp thuần tuý đồng ruộng thành người giới thiệu chương trình của Đoàn tại Liên hoan Thanh niên và Sinh viên thế giới được tổ chức ở Matxcova vào cuối năm. Người thì đẹp nhưng ít học nên không học thuộc

được những lời giới thiệu rất dài dòng, lại không nói được đúng giọng tiếng nước ngoài nhiều bài ca đã được dịch lời sang tiếng Việt. Không làm người giới thiệu được, cũng không hát được, múa càng không được, chả lẽ lại trở về làm nghề cấp dưỡng thì tội nghiệp nên đành phải đưa về Đoàn kịch nói của quân đội. Ngày từ quân khu lên Tổng cục cô sang gặp hấn ngay, vào khoảng tối. Thoạt nhìn cô sau hơn một năm không gặp lại, hấn cũng ngạc nhiên, vì trong bộ quân phục mới cô như đẹp hơn, thành thị hơn trước nhiều. Hấn giới thiệu cô với Phùng Quán: "Đây là bạn gái của mình". Cách nhìn đánh giá của Phùng Quán cũng làm hấn mát lòng, tức là Quán không ngờ hấn có cô bạn gái xinh đến thế. Nhưng khi hấn hỏi: "Em có được khỏe không?" thì câu trả lời của cô khiến hấn sững sờ: "Mấy ngày nay chả hiểu ăn gì em toàn đi ỉa lỏng thôi, người mệt lắm". Phùng Quán quay mặt đi giấu một thoáng cười, còn hấn thì đã giận lắm. Thiếu gì câu nói hay hơn, kín đáo hơn khi lần đầu được trò chuyện với người yêu, ví như: "mấy hôm nay em không được khỏe", hoặc "mấy hôm nay em bị đau bụng", hoặc "mấy hôm nay bụng dạ không được tốt". Việc gì phải nói rành rọt cái từ rất khiêm nhã, rất không nên nói. Trong hai người, người con gái yêu hấn vô tư, không vụ lợi, yêu là yêu, yêu cả từ cái hướng nhà hấn ở, cả những lỗi hấn đi, chỉ mong chóng tối để được vào thành gặp hấn. Còn hấn là yêu trong tính toán, trong lường lự, có lúc muốn gần bó, có lúc lại muốn buông bỏ, là vợ thì có thể được vì cái đức hy sinh cho chồng cho con đã thuộc về bản chất của các cô gái nông dân. Còn là người tình thì chán lắm, chán và nhạt đến kinh người. Cô đã phải từ bỏ chính mình để sống với môi trường mới, nói cười theo người khác, vui buồn theo người khác vì cô đã nghĩ những gì thuộc về cô nó "nhà quê" thế nào, buồn cười thế nào, thành ra một người sống giả, giả từ trẻ đến già. Cô chỉ sống thật khi có chị em, họ hàng từ quê lên thăm vợ chồng hấn. Những ngày ấy cô là một người khác hẳn, hồn nhiên, vui tươi, mọi câu nói đều tự nhiên, đều âm áp, có cái duyên riêng, có sức quyến rũ riêng. Họ cưới nhau tại nhà Hợp Thiện ở đường Phùng Hưng (nay là nhà tang lễ của Hà Nội), là con đường song song với đường Lý Nam Đế. Bên nhà trai có mẹ hấn và tạp chí Văn nghệ Quân đội, bên nhà gái có bố vợ và Đoàn kịch nói Quân đội. Một nồi nước chè khô, thuốc lá Điện Biên, Tam Đảo và bánh kẹo của mậu dịch. Cô dâu mặc áo dài, chú rể vẫn quần áo bộ đội và đi dép râu. Chủ hôn là nhà thơ Thanh Tịnh. Đám cưới ngày ấy giống như một cuộc liên hoan của cơ quan, mọi người thay nhau chúc tụng, rồi ngâm thơ và kể chuyện vui, những mẩu chuyện mở đầu thì thanh kết thúc thì tục để gây cười, những cái cười nhạt nhẽo vô nghĩa của tuổi trẻ, cái tuổi rất dễ cười. Bọn hấn sống vào cái thời mọi nghi lễ đều bị tước bỏ (vì nó vô ích, nghĩ thế!), tất cả chỉ nhằm nhanh chóng đạt đến cái đích. Cái đích thì vẫn đến nhưng chả để lại một ấn tượng sâu sắc nào, về già mới chợt nghĩ hai người chưa hề đăng ký kết hôn tại một cơ quan nào của chính quyền, thậm chí cũng không có cả giấy hôn thú. Cái lối sống tạm bợ, tùy tiện, không kể đến những yêu cầu cần có của mỗi cá nhân, kể cả những yêu cầu rất thiêng liêng lan toả trong mọi hoạt động của xã hội. Một xã hội mà mọi người gần như quên hẳn những cụm từ cần thiết trong các mối quan hệ: xin phép, xin lỗi, cảm ơn. Cứ nghĩ lại những cửa hàng phở của mậu dịch mà hải, xếp hàng, mua phiếu, xếp hàng cầm bát phở, những bát phở nhầy nhựa nước mỡ tràn ra ngoài thành bát, vừa nóng vừa trơn, cầm không khéo là hồng ăn, rồi và rồi nuốt. Tối đâu cũng được nhìn những gương mặt lăm lăm, những câu nói cộc lốc, gắt gỏng, đưa tiền, cầm hàng và không được chọn, có hàng đâu mà chọn, chọn là muốn đổi hàng, là phạm luật, khách mua to tiếng là quấy rối, là phạm pháp. Chỉ được nhận, có gì nhận nấy, không được phản nản, không được tỏ ra bất bình mới là một công dân tốt. Rồi sống mãi trong cái môi trường ấy cũng thành quen, khi hấn được gặp lại những người ruột thịt ở Sài Gòn vừa được giải phóng, ăn bữa cơm gia đình không mời ai cả, thích món nào cứ xia dừa gấp mãi một món ấy, tại sao lại nhìn tôi, tôi vẫn cầm dừa chứ có nhón tay ăn bốc đâu mà nhìn. Mấy đứa cháu ở Sài Gòn tỏ vẻ khó chịu khi người chỉ huy dàn nhạc mặc áo sơ mi bỏ ngoài quần thì chính hấn lại ngạc nhiên. Bọn trẻ nói: "Vào nhà hát người xem còn ăn mặc lịch sự huống là dàn nhạc". Chà, thói tật tư sản, thói tật đế quốc! Nghĩa lại trong năm đầu lầy nhau không còn nhớ được một kỷ niệm nào đẹp, không đi chơi đâu (nhìn bên xe

khách là mất mật còn muốn đi đâu), không mua sắm gì (lại xếp hàng, thôi, ở nhà), cũng không có điều kiện làm những bữa cơm thân mật mời bạn bè những ngày lễ ngày nghỉ vì bọn hắn chưa có nhà riêng, họ vẫn sống ở cơ quan như trước, tối đến vợ mới sang phòng làm việc của hắn ngủ qua đêm, vợ muốn nấu một bữa cơm ngon cho chồng cũng không thể đành lại dắt nhau ra ngoài vỉa hè đường ăn quà. Mẹ chồng cũng không có chỗ ở riêng, vẫn là ở nhờ nhà người cháu, chỉ có một cái giường kê ở buồng ăn là chỗ nằm của mẹ, cũng là gặp nhau suông, nói dăm ba câu chuyện rồi về, đâu có thể chủ nhật nào cũng ăn cơm nhà anh chị. Chẳng có gì vui trong cuộc sống vợ chồng, chỉ có một thay đổi là họ không phải nằm lê loi mỗi đêm, còn tất cả vẫn như cũ, vẫn là cuộc đời lính, ăn cơm tập thể ngủ trên ván sàn. Mà lại có thêm nhiều cái phiền hà. Những giờ rảnh rỗi buổi tối hắn thường đọc sách hoặc viết, là cái khoảng thời gian sáng khoái nhất, mong đợi nhất trong ngày vì hắn được sống với nghề, được sống với những mơ mộng lớn nhỏ của hắn. Nhưng vợ hắn lại muốn đi xem cải lương, đi xem phim, phim hay thì khó mua vé, phim dở lại tiếc thì giờ, hắn ngồi ngáp ngáp dài một lúc rồi tựa đầu vào vai vợ mà ngủ. Nhưng vợ hắn thì vui lắm, được đi cùng chồng, được ngồi cạnh chồng ở chỗ công cộng là vui rồi. Đã bắt đầu có những tranh cãi vặt, những giận hờn vặt, vì những ý muốn khác nhau, thằng đàn ông thì cậy quyền được vợ yêu, càng lúc càng bộc lộ cái tính ích kỷ, độc đoán, người vợ đã nhìn một lần đành phải nhìn tiếp, nhìn cho yên chuyện, xưa nay nhiều người đàn ông trong làng uống rượu say, chơi xóc đĩa vẫn về đánh vợ thì sao, hút thuốc phiện bán cả ruộng cả nhà mà vợ con không dám ho he một lời thì sao? Phận đàn bà thời nào chẳng khổ, không nín nhìn thì bỏ được nhau ư? Thằng đàn ông thành phố bắt nạt người vợ nhà quê bắt đầu là như thế. Vì hắn tự nghĩ hắn là một người chồng tốt, một thằng đàn ông có rất nhiều cái mạnh, hắn xứng đáng có được người vợ đẹp hơn thế, đảm đang hơn thế và cũng không bao giờ dám làm ngược lại ý chồng. Hắn là con thêm con thừa mà cũng vẫn được thừa hưởng đầy đủ máu huyết một dòng họ mà người chồng là ông chủ còn các bà vợ chỉ là tỳ thiếp mà thôi. Hắn không sợ người vợ bị bắt nạt sẽ có lúc tìm được cách trả thù. Không bao giờ! Vì không thể bỏ hắn để lấy người khác được. Hắn vừa có danh vừa có tiền, phải mỗi tội có máu gia trưởng, nhìn một chút là xong cả, còn lấy được ai hơn thế. Đã có lần, năm còn trẻ, vợ hắn nói: "Tôi thà lấy một thằng chồng làm cu li nhưng vợ chồng quần quýt nhau vẫn còn hơn làm vợ anh!" Hắn cười nhạo: "Thì đi mà lấy, còn kịp mà, các con tôi nuôi cho". Hắn nói trâng tráo, không chút hối tiếc thì người vợ lại đành nhìn. Nhìn hắn một chút vẫn là hơn cả. Thời trẻ còn không dám trả thù chả lẽ về già lại có cách trả thù? Thế mà cái chuyện trả thù đã xảy ra, khi các con đã trưởng thành, vợ hắn đã già lại bệnh mà vẫn có cách trả thù được, tìm được một hình phạt đáng sợ nhất, nhức buốt đến tận xương tủy, với một người thông minh như hắn cũng không thể nghĩ được cách thoát ra.

Chương 7

Trong cuộc sống thường nhật không mấy khi hấn phạm phải lầm lỗi lớn vì hấn luôn biết tự giới hạn trong cái có thể. Một đời người mà không có đôi ba lần dám mạo hiểm vào cái không có thể cũng xem như chưa từng sống, một kẻ đã chết khi còn sống, một kẻ vô tích sự. Hấn quả là một kẻ vô tích sự, chẳng thể bỏ để hấn khi ngắm nhìn hấn ngồi ngẩn ngơ ở một góc nhà đã phải thốt lên đầy thất vọng: "Thằng mán tiền!" Một thằng mán tiền mà dám phiêu lưu vào địa hạt văn chương, là cái lãnh vực hoàn toàn không có thể với thân phận hấn, với tính cách hấn. Vậy hấn đã có phép thuật gì để tồn tại được, tồn tại trong suốt mấy chục năm? Cuộc biến hoá ở trong hấn xét cho cùng lại hết sức đơn giản và hoàn toàn không tự giác. Vì hấn không có tính cách mạnh, không có bản sắc rõ ràng, chỉ là cái rỗng không, nhưng cái rỗng không ấy lại có sức mạnh hút vào nó mọi màu sắc của cuộc sống mà chỉ một kẻ nhút nhát, yếu đuối, có nhiều khát vọng dang dở mới cảm nhận được. Hấn tự biến hoá thành đối tượng được quan sát một cách rất dễ dàng. Là anh hùng hoặc một tên tội phạm chỉ qua vài lần tiếp xúc hấn đã có thể lặn vào tận đáy sâu để tìm ra cái then máy bí mật đã chi phối mọi tính toán và hành động của người đối thoại. Cũng có lúc lầm nhưng thường là không lầm. Hấn chỉ sợ có hành động, bất kể hành động gì, là tốt hay là xấu, là lớn hay nhỏ, hấn đều không bịa được, vì hấn chưa từng làm, cũng chưa bao giờ dám thử làm. Hấn nghĩ như triết nhân, làm như con trẻ. Đã làm là hỏng, dầu là một việc rất nhỏ hấn vẫn không thể biết nên bắt đầu từ đâu nên kết thúc như thế nào! Nhưng nghĩ thì khác, nghĩ ngợi nông sâu, xa gần là thánh địa của hấn. Năm viết Xung đột hấn mới 27 tuổi nhưng chỉ ngồi trò chuyện dăm buổi với chủ tịch xã Nghĩa Hoà hơn hấn gần hai chục tuổi hấn đã có thể biến hoá thành ông ta hết sức tự nhiên. Rồi hấn nghĩ theo nhân vật, nói theo nhân vật và hành động bằng tưởng tượng đúng với tính cách của nhân vật. Nhân vật văn học đã hình thành cùng hấn đi suốt cuộc hành trình gần ba năm là khoảng thời gian đi về xã Nghĩa Hoà, cũng là khoảng thời gian của cuốn tiểu thuyết.

Nhân vật Thuy là một nửa khác của chính hấn, là cuộc đấu tranh dai dẳng giữa một niềm tin trong treo với những ham muốn nhơ nhớp của đời thường. Khi nghe một cán bộ của huyện nhận định về Nhân, phó chủ tịch xã, là một cán bộ có uy tín trong dân nhưng lập trường không kiên định, hấn nhận ra ngay cuộc giằng co khi thắng khi thua giữa niềm tin cũ thuộc về thiêng liêng với niềm tin mới của một Đảng viên cộng sản. Cuộc đấu tranh này chính hấn đã từng trải qua, cho đến tận hôm nay, khi gặp một chuyện rắc rối không thể tìm ra lối thoát, hấn vẫn lăm nhăm khẩn khứa: "Lạy trời, cho con qua khỏi được chuyện này, con xin tình nguyện giảm thọ mười năm để thoát ra khỏi chuyện này." Nhưng nhân vật Tam (cũng trong Xung đột) mới thật là mảnh đất hấn có thể tung hoành ngang dọc. Tam là một cán bộ rất trong sạch, rất thẳng thắn, chỉ một chút thiếu tỉnh táo mà thành kẻ phạm tội. Cái đau đớn của một kẻ có phạm tội thật nhưng chưa mất hết lương tri chẳng thấm vào đâu với một người không bao giờ nghĩ rằng mình có thể phạm tội mà lại hoá ra đã phạm tội, một cái tội vô tình đụng phải nó, rồi nhập làm một với nó, nằm trong danh sách những kẻ đã phạm tội, không có cách gì để thanh minh, để tách khỏi mình ra, để trở lại trong trắng như trước đó. Không có cách nào cả. Phải cúi đầu chịu một cái tội oan chẳng biết kêu với ai, chính mình kêu cứu với mình cũng thấy khó nghe khó cứu hướng là với người khác. Và lại với người đời, ngay cả với vợ con, với bạn thân tuy lắng nghe những lời bộc bạch với cái vẻ thông cảm nhưng dứt khoát không có một ai tin anh cả, không có một ai tin được anh là một kẻ hoàn toàn không có tội. Hạnh phúc không thể chia sẻ với ai khác, bất hạnh cũng thế, phúc ai nấy hưởng, tội ai nấy chịu, mỗi người là một nắm mồ với niềm vui và nỗi đau của riêng họ. Hấn nhận ra điều đó khi đưa con trai đầu của hấn bị chết đuối ở sông Hồng. Bạn bè kéo đến nhìn hấn vật vã than khóc với những

ánh mắt rất buồn bã, rất thông cảm. Nhưng khi hắt nấp vật ra giường vì quá mệt chợt nghe tiếng các bạn hắt ở đầu hè bàn nhau chửi hện để đưa các con lên xe ra Đồ Sơn nhân chúng được nghỉ hè. Là những giọng nói khác hẳn, rất nhẹ, rất vui của các ông bố hạnh phúc đang nghĩ đến một chuyến đi rất thú vị của bọn trẻ sau một năm ăn học vất vả ở những nơi sơ tán. Có thể hẳn là một nhà văn có khả năng bẩm sinh thông cảm tức thời với mọi cảnh ngộ, nhưng đúng hơn, hẳn đã từng là một đứa trẻ rất trong trắng chưa hề phạm tội nhưng lại bị những người thân, rất thân, buộc tội là thằng ăn cắp, và đã đối xử với hẳn như một thằng ăn cắp thực sự đang sống lẫn lộn trong đám con cái rất nết na của họ. Những kẻ lương thiện bị những tình huống trở trêu đẩy họ thành kẻ phạm tội một cách oan uổng luôn luôn làm hẳn cảm động, làm hẳn tò mò muốn được hiểu thêm nữa, nhiều thêm nữa, để thêm một lần được sống lại những ngày tháng bị đất đã thuộc về quá khứ. Được sống lại với cái buồn cái nhục tuổi thơ cũng là dịp để hẳn được dùng những giọt nước mắt của tuổi già tưới lên một vùng kỷ niệm mãi mãi là nơi ủ ấm những đốm lửa sáng tạo trong sự nghiệp văn chương của hẳn. Hẳn tin rằng không ai có thể viết hay hơn hẳn về hai ông cháu Vũ Hồng Khanh. Người ông vì không có những quyết định đúng ở mỗi bước ngoặt của lịch sử, trở thành tội nhân của lịch sử, đứa cháu thì chả biết một tí gì về ông ngoại mà một đời phải lận đận vì những hoạt động chính trị trong quá khứ của người ông. Hẳn đã phải chịu cái tội của tổ tông, là những cái tội hẳn không thể biết chứ đừng nói có liên can. Lại một ông cựu đảng viên, vào đảng từ thời Nguyễn Thái Học mới lập đảng rồi cũng chạy trốn sang Vân Nam, rồi nhớ nước quá lại quay về, ra đầu thú với chính quyền kháng chiến, đi tù dăm năm, lúc được làm người tự do mới lấy vợ, mới sinh con, gian truân từ trẻ đến già. Cũng là một kiếp người mà sao đau đớn thế, khôn khổ thế. Nhưng tự mình tìm ra tội, rồi tự mình sống thấp thỏm với cái tội tưởng tượng ấy gần trọn một đời người mới thật là một cực hình. Anh ta là một người có học, thuở mới lớn có tham gia rào làng cùng các chú bác anh chị, nghĩ là rào làng kháng chiến chống Pháp, nào dè lại là rào làng chống Việt Minh, vì đây là làng của Nguyễn Thái Học, địa bàn hoạt động của Việt Nam quốc dân đảng từ những năm 30. Kháng chiến thành công, anh phải đi tù vì đã có hành động chống cách mạng từ năm 1946. Đi tù năm năm anh được tha trước thời hạn vì là một phạm nhân gương mẫu. Từ ngày được tha, anh mới thật sự là kẻ có tội, thật sự sống trong tù. Cái tội do chính anh tưởng tượng ra và cái nhà anh đang sống với vợ con đã biến thành nhà tù, tự anh là giám ngục. Anh luôn luôn tin rằng mình là kẻ đang bị công an theo dõi nhất cử nhất động của anh đều được ghi chép rất cẩn thận, chỉ cần một chuyện gì đó về chính trị xảy ra ở trong vùng, thậm chí ở trong tỉnh là anh sẽ bị bắt lại ngay lập tức. Anh cười nói, đi lại hết như một kẻ có tội đang bị theo dõi, lấm lét, khúm núm, nín bợ. Là người đảng hoàng ai lại sống như thế, đó là cách sống của một kẻ có tội, cái tội còn được giấu kín, cái tội ấy chỉ có một anh biết, và một cơ quan có nhiệm vụ theo dõi anh chắc chắn là có biết. Và đêm ngày anh ta sống trong sự chờ đợi, phải nói là mong đợi, được bị bắt để chấm dứt một lần cho xong cái kiếp người có mặc cảm là đã phạm tội. Hầu hết các nhân vật trong Một cõi nhân gian bé tí đều có mang tội với ai đó, đều có khả năng phạm tội với ai đó. Người ông có tội với đứa cháu ngoại vì đã để lại một di sản chính trị không được tốt đẹp cho con cháu. Người đàn ông có tội với vợ con vì đã không biết tổ chức một gia đình vững chắc để vợ con có chỗ nương tựa lúc thời thế đổi thay. Người chỉ huy có tội trước cái chết của chiến sĩ vì đã lên một kế hoạch tác chiến thiếu chuẩn xác. Đứa cháu có tội với bà cô vì đã để bà phải sống cô đơn lúc tuổi già sau nhiều chục năm hy sinh cho anh trai, cho các cháu. Ông uỷ viên của viện kiểm sát cũng phần nào có tội trước những lỗi lầm của các phạm nhân nguyên là chiến sĩ đã từng đánh Mỹ chỉ vì họ không tìm được việc làm thích hợp mà thành can phạm. Xét đến cùng mỗi chúng ta đều ít nhiều có tội trước những bất hạnh của vô số người mà ta đã nguyện một đời phục vụ cho sự no ấm và an toàn của họ. Và ông bố hẳn cũng là người có tội khi đã sinh ra hẳn mà không có một trách nhiệm gì về cái sinh mạng bé nhỏ mang dòng máu của ông, lại còn vu tội cho hẳn để ông được thanh thản rũ sạch cái phần trách nhiệm phải có của mình.

Cái mặc cảm chính hấn cũng là kẻ ít nhiều có tội trước những bất hạnh của bè bạn, của đồng nghiệp, khiến hấn sẵn sàng giải hoà, sẵn sàng nhận lỗi khi có điều kiện, không hề sợ bị mất mặt trước bạn bè, hoặc sợ bị cấp trên hiểu lầm. Năm 1987, Đảng và Nhà nước bắt đầu đổi mới hệ thống quản lý kinh tế, xã hội và chính trị cho phù hợp với sự phát triển của đất nước, Ban thư ký Hội Nhà văn có giao cho hấn và nhà văn Xuân Thiều đi mời các nhà văn bị kỷ luật trong vụ án Nhân văn Giai phẩm trở lại sinh hoạt với Hội Nhà văn. Hấn đã nhận nhiệm vụ như kẻ được dịp lập công để chuộc lại nhiều lỗi lầm của mình trong quá khứ. Nhưng những người bị kỷ luật, trong quyết định chính thức là ba năm mà hoá ra kéo dài ba mươi năm, cũng có quyền bất bình, hờn giận với những người đi mời, có anh còn không muốn trở lại Hội nữa, là nhà văn ngoài Hội thì đã sao, vì Hội đâu có bảo vệ được họ khi họ gặp tai nạn. Hấn là tên đao phủ (như có người bạn đã gọi hấn thế trong một lúc quá giận), nhưng lại có bộ mặt của kẻ chịu án, không phải trong lúc này mà suốt mấy chục năm qua, chưa bao giờ hấn có bộ mặt vênh váo của kẻ hãnh tiến, kẻ thắng cuộc cả, chính là cái bộ mặt biết hối lỗi ấy đã khiến mọi việc hoá ra dễ dãi, hoá ra vui vẻ. Một người nói rất gay gắt, người khác lại bảo: "Thằng K. nó đã nói thế thì cũng nên nghe nó, nó cũng là đứa biết phải trái" - "Nó vì anh em mà vất vả, giận đối với nó mà làm gì!". Thế là xong, cuộc dàn hoà đã hoàn tất. Ông Trần Dần muốn đi khám bệnh và ông sẽ đi bằng xích lô. Hấn và Xuân Thiều bảo sẽ đưa xe của Hội tới đón ông, Trần Dần gạt ngay: "Mình thích đi xe của dân chứ không thích đi xe của quan". Hấn nói: "Anh không thích nhưng vợ con anh thích, ông Trần Dần đi khám bệnh bằng xe hơi của Hội là người hàng phố sẽ nhìn gia đình anh bằng con mắt khác, nói năng với vợ con anh bằng cái giọng khác". Hấn còn nói đùa: "Thần tiên sống bằng khí trời thì không cần, nhưng người phàm tục sống bằng gạo bằng muối thì vẫn rất cần". Trần Dần cười, không phải vì hấn nói hay mà vì lòng dạ hấn còn ngay thật.

Suốt một đời hấn chỉ sợ nói oan cho ai một truyện gì đó, vậy mà hấn vẫn nói oan và cả viết oan cho hai người bạn mà hấn còn nhớ. Trường hợp thứ nhất là với nhà văn Trần Kim Trắc. Hấn thuộc tên Trần Kim Trắc trước mấy năm khi được gặp mặt. Ấy là cả hai đều có tác phẩm được giải thưởng của Hội Văn nghệ Việt Nam năm 1952. Trần Kim Trắc được giải nhì với truyện ngắn Cái lu, còn hấn được giải khuyến khích với truyện vừa Xây dựng. Năm 1956, hai người mới được gặp nhau, khi Trắc là một cán bộ của Tiểu đoàn Ba lẻ Bảy lừng danh tập kết ra Bắc và về Phòng Chính trị quân khu 3 làm công tác văn nghệ báo chí thế chân hấn vừa được điều động về Cục Tuyên huấn. Trong một lần về Hà Nội họp, Trắc có gợi ý hấn nên về xứ Quỳ Nhất thuộc huyện Nghĩa Hưng để tìm hiểu một vụ xô xát lớn giữa đám thanh niên công giáo với một đơn vị bộ đội đóng quân ở đó. Trắc nói: "Cũng lớn chuyện đấy, phức tạp hơn trong Năm vạ nhiều". Một tháng sau hấn bắt tay vào viết tập 1 của bộ tiểu thuyết Xung đột (quyển 1 gồm bốn tập). Năm 1957, Trắc cũng được điều về Tạp chí Văn nghệ Quân đội mới được chuyển trụ sở ra nhà số 4 phố Lý Nam Đế. Nửa năm sau thì Trắc gặp nạn, một lỗi lầm trong sinh hoạt, cũng nhỏ thôi, gặp người phụ trách có lòng độ lượng thì chả có chuyện gì xảy ra cả, có thể vừa cười vừa trách nhẹ một câu là xong. Đằng này mỗi người có mặt trong cuộc họp nói hùn vào một câu, chuyện lúc đầu thì nhỏ, dần dần hoá ra to, hoá ra nghiêm trọng, cuối cùng bản án anh phải chịu là hết sức nặng nề. Sáu năm sau, năm 1963, hấn có việc phải về Hưng Yên, bất ngờ gặp lại người bạn văn thiếu may mắn là nhân viên phụ động của Ty Công nghiệp tỉnh. Trời đã chạng vạng tối, cùng ngồi với nhau trong ngôi nhà lợp gianh của một thị xã xơ xác, tiêu điều, tối om như cái làng mới lập, nhìn nét viền của gương mặt bạn trong tranh tối tranh sáng mà hấn muốn ứa nước mắt vì xấu hổ, vì ân hận. Trong sáu năm qua, hấn và các bạn ở cơ quan cũ đã có một ai gửi tới người đồng đội gặp nạn một lời thăm hỏi, một lời an ủi? Hoặc một lời giới thiệu với cơ quan mới để bạn được hiểu đúng hơn, để bạn đỡ khổ hơn? Hấn vẫn được viết văn còn bạn hấn đã bỏ nghề từ ngày rời khỏi tạp chí, bây giờ chỉ còn

lo kiếm sống chứ tâm địa đâu nghĩ tới chuyện viết văn. Lại nhiều chục năm sau nữa, đôi bạn oan nghiệt lại chạm trán nhau tại thành phố Hồ Chí Minh, bạn hăn tóc đã bạc phơ, lông mày lông mi đều bạc trắng, nhưng gương mặt lại rạng rỡ như được chiếu sáng từ bên trong. Trong câu chuyện hàn huyên sau nhiều chục năm xa cách, bạn hăn không hề nhắc lại nửa lời chuyện cũ, cái chuyện rất buồn, rất tệ của một thời, thăm hỏi đủ mọi người, chẳng giận một ai, chẳng nghĩ xấu về một ai, chỉ khi chia tay mới bảo: "Mình rất biết ơn chín năm làm anh bộ đội Cụ Hồ thời đánh Pháp. Không có cốt cách của một thằng lính thì khó mà chống đỡ những sóng gió của cuộc đời. Đời rất dài ai mà tránh mãi được những chuyện không may".

Năm hăn 69 tuổi, trong một năm hăn nhận được ba, bốn lá thư của Vũ Bảo, một bạn văn quen biết nhau từ thuở thiếu thời. Trong các lá thư Vũ Bảo có nhắc lại một bài phê bình của hăn nặng về chính trị, nhẹ về văn chương, gần như kết án cuốn tiểu thuyết Sắp cưới của anh, in trên tạp chí Văn nghệ Quân đội năm 1958, cách đây đã 42 năm. Quả tình hăn đã quên biến mất bài báo đó, quên từ lâu rồi. Và lại họ vẫn gặp nhau trong suốt mấy chục năm ở Hà Nội, cùng uống trà chén ở các quán dọc đường, nói chuyện trên trời dưới đất rất hồn nhiên, rất vui vẻ, có ai nhắc lại chuyện cũ đâu mà nhớ, một lời bóng gió hăn học cũng không có. Vậy mà nỗi đau của bạn vẫn còn đó, nguyên vẹn, tươi mới như chuyện mới xảy ra trong ngày hôm qua, trong tháng trước. Thì ra người cầm dao không thể có cùng một nỗi đau với người bị chém. Vết chém lành nhưng vẫn còn sẹo, còn bàn tay cầm dao buông dao ra đâu có để lại vết tích gì. Trước ngày họp đại hội nhà văn khoảng một tháng, hăn lại nhận được thư của Vũ Bảo. Lần này anh ấy yêu cầu hăn phải có mặt tại đại hội, bằng mọi giá phải có mặt, không được lẩn trốn để nạn nhân có thể đứng trên diễn đàn đại hội vạch trần bộ mặt giả nhân giả nghĩa của một "tên sát thủ", một "dũng sĩ diệt đồng đội" trước mặt bạn bè. Nếu hăn còn ở tuổi 40 có lẽ hăn sẽ có phản ứng khác, nhưng hăn đã bước sang tuổi 70, đang sống mấy năm cuối của một đời người, một đời viết, đã từng có nhiều cơ hội để nhìn lại từng chặng đường của mình, những cái phù phiếm, những ganh đua con trẻ, hiếu thắng con trẻ và cách tự toả sáng cũng rất con trẻ đã tàn lụi theo năm tháng từ lâu rồi, phần còn lại khiến hăn không được an tâm là những lầm lỗi của mình, những lời nói bài viết kiêu ngạo, độc đoán một thời của mình, áp đặt một cách nghĩ đang được người đương thời ủng hộ và loại bỏ mọi cách nghĩ mà lúc về già hăn vẫn thường phải đối mặt, chuyện đời có, chuyện nghề có, chuyện trong gia đình cũng có. Hăn đã sống đời hơn nhiều, thêm tuổi thì mọi cách nghĩ ngạo của hăn càng gần giống với một ông già lương thiện, một ông già biết cách ăn ở lui tới, một ông già từng trải. Xem ra về già bạn bè thương hăn hơn, bạn đọc cũng yêu hăn hơn, và con cái cũng dễ thông cảm với hăn hơn. Là người biết nghĩ thì đã làm việc lầm lỗi phải biết nói lời xin lỗi, phải biết xin những người bị hàm oan mở lòng tha thứ và sẵn sàng chịu nhận những lời mắng mỏ, chửi rửa không chút oán hận. Hăn đến Đại hội nhà văn với tâm trạng thư thái nhẹ nhõm vì đã tự giải phóng ra khỏi cái ngục tù vị ngã của mình. Khi cái người đã chuẩn bị bản án tuyên đọc trước đại hội hỏi hăn: "Bây giờ ông tính sao?" Hăn đã trả lời rất thản nhiên: "Ông hãy nói hết về tôi như ông đã chuẩn bị, phản ứng của tôi sẽ là tích cực". Vũ Bảo lại hỏi: "Ông có lời nói lại không?" - "Không nói lại gì cả, không thanh minh gì cả, tôi chỉ xin lỗi ông trước đại hội thôi". Vũ Bảo nhìn hăn với ánh mắt nghi ngờ: "Là thật sao?" Hăn đưa bài phát biểu đã viết sẵn vắn vẹn chỉ một trang đánh máy: "Tôi sẽ đọc nguyên văn, không thêm một chữ, anh đọc trước đi". Nhưng hăn nói thêm: "Tôi đã có lỗi với nhiều người chứ không phải chỉ với một mình ông. Tôi muốn nhân dịp này được xin lỗi tất cả các anh chị đã có lúc tôi xúc phạm tới niềm tin riêng về nghệ thuật của họ". Sáng hôm sau Vũ Bảo lại gặp hăn với lời đề nghị khác, rằng anh không muốn đem chuyện riêng của hai người ra nói trước đại hội, nhưng anh sẽ in lại lời xin lỗi của hăn lên bìa sau của tuyển tập Vũ Bảo sẽ in trong nay mai và anh hỏi hăn có bằng lòng không? Hăn nói, lời xin lỗi của hăn là công khai, tùy người được xin lỗi muốn dùng cách sao đều được cả. Hai người nhìn nhau một lúc cũng lâu rồi đều

cười, cả hai đều đã già, cái thời đòi sự thắng bại đã qua, chỉ còn lại một cách sống hiền minh giữa những người già, lại là những người cùng làm một nghề. Lúc chia tay để vào hộp, hấn nói với Vũ Bảo: "Ông có gặp Bùi Ngọc Tấn nói giùm tôi rất muốn gặp anh ấy". Vũ Bảo nói: "Hấn cũng mới hỏi ông xong, đến bữa cơm gặp lại nhau nhá!".

Pittoresque: quá đẹp (nên thiếu cái thật)

Chương 8

Càng về già hần càng không thích nghe những câu nói làm duyên của người già, những câu đùa tình tứ của người già, và cả cái liếc mắt mà lòng con người đã bạc phéch của người già. Hần lại càng sợ phải nghe những bài thơ của các mối tình già, những chuyện tình tái xuân lãng mạn của người già. Câu chuyện tình của bà chị hần với ông anh rể muộn mằn là chuyện nhân nghĩa, là sự đền bù một cuộc tình bị lỡ dở những năm còn trẻ mới khiến được hần cảm động, khiến hần quan tâm và trân trọng. Nhưng hần vẫn không giấu được nụ cười ẩn náu đâu đó giữa các hàng chữ. Bây giờ người vợ già của hần lại nói từ sáng đến tối, đến nửa đêm rằng bà luôn luôn yêu hần, luôn luôn sợ mất hần, luôn luôn dõi theo hần mỗi lần hần bước ra khỏi nhà, không phải đi đâu xa cả năm cả tháng mà chỉ là đi ăn quà sáng hoặc đi uống một tách cà phê ở đầu đường. Thế là hần nổi điên lên đầu hần vẫn biết sự cáu giận của mình là rất vô lý, rất quái gở. Thằng con lớn nói nửa thật nửa đùa: "Đã già mà vẫn được vợ yêu là hạnh phúc lắm đấy. Bố phải nghĩ mình là người chồng rất hạnh phúc, nghĩ thế là sẽ thấy nhẹ nhõm ngay". Nhưng hần không thể nghĩ như thế được, hần vốn rất sợ những hành vi buồn cười, những lời nói buồn cười, đã là hai cái xác sắp đem chôn còn bày đặt ghen tuông, rình mò, sợ bị ai đó cướp mất. Chỉ có đứa khùng mới đi cướp một cái xác khô về để hầu và để chôn thôi. Vợ hần bảo: "Anh mặc quần áo đàng hoàng đâu có giống cái xác khô, vẫn còn tươi tắn lắm, chỉ như người mới 60 thôi". Mấy bố con ngồi trò chuyện với nhau, hần nói nhăn nhó: "Mẹ chúng mày điên thật rồi, mắc bệnh tâm thần phân liệt rồi, lấy chuyện hư, chuyện tưởng tượng làm chuyện thật, càng lúc càng tin là chuyện có thật. Chúng mày phải nghĩ cách giùm tao..." Thằng con lớn vẫn vừa cười vừa nói: "Bố thường khoe một đời biết nhịn những cái nhỏ để được những cái lớn. Bố thử chiều mẹ một chút xem sao?" Hần hỏi lại: "Tức là tao nhận tao đã có lỗi?" - "Với người có bệnh cứ nhận đại là đã có lỗi, có nhiều làm lỗi thì đã mất gì nào? Mẹ còn sống được bao lâu mà bố phải nhất quyết giành cho được phần thắng?" - "Tao tự hào là một người chồng, một ông bố rất có trách nhiệm từ trẻ đến già. Tao chả có lỗi gì với mẹ con chúng mày cả". Đứa con lại hỏi: "Xưa nay bố có lỗi gì với bạn bè mà sao bố chịu nhường nhịn các chú ấy nhiều thế?" Hần nói: "Với bạn bè tao rất có lỗi, người ngoài nhìn vào nghĩ rằng tao không có lỗi, nhưng tự tao biết tao rất có lỗi với họ". Con hần lại cười: "Họ chưa đánh bố đã chạy làm sao lại có lỗi được?" - "Có chứ, cô chú Anh Đức sinh con trong rừng, nuôi con dưới bom B.52, tao rất có lỗi với vợ chồng chú ấy. Chú Nguyễn Ngọc lấy vợ năm đã ngoài bốn chục tuổi, vợ chú ấy cũng phải ngồi trong nhà tù của Mỹ ngục nhiều năm, chả lẽ tao không có lỗi. Chú Phan Tứ rời chiến trường ra Hà Nội chỉ để đi nằm bệnh viện, ra ra vào vào, chết đi sống lại mấy lần, chả lẽ tao không có chút ân hận nào? Nói ngay cậu Chí Trung của chúng mày, một đời lăn lộn trong bom đạn, bây giờ già lắm rồi, đứng lên ngồi xuống đã phải vịn bàn chống tay, nói một lúc là thở, đã ngoài bảy mươi mà một gia đình cho riêng mình cũng không có. Tao với cậu ấy còn nhiều chuyện phải tranh cãi nhưng tao đâu có dám tranh cãi, hể cậu ấy cáu lên là tao tháo chạy ngay. Tao gần như được tất cả, cậu ấy gần như mất tất cả, chỉ còn lại mỗi cái quân hàm thiếu tướng. Thiếu tướng chứ đến đại tướng đâu có lấp đầy được những thiếu vắng của tuổi già. Tao có tư cách gì mà tranh luận, mà phân phải trái với những con người như thế. Tao không đồng tình với họ nhiều chuyện nhưng tao ngưỡng mộ họ, tao vẫn nhìn vào họ để gìn giữ sự ngay thẳng trong ngòi bút của mình".

Nói tới chuyện có lỗi hần lại nghĩ tới Nguyễn Trọng Oánh, một người bạn rất thân của hần từ thuở mới về tạp chí Văn nghệ Quân đội. Cả hai đều là lính quân khu, lính đại đoàn được điều động về Tổng cục Chính trị, giống như một lũ tiểu quý đang ở gò ở đồng bằng chốc được lên thượng giới để sống kề cận

với các vị đại tiên; đang là tôm tép ở rãnh nhỏ ngòi nông được vớt ra sông lớn hồ rộng, sông mãi rồi cũng có ngày trở thành cá lớn. Suốt một thời đánh Pháp tự nghĩ, tự viết chả có pháp thuật gì, thầy bà gì biết đến ngày nào mới thành chánh quả? Hấn là người sinh trưởng ở Hà Nội, sau nhiều năm ở làng ở rừng được về lại thành phố ngu ngơ như người nhà quê. Còn Oánh chỉ là chàng trai nông thôn lần đầu ra sống ở Hà Nội nhìn đâu cũng lạ. Cái vui của kháng chiến thành công, của tuổi trẻ, của Hà Thành hoa lệ, của những năm tháng nhảy cao bay xa sắp tới, hấn lại lấy được cả tiền nhuận bút truyện vừa Xây dựng khoảng 15 ngàn (là một trăm rưỡi khi đổi tiền), sáng trưa tối đều có thể ra phố ăn quà thoả thích, sống thoả thuê, sống mẫn nguyện mọi giờ mọi phút trong ngày, không ai muốn ngủ cả, không đi chơi thì ngồi tán chuyện, đọc thơ, đọc văn cho nhau nghe, rồi nghe các bậc đàn anh tâm sự về nghề nghiệp, kể chuyện về cuộc sống và thói quen viết lách của các tên tuổi lớn trên văn đàn hồi trước cách mạng và những năm ở rừng trong kháng chiến. Rồi những cái chết trận và chết bệnh của Trần Đăng, Hoàng Lộc, Thâm Tâm, Hải Triều, Ngô Tất Tố, Nguyễn Đình Lạp... Trong những câu chuyện linh tinh mỗi ngày mỗi đêm, hấn và Oánh gần như chỉ ngồi nghe chứ không dám mở miệng nói leo, biết gì mà nói, chuyện của nghề mới là anh tập việc, người trong nghề cũng chỉ mới được làm quen, sách của Tây thì chưa được đọc, sách của ta cũng chỉ mới đọc dăm bảy cuốn tiểu thuyết trước cách mạng. Vốn liếng sách vở không, từng trải việc đời không, mà lại dám nuôi mộng thành nhà văn nhà báo không sợ là hão huyền sao? Năm 1957, hấn bắt đầu viết các tập ghi chép về một vùng nông thôn công giáo ở Nam Định đăng rải làm nhiều kỳ trên tạp chí Văn nghệ Quân đội. Những chương sách có thể tồn tại độc lập được lập tức có bạn đọc ngay và tên của hấn bắt đầu được nhắc trong giới viết lách và những bạn đọc yêu văn học. Hấn đã bấm được ngón chân và đã đi được vài bước trên lối đi cheo leo dễ trượt ngã của văn chương. Nhưng Oánh thì chưa, trên bầu trời thi ca những năm ấy đã có sẵn những vùng sáng chói loà của các thi bá: Tố Hữu, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Huy Cận, lại có cả những vùng nghịch sáng của Trần Dần, Hữu Loan, Hoàng Cầm. Thơ của Oánh trong nhiều năm vẫn phải đứng lẫn trong đám đông, thơ nghiệp dư, thơ của anh bộ đội yêu thơ, thích làm thơ. Tuổi trẻ mà mộng chưa đạt là dễ giận thân lắm. Bạn bè cùng lứa đã bắt đầu có sự phân biệt, đã có người nổi tiếng, và nhiều người đã có chỗ đứng riêng trên các trang báo tuần báo ngày. Những người nổi tiếng nhất những năm ấy là Nguyên Ngọc và Phùng Quán. Phùng Quán nói: "Mình đi từ Hà Nội và Vĩnh Linh không cần phải giấy giới thiệu, chỉ cần nói Phùng Quán đây, là các barie đều nhắc lên để mình dắt xe vào". Nên Oánh chịu khó đi lắm, chịu khó viết lắm. Khi hấn ra Côn Cỏ vào giữa năm 1965, đến xã Vĩnh Kim đã gặp Oánh ở đấy rồi. Oánh vừa từ Côn Cỏ trở về đất liền đang đợi xe ra Hà Nội. Chả ai phân công Oánh ra Côn Cỏ cả, thích đi là đi, thử đến một nơi nóng nhất của cuộc chiến tranh phá hoại vừa mới bắt đầu xem có làm được một bài thơ hay không? Quả nhiên bài thơ của Oánh về các chiến sĩ Côn Cỏ là rất hay, sẽ còn lấp lánh lâu dài trong số những bài thơ hay thời chống Mỹ. Năm 1968, Oánh lên đường vào với bộ đội binh đoàn 559, định đi vài tháng rồi ra, nào ngờ được nửa thời gian lại có lệnh đi tiếp vào B2, tiếp sức cho Tạp chí Văn nghệ Giải phóng vừa mới mất một người lãnh đạo đầy uy tín là nhà văn Nguyễn Thi.

Tháng 5 năm 1975, hấn mới gặp lại bạn cũ sau bảy năm xa cách, đã nghĩ sẽ phải nói với nhau rất nhiều chuyện, chuyện đời, chuyện nghề, chuyện cơ quan cũ. Nào ngờ bạn cũ nhìn hấn như mới quen biết lần đầu, nói cười với hấn rất gượng gạo, khi nói chuyện với hấn ánh mắt cứ nhìn chéo đi như ghét lắm, giận lắm. Hấn là người nhạy cảm nên biết ngay vì lẽ gì bạn lại ghét mình, giận mình. Cái tội của hấn là đã không có mặt ở các chiến trường phía Nam suốt cuộc chiến tranh chống Mỹ. Bạn bè thay nhau vào còn hấn vẫn bình thân ở lại miền Bắc, quanh quẩn với vợ với con suốt bảy nhiều năm, và viết, viết quá nhiều, tới đâu viết đó, thậm chí có nơi chưa từng đến, chỉ nghe kể chuyện vẫn cứ viết được như tập bút ký chính luận về Hoà Vang.

Người đi chiến trường sống chết từng giờ vẫn là người viết văn nghiệp dư, hành quân, vác gạo, đào hầm, rồi ốm đau, rồi bình phục, rồi lại tiếp tục hành quân, có lúc nào rảnh rỗi được vài ngày để ngồi viết. Người viết khoẻ nhất là Nguyễn Thi cũng mới chỉ là những phác thảo dở dang, gần như là những trang ghi chép viết kỹ, còn phải mất nhiều năm tháng sống trong hoà bình để ngắm nghĩ, lựa chọn, gọt giũa mới có thể thành một tác phẩm nghệ thuật hoàn chỉnh được. Nhưng chưa kịp chuẩn bị gì cho cái hồi sau thì đã chết rồi. Chết là hết, là bản thảo bị cháy, một sự nghiệp thành giấc mộng, cái nỗi đau ấy phải là người trong nghề mới cảm nhận được hết những xót xa. Và bây giờ chiến tranh vừa chấm dứt được vài ngày đã thấy hấn vác mặt vào, vào để hỏi han, để thu thập tài liệu, để được sống ít ngày trong cái không khí chiến thắng, không khí giải phóng, sau đó hấn lại về Hà Nội ngồi viết, còn viết nhanh hơn, nhiều hơn những người ở chiến trường vẫn còn chưa hết bàng hoàng. Thế là giận, vì sao lại giận, cũng chẳng có lý do chính đáng nào, là giận cho cái thăng hay gặp may, nhưng sự may rủi lại là những yếu tố không thể loại bỏ trong mỗi số phận, luôn luôn có, mãi mãi có, không tùy thuộc vào mình có thích hay không thích. Mình ghét hấn, chế giễu hấn, hấn vẫn cứ gặp may, hấn có tự tổ chức ra những cơ may đó đâu mà bảo phải chịu trách nhiệm về sự lẩn phần may của người khác. Nhưng về già hấn lại gặp nhiều sự không may rồi! Cái chuyện không may của hấn không một ai có thể tưởng tượng nổi, nó buồn cười lắm, thâm lắm, mà chỉ cần hấn thay đổi cách sống một chút là hấn hoàn toàn có thể thoát ra vì tất cả đều tùy thuộc vào hấn, không có một trở ngại nào từ bên ngoài có thể ngăn trở hấn tự thay đổi. Vậy mà một người thông minh như hấn, luôn luôn biết tự điều chỉnh cách sống bằng sự từng trải của người khác lại phải chịu bó tay trong một trường hợp không một ai chịu bó tay, không một ai chịu đứng im để than vãn về sự không may của mình. Hấn luôn đề phòng mọi nghịch lý của đời sống nhưng chính hấn lại rơi vào một nghịch lý chưa từng nghe nói, chưa từng biết có thể có một trường hợp lạ lùng như thế nên không nhận ra những dấu hiệu báo trước, không hề chuẩn bị và cũng không biết cách chuẩn bị. Từ trẻ đến già hấn chỉ chuẩn bị là người thua, người chịu thiệt, người đứng phía sau, ngồi hàng dưới, rút cuộc hấn vẫn cứ là người thắng. Nhưng trong một trường hợp hấn nghĩ mình phải là người thắng, mãi mãi thắng thì hấn lại chịu thua, thua thảm hại bởi một người đàn bà rất thân thiết, không có bất cứ sức mạnh nào để đốn gục hấn cả.

Chương 9

Năm 70 tuổi bỗng dưng hần được rất nhiều. Đầu năm hần có nhà mới (do hần bán nửa căn nhà cấp bốn phía sau để có tiền xây nửa căn nhà phía trước thành nhà cấp hai, một trệt hai lầu), cả đời chưa bao giờ hần nghĩ có thể được ở một toà nhà khang trang đến thế. Cả tuần lễ hần không ngủ được trọn đêm, ngủ được một giấc dài là hần vùng dậy ngồi chồm hổm trên tấm nệm trải ngay trên nền nhà, ngắm nghía căn phòng từ nay là thế giới của riêng hần, muốn bày biện ra sao cũng được, muốn thức muốn ngủ lúc nào cũng được, và cái bàn nhỏ hần có thể viết cả ngày lẫn đêm chả ai dám quấy nhiễu, mà cái việc thất thường của hần cũng không quấy nhiễu một ai. Trong nhiều chục năm cái bàn viết của hần là bàn công cộng, đang viết có khách tới chơi thì gạt bản thảo sang một bên, rót trà mời khách, nhiều trang không thể đọc lại vì đã vàng ố nước căn trà. Đang viết lại chạy vụt ra ngoài để mua một bao thuốc Điện Biên hay Tam Đảo, lại đứng nói chuyện với bạn cùng khu tập thể một lát, về ngồi lại vào bàn tìm mãi không thấy trang bản thảo viết dở, hỏi con lớn năm nó đã lên tám, con trả lời vừa lấy giấy trên bàn đi chùi đít rồi. Ăn cơm gia đình thì vợ con ngồi ăn dưới đất, còn chủ và khách thì dọn cơm trên bàn vì cũng chỉ có hai cái ghế. Một cái bàn, hai cái ghế, hai cái giường, một cái tủ nhỏ, kê vừa chật mười lăm mét vuông của căn hộ một gia đình cấp uý, cấp tá thì được thêm nửa gian nữa, rồi coi một gian phía trước, vẩy một gian phía sau, vẫn sống rất thoải mái gần hai chục năm trời, lúc chiến tranh lúc hoà bình, lúc mới một con, lúc đã ba con, ba con chết mất đứa đầu ở sông Hồng còn lại hai, hai năm sau đẻ bù một thằng út lại thành ba, lúc khóc lúc cười, lúc buồn lúc vui, có lúc là cây bút trẻ đầy triển vọng, có lúc lại là tên phản trắc viết lách xỏ xiên, bao nhiêu chuyện thăng trầm của một đời người đều diễn ra trên mười mấy mét vuông nền xi măng ấy cả, cái gian nhà tiêu tụy ấy mãi mãi là thiên đường của một thời đối với hần, hần thành danh từ đây, thành người bố của một bầy con từ đây, vợ chồng gắn bó với nhau trong bấy nhiêu năm cũng bắt đầu từ đây, nơi ấy là đất lành, đất ra hoa ra trái, ra văn chương ra sự nghiệp chứ còn nơi nào khác nữa. Hà Nội với hần thu gọn lại chỉ là một rẻo đất bãi sát sông Hồng, mùa nước lũ một màu trắng đục ngầu bọt, ngầu rác che phủ tất cả, nước rút lại đến mùi tanh khắm của bùn khô, rác thối, chuột chết, mèo chết, chó chết, hết mùi tanh là đến mùa ruồi, ruồi bay đen như mây từng mảng lớn mảng nhỏ bầu kín mâm cơm, đình màn, dây phơi quần áo, cười to nói lớn là ruồi bay vào tận trong cuống họng. Đêm đến, nhất là những đêm cuối chạp, đầu xuân, đi họp về đứng trên bờ đê nhìn xuống cái vực đen thăm thẳm, le lói những chấm đèn vàng sẫm mà ghê quá, ngại quá, như sắp bước chân xuống cõi âm ty địa ngục nào. Nhưng trong cái địa ngục hun hút ấy là một đồng thịt nồng nặc mùi khai đang ủ trong chăn ấm, là tiếng nói mê của trẻ con, tiếng ngáy nhỏ của người vợ sau một ngày chạy vạy mệt nhọc, địa ngục mà cũng là thiên đường chứ hần còn có thiên đường nào khác! Có lần hần đi họp ở nước ngoài, đoàn Việt Nam có hai người và đoàn Ba Lan cũng có hai người, có bốn người mà được ở hần một toà lâu đài giữa thành phố Praha, một đoàn ở tầng trên, một đoàn ở tầng dưới. Mỗi tầng có tới mười mấy phòng ở sao cho hết! Những đêm ấy hần không ngủ, cứ đi lang thang từ phòng này sang phòng nọ, vì cả ngày sau hần đều ở hội nghị, ăn trưa ở khách sạn, mãi tới khuya mới được về nơi ở như hoàng cung của mình. Rồi hần về Hà Nội, lại chui đầu vào căn nhà hạnh phúc của hần, cởi giày ra, áo ngoài áo trong cởi ra, lại quần áo bộ đội và cái áo bông bộ đội, lại ra nhà vệ sinh tập thể, cắt rải từ ngoài vào trong, lại ruồi, lại cái mùi tanh khắm quen thuộc, đêm ngủ với các con nồng nặc một mùi khai nước đái trẻ con, mùi hôi của màn, mùi mốc của chiếu, trời thì mưa phùng, trong nhà nhớp nháp hơi nước của gió nồm, chỉ khó chịu có một đêm đầu, đêm sau ngày sau lại chả nghĩ thấy mùi gì hết, nghĩ đâu cũng chỉ thấy mùi da thịt của vợ của con, mùi hạnh phúc, mùi thanh bình, lòng dạ yên tĩnh hần lại và hần lại xấp giấy bút, pha một ấm trà hương chuẩn bị viết tiếp những trang

bản thảo đang bỏ dở. Thời trước, ba mươi lăm, bốn mươi tuổi là phải làm nhà, mua nhà, hoặc chỉ mua một căn hộ để sống tách khỏi cái đại gia đình. Thời bây giờ đám doanh nhân trẻ và các viên chức nhà nước tinh khôn lại thêm có cái đức lo xa đã có nhà riêng từ năm ba mươi, ba lăm tuổi. Còn hần mãi tới năm bảy mươi tuổi mới làm được cái nhà tử tế để vợ con cùng ở. Làm xong nhà chả biết hần còn được ở nhà mới thêm mấy năm rồi lại phải ra ở gò ở bãi. Vì biết không thể ở được lâu trong ngôi nhà của mình nên hần không dám rút ngắn niềm vui bằng những giấc ngủ vật vãnh của người già. Ngủ thì vẫn phải ngủ nhưng những lúc thức là hần lại đi tha thần từ phòng này qua phòng nọ, đi chán lại ngồi xuống các bậc thang trắng bóng, hút vài hơi thuốc với một cảm giác cực kỳ khoan khoái. Vật ngoài thân cũng mới chỉ thuộc về mình có ít ngày còn quyến luyến không nỡ rời, rời ra thì nhớ lắm, tiếc lắm huống người đàn bà đã là phân nửa của hần từ non nửa thế kỷ, ngày vui cũng nhiều, ngày buồn cũng lắm, con sông có con chết có mà cũng sắp kết thúc cả rồi, hoặc hần hoặc vợ hần cũng sẽ phải rũ áo ra đi, sẽ chia tay nhau mãi mãi mà hần không quyến luyến ư, không đau đớn ư? Lại không sẵn sàng nhận mọi lỗi lầm cho dù chả có lỗi lầm nào, sẵn sàng làm tất cả những gì vợ hần một đời mong mỏi, dầu việc làm ấy có ngược lại nếp cũ, ngược lại với thói tật gia trưởng của một thằng đàn ông châu Á cổ hủ!

Vợ hần nói với hần: "Trong những cái được của anh một đời có đến phần nửa là công của vợ anh nhưng trong con mắt anh, tôi không phải là vợ, chỉ là con tôi con đòi, có nợ với nhà anh từ kiếp nào kiếp nào nay phải trả cho hết thì mới hoá sang kiếp khác được. Một đời ăn ở với nhau chả bao giờ anh hỏi tôi muốn gì, cần gì. anh cứ làm theo ý anh còn tôi là con ở con hầu không thích cũng không dám cãi lại. Tôi sinh cho anh năm đứa con, ba sống hai chết, chả có lần nào anh đưa tôi đi bệnh viện, tôi bị băng huyết, bị sát rau cũng phải sau đó anh mới biết. Sinh con xong khát khô cả cổ, người ta thì có sữa do chồng đưa vào còn tôi thì chỉ húp có nước rau muống luộc. Để xong có bao giờ tôi được kiêng cử lấy vài tuần, sợ chồng bận, sợ chồng không viết được tôi lại tự đi nấu cơm, tự giặt giũ. Anh có người vợ dễ bảo đến thế còn chữa vừa lòng sao? Còn chữa bằng anh bằng em sao? Tôi chỉ trở thành gánh nặng cho anh có vài năm nay, vì tôi đã già rồi, lại mang nhiều bệnh. Nhưng anh đâu có vất vả thêm vì tôi, tất cả lại dồn lên đầu mấy đứa con, tiền là của chúng nó, đưa mẹ đi bệnh viện, chăm nuôi mẹ ở bệnh viện cũng là chúng nó, anh vẫn ngồi nhà mà, một tuần đến thăm vợ một lần mà cũng ngại, cũng thấy là khó nhọc. Người sướng đến thế mà không biết sướng..."

Tất cả những tội lỗi của một thằng đàn ông tự xem là ông chủ tuyệt đối của gia đình thật ra đều xuất phát từ lòng yêu thương cả, hần đã xem vợ là chính hần, là một nửa của hần, còn có việc làm nào ở đời này mà không phải vì vợ vì con. Hần được danh, cái danh ấy là của cả chồng cả vợ, cái lợi cũng thế, một đời chưa bao giờ hần cầm tiền hoặc có một khoản tiền để tiêu riêng. Vì đã nghĩ như thế là đủ, là đã làm tròn bổn phận làm chồng làm cha, nên hần không cần có những chiều chuộng, nịnh bợ, những lời nói vuốt ve, hần vốn rất sợ những lời nói của kịch, của sân khấu, những trò phượng tuồng như hần vẫn chế giễu trong mối quan hệ vợ chồng cha con. Đến chơi nhà bạn bè hoặc các bậc huynh trưởng thấy vợ chồng họ dạ thưa với nhau nhiều quá, săn sóc âu yếm nhau lộ liễu quá hần đều cảm thấy rất khó chịu, nói quấy quá đâm ba câu chuyện rồi tìm cớ rút thẳng. Hần không thấy cần nhưng vợ hần lại rất cần, hần có thú vui được đi rồi được viết, niềm vui bất tận của người sáng tạo, còn vợ hần ngoài những nghĩa vụ ở cơ quan và gia đình còn có niềm vui riêng nào nữa nhỉ? Nửa thế kỷ chung sống nhưng những lần được đi cùng với nhau tới nhà hát, tới rạp chiếu phim có thể đếm trên đầu ngón tay. Hoàn toàn không có chuyện vợ chồng con cái đi nghỉ dài ngày vào dịp hè hoặc đi chơi ngắn ngày vào những dịp lễ tết, lúc thì con còn nhỏ, lúc thì đang có chiến tranh, lúc thì đã quá già để có thể phơi cái khung xương khô ra bãi biển. Hần không cần đi đâu cả, cũng không cần phải chơi bời với ai, trò chuyện với ai trong một thời gian dài mà không thấy buồn, không thấy trống vắng. Chính là cái khoảng

thời gian ngồi một nơi, sông một mình lại là những ngày hẩn khoan khoái nhất, mẫn nguyện nhất vì cùng được phiêu lưu với các nhân vật của mình, được cùng trò chuyện với họ, tranh cãi với họ, mỗi ngày một chủ đề, có lần hẩn thắng, có lần hẩn thua nhưng bao giờ cũng bằng lòng về các cuộc trò chuyện tưởng tượng đông dài ấy. Sau chuyến đi Thái Bình lần thứ hai, suốt mấy tháng sau hẩn sống như người mộng du, lúc là chàng "lãng tử"; lúc là anh thương binh đã bị bom Napal đốt cháy hết gương mặt và hai bàn tay; lúc lại nhà báo tỉnh với số phạm hẩn hui của một thời thể đã thay đổi. Nhân vật nào hẩn cũng ao ước, cũng gấn bó vì họ đều có tính cách mạnh dạn vượt khỏi những trói buộc của hoàn cảnh để được trung thành với chính mình. Bạn bè hẩn thường nói nửa đùa nửa thật rằng hẩn có tài viết nhanh viết nhiều, gặp bất cứ ai, nghe bất cứ chuyện gì hẩn đều có thể viết được. Thật ra hẩn chỉ quan tâm và chỉ viết hay những gì có liên quan đến những mộng mơ lớn nhỏ của hẩn, liên quan đến tiểu sử và cái thế giới thầm kín của hẩn. Gặp một người thú vị đúng như hẩn mong ước, hẩn còn vắn vò, nhào nặn họ đến chán chê trong cõi tưởng tượng của hẩn, gần như hẩn đã biến hoá thành chính họ, họ là cái mong muốn được là, là cái sẽ là, nhân vật văn học là con người khác của hẩn chứ không bao giờ là hẩn. Là giống con người mộng mơ chứ không thể giống với con người thật, con người hàng ngày của hẩn nhặt nhẹo muốn chết làm sao thành nhân vật văn chương được. Trong những ngày hẩn chuẩn bị viết và viết không ai muốn gần hẩn cả, là con người đáng ghét nhất, khó chịu nhất, ăn như nuốt bã cám, nói như người dở hơi, đi lại trong nhà như cái bóng, động tí là gắt, rất dễ gắt, gần như một kẻ hoàn toàn vô tích sự khiến mọi sinh hoạt trong gia đình hoá ra nặng nề, hoá ra căng thẳng. Chính trong những ngày ấy vợ hẩn bắt đầu có dấu hiệu của bệnh liệt rung, mãi sau này khi bệnh đã phát lộ hẩn mới biết, đầu vợ hẩn đau như đã nói với các con, với cả hẩn nhiều lần về sự cứng dần của các đốt ngón tay, sự thiếu chính xác khi gấp thức ăn, khi đánh răng, khi rửa mặt và hay có những cơn nhức đầu vặt. Hẩn đã quên luôn là vợ hẩn đang già dần, đứng lên ngồi xuống đã khó nhọc, và bước đi đã có cái dáng lom khom của một bà già sáu mươi tuổi.

Lần đầu tiên vợ hẩn phải nằm bệnh viện vì bệnh sỏi mật, sau gần hai chục năm phải vào bệnh viện để sinh đứa con sau cùng. Vợ hẩn nói với hẩn trong hơi thở ngắt quãng: "Từ nay tôi phải sống dựa vào chồng con rồi, tôi không hầu được bố con ông như trước nữa. Rồi ông sẽ bận đấy chứ không rảnh rỗi ngồi viết như những năm tôi còn khoẻ đâu". Hẩn nói thản nhiên: "Bà không giúp tôi được, con cái cũng không giúp được thì phải mượn người làm, nhà nào chẳng thế". Vợ hẩn nghe xong có vẻ buồn, còn như rất buồn, thì ra người vợ già chẳng còn quan trọng bao nhiêu tới cuộc sống của gia đình, tới công việc viết lách của hẩn. Không có vợ thì đã có người giúp việc, hẩn vẫn có tiền mà, xưa kia phải nuôi con bằng tiền nhuận bút, bây giờ con không phải nuôi mà tiền nhuận bút vẫn có, hẩn vẫn viết nhanh viết nhiều như những năm còn trẻ, các báo ngoài Hà Nội và của thành phố vẫn săn bài của hẩn như thời xưa, hẩn đâu có phải thay đổi gì cách sống cách viết nếu như bà vợ già bắt đầu đau yếu.

Hẩn cũng đã nghĩ thế, vợ hẩn đau bệnh đâu có ảnh hưởng gì nhiều tới đời văn của hẩn, tới cả đời riêng nữa, vì ngoài người vợ mỗi năm một già đi hẩn chưa từng để ý tới một người đàn bà nào khác. Thêm muốn thì vẫn có nhưng nghĩ tới những phiền phức buồn cười của mối tình vụng trộm lúc đã già là hẩn lại sợ, hẩn sợ trở thành một trò cười trước mắt con cái nhưng còn sợ hơn là mất sự yên tĩnh quen thuộc khi ngồi trước trang giấy trắng. Danh cũng không bằng được thanh thời ngồi viết, lợi đến mấy cũng không sượng bằng cái lúc được viết, vợ con cũng là nhỏ trước trang bản thảo, đời hẩn chỉ là viết, là cái gong cái cùm hẩn tự nguyện chui đầu vào, đưa tay vào, bỏ nó đi để trở thành người tự do thì thà chết quách còn hơn. Danh và lợi và gái là những cạm bẫy hiểm độc đến danh nhân anh hùng cũng khó thoát nhưng hẩn lại chuối được ra rất dễ dàng, với hẩn chẳng có gì quyến rũ hơn là tờ giấy cây bút. Nhưng một đời văn mà không có những ham muốn, đau khổ, dằn vặt, thất bại của mọi đời thường thì

lấy gì mà viết, đời không có đam mê, không có thất bại thì nhạt bằng nước ốc, nước đã trong sao quấy bột thành hồ! Hắn không sợ điều đó vì trời đã cho hắn cái khả năng thoát xác nhập hồn rất dễ dàng, với giá đồng nào hắn cũng đều nhập được trọn vẹn, thành thực, là đàn ông hay đàn bà, là tiện dân hay quý tộc, là cụ đạo hay ông sư, là thánh nhân hay tội phạm... Hắn có thể là tất cả mà cũng không là ai cả, là hình bóng của đối tượng hắn khai thác, là kẻ chỉ có thật trong tưởng tượng nên không có cái bẫy nào giữ được hắn lâu dài. Tưởng là thế mà hoá ra không phải thế. Về mấy năm cuối đời hắn lại bị sập bẫy do chính hắn thiết kế, tự hắn chui đầu vào và tự hắn đánh sập xuống và hiện nguyên hình là một thằng đàn ông khốn khổ mà bất cứ ai cũng có thể thoát ra rất dễ dàng, riêng hắn chẳng những không thể thoát ra mà còn tự chằng thêm dây trói, đêm ngày dẫy dụa trong những vòng trói ấy. Và hắn đã nghĩ đến cái chết, đã nói ra miệng đến cái chết tự nguyện với con cái để vĩnh viễn thoát khỏi sự trừng phạt cay nghiệt nhất mà hắn đang được ném trái.

Chương 10

Cuối năm 1956, hắn làm công tác cải cách ruộng đất ở tỉnh Quảng Yên, đợt cuối. Một sáng, hầy còn tối trời vừa thức giấc hắn đã nhìn thấy một hình người ngồi nép vào một chân cột. Hắn vùng dậy, hỏi nhỏ: "Ai ngồi đấy thế?" Cái bóng kia lê người lại: "Bẩm đội con là địa chủ Tịnh đây ạ". Hắn nhìn trước nhìn sau rồi kéo bà lão lên ngồi cạnh, nói nhỏ: "Trước đông người cụ muốn gọi sao thì gọi nhưng vắng người cụ cứ xem con như con cháu của cụ" - "Con không dám..." - "Cụ nói lại đi, cụ xưng là bác đi..." - "Tôi không dám, chả là tôi có một chuyện này..."

Mấy bước cuối, đội cải cách làm tiếp luôn việc sửa sai, trao trả lại quyền công dân cho một số cán bộ thôn xã, hạ thành phần những người bị quy sai, điều chỉnh lại việc phân chia ruộng đất, không khí làng xóm nhẹ nhõm hẳn, vui vẻ hẳn, người bị tố và người đi tố sau vài cuộc họp đã làm lành với nhau cũng nhanh chóng. Trong một bữa ăn gia đình nhân có hai con trai ở bộ đội về thăm mẹ, bà lão Tịnh có mời hắn sang uống rượu. Người con trai lớn của bà hơn hắn mười tuổi, là cán bộ cấp trung đoàn nói với hắn trong nước mắt: "Bây giờ thì mẹ đã coi em như đứa con út trong nhà. Không có em bảo vệ mẹ và chị..." Thật tình hắn không bảo vệ gì bà lão cả, hắn chỉ không làm nhục bà thêm thôi. Trong cách nhìn trong cách nói mỗi khi gặp hắn bộc lộ rõ sự tôn trọng của hắn đối với bà, bà là địa chủ nhưng bà còn là mẹ của các cấp trên hắn trong quân đội. Ông đội tỏ ra dễ dãi thì bà con nông dân lập tức dễ dãi ngay. Họ đã ăn ở với nhau hàng mấy đời nếu mình không sinh sự thì tự họ làm sao lại sinh ra sự.

Đối thoại, dàn hoà, đoàn kết là phương châm nằm lòng suốt một đời của hắn. Hắn không thể là người của hành động, hành động bao giờ cũng đòi hỏi sự bạo liệt của người lãnh đạo, người chỉ huy, không có bạo liệt thì chả làm được việc gì đến nơi đến chốn, việc nhỏ cũng hỏng nói gì tới chiến tranh, cách mạng. Năm 68 tuổi hắn nhận huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, trong lời phát biểu hắn nói rằng hắn xứng đáng được nhận danh hiệu một đảng viên cộng sản lão thành, nhưng trong thâm tâm hắn lại tự thú hắn không thể xứng đáng. Hắn chưa bao giờ là một chiến sĩ cách mạng trong hành động thực tiễn, hắn thường tỏ ra rất uỷ mị, rất mềm yếu trước kẻ thù khi họ đã thất bại, đã phải gánh chịu một số phận bi thảm liên lụy tới cả vợ cả con họ. Hắn sợ phải đối mặt với những cảnh ngộ thương tâm, bất kể người trong cảnh ngộ trước đây họ là ai, đã làm những gì. Năm 1987 khi về làng Thổ Tang hắn có xin với Tỉnh uỷ Vĩnh Phúc được trò chuyện dài ngày với phạm nhân Vũ Hồng Khanh, một lãnh tụ Việt Nam Quốc dân đảng thời Nguyễn Thái Học, được quản thúc tại quê nhà do tuổi đã quá cao. Hắn gọi ông già là mợ và tự xưng là cháu. Một đảng uỷ viên xã đi theo lấy làm khó hiểu: "Chú là đại biểu quốc hội, là nhà văn của cả nước sao chú lại gọi một tên phản động là mợ và xưng là cháu?" Hắn trả lời: "Nhưng ông lão ấy còn lớn tuổi hơn cả bố tôi, tôi không thể gọi khác được". Năm hắn gặp lại bố đẻ và bà mẹ già, những người đã làm nhục hắn một thời thơ ấu, ông bố hắn nói rất thản nhiên: "Cái năm ấy chẳng qua là do hoàn cảnh...", hắn nói theo ngay: "Cậu chả nên nhắc lại cái chuyện ngày xưa làm gì, con cũng quên nó từ lâu rồi". Hắn quên thật và lấy làm thương cảm cho những người gắn bó một đời với một thể chế đã bị sụp đổ hoàn toàn từ một tuần nay. Rồi đây hai vợ chồng già sẽ sống bằng gì, vì con cái đã mỗi người tháo thân mỗi ngả. Tuổi già không có người chăm sóc, lại buồn, lại lo là sẽ khốn khổ vô cùng. Rồi hắn an ủi rất thành thật: "Cậu mợ còn có vợ chồng chúng con nữa kia mà. Chả có gì đáng phải lo lắm đâu". Không bao giờ hắn hé răng hỏi lại những người đã từng khiến hắn phải run sợ, vì lẽ gì họ lại có đủ ác tâm vu cho một đứa trẻ vốn là con mình phạm một tội mà họ biết chắc không hề có, không phải một lần mà những hai lần để dễ bề đuổi nó đi. Hắn chưa bao giờ có ý định trả thù, hắn không có máu trả thù. Và lại thời thế đã trả thù giúp hắn rồi, một cuộc báo thù trọn vẹn, đẹp đẽ mà kẻ

có thù có oán không cần mở miệng nói nửa lời, chỉ là người chiến thắng thôi, thắng từ trong nhà, trong dòng họ vốn chưa bao giờ biết sự có mặt của hắn ở đời này.

Một người hiền lành, thích nhân nhượng, không tính oán kết thù với bất cứ ai một khi họ đã thất bại lại không thể tìm ra một cách kết thúc tốt đẹp trong quan hệ vợ chồng lúc đã về già sao? Hắn là người thắng, vợ hắn là người thua, một đời bị chồng con phá phách, tước đoạt, về già như một phế tích hoang tàn lại không đáng thương sao? Hắn đã từng tha thứ những người đã làm hắn khổ sở mà không hề tự hỏi tại sao lại làm thế, chỉ thấy thương thôi, thấy xót xa thôi, chỉ muốn làm nhẹ bớt cái khổ của người đã từng làm cho mình khổ. Tại sao hắn lại không thể tha thứ những hành động vô lý, quá đáng của người vợ đã bắt đầu lần, đã có những ám ảnh phi thực tế của người có bệnh? Chỉ tại hắn đã xem vợ là một nửa của hắn, là chính hắn, lại có thể hiểu lầm một nửa này cũng là hắn, tại sao thế? Vợ hắn đã tự tách khỏi hắn từ bao giờ vậy, đang là hoàn toàn thuộc về hắn đột nhiên trở thành kẻ thù của hắn, vò xé cái nửa còn lại của hắn vào chính cái lúc hắn cần yên tĩnh nhất, thanh thoi nhất để được sống bình thản, không lo nghĩ mấy năm cuối của một đời người tạm gọi là mãn nguyện. Và hắn đã quyết định không thể tha thứ sự phản bội đó, sự nổi loạn muôn măn đó của cái nửa hắn vốn tin chỉ có hy sinh chứ không bao giờ dám chống trả. Như những năm đã qua. Vợ hắn nói: "Về già anh được tất cả, còn tôi chỉ được có mỗi một anh thôi. Anh mà ruồng bỏ tôi thì tôi thành tay trắng. Cho nên tôi phải giám sát anh, theo dõi anh, anh không thoát được tôi đâu. Tôi chỉ cầu xin ông giời cho tôi được chết sau anh đâu chỉ một ngày để tôi được yên tâm rằng anh không có người đàn bà nào khác, những đứa con nào khác ngoài vợ con chính thức của anh". Những người đàn ông khác có thể không thông minh bằng hắn nhưng đều có thể nói đùa một câu: "Bà còn hầu tôi vài năm nữa là ít, hầu tôi sống còn phải hầu tôi chết nữa kia, phải làm xong cái giỗ đầu cho tôi rồi bà có muốn đi đâu hãy đi!".

Nhưng hắn không nói và có ý định sẽ không bao giờ nói, hắn không cho phép cái nửa kia của hắn dám ngờ vực, dám chống đối cái nửa còn lại, xét cho cùng có bao giờ tách khỏi cái nửa kia. Hắn không cho phép những người thân yêu nhất lại dám ngờ vực sự tận tâm, lòng chung thủy với vợ con của hắn. Một người hoàn toàn trong trắng trong cuộc sống cá nhân lại tự nhận đã có lỗi, một cái lỗi chưa bao giờ hắn phạm phải, nghĩ một cách tội lỗi thì có, đôi lúc vẫn có nhưng làm những việc không xứng đáng thì chưa bao giờ, chưa một lần nào, chỉ vì thương vợ, vì bệnh tật của vợ cứ cho là vì cả cái bệnh hoang tưởng của vợ mà chịu nhận lỗi cho vợ được vui lòng, cho mọi việc rắc rối được êm xuôi để giữ được sự yên tĩnh vốn có của gia đình, các con hắn vẫn khuyên hắn nên làm như thế.

Thì hắn vẫn thường tự nhận nhiều lầm lỗi chưa bao giờ hắn phạm phải hoặc trong thâm tâm hắn vẫn cho thái độ ấy, việc làm ấy chẳng có gì là lầm lỗi, nhưng hắn vẫn nhận trước bạn bè, trước chi bộ, trước cấp trên thì sao? Người ta chưa nói hết câu hắn đã vội vàng nhận lấy tất cả, với bộ mặt giọng nói của người hối lỗi thì sao? Hắn đã trườn qua mọi chuyện rắc rối bằng sự sám hối nhanh nhẩu để dành thời gian cho công việc viết lách thì đã sao? Cái lỗi được nhận khiến xung quanh quên đi nhanh chóng hắn đã là người có lỗi, tập thể luôn luôn đúng và hắn luôn luôn sai, đã kết luận được như thế thì còn gì phải căm ghét hắn nữa. Thế là tha liền, quên liền và hắn cũng quên luôn đã từng nhận những lầm lỗi gì. Nhiều người bạn của hắn đã phải chịu vất vả cả năm, cả nhiều năm vì đã tranh cãi đến cùng một cái lỗi, xét đến cùng là hết sức vớ vẩn so với những hoạt động khác của một đời người. Hắn vẫn thâm chê cái bệnh ham tranh luận, ham lý lẽ, ham phân tích sai đúng, phải trái của người này người kia là bệnh của thằng ngu. Hắn còn đọc được ở đâu đó, hình như của cụ Mác thì phải, rằng mọi tấn bi kịch đều sinh ra từ cái ngu của con người.

Cái tân tuồng nửa bi nửa hài của vợ chồng hắc lúc cuối đời có phải từ cái ngu của hắc không nhỉ?

Chương 11

Nếu không có cuộc cách mạng giải phóng dân tộc năm 1945 thì chắc hẳn mãi mãi hẳn chỉ là đứa con thêm con thừa, đứa con bỏ đi của một dòng họ. Nhờ có cách mạng, rồi lại nhờ có kháng chiến hẳn đã trút dần được cái hồn nô lệ để chấp chững tập làm người tự do. Nhưng làm người nô lệ, làm người phụ thuộc, người thích dựa dẫm thì quen, còn làm người tự do, người dám chịu trách nhiệm về những quyết định của mình thì còn lạ còn sợ. Cũng là may hẳn lại chọn được cái nghề làm báo, viết văn để dần dần tự cải tạo mình qua những tính cách mạnh mẽ, quyết liệt của những nhân vật hẳn ái mộ. Hẳn vốn ngưỡng mộ những người anh hùng, đặc biệt là những anh hùng trong thất bại. Người anh hùng trong thất bại bao giờ cũng tự tỏa sáng từ bên trong, gương mặt ưu tư của họ trở lên cao quý và thường gây được ấn tượng lâu dài trong tâm thức hẳn. Hẳn rất sợ những gương mặt mãn nguyện, tự bằng lòng với mình, nó nông và dung tục, kể cả cái bản mặt của chính hẳn khi được đưa lên mặt báo sau ngày được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 2. Một cái mặt hả hê đến thế còn hy vọng gì có thể viết được những trang văn hay hơn những cái đã viết.

Lại nói về những gương mặt, hẳn rất mê những gương mặt của bạn bè lúc đã về già. Gương mặt của Nguyên Ngọc lúc già đẹp hơn lúc trẻ, đẹp hơn nhiều, tóc thưa đi nên vàng trán như rộng ra, gò hẳn lên khiến cái đầu như lớn hơn với những nếp nhăn khắc khoải, ưu tư nhưng ánh mắt lại bình thản, lấp lánh trong đáy sâu như có một thoáng cười. Nguyên Ngọc kém hẳn hai tuổi, vào bộ đội chống Pháp sau hẳn vài năm, nhưng học vấn sâu rộng hơn hẳn, sự từng trải ở chiến trường cũng nhiều hơn hẳn, nhất là thời kỳ chống Mỹ, và tài năng viết lách cũng hơn hẳn. Nguyên Ngọc còn là người say mê hành động, có kinh nghiệm trong hành động thực tiễn. Và còn là người rất quyết liệt trong niềm tin của mình. Tuy nhiên theo hẳn, con người tư tưởng không cần biết tới sự nhân nhượng, không cần biết đến vùng đệm, những khoảng giữa, không cần cả đồng minh để giữ được sự trong sáng và trọn vẹn trong cách tư duy của mình. Anh ta có thể đúng mà cũng có thể sai nhưng vẫn là một cái mốc trên chặng đường tiến hoá về tư duy của đồng loại. Còn là người hành động thì lại hoàn toàn khác. Người hành động trước hết phải là người biết tổ chức sự cộng tác của nhiều người, có khả năng đoàn kết với nhiều loại người, biết nhân nhượng, biết nhẫn nhục, biết chờ đợi, biết biến hoá để cùng họ hành động cho tới ngày đạt được mục đích. Sự cô độc sẽ làm nhà tư tưởng lớn mạnh lên nhưng lại phá phách những điều kiện của người hành động. Nguyên Ngọc mãi mãi chỉ là người của tư tưởng, là nhà tư tưởng của thế hệ bọn hẳn, với hẳn thế là quá đủ, đủ để xem bạn như một hình mẫu lý tưởng để tự điều chỉnh cách sống và cách viết của hẳn.

Một gương mặt nữa cũng có sức hấp dẫn hẳn trong nhiều năm. Đó là gương mặt của L.H.N. Anh ấy nguyên là bí thư tỉnh uỷ Vĩnh Phú, sau này còn là bí thư tỉnh uỷ Thanh Hoá. N. có gương mặt của người luôn luôn trăn trở, lo lắng vì cái trách nhiệm quá lớn của mình. Và anh rất thật thà, anh thuyết phục hẳn ngay từ lần gặp đầu tiên vì sự chân thật. Phải là người tự tin, biết rõ giá trị của mình mới dám nói thật với người chỉ mới đọc văn chứ chưa biết người. Khi hẳn hỏi về ông Kim Ngọc, cố bí thư tỉnh uỷ Vĩnh Phú dám làm khoán chui để dân bớt khổ, N. không tránh né gì cả, còn nói rất nhiều về mối quan hệ thân thiết của mình với người tiền nhiệm. Theo N. ông Kim Ngọc có hai điều đáng tiếc. Thứ nhất, ông ta dám làm một việc động trời mà chả có lý lẽ gì cả, chỉ nói là có lợi và nên làm. Còn các phái viên của trung ương về kiểm tra thì lại có quá nhiều lý lẽ để phản bác, cãi không được nên đành cúi đầu chịu tội, chịu tội nhưng vẫn âm ứ vì việc làm của họ đâu có giống với lý sự của trung ương. Thứ hai,

Ông Ngọc không biết dùng trí thức, ông dùng người bằng những quen biết trực tiếp nên anh trí thức đứng vòng ngoài. Phó chủ tịch tỉnh phụ trách văn xã là một bà nông dân, nhai trầu bồm bồm. Phó chủ tịch phụ trách công nghiệp là một ông thợ rèn. Một bà phó ban nông nghiệp cũng ăn trầu và chả biết gì về công việc của mình cả. Thủ lĩnh có chí lớn nhưng không có người cộng tác và trợ lý xứng đáng, không có một đội ngũ những trí thức trẻ làm hậu thuẫn phía sau. Biết là mình bị kết án oan và lý lẽ của cấp trên là giáo điều, tách khỏi sự vận động của đời sống, tách khỏi những mong muốn nóng bỏng của người nông dân, nhưng không có lý lẽ để bảo vệ, không biết cả cách bảo vệ. Khi nhận nhiệm vụ là bí thư tỉnh uỷ, anh N đã làm ba việc để tưởng niệm nhà cách mạng đơn độc. Một là, đưa khoán hộ vào nghị quyết của tỉnh uỷ vì lúc này trung ương đã nói tay rồi. Hai là, tư hữu hoá ngôi nhà của ông Kim Ngọc, định giá là hai trăm ngàn, lấy tiền trợ cấp của tỉnh bù vào. Ba là, xây mộ cho vị tiền nhiệm tại nghĩa trang của tỉnh. "Rồi anh N. hỏi hấn: "Làm thế có được không?" Hấn nói rất chân thành: "Lòng biết ơn đối với những người anh hùng đơn độc cũng là một hành vi đẹp của người cầm quyền". Mấy năm sau khi hấn về Thanh Hoá, cũng là quê gốc của hấn, thì anh N. lại là bí thư tỉnh uỷ Thanh Hoá. Hấn có hỏi anh: "anh đánh giá vị bí thư tiền nhiệm của tỉnh này như thế nào?" N. nói: "Trong nền kinh tế bao cấp ông H. rất giỏi, làm thâm canh giỏi, làm thủy lợi giỏi, huy động lương thực cho tiền tuyến rất quyết liệt, lại có năng lực tổng hợp. Nhưng khi nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường thì ông ấy không thoát được thân". Nhận xét về một người thất bại như thế là khách quan, vô tư và rất có tư cách. Anh N. cũng là một nhân vật lý tưởng để hấn nuôi dưỡng cái phẩm chất làm người của hấn.

Trần Kim Trắc cũng là một người hấn rất kính trọng về nhân phẩm cũng có một gương mặt tuyệt đẹp, nhàu nát những nếp nhăn, tóc bạc, râu bạc, lông mày, long mi đều bạc, trong cái nhìn cứ như ẩn giấu đâu đó một thoáng cười, không phải là cười giấu mà là cái cười khiêm nhường của người biết ơn, biết ơn cuộc đời đã rất tàn nhẫn với mình, biết ơn bạn bè đã từng gây nhiều khó khăn cho mình, như người đã vượt khỏi Sông Mê, đã tới bến bờ của sự Giác Ngộ. Hấn đã quan sát rất kỹ cuộc gặp mặt giữa nạn nhân với những người đã từng làm án nhân ngày kỷ niệm 40 năm tạp chí Văn nghệ Quân đội ra mắt bạn đọc. Những người "chân chính" như hơi ngượng, cười gượng, nói gượng, còn kẻ đã "phạm tội", đã mất nhiều chục năm sống khốn khổ khốn nạn thì cười nói nhỏ nhẹ, nhún nhường: "Dạ, thưa vẫn khoẻ", "Dạ, năm nay vừa tròn bảy mươi...". "Dạ, vẫn viết, tuổi già chỉ có hai việc, cống chất ngoại đi chơi, lúc chảnh đi trẻ thì ngồi viết, viết cũng chậm lắm, nhưng vẫn có chút việc riêng để làm". Chả giận ai cả, chả oán ai cả, vẫn biết ơn đời, đời cho sống đến lúc tóc bạc để được gặp lại bạn cũ, một đời người mấy ai tránh được những rủi ro, những rủi ro đâu có sao, chả sao cả, nó vẫn là muối của đời... Gương mặt của Trần Kim Trắc mãi mãi ám ảnh hấn, cổ vũ hấn những lúc hấn vấp phải những chuyện buồn.

Chương 12

Dầu hấn không được bất cứ giải thưởng văn chương nào, không là một tên tuổi gì trong làng văn hấn vẫn cứ là một người may mắn. Nếu không có cách mạng thì mãi mãi hấn sẽ bị ám ảnh là một đứa trẻ bị ruồng bỏ, học hành dang dở, tính cách yếu đuối, chỉ xứng đáng có một thân phận hèn mọn, sống bám vào những ông anh bà chị giàu sang. Như nhiều ông bác, ông chú nghèo hèn sống lẫn khuất trong cái bóng phú quý của dòng họ mà hấn đã được biết. Rồi với cái nghề làm báo trong mấy chục năm hấn đã được tiếp xúc với vô số người, là người cùng thời đã tham gia hai cuộc chiến tranh, một thời hoà bình gian nan vất vả, lại một thời thay đổi cách quản lý kinh tế với bao nhiêu chìm nổi trong mỗi số phận. Non nửa thế kỷ sóng to gió lớn, đất nước nghiêng ngả bởi những rung chuyển từ chân móng nên đã sinh ra mấy lớp người dám ôm mộng cải tạo xã hội, cải tạo thế giới, dám có những ý tưởng táo bạo, những hành động và cách sống vượt khỏi mọi giới hạn của con người. Chính họ là "duyệt chất trần gian" đã nuôi sống và thay đổi dần dần cái thế giới tinh thần của hấn, xúi giục hấn biết mộng mơ, biết lãng mạn, biết quên cái thân phận tẻ nhạt của mình để hoà nhập vào những thay đổi lớn lao trong số phận cộng đồng. Hấn trở thành người có chí hướng từ đó, dám nghĩ dám viết một cách độc lập từ đó. Nếu kể hết những người đã có ảnh hưởng hoặc thấp thoáng hoặc sâu đậm với hấn trong suốt mấy chục năm thì nhiều lắm, hấn cũng chẳng thể nhớ, hấn ghi chép đời của nhiều người nhưng chưa bao giờ ghi chép những thay đổi hoặc những sự kiện quan trọng đã xảy ra với mình. Hấn không có thói quen viết nhật ký, nhiều lắm là hấn ghi vội ở rìa trang bản thảo: "Bữa nay Huỳnh sốt cao, rất lo!", "Bữa nay lại cãi nhau với vợ, cô ấy dọa ly hôn, chuyện vợ vẫn mà rất buồn...". Ngay cả chuyện làm sụp đổ một nửa niềm vui và hy vọng của hấn, hấn cũng chỉ ghi vội, vẫn là ở phần rìa trang viết nháp của một truyện ngắn chỉ vừa mới bắt đầu và sẽ không bao giờ hoàn thành: "Thứ Năm, chiều 17 tháng 5 năm 1973, lúc 5 giờ 30 chiều, Huỳnh, đứa con trai yêu dấu của bố đã bị chết đuối ở sông Hồng, năm con vừa tròn 15 tuổi. Con ơi! Bố chết được chăng? Nếu mà bố chết được thay con!!!..." Nhưng những chuyện mới xảy ra trong khoảng ba chục năm trở lại thì hấn còn nhớ. Vì những con người khiến hấn phải xúc động, phải bàng hoàng, có cơ hội để hiểu thêm một khía cạnh u uẩn trong tâm hồn con người, hấn đều viết thành truyện cả, những truyện ngắn, những tạp văn. Những trang viết dành cho bạn đọc cũng là những trang viết dành cho riêng hấn, là những khoảnh khắc hấn đã sống và đã nghĩ, là một phần sống của chính hấn, mỗi dòng chữ là một nhịp đập lúc nhanh lúc chậm của trái tim nghệ sĩ trong hấn trước vẻ đẹp muôn màu của cuộc đời, là quà tặng không cạn kiệt của đời luôn luôn tỏ ra hào phóng với hấn.

Cách đây đã ba chục năm, ở góc đường Phan Đình Phùng - Phùng Hưng có một bà lão nhặt hoa đại trồng ở các công sở, tái phôi ở một đoạn hè, vừa chải đầu bắt chấy vừa trông các cánh hoa héo dần, người bà cao, mỏng, tuổi khoảng bảy mươi nhưng tóc chưa bạc nhiều, hai hàm răng nhuộm đen còn nguyên vẹn, đi lại cứng cáp, nhanh nhẹn. Bà lão chỉ vắng mặt có buổi sáng, còn trưa, chiều, tối đều ngồi dưới cái vòm mái rộng của một cơ quan luôn luôn đóng cửa. Từ tạp chí qua đó chỉ vài bước chân, lại có nhiều quán hàng bán trà chén, buổi sáng thì đủ thứ quà gánh cho người đi làm ăn điếm tâm, nên hấn qua lại một ngày rất nhiều lần, nhìn bà lão mãi hoá quen rồi hoá thân vì gương mặt của bà phảng phất giống với gương mặt của mẹ hấn năm bà còn khoẻ ngồi bán trầu vò cũng ở một góc đường. Một gương mặt buồn thiu nhưng bình thản, đã coi mọi chuyện sống chết đời no như chẳng còn liên can tới mình. Lần đầu hấn bắt chuyện với bà cụ là một buổi chiều bà lão đi giao hàng cho một cửa hàng bán thuốc Nam vừa trở về ngồi ăn bún ở một quán hàng bán trà chén hấn vẫn hay ngồi uống. Bà lão ăn bún với muối, ăn bốc mà ăn ngon lành lắm, thoả thuê lắm. Chị hàng nước nhìn bà lão ăn chăm chăm rồi

buồng một câu: "Nhìn bà ăn cháu ghê cả người". Bà lão nói nhâm nhâm: "Thê hả?" Chị kia lại nói: "Ăn bún với mắm với riêu chứ ai lại ăn với muối bao giờ!" Một người khác hỏi: "Bà sống một mình à?" Chị hàng nước nói: "Một mình thế nào, bà có những hai anh một chị kia, đều là người đi làm cho nhà nước cả". Bà lão ngừng ăn nói: "Đi làm có lương chỉ có hai anh thôi, còn cô út thì bán rau, chồng nó đạp xe xích lô, con lại đông, nhà nó là túng nhất đấy". Một người nữa hỏi: "Bà không ở với con nào à?" Bà lão đã ăn xong một ký bún, còn nhặt những sợi bún dính vào những mảnh lá dong ăn nốt, xin một chén nước rồi mới trả lời: "Người già trái tính chả ở với ai được cả. Tôi thích ở một mình". Chị hàng nước hỏi: "Nhưng bà vẫn đến thăm các anh chị ấy chứ?" - "Dăm bữa nửa tháng lại đến thăm một nhà, ăn mặc tử tế, nói là vừa ở quê ra, quê tôi ở Bần, ra Hà Nội cũng gần". Hấn hỏi: "Tại sao bà phải làm thế, không ở hẳn với một ai thì ở luân phiên, mỗi nhà ở một tháng chẳng hạn". Bà lão nhìn hấn rồi bảo: "Tôi ăn uống xấu thói lắm anh ạ, sợ con cháu nó cười, sợ nhất là bạn con đến chơi cùng ngồi ăn sẽ cười". Hấn lại nói: "Bà cứ hay lo xa chứ ai dám cười mẹ của bạn?" Bà lão cười nhỏ: "Bạn con không cười nhưng con trai con dâu thì khó chịu lắm. Cứ thấy mặt mẹ là chúng nó lườm, chúng nó gắt, mà mình có làm gì nên tội, chỉ có mỗi cái tội luộm thuộm, bẩn thỉu thôi". Nuôi con lúc trẻ để nhờ con lúc già lúc chết, nhưng lúc già lại bị con đuổi thì sống với ai. Đã có lần bà lão bán cây lá thuốc Nam nói với hấn: "Ai lo ốm lo chết chứ tôi chả lo một tý nào. Cái tạng tôi đã phải nằm chỉ một hai bữa là chết ngay thôi, người chết vô thừa nhận đã có nhà nước lo, không lo chả lẽ để thôi cả hàng phố à, mà con cái lại đỡ phải tiêu một món tiền lớn! Thế chả hơn ư?" Đã nghĩ cái chuyện thương tâm về một người mẹ có những ba con mà phải sống một mình, chết một mình ở một góc phố rồi mình sẽ quên mau mà lại không quên nổi, lại nghĩ lan man tới mẹ, nếu như không có cuộc đời sợ rằng bà cũng sẽ phải sống như thế, phải chết như thế, đời mẹ đã khổ đời các con chắc cũng khổ, cái ý nghĩ buồn thảm ấy thường len đến khi hấn vừa được in một cuốn sách mới, vừa được đọc một bài báo có lời khen ngợi, hoặc lúc hấn đưa vợ con đi xem một vở kịch chính hấn là tác giả đêm khai diễn, đại để cứ mỗi lần hấn được nhận thêm một vinh dự, bộ mặt buồn thảm của bà mẹ hấn với hai đứa con chưa tới tuổi trưởng thành lại chợt loé sáng trong một khoảnh khắc khiến hấn có gương mặt tự lự như người có lỗi, lại như người có nợ mà chưa thể trả, chưa kịp trả, chính là ở những giây phút ấy bạn bè muốn gần hấn hơn, muốn thương hấn hơn. Gần hai chục năm sau hấn mới viết truyện ngắn Mẹ và các con, viết xong trong lòng hấn cũng vui nhẹ phần nào.

Hấn là người được thời nên hay gặp may nhưng hấn lại thích được trò chuyện với những người thiếu may mắn vì sự đối đầu của họ với những khắc nghiệt của số phận luôn luôn làm hấn mê mẩn. Và lại cái sức mạnh ẩn giấu trong mỗi con người là vô cùng, cái sức mạnh ấy có thể sánh ngang với thượng đế, nhưng chỉ bộc lộ hoàn toàn khi lâm vào những cảnh ngộ mười phần bế tắc, hoặc là chết hoặc trở thành người mãi mãi không thể bị đánh bại... Hấn là người có tính cách mềm yếu nên thường né tránh những cảnh ngộ phải đối đầu với số phận. Hấn vẫn biết ở đời này những người gặp quá nhiều may mắn thường là những kẻ tầm thường trên mọi lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn nghệ, khoa học. Họ đi bằng chân của người khác, nghĩ bằng đầu của người khác, và đã có nhiều người dọn quang mọi chông gai trên đường thăng tiến của họ. Đừng nghĩ là hay nhá, là dở lắm đấy, khi gặp sự đối nghịch ngoài sự chuẩn bị những kẻ ấy chỉ còn biết khóc thôi. Và con cái họ thừa hưởng một dòng máu loãng, sức chảy lờ lờ chỉ là những kẻ bất túc, chả có mấy ai nên người sau khi đã ăn hết lộc của cha ông. Khi ngồi nói chuyện với một thương binh mù, một vợ ba con làm nhà ở chân động Từ Thức của huyện Nga Sơn, hấn vừa nghe vừa tự vấn mình, hấn sẽ hành động ra sao khi gặp trường hợp ấy. Anh thương binh năm ấy đã ngoài bốn mươi tuổi, là một người đàn ông đẹp trai, vóc dáng cũng đẹp, nói rằng cái năm 1970 anh mới có 20 tuổi, đã có giấy gọi nhập học trường đại học y khoa vì anh đã trúng tuyển với số điểm cao. Cũng dịp ấy xã tuyển thêm quân bổ sung vào số thiếu đã lên đường hồi đầu năm. Trong ban chấp hành

xã đoàn thanh niên có ba uỷ viên có tên trong danh sách đi nghĩa vụ quân sự lần ấy thì hai đã xin hoãn với đủ thứ lý do và được chính quyền xã xác nhận nên người đi học đại học phải tình nguyện ra mặt trận để giữ lấy danh dự của một tập thể trước các đoàn viên. Vậy mà những kẻ đã trốn chạy vẫn nhìn thẳng vào mặt bạn bè ở chiến trường trở về như thường, lại còn là ông chủ thuê nhân công, kẻ cho vay lãi, người làm công và kẻ vay nợ đều là lính ở chiến trường trở về với cái ba lô rỗng tuếch, với rất nhiều thương tật trên người. Chả ngượng một tí nào, chả nói tay một tí nào. Giữ được trọn vẹn danh dự một chàng trai thời chiến mới đắt giá làm sao! Trung thành với cách sôngs của mình mới gian nan làm sao! Còn hấn? Vĩ thử lại là hấn? Hấn sẽ nghiêm nhiên cầm tờ giấy gọi vào đại học ra Hà Nội, chả ai dám ngăn, chả ai dám trách. Dăm bảy năm sau hấn ra trường sẽ là một ông bác sĩ, nhớ lại chuyện cũ, hấn có thể nói: "Cái số tôi cũng gặp may, năm ấy tôi đã thi đỗ nên..." Cái may mắn ấy là vinh hay nhục, là nên khoe hay nên giấu tự hấn phải biết!

Truyện ngắn Cặp vợ chồng dưới chân động Từ Thúc đã được viết trong sự ăn năm ấy, trong sự ngượng ngùng ấy.

Nhưng những mẫu người có sức sống tinh thần mạnh mẽ, phong phú mới thật là những nhân vật gan ruột của hấn. Đầu những năm 80, lần đầu tiên hấn được về vùng đất huyền thoại Đồng Tháp Mười mà hấn đã khao khát có ngày được đặt chân đến từ thời kháng chiến chống Pháp. Rồi hấn lại được gặp và trò chuyện dài ngày với một nhân vật đã sống trong cái huyền thoại ấy suốt ba chục năm, không một ngày rời xa, lúc buồn lúc vui, lúc thắng lúc bại, và bây giờ ngồi trước mặt hấn là một ông già chưa tới sáu chục tuổi, gầy nhỏ, mỏng mảnh, trong suốt, chỉ còn sức sống ở đôi mắt và giọng nói. Một người trong suốt ba chục năm chỉ hoạt động ở cấp xã, là linh hồn của cuộc kháng chiến chống Mỹ của một rẻo đất bảm dọc con kinh Bùi, có tháng nằm trong bung trong đĩa, có tháng phải sống trong hầm, mùa nước nổi vẫn phải sống trong hầm, từ ngực trở xuống ngâm trong nước, từ ngực trở lên tạm gọi là phần khô, thực ra vẫn ướt, vì phải tựa đầu vào bùn mà thở. Ban ngày đứng trong nước, đêm đến vẫn lội trong nước mà hoạt động. Cả mấy tháng không lúc nào khô người, khô tóc, mọi thứ lông trong người rụng bằng hết, đến da thịt cũng muốn bỏ tung, chẳng qua chỉ còn một chút máu chảy bên trong nên chưa bị rữa nát mà thôi. Chính ông Mười là người đã chôn súng xuống theo Hiệp định Giơ-neo, lại cũng chính ông moi súng lên để tái vũ trang, có khi phải làm lính của Bình Xuyên, của Cao Đài để được tự do nổ súng vào quân của Diệm, có lúc lại bới tóc để râu như ông già để sống hợp pháp trong các cuộc đấu tranh chính trị, đêm đến lặn lội đến từng ấp vào từng nhà kêu gọi cán bộ, đảng viên kháng chiến cũ trở lại hoạt động, có người nhận, có người bảo còn phải chờ, có người đóng chặt cửa không tiếp, đang là người thắng bỗng chốc thành người thua, đang làm chủ lại phải đổi chỗ làm tớ, đang kiêu hãnh nhìn lên lại phải ngậm ngùi nhìn xuống, là người thắng đã khó, làm người bại, vì thời thế mà phải chịu bại, còn khó hơn nhiều, lúc hơ người trên lửa, lúc nhúng người trong băng, vớt lên nhồi xuống không biết bao nhiêu bận trong vòng hai chục năm đánh Mỹ. Rồi cơ sở phản, bạn chí cốt đầu hàng, vừa gây dựng được một ấp chưa kịp vui lại bị phá phách cả mấy ấp, buồn chỉ muốn chết. Không thể vui nhưng cũng không được buồn, không nằm im nhưng cũng không được phép manh động khi chưa có lệnh, đầu óc lúc nào cũng căng thẳng những tính toán, việc làm đêm nay, những việc làm bữa mai, những ngày tới, không được sai sót một ly, sai là có đầu rơi máu chảy. Không dám nghĩ tới ngày đất nước hoà bình thống nhất mà ông vẫn còn sống để được thở một hơi rõ dài, được nằm duỗi ra trên bộ ván gỗ, nhắm mắt lại cho từng thớ thịt, từng đường gân giãn ra, mềm lại để lắng nghe đến tận cùng cái im lặng mênh mông của một ngày không có bom đạn, ngày đầu tiên có hoà bình, ngày đầu tiên không phải lo gì cả, không phải nghĩ gì cả.

Nhưng đi chơi, nói chơi, nghĩ chơi chưa được mấy ngày ông đã phải khoác khăn gói lên đường sang huyện bạn bên kia con kinh Bùi đối mặt với một cuộc chiến mới, mà kẻ thù vốn là bạn chí thiết đã trở thành một ác bá nắm quyền sinh sát hàng chục ngàn dân đang chết khiếp vì lo sợ bởi những mối quan hệ về thân tộc, về bè bạn, về làm ăn với nhiều người của chính quyền nguy. Họ đã phải dâng hiến cho người cầm quyền mới một phần hoặc một nửa gia sản của họ, cả con gái của họ để mong được người chiến thắng quên đi những oán thù cũ. Những việc phức tạp ấy đã có cấp huyện lo, cấp tỉnh lo, việc gì anh phải lo thay? Hấn nói với ông Mười thế. Ông cười buồn: "Họ cũng đang lo những việc của họ, cả việc chung lẫn việc riêng, đã nói nhiều lắm, nói đến mấy năm nhưng chả ai thềm quan tâm, người này đẩy sang người kia, cái sợ của dân vẫn nguyên như cũ, càng ngày càng sợ, ngay cả những người đã trót thổ lộ việc này việc kia với mình cũng mất tâm mất tích sau đó ít ngày. Chính tôi còn phải hải kia mà!" Cấp trên của họ không lo thì ông sẽ lo, ông là đảng viên mà, đảng viên cộng sản quan tâm đến cả việc thế giới huống là việc của huyện mình, tỉnh mình. Người phá án đi một mình, không có súng, không có cả đồng đội, lại đứng ngoài sáng, kẻ có tội bẻ đông cánh rộng, giấu mặt trong các chức vụ của kẻ đương quyền mà vẫn hải ông vì ông có sức mạnh của niềm tin, của lẽ phải và cả cái bản lãnh của hai chục năm hoạt động trong vòng vây của kẻ thù. Ông đã bị bọn giấu mặt ám sát hụt hai lần ngay tại nhà, một lần vào đêm bằng súng, một lần vào buổi chiều bằng lựu đạn, nhưng ông vẫn giấu nhẹm, đến vợ mãi sau mới được biết, cái chuyện đồng chí ám hại nhau có gì là hay mà làm ầm lên. Cuộc chiến ấy đã kéo dài gần mười năm mà chưa kết thúc, cũng chưa biết đến ngày nào mới kết thúc. Nhưng xem chừng ông Mười thua, cái thằng giặc trong nhà ấy mỗi ngày như một đông hơn lên, quyền mỗi ngày lớn mãi ra, nếu để lâu nữa không chừng trung ương cũng phải thua. Ông Mười nói ngậm ngùi: "Cuộc chiến lần này tôi thua là cái chắc, chú Hai à! Tôi thì không thể đánh tiếp được nữa rồi, tôi không mệt, cũng chưa nản nhưng đã lớn tuổi lại bệnh tật rề rề, sống nay chết mai chỉ lo mình chết rồi sẽ giao việc này cho ai? Nếu chú Hai có lòng chú nên thay tôi làm tiếp bằng cái nghề làm báo của chú, được không?".

Một năm sau tiểu thuyết Vòng sóng đến vô cùng ra mắt bạn đọc, số lượng in rất lớn: mười ngàn cuốn, nhưng bán chậm, chả có dư luận gì trong giới viết văn, trong bạn đọc và nhất là bạn đọc tỉnh Đồng Tháp. Hấn cứ buồn mãi, không phải buồn vì cuốn sách không được nổi tiếng mà buồn vì một lần nữa ông Mười lại chìm sâu vào quên lãng chỉ vì cái bất tài của một cây bút. Nhiều năm sau, báo Văn nghệ Đồng Tháp đăng lại cuốn sách bị quên đó theo kiểu từng kỳ báo, tức là những người đồng hương của ông Mười đã nhận ra nhân vật huyền thoại của quê hương, nhận ra bóng dáng của cha ông và của chính mình qua những trang viết cái tài có ít nhưng cái tình có nhiều, lòng ngưỡng mộ lại nhiều...

Chương 13

Đề tài vùng nông thôn theo đạo Thiên Chúa cũng là một lãnh vực hấn gấn bó từ nhiều chục năm nay. Chính là với đề tài ấy mà hấn bước hấn vào nghề văn từ truyện ngắn Năm vạ, sau đó là tiểu thuyết Xung đột. Từ nhỏ hấn có thiên hướng về cái thiêng liêng, cái thế giới bên kia để tìm một chỗ ẩn náu cho cái thân phận bấp bênh của mẹ con hấn, và cũng là nơi giải toả cho nhiều ẩn ức của một tuổi thơ có quá nhiều nỗi buồn. Khi trò chuyện với nhiều chúng sinh từ chủng viện Bái trở về quê trong các dịp nghỉ, hấn thông cảm nhanh chóng với những ước nguyện của họ: muốn dâng hiến đời mình cho Thiên Chúa và giáo hội vì tự xem đã có ơn thiên triệu. "Số phận của em đã được định đoạt từ trên làm sao em dám thay đổi, mà em cũng không muốn thay đổi." Nhưng địa phận Bái lại có quá nhiều tội lỗi trong những năm Pháp chiếm đóng, giáo sĩ thành sĩ quan, toà giám thành văn phòng của một tỉnh tự trị, các nhà thờ thành đồn bót, kẻ xâm lược và giáo hội trộn lẫn với nhau, cùng nhau làm những việc mà một dân tộc đang kháng chiến không thể tha thứ. Những tu sĩ trẻ họ cũng biết thế, họ lấy làm đau đớn vì những chuyện tệ hại ấy nhưng không thể tìm ra lối thoát. Là tu sĩ của một giáo hội có chỗ đứng xứng đáng trong lòng dân tộc là nguyện vọng tha thiết của họ. Nhưng bằng cách nào thì họ không thể biết, và nhà văn cũng chưa có cách lý giải có sức thuyết phục cả hai phía: nhà nước và giáo hội. Trong một lần về thăm một xứ đạo của tỉnh Thái Bình, hấn chợt nhìn thấy một chàng thanh niên mặc quần xanh và cái áo cánh cộc cũng màu xanh đang cúi húi cho lợn ăn ở phần sân sau của nhà xứ. Hấn hỏi: "Anh có thấy cha xứ ngài ở đâu không?" Người kia trả lời nhỏ nhẹ: "Thưa, tôi đây, ông có việc gì cần hỏi ạ". Cha xứ chỉ khoảng ngoài ba chục tuổi, có gương mặt rất thanh tú, cặp lông mày đen như nét vẽ, hai con mắt tròn to và cái miệng rất tươi khi nói khi cười. Một người đàn ông còn trẻ và đẹp như thế mà chịu dâng hiến một đời cho xứ đạo buồn tẻ thôi sao? Hấn ngồi nói chuyện với ông ta khoảng một giờ, càng nói càng có cảm tình và càng thông cảm cho cái chỗ đứng éo le của một tu sĩ thánh thiện. Lại một lần khác ở Nam Trực thuộc Nam Định hấn được nghe nói một linh mục trẻ có sức hấp dẫn khiến các tổ chức thanh niên của địa phương gần như tê liệt mọi hoạt động. Và một cán bộ huyện kết luận: "Đám linh mục trẻ bây giờ rất lợi hại, họ tranh thủ quần chúng rất có nghệ thuật, còn anh em mình thì..." Hấn lại nhớ tới cha quản hạt của một xứ đạo đã làm lễ rửa tội từ người ông cho đến đứa cháu, ba thế hệ, trong vòng năm chục năm. Cũng chính ông già ấy đã mắng một bà mẹ ẵm con đến xin cha rửa tội vào một sáng mùa đông giá lạnh, mắng như cha mắng con, như ông mắng cháu: "Nhà chị ngu, sinh mấy đứa con mà còn ngu, bữa nắng ấm không đến lại nè đúng ngày mưa gió ẵm con đến, không sợ đứa trẻ bị nhiễm lạnh sung phổi à? Ngày mai thì sao, ngày mốt thì sao, tôi còn đi được đâu nữa mà sợ tôi không có nhà". Một lời mắng ấy một đời người mẹ không thể quên, nay đứa trẻ đã là cán bộ xã mà bà vẫn kể lại cho hấn nghe như chuyện mới vừa xảy ra ngày hôm qua. Đó là lòng thương yêu con chiên chân thật của một đảng chần chiên đã ở quá lâu một xứ đạo hay chỉ là thủ đoạn, là phép thuật lấy lòng người? Trong nhiều đợt đi viết tại nhiều xứ đạo, hấn đã trò chuyện với nhiều linh mục, già có trẻ có, dân chủ tiến bộ có, phong kiến bảo thủ có, và nhiều chức sắc trong đạo Thiên Chúa, gần như hấn đã hoà nhập được vào cách cảm, cách nghĩ với người đối thoại, đón trước được những gì họ tin, họ hy vọng và cả những gì họ còn giận còn ngờ. Hấn đã trình bày những cảm nhận mới của hấn về tôn giáo nói chung và đạo Thiên Chúa nói riêng qua tâm sự một linh mục đã nhận được nhiều ảnh hưởng tốt của giới giáo sĩ trẻ tại châu Âu, của phong trào công nhân Pháp và nhiều nước lân cận, và nhất là xu hướng trở về cội của Tin Mừng mà tiêu biểu là các ông linh mục thợ: Tôi vẫn suy ngẫm rằng con người là một sinh vật không bao giờ tự hạn chế trong những cơ cấu sinh lý. Luôn luôn nó muốn vươn tới cái tuyệt đối, cái vô biên, cái vĩnh cửu là những mục tiêu mãi mãi con người không thể đạt tới. Vì không thể đạt tới nên nó

mới găm thét và than thở qua thi ca, qua nghệ thuật và qua cả tôn giáo. Bảo rằng tôn giáo sinh ra do bạc nhược và ngu dốt, chỉ đúng có một phần, tôn giáo cũng sẽ sinh ra khi con người đã tự ý thức như một chúa tể. Tôn giáo sẽ biểu hiện như một thăng hoa chứ không còn là một công cụ của đe dọa và áp bức. Nó sẽ thuộc phạm trù văn hoá chứ không thuộc phạm trù quyền lực như hiện tại... Linh mục sẽ chăm sóc linh hồn con người như một nghệ sĩ chứ không phải như một anh lính cảnh sát... Tôi không bao giờ rời khỏi xứ đạo, tôi là trước hết phải thuộc về một tập thể nào đó, hàng ngày được nghe họ nói cười, tham gia vào đời sống của họ như một khuyến khích, một an ủi, một cảm thông, nâng đỡ họ để chính mình cũng tìm thấy sức mạnh tự nâng mình lên... Nhân vật cha Thu trong tiểu thuyết Cha và Con và... đã được hình thành dần từ những suy ngẫm ấy, từ nhiều cuộc trò chuyện với các linh mục trẻ của cả hai miền, những hy vọng của họ và những lo lắng của họ khi phải làm việc tôn giáo dưới một chính thể vô thần. Chàng trai mới được truyền chức phải về một xứ đạo mà cha già quản hạt vốn là một đối thủ về tinh thần với toà giám, phải làm việc với các ông chánh trưởng, trùm trưởng rất lộn lỏi, rất khôn ngoan, phải tiếp xúc với những đoàn thể của xứ đạo nửa chính nửa tà, phải làm bạn với một ông linh mục đã mất hết niềm tin vào cái chức phận thiêng liêng của mình, sống rất trần tục và trơ tráo, rồi lại những ảnh hưởng xa gần của một địa phận luôn luôn đối đầu với nhà nước, và một quan hệ có thể là thù địch giữa gia đình ông ta với những người cộng sản trong thời gian Pháp chiếm đóng. Mà ông ấy lại là một người rất thánh thiện, muốn làm một giáo sĩ dân chủ tiến bộ, lấy việc phụng sự nước Chúa và bầy chiên của Chúa làm lẽ sống một đời của mình. Có làm được không? Có được xứ đạo ủng hộ không? Có được toà giám khuyến khích không? Có được chính quyền địa phương tin tưởng không? Và trước hết ông ta phải thoát ra khỏi những thành kiến xấu về người cộng sản đã ám ảnh ông ta từ những năm còn là tu sĩ ở trường đạo. Một linh mục thơ ngây, và phạm nhiều sai lầm trong năm đầu, rồi một linh mục có nhiều hoang tưởng muốn phá bỏ lề luật và thói quen để được sống thanh thản như một giáo dân, như một công dân. Rồi ông linh mục lần dần, sống đau đớn trong sự đối đầu giữa các chức phận. Và cuối cùng là một linh mục thánh thiện đã tìm ra cách hoà giải giữa các trách nhiệm, cái gốc của sự điều hoà ấy là lấy giáo dân làm Chúa của mình, làm người Chỉ Bảo của mình. Và ông ta đã xin với những người đại diện cho giáo dân và chính quyền địa phương hãy rửa tội cho ông ta lần thứ hai với lời mô truyền do ông tự đặt ra: "Nhân danh Cha và Con và Giáo hữu xứ Nhất... Amen".

Hắn viết rất nhanh, rất sáng khoái như có dịp được giải bày trên trang bản thảo một nỗi niềm vẫn được giấu kín của mình. Vì khoảng cách giữa nhân vật văn học với tác giả không xa. Hắn cũng là người ngây ngô trong hành động, cả tin, dễ bị lừa, cũng có nhiều mộng tưởng, cũng muốn được sống, được hành động như những nhân vật anh hùng của hắn, và nhất là cũng muốn điều hoà mọi trách nhiệm mà hắn đang gánh vác. Vì hắn trước hết là một đảng viên cộng sản, vào Đảng từ năm 18 tuổi, hắn cũng là một quân nhân, nhập ngũ từ năm 16 tuổi. Hắn là đảng viên trước, là anh bộ đội trước rồi mới làm nhà văn. Là người lính hắn mới được sống nhiều, tiếp xúc nhiều, chống lại tính nhút nhát và cô độc bẩm sinh, lại cũng vì hắn là đảng viên nên mới xoá được tận gốc mọi mặc cảm hèn kém để có một cách nhìn, một cách nghĩ tiến bộ, tích cực đối với mọi biến động của xã hội. Không có những điều kiện đó làm sao hắn thành nhà văn được. Đời hắn vốn dĩ chả có gì đáng viết, cũng chẳng thể nghĩ được gì hay ho để trò chuyện với mọi người. Nên hắn chịu ơn sâu với Đảng, với quân đội, với cả cái nghề nghiệp mà cuộc đời ưu ái đã lựa chọn cho hắn. Nhưng các trách nhiệm ấy không phải luôn luôn hoà hợp được với nhau, có khi được là một đảng viên tốt, một quân nhân tốt thì lại là một nhà văn tồi. Người cầm quyền quan tâm trước hết tới sự vun đắp sức mạnh của cộng đồng, tới sự đoàn kết nhất trí của một quốc gia, một dân tộc để hoàn thành một cách thuận lợi nhất những mục tiêu kinh tế, xã hội từng thời kỳ. Còn người cầm bút thì lại quan tâm tới sự nuôi dưỡng sức mạnh của cá nhân, tính độc lập của cá nhân, cả tính phản kháng của cá nhân và sự sáng tạo muôn màu muôn vẻ của cá nhân chống lại mọi sự độc đoán,

mọi sự giản lược, tùy tiện, thu hẹp tâm vóc của cá nhân khiến nó bị ngạt dưới sức nặng của guồng máy. Thật ra hai việc ấy chỉ là một, cá nhân là nền tảng của cộng đồng, sức mạnh độc lập của cá nhân sẽ làm sức mạnh của cộng đồng thêm vững chắc có khả năng chống chọi bền bỉ mọi tai họa bất kể nó từ đâu tới.

Còn hần, nếu xảy ra sự va chạm giữa chức năng của một nhà văn và trách nhiệm của một đảng viên thì hần tính toán cách sao? Thông thường là hần nhân nhượng và né tránh vì một cái lý rất đơn giản: hần vẫn còn là đảng viên thì phải chấp hành những nghị quyết của Đảng. Thành thử các nhân vật của hần không đi đến tận cùng tính cách của họ, họ thường dừng lại ở khoảng giữa, rồi làm lành, rồi nhân nhượng, trở nên giống nhau ở những số phận mờ nhạt, thiếu tính quyết liệt, tính bi kịch để trở thành những gương mặt lớn có sức ám ảnh lâu dài trong lòng bạn đọc. Hần chỉ có thể là nhà văn bình thường, một nhà văn loại 2, loại 3 gì đó, biết vậy nhưng hần vẫn chấp nhận, không có cách mạng thì đến làm người tầm thường cũng khó nói gì làm một nhà văn.

Chương 14

Có lẽ trong các tiểu thuyết của hần chỉ có một nhân vật dám đi đến tận cùng số phận của mình, dám kết thúc cuộc hành trình gian nan về niềm tin bằng cái chết chứ nhất quyết không chịu rời bỏ niềm tin ban đầu, cũng không muốn vì cứu cái thân mình mà phản lại những người cùng một đạo. Nhân vật văn học đó có tên là Tư Tồn, một chức sắc của đạo Cao Đài, một người có niềm tin trong sáng, quyết liệt dám ôm cái mộng lớn: cải tạo lại hệ thống giáo lý và quản lý của các cơ quan quyền lực cao nhất của đạo. Mộng thì lớn nhưng không tìm được người cộng tác. Ông Năm Sang một đời chuẩn bị cho một cuốn sách sẽ viết đầy đủ và chính xác mọi bước thăng trầm của đại đạo từ ngày lập đạo cho tới ngày cuộc chiến tranh ba mươi năm kết thúc, nhưng ông đã quá già lại đau ốm, biết đến bao giờ ông mới hoàn thành cái tác phẩm đề đời ấy. Ông Bảy Tiêu cũng là một người trong cuộc, có quan hệ thân thiết với những người sáng lập đạo, nhưng ông không muốn thay đổi, mọi thay đổi đều là tai họa, ông tình nguyện sống trong ngu tín, trong thói quen cho được an phận lúc tuổi già. Tư Tồn đã từng nói với ông trong một lúc phần nộ về sự thờ ơ của những người đi trước. Đoạn đối thoại vắt kiệt tư tưởng của cuốn sách đã được hần viết như sau:

- Nếu bọn con chết không được yên lành các chú phải chịu hết trách nhiệm!

Ông Bảy cười gượng gạo:

- Bọn mày đã lớn cả rồi, còn nhỏ dại gì nữa mà đòi phải luôn luôn được dạy bảo.

Giọng của Tư Tồn càng gay gắt:

- Nhưng một nửa cái đầu của bọn con đâu có được tự do, các chú đâu có giúp gì để con cháu được suy nghĩ một cách tự do. Rồi chú coi, cha sẽ chôn con, ông sẽ chôn cháu, người già sẽ phải cầm mai chôn hết đám trẻ vì chúng đã là cái tội cái nợ của hội thánh.

Nói rồi y quay người đi thẳng.

Ông Hai Gáo cũng là một nhân vật đi đến cùng tận bi kịch của mình. Ông là thủ túc tin cẩn của các bậc khai đạo lập giáo. Ông thất học từ nhỏ nhưng là người có chí, chỉ bằng tự học và nhờ bạn bè chỉ dẫn trong mười lăm năm ông đọc được báo Pháp và tinh thông cả Hán Nôm. Ông trở thành người giúp việc không thể thiếu của hộ pháp Phạm Công Tắc, vì ông vừa có cái khôn ngoan, tháo vát của người lao động lại có cả cái trầm mặc, tinh tế của người có học thức. Ông không chỉ biết một chuyện mà là biết hầu hết mọi chuyện, từ ngoài vào trong vì ông lãnh nhiều nhiệm vụ cùng một lúc, đặc phái viên của giáo chủ, kiêm thư ký, kiêm quản gia, kiêm hầu phòng, là người thân tín, người tâm sự, là chân, là tay, là ghế ngồi, là gối dựa, là đồ vật quen thuộc nhất của giáo chủ, với tay là tới, gọi đến là có. Sau khi ông hộ pháp mất tại Kim Biên, ông Hai Gáo đã năm chục tuổi, đưa vợ con về định cư ở một vùng biển, sống như người không có đạo để quên đi hoàn toàn nhiều chục năm đã qua. Khi miền Nam được giải phóng, đất nước đã thống nhất, ông Hai đã gần bảy chục tuổi. Nào ngờ những năm cuối đời ông lại phải đối mặt với một cảnh ngộ đau đớn, đứa con trai út của ông, đứa con trai ông gắn bó nhất, thương yêu nhất đã bị bắt vì nhận làm tài công cho một đám chức sắc của đạo muốn vượt biển ra nước ngoài

vận động dư luận quốc tế công nhận Tây Ninh là thánh địa của đạo Cao Đài, là vùng đất trung lập, là một xứ tự trị, là Nước Trời. Ông già biết con ông đã phạm tội với chính quyền cách mạng vì nó đã nghĩ nó làm việc đó là vì cha nó, vì nguyện vọng sâu xa của cha nó, chắc là cha nó sẽ bằng lòng và hãnh diện. Vì ông không bao giờ nói thật về người thầy của mình, ông ta đã chết coi như là hết, nói không tốt về ông thời mình là cái gì lại dành một đời hầu hạ một người chả có gì là tốt. Nó xấu hổ lắm, tủi nhục lắm, con cái nó khinh cho. Chúng nó đã khinh người cha sống sao nổi. Chẳng những ông không nói thật mà cũng chẳng cải chính những điều chúng hiểu sai, vì ông còn là người có đạo. Cái đạo ấy chẳng đem lại lợi lộc gì cho ông nhưng nhờ nó ông đã dạy bảo được con cái. Giáo tổ đã lầm liệt thế ắt cha mình không đến nỗi hèn. Làm con ông già là một kiêu hãnh, ông đã nói là nên nghe, vì lời nói ấy có thời đã được cả hội thánh trọng nể. Nó nghe ông, nó kính ông vì cái vàng hào quang giả, dầu là giả nhưng vẫn hơn là không có. Người đời họ sống bằng cái thật từ nhỏ tới già nhưng con cái họ đâu có tệt. Còn ông lại dạy con bằng những kích thích giả, nó tiện hơn, đỡ mất công hơn, bỗng chốc lại bảo rằng không có gì hết thì sự tan rã chỉ trong chớp mắt. Đứa trẻ nhận ra đã bị lừa chỉ có thể làm giặc chứ khó có thể làm người lương thiện. Nó đã được nuôi trong cái háo hức của mộng ảo làm sao có thể sống được trong cái tẻ nhạt của đời thường.

Sự kết thúc rất buồn của hai người tu đạo mỗi người mỗi cách. Người già thì không nỡ nói hết tâm sự của mình với con cái vì cuộc đời vốn đã buồn vì sự kiếm sống nay lại không còn cả đức tin và danh dự một gia đình đã có công lớn với hội thánh thì chúng sẽ lấy gì nuôi sống phần hồn nên sự dối trá vẫn được che đậy cho đến ngày tấn bi kịch không thể tránh khỏi xảy ra. Còn người trẻ tuổi thì dám đối mặt với sự thật bằng một chương trình cải tổ giáo hội, chấm dứt thời mạt pháp để bước hẳn sang một kỳ đạo mới, cùng với những người cộng sản xây dựng đất nước Việt Nam thành một vương quốc của An Lạc. Nhưng ngay trong buổi thuyết pháp thử giữa vị tân giáo chủ Tư Tôn với ông cự tín đồ Hai Gáo, ông Hai đã hỏi thẳng:

- Anh có đủ bản lĩnh để lập nên một hội thánh mới như anh vừa nói không?

- Cháu chỉ có thiện chí thôi, chỉ có một tấm lòng sốt sắng vĩ đại thôi.

Ông Hai chép miệng:

- Không đủ, trên đời này có một việc nên làm mà không nên làm đó là cái thiện chí. Có một việc không nên làm mà lại nên làm, đó là cái tàn bạo. Ông hộ pháp vẫn thường nói thế.

Ông Hai lại hỏi:

- Anh có hám quyền không?

- Không bao giờ, cháu chỉ muốn làm một giáo chủ tinh thần, một giáo chủ bè bạn và anh em, không cần một quyền lực nào hết.

Ông Hai cười:

- Nói vậy là sai. Có làm hại được người mới làm lợi được người. Có giết chết được thời mới cứu sống được. Phải có quyền anh ạ. Mất quyền thì có ra cái quái gì. Yêu và ghét đều không được. Tha và

giết đều không được. Những thứ ấy mà không làm được thì lập giáo làm sao?"

Đó là một trong nhiều đoạn đối thoại rất lý thú trong tiểu thuyết Điều tra về một cái chết. Khi Tư Tôn nói trong thất vọng: Tôi chỉ muốn làm một việc có ích để cứu đạo cứu đời, để đạo với đời hoà hợp là một. Ông Hai đã nói thẳng: Vô ích, không được đâu, đừng có vọng tưởng, làm việc khác đi! Ông khuyên chàng tuổi trẻ có tham vọng cải giáo nên làm việc khác đi là ông nói rất thật. Một trí thức có thiện chí, có tầm nhìn tầm nghĩ xa rộng nhưng lại thiếu cái bản lĩnh làm thủ lĩnh, làm người đứng đầu một phe, một phái, ai không cùng chí hướng lập tức phải gạt bỏ, phải đánh đuổi, nếu cần thì giết đi, không có sự dứt khoát, sự tàn bạo ấy thì làm người đứng đầu thế nào được, làm thủ lĩnh một giáo phái thế nào được. Rút cuộc cũng chỉ là một anh trí thức nhút nhát, yếu đuối, vô tích sự, thất bại ngay từ trong ý nghĩ. Cái anh trí thức nghĩ thì hay nói thì giỏi nhưng lại không dám làm, hoặc dám làm nhưng lúc thì cực hữu lúc thì cực tả, là một chủ đề hần rất thích nhắc lại, đã từng viết một lần trong Thời gian của người. Đoạn kết của cuốn sách, khi viết về cái chết của Tư Tôn, hần viết vào buổi tối. Một gian nhà quá rộng, trống huơ trống hoác, kê mấy cái đồ gỗ cũ kỹ xin được của người này cái phản, người kia bộ ghế, còn hần viết trên một cái bàn rất rộng nhưng tấm ván ép của mặt bàn đã gần trở lại mặt mộc, lũng nhùng, ọp ẹp, cũng tự thương cảm cho chính cái thân mình, đã ngoài năm chục tuổi đầu mà dám chuyển dịch chỗ ở từ Bắc vào Nam, từ căn nhà tồi tàn này đến căn nhà tồi tàn khác, vợ thì đại, con thì nhỏ, có nuôi nổi nhau vào những năm cả nước đang gặp khó khăn thời hậu chiến? Chí lớn tài hèn chỉ được cái miệng với cái bút, với cái vốn liếng vớ vẩn ấy thì làm được trò trống gì! Nói cho cùng, nhân vật Tư Tôn dám vứt bỏ tất cả để được sống trọn vẹn cho một niềm tin, còn hần, hần có dám buông bỏ tất cả để được sống trung thực với ngòi bút của mình không, để khỏi phải tui hổ với nó, ân hận với nó lúc cuối đời? Nhân vật của hần đang bước tiếp những dòng cuối cùng trong cái chap choạng nửa mê nửa tỉnh của con hấp hối, còn hần, hần phải sống những hai chục năm nữa nếu như sống được tới tuổi ngoài bảy mươi, liệu hần có bị chết dần mỗi ngày một chút trong lòng bạn đọc đã theo dõi hần từ buổi hần mới chap chững bước vào nghề văn?

Chương 15

Hắn vốn nhất lại chịu ơn sâu với cách mạng nên hắn không dám mà cũng không muốn sinh sự với các tổ chức của cách mạng đã cứu sống hắn cả phần xác lẫn phần hồn. Hắn là một đảng viên không bao giờ gây khó khăn cho chi bộ, là một nhân viên rất biết điều ở bất cứ cơ quan nào. Và hắn cũng chưa bao giờ là người lãnh đạo, người chỉ huy ở cấp cơ sở. Có hai lần hắn được cấp trên đề cử vào cơ quan lãnh đạo của Hội Nhà văn thì cả hai lần hắn đều bối rối, lúng túng, làm đầu hổng đó, gây khó chịu cho cả cấp trên lẫn người cộng tác. Hắn chỉ là người viết thôi. Và hắn cũng chỉ gắn bó hết lòng với cái suối nguồn của mọi sáng tạo, đó là đời sống với những vận động biện chứng của nó. Chưa bao giờ hắn bị làm lẫn hoặc phải ân hận vì sự lựa chọn đó. Châm ngôn được hắn tôn thờ là một câu nói của Goethe (hắn cũng không rõ ông Goethe đã nói câu ấy ở đâu, trong cuốn sách nào): Mọi lý thuyết đều màu xám, chỉ có cây đời là mãi mãi xanh tươi. Ngay từ năm hắn mới vào nghề viết, năm 1957, khi hắn về huyện Nghĩa Hưng để tìm hiểu một vụ xung đột tuy chưa lan rộng nhưng đã rất phức tạp giữa một đơn vị bộ đội với các thanh niên công giáo của địa phương, hắn không gặp bất cứ một cấp uỷ nào, một nhân vật lãnh đạo nào ở cấp huyện hay cấp tỉnh. Hắn về xã với cái nhìn hồn nhiên và tiếp nhận cũng hồn nhiên những sự việc đang xảy ra, những bàn luận của giáo dân và của anh em cán bộ xã đã có kinh nghiệm trong cuộc đấu tranh từ thời Pháp tạm chiếm với thế lực phản động của nhà thờ, không một chút thiên kiến nào, không bị phân vân bởi một nhận định, một kết luận có trước nào. Các vấn đề tự nó phơi bày ra, các nhân vật cũng từ trong đám đông mà xuất hiện và sự phát triển của nó cũng tuân theo cái logic nội tại chứ không do ý muốn của tác giả. Sự thay đổi về bản chất của nhân vật Thụy có làm hắn bối rối một thời gian vì hắn chưa từng biết sức mạnh của đồng tiền có thể làm một cán bộ trung kiên bị tha hoá. Hắn chưa từng phải kiếm tiền nuôi ai, tám năm đi kháng chiến càng không biết giá trị của đồng tiền, cả năm không phải tiêu đến tiền làm sao nhận ra sức quyến rũ của nó. Lại những năm đầu hoà bình, một xã hội đang muốn xoá bỏ giá trị của đồng tiền để con người khỏi lụy nó, làm nô lệ cho nó, có thể sống bình đẳng hơn, tự do hơn nếu không có nó tham gia. Nên sự thay đổi của Thụy khiến hắn choáng váng như là một chuyện phi lý, nhưng sự phi lý này không cho phép người ta ngờ vực, bàn cãi, nó là đời sống mà, là một con người cụ thể đang giãy giụa trong sự xiết chặt mềm mại của đồng tiền. Quyển 2 của bộ tiểu thuyết Xung đột không được hoan nghênh là vì thế. Đó là lần đầu tiên hắn đã khiến những người lãnh đạo giới văn nghệ đâm bối rối trong sự đánh giá về hắn.

Lần thứ hai, to chuyện hơn vì hắn đã dám động chạm tới sự trung thực của một hợp tác xã nông nghiệp toàn xã được xem là kiểu mẫu về năng suất lúa, về thu nhập trong ngành nghề phụ, về cơ chế quản lý. Đã thành một thói quen hắn về xã, chả có giấy giới thiệu gì, vì bạn hắn đang làm chủ nhiệm hợp tác xã, là một nhân vật được cấp tỉnh và huyện tin cậy. Và cũng là một con người rất lương thiện, rất thuần phác, hết lòng hết sức vì cái sự nghiệp mới mẻ này. Qua nhiều ngày tìm hiểu hắn mới nhận ra giữa tiếng đồn với người và việc đúng như nó có trong thực tế còn có một khoảng cách. Người nông dân chỉ vui cái vẻ ngoài, vui tạm, còn trong ruột thì có nhiều cái lo, những người lãnh đạo cũng không hoàn toàn an tâm về những việc họ đã làm và được các cấp trên khen ngợi. Cơ sở vật chất của hợp tác xã hết sức qui mô như hắn đã từng miêu tả trong các truyện Tầm nhìn xa và Người trở về: đường sá, cầu cống, nương máng, trạm xá, trường học, trụ sở uỷ ban và trụ sở hợp tác xã, nhà thông tin với hệ thống loa đến từng xóm... Nhưng từng nhà thì nghèo dần đi, tiền và thóc dự trữ không có, xây nhà, xây sân, xây chuồng lợn bằng những nguồn tiền thu được từ mảnh đất phần trăm, từ các nghề nề mộc lúc nông nhàn và cả những buôn bán lật vật phi pháp xung quanh đồng phế liệu của nhà máy phân lân. Ruộng thì

ít, người nhàn rỗi rất nhiều, mà việc gì cũng muốn dùng máy cho ra vẻ tiên tiên, hiện đại như Liên Xô, như các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, thì máy sẽ ăn hết lúa, người không có việc sẽ ăn bằng gì? Làm ăn cả xã nhưng thu nhập thực tế lại không bằng làm từng nhà, lại hợp hành, lại sổ sách, lại phải đề mắt tới nhiều sự gian lận trong mọi khâu công việc thì lao động trở thành nặng nhọc, bắt buộc chứ không còn là niềm vui nữa. Đang làm chủ trở thành người làm công ăn lương, không thể tính toán cho riêng mình bất cứ việc gì, họ không còn đất đai, không còn nông cụ, không còn cả lao động và thời gian, tất cả đều đã thuộc về hợp tác xã thì còn gì để tính nữa. Vì không tính được nên cái lo của người già và những người chủ gia đình là cái lo kéo dài suốt mấy chục năm, từ đời này qua đời nọ, lo quá thì không cần lo nữa là xong, đã lụt thì lụt cả làng, no no cả đói đói cả, cả làng đói thì đã có nhà nước lo, sự bình đẳng gần như hoàn toàn, không còn giàu và nghèo thì cũng không còn lười và chăm, ngu và sang, may và không may, các số phận riêng mất dần đi, số phận giống nhau, mặt người giống nhau, vui buồn giống nhau đến ngôn ngữ và cảm nghĩ cũng rất giống nhau, nghĩ khác đi, nói khác đi chỉ ở làng thôi cũng đã được xem là chuyện lạ rồi. Khi viết truyện vừa Tầm nhìn xa thật tình hắn không muốn viết những cảm nghĩ tiêu cực của hắn về hợp tác xã nổi tiếng toàn tỉnh vì bạn hắn đang là chủ nhiệm, vì những người lãnh đạo của xã đã tỏ ra hết sức tin cậy hắn gần như không còn gì phải giấu hắn, kể cả những cuộc họp giữa các uỷ viên thường vụ của đảng uỷ xã. Nhưng hắn đã trót nhận ra ông phó chủ nhiệm phụ trách ngành nghề Tuy Kiên là mẫu người hắn đặc biệt yêu thích, và hắn không thể buông bỏ ông ấy được. Thế là Tuy Kiên ngay tức khắc trở thành một nhân vật văn học với những phát triển tự nhiên phù hợp với tính cách của ông ấy, nửa công nửa tư, vẫn thu vén cá nhân lại vẫn to tiếng về lợi ích tập thể, lại vẫn vùng vằng, hờn giận, ông ta muốn được cả miếng ăn lại được cả vinh dự, ăn của người nhưng vẫn muốn người bị thua thiệt phải hàm ơn mình, phải yêu mến mình. Vì đã dựng Tuy Kiên như ông ấy vốn là thế thì lại không thể bỏ qua sự dính líu của cả đảng uỷ thông đồng với cán bộ nhà máy để ăn cắp dầu, không thể không nói những chuyện mua giấu giếm gỗ của nhà máy về bán cho những người lãnh đạo của xã, bỏ qua những thất vọng và cả sự giận dữ của những xã viên tích cực. Vì trong những chuyện phi pháp ấy người đầu trò luôn luôn là Tuy Kiên, vì ông ấy là đảng uỷ viên nên trách nhiệm của cả tập thể đảng uỷ là không thể trốn tránh.

Thế là những người vốn tin cậy hắn ở xã liền phát đơn kiện tới tận trung ương với đủ thứ tội danh, và gọi vụ việc đã "gây phần nộ trong cả đảng bộ" là "hậu nhân văn giai phẩm". Vì những người lãnh đạo ở xã đều là cựu sĩ quan trong quân đội cũng đã từng nam chinh bắc chiến khắp dải đất Đông Dương, đọc cũng nhiều biết cũng lắm, chứ không phải chỉ là ông nông dân hiền lành có thể bị bom cầm bút bắt nạt. Rồi mọi chuyện cũng qua đi, hắn được cấp trên bệnh vực, vì chống lại sự dối trá và tư tưởng tư hữu của người nông dân là chính đáng. Cũng là cái số hắn may! Chỉ có một người chịu thiệt là ông Tuy Kiên, ông trở thành một nhân vật nổi tiếng trong tỉnh, nhưng không ai ghét ông cả, chỉ buồn cười thôi. Cái tội tư hữu là tội bẩm sinh, đẻ ra đã biết giành vú mẹ, một hai tuổi đã biết tranh cướp những thứ không phải của mình, bé tranh vật nhỏ, lớn tranh vật to, rồi tranh lợi, tranh công, tranh quyền, cho đến lúc sắp chết vẫn còn muốn tranh nữa, vẫn còn chưa thấy đủ. Nó là thói tật cố hữu của con người thuộc mọi giai cấp, mọi thành phần, chứ không chỉ là cái tội riêng của ông nông dân, nhất là ông Tuy Kiên. Nó buồn cười là ở chỗ ấy.

Hắn thì được tiếng, người đọc thì được cười, chỉ có ông Tuy Kiên là hơi thiệt nên ông giận hắn lắm. Ba mươi năm sau hắn lại trở về xã Nam Tiến, bạn bè cũ đã chết nhiều, những người còn lại cũng quên chuyện đã qua, chả ai giận hắn cả, chỉ có ông Tuy Kiên và vợ con ông vẫn còn nhớ và vẫn còn rất giận. Ông không cho hắn gặp dầu hắn đã gặp ông rất tình cờ và muốn được nói chuyện lâu với ông để giải hoà, để xin lỗi. Ông không chấp nhận, tôi muốn quên anh, quên cả cái tên của anh, cái nhìn của

ông lộ hẳn ra cái ý hẳn học ấy. Khi hẳn đến chào bí thư đảng uỷ xã là con rể ông Tuy Kiên, ông bí thư có nói lại lời của bố vợ với hẳn: "Ông bủ tôi không giận anh đâu, chuyện ấy có gì mà phải giận, ông cũng muốn mời anh lại chơi nhà nhưng sợ trẻ con chúng nó cạ nghĩ dễ nói hỡn". Nói thế tức là chửi khéo đấy, các ông già đã nói là thâm thúy lắm, cái trò giễu vật của thằng nhà văn đã thấm vào đâu.

Chương 16

Cách đây đã hơn hai chục năm, hắn có được quen biết một linh mục trẻ sinh năm 1940, trông coi một xứ đạo của huyện Hải Hậu, trong một lần trò chuyện ông ta có nói với hắn: "Tôi là người làm một nghề có tính tiêu cực như sự đánh giá của các ông, nhưng vì tôi là giáo sĩ của một nước đã độc lập, là người của thời này nên cũng nhiễm được ít nhiều cái gan góc, cái kiên cường của những người cùng thời, bởi vậy cả các ông lẫn toà giám đều có sự hiểu nhầm..." Câu nói ấy khiến hắn phải nhớ mãi, người đi tu còn muốn thay đổi cảnh ngộ, còn không chịu sống phụ thuộc như các đảng bậc đã đi trước đâu những thử thách họ phải vượt qua là hết sức lớn, ở cả hai phía, từ phía chính quyền cách mạng và cả từ phía toà giám. Nhưng ông linh mục trẻ đâu có chịu đâu hàng, không làm được một tu sĩ như mình mong muốn thì ông ta sẽ trả lại áo chức cho nhà thờ, về quê làm anh nông dân tu tại gia để được trung thành với niềm tin từ năm bước chân vào chủng viện. Đó là một trong mấy nguyên mẫu của nhân vật cha Thư trong tiểu thuyết Cha và Con và...

Năm hắn còn trẻ có lên nông trường Điện Biên nhiều lần, sau này viết được tập truyện ngắn Mùa lạc, có một người bạn hắn rất mến mộ tên là Dương, thượng sĩ, tổ trưởng tổ mộc của đội sản xuất số 2. Năm hắn tới đội sản xuất thì Dương mới đưa vợ từ dưới xuôi lên. Chồng ba mươi tuổi, một thượng sĩ đã hơi già, người vợ cũng vào khoảng hăm bảy, hăm tám. Họ lấy nhau từ năm 1950, một năm sau, vùng quê đó bị Pháp chiếm đóng, Dương đi bộ đội, vợ ở nhà nuôi mẹ. Hoà bình lập lại Dương cũng chưa được về quê, anh còn phải trở lại Điện Biên để làm lính nông trường theo yêu cầu của quân đội. Vợ chồng họ lấy nhau đã chín năm vẫn chưa có con nên Dương buộc lòng phải đưa vợ lên Điện Biên, bao giờ có con thì ẵm con về, mẹ ở nhà phải nhờ các em gái chăm sóc thay. Người vợ vừa gầy vừa đen nên anh em trong đội sản xuất thường nói đùa: "Mày phải tưới tắm vợ mày kỹ vào cho cô ấy có da có thịt đấy, chứ người như củi mục cành khô chỉ để ra giun chứ để thế nào được ra người". Cuối năm 1960 khi hắn rời nông trường thì vợ Dương đã có chửa được mấy tháng, mập hẳn ra, trắng hẳn ra, là một người đàn bà hoàn toàn khác. Vợ chồng họ mừng mà cả đội sản xuất đều mừng. Rồi hắn bắt tin vợ chồng họ khoảng mười năm. Năm 1970, nhân gặp một người bạn vốn làm công đoàn ở nông trường nay về sống ở Hà Nội, mới hỏi thăm các bạn cũ. Về trường hợp của Dương thì buồn lắm, anh bạn nói thế, năm 1966, khi anh ấy trả phép đi xe của nông trường từ Hà Nội, xe đến đỉnh dốc Pha Đin thì chết máy, trời mùa thu đã ngả sang chiều, đã có sương, đang ngồi đợi sửa máy thì bất chợt gặp thượng sĩ Dương, phó mộc Dương, đang gò lưng ôm càng xe trâu cùng con trâu lên dốc. Cái xe trâu chở đủ thứ đồ đạc của một cuộc di chuyển, có mui xe, sàn xe trải chiếu, một thằng bé khoảng năm tuổi giương cặp mắt to nhìn mọi người, cạnh nó là cái tiểu sành đựng hài cốt của mẹ nó đã mất năm nó lên hai tuổi. Mẹ nó chết vì bệnh sưng phổi cấp tính để lại đứa con lên hai cho chồng nuôi. Anh làm lụi nuôi con đến năm con lên bốn thì mua một con nghé và bắt đầu đóng xe những lúc rảnh rỗi. Được một năm thì con nghé đã vực được, lại được chăm sóc kỹ nên nó mau lớn và rất khoẻ đủ sức cho một cuộc trường chinh. Lúc ấy anh mới xin với ban giám đốc nông trường được thôi việc về nhà để chăm lo mẹ, nuôi con lớn và lấy vợ kế. Anh đã ba mươi lăm tuổi, không tính toán nhanh, nay mai con thì lớn, bố thì già, họ mạc hai bề đều nghèo, với hai bàn tay trắng bố con còn dặt nhai tới đâu nữa để kiếm sống? Khi được trên đồng ý anh mới thay áo cho vợ, bóc xương sang tiểu, cùng vợ và con về xuôi, mãi tận Hưng Yên, bằng cái xe trâu kéo, cứ đi thùng thẳng, tới đâu làm nghề được thì tạm dừng ít ngày, kiếm chút tiền vừa để dành vừa ăn đường, rồi vài năm cũng về được đến nhà. Hơn mười năm về trước Dương mới ở tuổi đôi mươi, hành quân lên Tây Bắc rồi trở thành chiến sĩ Điện Biên, là người anh hùng trong vùng sáng chói

loà của cuộc kháng chiến chống Pháp. Hơn mười năm sau Dương đã bước vào tuổi trung niên, chở xương vợ và đứa con còn nhỏ trên cái xe trâu làm một cuộc hành quân dài ngày không có đồng đội trong cái vùng sáng u ám, buồn tẻ của một kiếp người. Hắn cứ nghĩ mãi về một bức tranh sơn dầu khổng lồ, trong cái ráng chiều đỏ rực của trời chiều Tây Bắc, một người đàn ông gương mặt đã khô đen vì sương gió đang gò lưng ôm một bên càng xe cùng với con trâu lên một cái dốc của đèo Pha Đin. Đó là hình ảnh trọn vẹn nhất của một người cùng thời với hắn, tuổi trẻ cống súng đạn, về già cống vợ con, đều là đi tìm cái sống cả. Còn hắn thì sao?

Năm 63 tuổi hắn được chứng kiến một hiện tượng kỳ vĩ gần như là của tự nhiên biểu trưng cho cái khả năng tái tạo, hồi sinh của một con người. Đó là dịp hắn được tới thăm một gia đình thương binh, chồng là thương binh, vợ cũng là thương binh với bốn đứa con đẹp đẽ khoẻ mạnh như thuộc một gia đình khác, một dòng giống khác. Anh ấy khoảng bốn chục tuổi, vợ cũng xấp xỉ tuổi đó. Nhập ngũ được hai năm thì anh bị bom napal cháy toàn thân trong trận đánh vào Tân Cảnh năm 1970. Năm ấy anh mới có hai mươi tuổi, trai nông thôn mà vóc dáng, gương mặt đẹp như diễn viên điện ảnh, anh nói thế, tới đâu cũng được nhiều cô gái yêu thương và hò hẹn. Trong nửa năm anh bị cuốn chặt trong một khối bông băng từ chân tới đầu, sống như một sinh vật hạ đẳng, ăn uống, bài tiết và phát ra những tiếng kêu nhỏ. Lại một nửa năm không nhìn thấy gì, vẫn chưa nói được và nằm bất động. Rồi anh nhìn lại được dần dần, nói lại được dần dần. Rồi anh ngồi dậy được và bắt đầu tập đi, tập các động tác đơn giản khác để tự phục vụ những nhu cầu của riêng mình. Anh sống trong một trại điều dưỡng ba năm, sinh hoạt gần như bình thường nhưng chưa bao giờ anh dám nhìn vào kính, vào gương soi. Anh biết mặt anh đã hoàn toàn biến dạng, chỉ còn là những mảng da đủ màu vá vúi, là mặt quỷ chứ không thể là mặt người. Với bộ mặt ghê sợ ấy anh lấy vợ làm sao, gặp mẹ làm sao. Anh có thể không lấy vợ nhưng không thể không gặp mẹ. Anh rất nhớ mẹ nhưng nếu mẹ nhìn thấy anh thì bà sẽ đau đớn cho tới lúc chết. Nên anh cứ dùng dằng mãi cái ngày trở về quê để anh chị và các cháu chăm sóc. Và đã có một cô gái ở trại điều dưỡng bị cụt một cánh tay nhưng còn trẻ và rất xinh đem lòng yêu thương anh, muốn được cùng sống với anh mãi mãi. Nhưng anh đã trốn chạy tình yêu vì anh không còn khả năng để một người đàn bà tàn tật có thể nương tựa, cũng không còn cả một gương mặt bình thường để biểu lộ những yêu thương. Anh buộc phải trốn về quê sống với mẹ và các anh chị. Mẹ anh đón anh rất mừng chứ không sợ, có lẽ một đống thịt bị rửa nát bà cũng không sợ, huống hồ đã được khâu vá, sang sửa đẹp đẽ hẳn hoi, bà an ủi con trai thế. Một tháng sau cô gái thương binh khoác ba lô về thẳng quê anh, xin được làm con gái mẹ anh vì gia đình cô không còn ai thân thiết. Một tháng sau đám cưới của hai người được đoàn thanh niên xã đứng ra tổ chức. Một năm sau cô sinh cho chồng một bé trai bụ bẫm, có đủ hai tay và một gương mặt rất khá khinh. Khi hắn tới thăm gia đình anh thương binh đã có những bốn đứa con, đứa con đầu đã 14, đẹp như tranh vẽ, anh nói với hắn rất tự hào: "Nó là chính em thời còn ở nhà, hai bố con giống nhau như anh em sinh đôi, nhưng nó cao to hơn em một chút". Bà vợ ngồi cạnh nói đùa: "May mà ông xấu xí nên tôi mới lấy được ông, chứ lại đẹp như con ông làm sao tôi dám với". Các ngón tay của anh như ngấn lại và quặp vào lòng bàn tay, hoàn toàn không sử dụng được, nhưng anh đã tập những thao tác lao động riêng, đã sáng chế ra các nông cụ phù hợp với các thao tác của mình nên vẫn làm vườn được, chăn nuôi được, làm mọi việc trong nhà được. Anh lại biết tính toán trong sản xuất và kinh doanh, nuôi ba ba, thả lươn, nuôi ếch, khu vườn rộng đến hai sào của gia đình thành một khu vực chăn nuôi và trồng trọt nổi tiếng khắp huyện. Khi hắn nói; "Hai người chỉ có một bàn tay, lại phải lo rất lắm việc chắc anh chị cũng vất vả", thì người chồng đánh chính ngay: "Thưa bác, bây giờ chúng em có những chín bàn tay kia, bọn trẻ nhà em làm ruộng làm vườn chả thua gì người lớn đâu. Vợ chồng em đã lên chức chỉ huy rồi". Bữa đó hắn đã nghĩ như một triết nhân: "Sức mạnh tái sinh của con người ta có thể sánh ngang với trời đất thật. Từ một đống thịt rửa nát chỉ để nuôi giò, nuôi giun,

bón đất mà thành một cơ nghiệp, một dòng họ và một tình yêu để lại mãi mãi cho hậu thế". Vài năm sau hẳn viết truyện ngắn Một bàn tay và chín bàn tay được giải thưởng của Bộ Quốc phòng và cũng là một truyện ngắn được bạn đọc ưa thích.

Năm 65 tuổi hẳn được làm quen với một người bạn mới, là đồng nghiệp, là một nhà báo tỉnh, kém hẳn dăm tuổi. Ông ta làm báo từ năm các nhà lãnh đạo của tỉnh còn là học sinh cấp tiểu học, họ đã nhìn thấy ông nhà báo mặc bộ quần áo bộ đội nhàu nát, đi dép lốp, như một ông cựu chiến binh. Rồi ông mặc một bộ kaki mới hơn, văn minh hơn, đi dép nhựa nhưng vẫn cứ luộm thuộm thế nào. Và bây giờ ông đã may được một bộ quần áo của nhà báo, đi dép da, tóc để dài nhưng vẫn cứ là một ông nông dân mặc quần áo mượn. Hẳn vừa nghe ông ta nói chuyện vừa ngắm nhìn ông với những cảm nghĩ rất riêng, vui một chút mà cũng buồn một chút. Rất ít có nhà báo tận tụy với nghề như ông, vì dân mà viết báo như ông, mà cũng ít ai trong nghề lại bị coi thường, bị bạc đãi như ông. Ông đã phục vụ bốn đời bí thư, chủ tịch của tỉnh, ai cũng cần ông mà không một ai trọng ông. Họ coi ông như chân như tay, như trợ lý chứ chưa bao giờ xem ông như một cố vấn, một chuyên gia rất am hiểu lòng dân, cái giận và cái lo của dân và những việc phải làm ngay cho dân đỡ khổ đỡ oán. Ngay cả mấy đời giám đốc cơ quan phát thanh của tỉnh cũng đều muốn tổng ông về hưu mà không thể làm, không dám làm. Chưa một ai biết cách lấy tin vừa nhanh vừa chính xác như ông, lại có cách viết thân tình như những người trong nhà trò chuyện với nhau như ông. Có người đã nói nửa đùa nửa thật với hẳn: "Ông ấy viết hay như biên tập viên của đài B.B.C ấy". Chỉ phải mỗi tội ông hay can thiệp vào nhiều việc của người cầm quyền quá, vì việc của người cầm quyền lớn và nhỏ trong tỉnh lại thường hay động chạm tới quyền lợi của dân, nói giùm cho dân thì bị ngăn ngay từ ông tổng biên tập của đài vì những mối quan hệ rất phức tạp của ông ta với các quan chức trong tỉnh và khắp các huyện. Ông nhà báo tỉnh nói với hẳn: "Một tỉnh có ba, bốn thứ quý, quý tiền, quý lao động, quý lương thực, quý đất, dân nhìn thì khó thấy chứ tôi đã nhìn vào là ra vô ối chuyện. Có bao giờ họ dám cho đưa tin về con số tuyệt đối huy động lương thực một vụ trong năm đâu. Vì sẽ lòi ra quỹ lậu, anh hiểu chưa? Đấy, đấy, họ ghét tôi vì tôi hay thò mũi vào những chỗ họ thích giấu kín!"

Ông nhà báo tỉnh lại còn dạy ông nhà báo nổi tiếng của trung ương cái thuật nghe dân nói. Họ nói lắt léo lắm, phải thấu hiểu tâm sự của họ mới nghe nổi, hiểu nổi. Ví như cơ quan nông nghiệp của tỉnh yêu cầu bà con nông dân nên dùng giống lúa Hồng Đức thì dân nói lái ngay là lúa Đưng Hốc - Nhà em mỗi sào được tạ hai (hại ta), nhưng ông anh lại được tạ tư (tự ta) - Họ bảo chúng em dùng phương thức "bỏ thẳng" (gieo thẳng, không cần cấy), chúng em làm theo ngay, một vụ "bỏ thẳng" ba chục mẫu (tức là bỏ hoang, không cấy) - "Ruộng chúng em xa lắm, nhưng lúa rút tốt (không phải là rất tốt), đi gặt không phải mang liềm, chỉ mang mẹt, mang rá thôi". Hoặc họ mời ông nhà báo tỉnh ở lại ăn cơm rồi nói: "Bác ngồi chơi, mẹ nó thả vó thì gỡ bằng mẹt". Ngồi chơi cả giờ chả thấy gì, dọn cơm lên vẫn chỉ có tép rang với rau luộc. Hoá ra trong ao không có cá chỉ toàn là trà rào thôi. Nhưng cái bữa hẳn và mấy ông bạn văn thơ của Hà Nội tới huyện T. và bữa cơm trưa ở huyện, có cả ông nhà báo tỉnh, hẳn mới thật sự bàng hoàng về cách phân biệt đối xử giữa ông khách của tỉnh, cũng là người nhà của huyện với đám khách của trung ương. Họ không mời ông nhà báo tỉnh, chỉ có cán bộ của các ban ngành trong huyện ngồi tiếp khách của Hà Nội thôi. Mà bí thư, chủ tịch huyện và chánh văn phòng uỷ ban đều biết rõ đám báo chí ấy có quen biết nhau từ trước. Ông nhà báo tỉnh theo chân các bạn ở Hà Nội về cùng vào phòng tiệc nhưng không có chỗ cho ông ngồi, cũng không ai mời ông ngồi, ông cứ đứng mà nói chuyện với các bạn ông đã ngồi vào bàn, bàn tám người ăn vừa đủ chỗ. Ất hẳn cái cảnh kẻ đứng người ngồi trò chuyện với nhau đã làm ông bí thư huyện hơi ngượng, hơi khó chịu nên ông bảo lấy thêm ghế cho ông khách không mời vẫn cứ đến, vẫn cứ đòi một chỗ ngồi, ngồi đúng cái bàn không ai muốn ông

có mặt vì ông không chịu ngồi sang bàn khác. Ông muốn được trò chuyện với các đồng nghiệp ở trung ương về chủ đầu phải vì thêm một bữa ăn ngon. Ông không ăn gì thật, chỉ uống thôi, và ông đã mượn bia để bày tỏ nỗi lòng. Rằng ông là ân nhân của huyện này những năm họ gặp khó khăn trong thời chống Mỹ cũng như thời kinh tế còn bao cấp. Họ đói lắm, rách lắm, thiếu thốn đủ mọi thứ nhưng tình người thì hết sức ấm áp, ăn rau ăn khoai nhưng đêm đến chẳng ai muốn về nhà, cứ nằm ở văn phòng ủy ban huyện, gác chân lên nhau mà tâm sự. Còn bây giờ, ông ta quắc cặp mắt đã hơi say quay sang nhìn hân, nhìn các bạn hân, rồi lại nhìn những người bạn lâu năm ngồi cùng bàn, trước đây, chỉ mới dăm năm trước đây thôi, còn là bạn bè, là anh em, vì ông hơn họ cả chục tuổi, biết họ từ năm còn ở trường, nhưng nay đã là những người quan trọng của một huyện giàu có, đãi đằng bạn bè tiệc lớn tiệc nhỏ, ngồi xe hơi có máy lạnh, đi đâu xa có cả một xe chở bia đi theo, còn ông nhà báo đã là một cấp dưới không đáng quan tâm, gọi là nhà báo nhưng chỉ là người viết bản tin hàng ngày ấy mà, ăn mặc lôi thôi, nói năng xàm xỡ, thiếu lịch thiệp, thiếu tinh tế, một anh nông dân chạy chưa được khai hoá bởi nền văn minh thị trường. Trong một bàn tiệc đãi khách là những nhà văn nổi tiếng của trung ương về thăm một huyện cũng đang rất nổi tiếng mà lại nói những chuyện từ đời tám hoánh nào, ngăn lại không được, đuổi đi cũng không được, đành phải nín nhịn mà nghe, mà cười xoa và nói làng. Người lãnh đạo nói một câu thì cái lão thích phá đám ấy nói lại đến mười câu, giọng nói như lệnh võ, chẳng nể ai cả, chẳng dè chừng một lời nói nào cả, cứ như ngồi ở đám giỗ dưới xã. Hân nhìn những gương mặt lạnh ngắt của những người đương quyền, mắt nhìn xuống, miệng mím lại, thỉnh thoảng lại cười nhạt, tức là họ đang giận lắm, hận lắm nhưng biết làm sao được. Nên hân vội vàng nói chen vào những chuyện làm ăn thất bại của nơi này nơi kia mà hân được biết để có dịp phỉnh nịnh một cách khéo léo cái nhìn nhạy bén và cách quản lý tài giỏi của những người lãnh đạo huyện nhà. Mặt mọi người lập tức giãn ra, tiếng cười dài hơn và những lời đối đáp đã trở lại cái tự nhiên, cái vui vẻ của lúc ban đầu. Ông nhà báo tỉnh cũng lắng nghe chăm chú những câu chuyện vui hân nói, mắt miệng như hơi cười nhưng là cái cười mỉa, cái cười khinh. Ông ta đâu cần hân đứng ra dàn hoà, cái ông muốn trong bữa cơm trưa này là những người lãnh đạo của huyện phải tự bộc lộ cái mặt thật của họ, cách ăn ở bạc bẽo của họ và cả những khoe khoang rất ầu trĩ của những kẻ mới bắt đầu có của. Cấp lãnh đạo sống và nghĩ nông cạn đến thế thì dân chúng còn là vất vả, cái đời làm báo của ông còn gặp nhiều khó khăn, chắc rằng họ cũng sắp tổng ông về hưu thôi, chẳng năm này thì năm tới, họ yêu gì ông mà muốn giữ lại. Chẳng lẽ ông lại nhẫn nhục xin làm hợp đồng! Trước ngày về Hà Nội, bọn hân có mời ông ăn một bữa cơm chia tay tại nhà khách của tỉnh, hân hỏi ông: nếu gặp lại mấy ông ở huyện T. anh có gì khó nói lắm không?" Ông cười hề hề: "Chả sao cả, vẫn thế mà. Cái việc của họ buộc họ phải thế, cái việc của tôi buộc tôi phải thế, có ai vì cái riêng đâu". Rồi ông nói tiếp: "Làm nhà báo là không có nghỉ hưu, lĩnh lương hưu nhưng vẫn cứ là nhà báo đương chức, họ có giỏi cứ việc đưa tôi ra toà. Tôi cũng mong tôi đã viết sai để có lời xin lỗi công khai họ trên báo trên đài, tôi sai họ đúng thì dân được nhờ nhiều, có phải không?" Cũng nhân sự tin cậy, thân tình giữa bọn họ trong ngày được đánh bạn với nhau, ông nhà báo tỉnh đã nhận xét hân là người có tính thích dàn hoà, văn của hân cũng nghiêng về sự thông cảm, sự dàn hoà, thiếu tính quyết liệt. Ông thì khác, ông thích sự phân minh, sự rạch ròi, hoặc họ đúng hoặc ông đúng, ông phản đối sự nửa vời, sai đúng chia đều, nạn nhân thủ phạm mỗi bên một nửa. Sau lần gặp gỡ ấy, hân có viết được một truyện ngắn Lạc thời đăng trên tạp chí Văn nghệ quân đội. Nhưng tính cách nhà báo tỉnh trong truyện có khác nhiều với con người thật. Ông nhà báo hân được tiếp xúc chẳng buồn một tý nào về những việc ông đã làm, những lời ông đã nói, nó thuộc chủ ý của ông chứ không do sự đẩy tới của cảnh ngộ mà ông đã nói thế, đã làm thế. Ông còn tiếp tục sống và viết một cách khó chịu cho tới ngày ông nghỉ hưu và cả sau khi đã nghỉ hưu nếu ông còn đi được, còn viết được. Đài báo của tỉnh không dùng thì đài báo của trung ương sẽ dùng, tỉnh của ông còn cấp trên của nó, chứ chưa phải đã là một vương quốc độc lập, không thích là có thể cấm, cấm không được thì bỏ tù. Cũng là một con người đi tới cùng trong

niềm tin của mình, trung thành đến cùng với lợi ích của những người thấp cổ bé miệng, muốn đem lại sự công bằng cho họ như ông đã tự hứa khi bước vào cái nghề viết tin viết báo.

Chương 17

Hắn thích sự nhân nhượng, sự dàn hoà để có một kết cuộc vui vẻ, do tính cách bẩm sinh của hắn nhưng lại phù hợp với phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa, yêu cầu câu chuyện bao giờ cũng được kết thúc có hậu. Hình như cũng là cách viết của ông cha mình thì phải. Nên cô Kiều không chết ở sông Tiền Đường mà lại được cứu để có cái cảnh tái hồi Kim Trọng. Nguyễn Du muốn thế mà Nguyễn Đình Chiểu cũng muốn thế. Nhiều tác giả các truyện thơ khuyết danh cũng muốn thế. Nhưng Nguyễn Gia Thiều đã viết khác. Ông viết thật hơn, từ câu đầu đến câu cuối của thiên Cung oán ngâm khúc chỉ có tiếng than thầm đắm nước mắt thôi. Rồi những tưởng tượng, những mơ mộng, những hy vọng nhưng thực tế thì ông vua đã quên cô ta rồi, còn cô cung nữ thì vẫn phấp phỏng: Đè chừng nghĩ tiếng tiêu đòi - Nghiên bình phần mộc mà đòi má deo. Và hai câu kết thúc của tiếng rên dài vẫn chỉ là hy vọng: Phòng khi động đến Cửu trùng - Giữ sao cho được má hồng như xưa. Ở cuốn tiểu thuyết đầu tay Xung đột, các nhân vật được phát triển theo đúng cái bản chất của người nông dân có đạo, họ trở nên bối rối, lằm lạp khi phải đối mặt với những thử thách của một thời kỳ không thuộc năng lực của họ chứ không tuân theo sự sắp xếp có hậu của tác giả. Tiểu thuyết Điều tra về một cái chết cũng thế. Các nhân vật Hai Gáo, Tư Tồn bị những nhân nhượng vật vãnh suốt một đời tu đạo đẩy họ vào những tình thế bế tắc hoàn toàn, không có cách gì thoát ra được, chỉ có thể kết thúc bằng cái chết mà thôi. Nhưng chết trong văn chương thì sẽ được sống mãi trong lòng bạn đọc. Còn lại sống một cách gượng gạo, vô lý vì mong muốn của tác giả thì phải chết trong văn chương. Vì cuộc sống vốn quyết liệt không chấp nhận sự kết thúc có hậu ở những trường hợp ấy. Nhưng ở Cha và Con và... lại có sự nhân nhượng, sự giải hoà vì cha Thu đã tìm được cách chung sống giữa các bốn phận, lấy giáo dân làm Chúa của mình. Nhưng trong thực tế đã hoặc sẽ có một linh mục nào ở nước ta dám làm một cuộc cách mạng triệt để như thế không? Ở tiểu thuyết Chủ tịch huyện cũng vẫn có sự nhân nhượng. Nhân vật An là một chủ tịch xã rất trẻ lại có tài chỉ đạo sản xuất nông nghiệp của một xã, nhưng anh ta cũng có tính láu cá và gian xảo của dân hàn vá nòi, lại được tỉnh và huyện nâng niu, chiều chuộng nên đã có những dấu hiệu của một cán bộ xã hãnh tiến, gian dối, bất chấp thủ đoạn để đạt tới cái đích của mình. Hắn đã nhận ra những biểu hiện tiêu cực còn mờ nhạt của một nhân vật đang được xem là thần tượng của huyện, của tỉnh, và đã có lời cảnh báo bằng nhận xét: Một cán bộ xã làm việc giỏi, rất tháo vát nhưng hay khuynh loát tập thể. Lý lẽ sắc bén nhưng nhiều khi nguy hiểm. Rất ưa người khác tặng bốc mình nhưng lại không biết gìn giữ uy tín của người khác. Cái phần hiện thực chỉ tới đó thôi, còn sau đó lại là "lãng mạn" rồi, bằng một kết thúc xem ra cũng có lý: cả nước đã bước vào cuộc chiến tranh chống Mỹ nên nhân vật An đã tự gột rửa mình trở nên sạch sẽ để bước vào cuộc chiến đấu mới. Bạn đọc những năm ấy cũng mong muốn câu chuyện được kết thúc vui vẻ như thế nên đã đồng tình với tác giả. Các nhà phê bình văn học lại càng đồng tình hơn. Cuốn sách đã thành công theo đúng những tiêu chuẩn mỹ học của một thời. Ba mươi sáu năm sau hắn trở lại quê hương của Chủ tịch huyện, nhắc lại chuyện cũ, nhân vật cũ mới té ngửa ra cuộc sống đã có những kết thúc khác hẳn, khắc nghiệt hơn nhiều, bi quan hơn nhiều. Ông chủ tịch xã trẻ tuổi đầy triển vọng năm nào đã trở thành một tên ác bá đầy thủ đoạn, cấp trên không dám loại bỏ vì y đã từng là ghê đem của họ trong nhiều năm, còn dân chúng chỉ còn biết giương mắt nhìn chứ không dám hé môi nói nửa lời. Lúc hắn ngỏ ý muốn gặp lại nhân vật của mình thì được trả lời y đã trở thành kẻ lừa đảo của cả nước từ hai chục năm nay, hiện đang phải trốn chạy vì đã có lệnh truy nã toàn quốc. Hắn đã viết về câu chuyện buồn và đáng xấu hổ của hắn trong bài bút ký Mất toi một cuốn sách.

Tiểu thuyết Gặp gỡ cuối năm cũng là một cuốn sách được viết theo tinh thần hoà giải mọi sự trái

ngược giữa những người có chính kiến khác nhau. Họ đều đã già, đã từng trải nhiều trên chính trường, những mặt trái của một thể chế chính trị dựa vào Mỹ họ đều biết rất tường tận và đã tự tách ra về tư tưởng, về tình cảm từ nhiều năm rồi. Nên giữa họ cũng đã tìm được một tiếng nói chung khi đất nước vừa ra khỏi một cuộc chiến đã kéo dài và đang đứng trước những vận hội mới. Cuốn sách đã được bạn đọc của Sài Gòn, của miền Nam chấp nhận vì nó đã đem lại một hy vọng có nhiều tính thực tế. Nhưng trong cuộc sống thật như nó đang diễn ra hàng ngày lại không hoàn toàn như thế. Vì cái mặc cảm kẻ thua người thắng, dầu là rất vô lý, cũng chưa thể gột bỏ được ngay trong một gia đình. Như cái đại gia đình của hần là một ví dụ. Hần là con vợ lẽ, vợ không chính thức nên hần cũng là đứa con không chính thức. Vì hần trở lại với gia đình trong đội quân chiến thắng, trong số những người sẽ làm chủ Sài Gòn nên không thể không tiếp đãi hần cho đàng hoàng. Và lại nhận một thằng Việt cộng cũng có dính líu một chút máu mủ ở cái thời buổi có nhiều bất an, nhiều lo sợ thì có gì là thiệt, là không nên. Có một đứa con của gia đình ở phe bên kia, phe chiến thắng gần như là một đảm bảo về chính trị trước nhiều câu hỏi, nhiều bản kê khai do cán bộ của khu phố, của phường, của quận đưa tới. Cho nên bố mẹ hần mới xin hần một tấm hình mặc quân phục có đeo lon thiếu tá đặt trên tủ buýp phê kê giữa nhà, có ai vào chơi là giới thiệu liền: "Cháu nó ở ngoài Hà Nội mới vào thăm chúng tôi". Ngày hần gặp lại bố mẹ, bố hần ngắm nhìn hần một lúc lâu rồi bảo: "Nom anh bây giờ chả giống chút nào với ngày xưa, nếu anh không xưng tên thì tôi không thể nhận ra". Hần nói: "Năm nay con vừa bằng tuổi cậu cái năm gia đình ta ở Nam Định". Bố hần nói băng khuâng: "Ừ nhỉ, 45 tuổi, đời người cũng nhanh thật". Rồi ông cụ lại nói: "Cái năm ấy là do hoàn cảnh..." Hần cười, nói át đi: "Cậu chả nên nghĩ lại cái chuyện ngày xưa làm gì". Tức là hần muốn giải hoà vì nghĩ rằng đã có điều kiện để giải hoà. Hần trở về cũng không phải để giành lấy một cái gì, đòi có một cái gì, không lấy đi của ai bất cứ cái gì, trừ phi hần có lòng dạ nhỏ nhen muốn nhân sự thắng thế mà trả thù. Nhưng hần đã nói một cách vô tư nhất, trong tiếng cười hồn nhiên nhất: "Thôi bỏ đi cậu ạ, được gặp lại cậu mợ và các anh chị còn khoẻ là con vui rồi". Hần nghĩ thế thật nhưng những người ruột thịt của hần chưa hần đã nghĩ thế. Thoạt đầu thì vui, đang có nhiều lo lắng vì bị đột ngột quăng vào một thời thế mới chưa có chuẩn bị gì thì gặp người của gia đình, dầu rằng đã quên nó từ lâu rồi, đã nghĩ không có nó, lù lù xuất hiện. Nên mới mở tiệc đãi đằng nó và bạn nó. Nhưng trong lòng vẫn không vui. Đứa con trai út được chiều quí, nâng niu thì lại phải tập trung học tập cả năm vì nó là thiếu úy công binh của đội quân thất trận. Còn cái thằng đã vứt bỏ, đã muốn quên đi lại là nhà văn nhà báo, được nhắc nhở, được mong chờ của cả họ. Thế là bực, vì nó trái lẽ, nó ngược đời. Cuối năm 1976, trong một lần hần lại chào bố mẹ để hôm sau ra Bắc, ông già cứ đứng trong cánh cửa sắt nói chuyện với con chứ không mở cửa. Rồi ông hỏi: "Anh có cần vào trong nhà không?" Bố nào lại hỏi con ruột cái câu lạ lùng ấy trước ngày nó lại đi xa, có thể năm sau nó lại vào, cũng có thể vài năm nữa nó mới được vào, công việc của nó là ở Hà Nội kia mà. Hần biết ý liền nói ngay: "Dạ, không ạ, con đến chào cậu mợ thôi. Có chuyện gì cần cậu mợ cứ viết thư cho vợ chồng con". Nói rồi hần quay người đi thẳng, trong lòng cũng hơi tủi, hơi giận. Một bữa cơm gia đình để chia tay cũng không có. Tức là bố và mẹ già còn ghét hần lắm. Sự có mặt của hần vào những ngày này đã làm họ xấu hổ nên họ ghét, có khi chỉ là như thế. Nhưng nó là con mình kia mà, nó làm đẹp mặt mình tại sao lại ghét nó. Vẫn đáng ghét chứ! Vì nó dám ngoi cao hơn các anh chị nó nên phải ghét. Chẳng lẽ dòng dõi lại tìm nơi phát sáng ở cái đứa mà trong một lúc quá thất vọng người bố đã phải kêu lên: "Thằng mán tiền!" Nửa năm sau thì ông già hần mất ở tuổi 77 nên lần gặp người đứng trong cánh cửa kẻ đứng ngoài cánh cửa là lần gặp cuối. Năm 1982, tiểu thuyết Gặp gỡ cuối năm ra mắt bạn đọc cả nước. Hầu hết các nhân vật trong cuốn sách đều có nguyên mẫu cả, nhưng nhân vật văn học cô đọng hơn, sang trọng hơn, trí tuệ hơn. Hần nâng họ thành các nhân vật đại diện, nhân vật tư tưởng tước bỏ hết những chi tiết dung tục của đời thường. Hần viết không nhằm bới móc đời tư và những chuyện còn chưa đẹp mà chỉ cốt khẳng định lòng yêu nước đã thắng, cái thiện lương trong mỗi người đã thắng, xu

thể của dân tộc có khả năng xích lại gần họ lại để cùng đối mặt với những thử thách mới, mỗi người mỗi cách. Nhưng cuốn sách đã làm mất lòng những người ruột thịt của hắn vì tính khách quan của người cầm bút. Hắn đã so sánh hai người, là hai cậu cháu, đều là quan lại, một người đã dám bỏ tất cả để đi theo kháng chiến, còn một người cứ níu chặt lấy cái thể chế cũ, mỗi năm một tự hạ thấp mình đi. Đoạn văn đó như sau:

Anh Hảo tốt nghiệp trường Luật ở Paris, về nước được chính phủ bảo hộ bổ nhiệm làm tri huyện, một chức quan cai trị vào loại cà mềng nhất. Ông bố tôi là dân tham biện chuyển sang ngạch quan lại, học vấn và uy danh tất nhiên không thể bằng ông cử nhân luật, nên cụ có vẻ thích thú cái chức vụ mới đó lắm. Thì có cà mềng vẫn cứ là quan lớn và vợ quan lớn tức thị là bà lớn và bà lớn có thể nói với họ hàng: "Ông huyện nhà tôi...", ông huyện nhà tôi thì sang hơn "ông tham, ông phán, ông ký nhà tôi" rồi...

Lại một đoạn khác:

Anh Hảo là người sương từ trong trứng, bố tôi bì thế nào được. Cái đại gia đình ấy có cả hai vế: tân học thì có một tiến sĩ, một luật sư, cựu học thì có một phó vương, một khâm sai đại thần. Họ sang đến thế mà họ theo cách mạng được, cả ông phó vương lẫn ông khâm sai đại thần. Còn ông tri huyện lại khăng khăng bảo thủ chế độ cũ, muốn sống chết vì nó, từ chối mọi sự thay đổi...

Nghe vợ hắn nói lại, mẹ già hắn đã nổi cơn giận dữ chưa từng có, vì xưa nay bà có tức chết cũng cố giữ cái vẻ ngoài điềm đạm và càng giận lại càng tươi nét mặt và cười. Tất nhiên là cười nhạt, cười gượng, cái cười lạnh lẽo mà ngày còn nhỏ hắn đã muốn dựng hết chân tóc mỗi khi hắn thấy bà nhìn hắn và cười. Và lại xã hội đã trở lại ổn định dần dần, những lo lắng, sợ sệt vô lý của những ngày đầu đã không còn nữa, nên tấm hình - bùa của hắn đã được hạ xuống để trả lại cho cái đứa con mất nét đã dám dùng văn chương để chửi cả bố. Và cả gia đình đã từ hắn một cách hả hê, vì đã tìm ra cái cớ đích đáng để khỏi phải ngồi thấp hơn hắn, ngồi vòng ngoài mỗi lần có cuộc gặp gỡ trong họ.

Cái số hắn hoá ra cũng vất vả, từ nhỏ tới năm 15 tuổi mới được về nhà bố để nhận mẹ già, nhận các anh chị, được tận mắt thấy bố ăn bố ngủ, lúc gắt lúc cười. Rồi bật tin nhau vừa tròn ba mươi năm mới được gặp lại, chỉ có một người chết là ông anh rể có cửa hàng lớn ở Hải Phòng, còn vẫn đủ mặt. Ông bố đã là một ông lão tóc bạc phơ, đi đứng lòng không với cây gậy trong tay, nói năng ngập ngừng và cái nhìn đầy lo sợ. Ông đã hiện ra trước mắt đứa con vừa trở về như một người thất bại hoàn toàn. Các bà chị đã già đi nhưng vẫn sống túm tụm với nhau trong một ngôi nhà như xưa kia, vì chả có ai xuất giá cả, hay nói như chị Đại "chả có ma nào chịu rước đi cho". Lần này xa nhau thấm thoát đã tròn hai chục năm, tuy cùng ở một thành phố, mỗi nhà đều có điện thoại, chỉ cần nhắc ống nghe lên và bấm số, mà vẫn không được biết tin tức của nhau. Hắn biết chắc sẽ không có cơ hội gặp lại vì nghe nói mẹ già của hắn đã buộc các con phải lập lời thề, mãi mãi không được nhìn nhận lại cái chi thứ đã bị tách ra. Việc gì phải thề, các anh chị hắn và cả hắn đều đã ở tuổi trong ngoài bảy mươi cả, còn sống được bao lâu mà sợ phải gặp lại. Trong số họ chỉ có hai người là có con, một dòng ở Pháp, một dòng ở Mỹ, đã thành công dân của các nước sở tại, đến đất nước của ông bà chưa hẳn chúng đã nhớ còn nhớ làm sao những người chúng chưa từng nghe nói, chưa từng gặp mặt. Cuộc chia ly vĩnh viễn này đã khiến hắn buồn lắm, càng có tuổi nghĩ càng buồn, cái cạm nhĩ của một người đàn bà đã làm đứt rời hai khúc ruột, khúc trên khúc dưới, thì cái dòng họ ấy còn có ra gì.

Chương 18

Lại nói tới dòng họ. Từ năm còn nhỏ tới năm 45 tuổi hẳn không hề biết gốc gác bên nội của mình, con vợ lẽ, đứa con không mong đợi chả có trách nhiệm gì tới hương khói một dòng họ mà phải cho hẳn biết. Năm 1945, trong một lần hầu chuyện với một vị quan thầy ở tỉnh Nam, ông quan lớn đã về hưu hỏi ông quan vừa bị mất việc do thời thế: "Quan lớn được mấy người con?" - "Bẩm cụ lớn, vợ chồng con được bảy cháu, hai trai năm gái". Hẳn đứng sau tấm bình phong bất giác nghe lỏm được cũng bàng hoàng, thì ra bố hẳn đã loại anh em hẳn ra khỏi đám con chính thức của ông rồi. Không ngờ sau năm 1975 hẳn lại được gặp bố và mẹ già ngay tại Sài Gòn vừa được giải phóng, mới có dịp nhận anh chị, nhận họ hàng ở trong Nam và cả ở ngoài Bắc. Bây giờ hẳn cũng là người sang, nhận hẳn làm thành viên của gia tộc chả mất mặt một chút nào, nên chính ông bố và bà mẹ già vốn ghét hẳn lại thay nhau đưa hẳn đi nhận họ với lời giới thiệu rất tế nhị: "Đây là anh con lớn của bà ngoài Hà Nội". Bà ngoài Hà Nội chứ không phải là bà Hai, bà Ba gì cả. Nói thế là mọi người đều hiểu, vì đã từng nghe nói ông bố hẳn còn một bà nữa, đã có hai con đang sống ở Hà Nội. Và lại trong mấy người con trai của ông, hẳn có gương mặt và dáng dấp giống ông nhất, càng già càng giống như nhận xét của nhiều người. Nhưng ông không nói gì thêm với hẳn về gốc gác, quê gốc ở đâu, ông nội là ai, ông cố là ai, tuyệt đối không nói. Vì sao thế, cho đến bây giờ hẳn cũng không thể hiểu. Có một lần ông có nói với hẳn: "Tôi vẫn giữ bằng khoán ngôi nhà thờ họ ở phố Hàng Nâu, Nam Định. Tôi sẽ đưa anh cầm để anh xin lại với nhà nước xem sao". Chỉ nói có một lần đó rồi ông quên đi, hẳn cũng không nhắc lại. Nên về gốc gác hẳn phải hỏi chị Đại, gọi bố hẳn là cậu ruột, hơn hẳn 16 tuổi, là cháu gái đầu của ông nội hẳn (ông nội có bốn vợ và bốn nàng hầu, bố đẻ hẳn là con bà Ba. Cũng là con bà lấy thêm, đứa con thêm mà sao lại ghét bỏ con thêm thế). Rồi hẳn gặp ông trưởng họ, là cháu đích tôn của ông nội, sống nghèo nhưng bụng dạ tốt, cho hẳn xem tộc phả được lập từ đời cụ Nguyễn Lữ, là Hộ bộ thượng thư Trưởng sự Quỳnh sơn hầu, thời Lê Tương Dực. Cụ Lữ là con út của cụ Nguyễn Văn Lỗ, cụ Lỗ là con thứ năm của cụ Nguyễn Công Chuẩn. Cụ tổ của chi hẳn là Châu quận công Nguyễn Như Hiếu là con thứ ba của cụ Chuẩn. Cụ Lữ là cháu ruột cụ Hiếu, là tổ chi Nguyễn Gia ở Liễu Ngạn, huyện Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh, con cháu có một thi hào là Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiệu, tác giả Cung oán ngâm khúc. Viển tổ của hẳn là Thái tổ Định quốc công Nguyễn Bặc, cùng quê với Đinh Bộ Lĩnh ở làng Đại Hữu, xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Thành thử hỏi quê hẳn ở đâu, hẳn có thể nói ở Ninh Bình, ở Thanh Hoá hay Nam Định, cả dải đất vùng Sơn Nam Hạ ấy đều có mối quan hệ máu thịt với hẳn cả. Hơn nữa trong suốt tám năm kháng chiến chống Pháp hẳn cũng không xa rời ba tỉnh đó. Quân khu 3 thì đóng ở huyện Nho Quan thuộc đất Ninh Bình, thời hẳn là lính thì ở Thọ Xuân, Yên Định của tỉnh Thanh Hoá và lần đầu hẳn được gặp các tài danh văn chương của cả nước Nguyễn Tuân, Xuân Diệu là ở Đông Môn, huyện Vĩnh Lộc của Thanh Hoá. Thời Nam Định bị Pháp chiếm đóng hẳn cũng hay đi về từ huyện Nghĩa Hưng, Hải Hậu, sau này hẳn vào hẳn nghề văn là từ tiểu thuyết Xung đột, nhân vật, sự kiện trong tiểu thuyết là ở vùng hạ Nghĩa Hưng của tỉnh Nam Định. Cũng như ở Hà Nội, mẹ hẳn sinh hẳn ở nhà hộ sinh bà đốc Tiến ở phố Hàng Cót, nhà bố mẹ ở phố Quan Thánh, lớn lên một chút thì ở phố Hàng Bún, đi về qua vườn hoa Hàng Đậu khoảng mười năm. Rồi tạp chí Văn nghệ quân đội nơi làm việc của hẳn suốt ba chục năm lại kê sát vườn hoa Hàng đậu. Nhà riêng của hẳn ở bãi Phúc Xá cách vườn hoa Hàng Đậu khoảng một cây số. Tức là có tới hai phần ba đời người hẳn cứ như dính chặt vào mấy cái phố bao quanh vườn hoa Hàng Đậu. Tuổi hẳn cầm tinh con ngựa, nhưng chắc là ngựa què nên chỉ bước quanh quẩn một rẻo đất quen thuộc, về già lại càng ít đi hơn, cho đến bây giờ hẳn vẫn chưa được đặt chân đến thánh địa Thái Nguyên và vùng du lịch nổi tiếng Đà Lạt. Nghĩ rằng nó

gân, lại giao thông thuận tiện, đi lúc nào chả được, rút cuộc đã ngoài bảy chục tuổi vẫn chưa tới. Chả biết có còn đủ thời gian để tự hứa với mình về một chuyến đi sẽ có không? Nhưng viết thì hẳn lại chăm lắm, có ý tưởng hay, cách kết cấu lạ và đẹp là hẳn viết liền, vừa viết vừa nghĩ tiếp, hẳn chưa bao giờ để lại một cái gì và tự hứa rồi sẽ viết.

Lại nói tiếp về cái dòng dõi của gia tộc hẳn. Tiên tổ của hẳn rất ham mê tham chính, và để trả giá cho cái nghề nguy hiểm ấy họ đã phải chết rất nhiều. Cụ viễn tổ Nguyễn Bặc là tể tướng đầu tiên của nước ta. Sự nghiệp của nhà Đinh cũng là sự nghiệp của cụ, nghĩ rằng sẽ trường tồn cùng nước Đại Cồ Việt. Nào ngờ hai cha con vua Đinh bị hành thích, cái án Đỗ Thích còn treo đấy, theo hẳn là chưa thể kết luận được. Lê Hoàn tuổi trẻ tài cao, trong con mắt ông ta chỉ có Đinh Liễn mới là đối thủ đáng gờm, vì Liễn cũng còn rất trẻ, có tài cầm quân khiến tướng và cũng là một tay có lắm thủ đoạn. Liễn chết cùng với cha, con đường tới ngai vàng hầu như bỏ trống. Lại thêm có sự tính toán của bà Dương Vân Nga. Hẳn chả tin mấy về lòng yêu nước của bà, hẳn chỉ tin vào sự tính toán rất trần tục của chính mình. Với bà làm tôi Lê Hoàn tất nhiên là an toàn hơn làm tôi Đinh Liễn. Liễn đã từng giết thái tử nay phải giết thêm một thằng em khác mẹ là Đinh Toàn có gì phải phân vân. Và giết cả Lê Hoàn cũng vẫn được với cái tội thông dâm với vợ của cha mình. Nên ông Thập đạo Tướng quân phải ra tay trước. Cụ tổ của hẳn dấy quân chống lại ông tướng muốn cướp ngôi. Nhưng ông tướng trẻ vừa có quân quyền, lại có cả thái hậu đứng phía sau nên ông tể tướng già đành phải rút về Gia Miêu rồi tổ chức một trận quyết chiến trên sông Lèn. Lê Hoàn dùng hoả công đánh bại, Đinh Điền chết tại trận, Nguyễn Bặc bị bắt đóng cũi, giải về Hoa Lư, chém đầu ở cửa đông Thành. Ba đời sau cụ Nguyễn Dương, làm quan dưới ba triều vua nhà Lý chống lại quyền thần Đỗ Anh Vũ cùng với các tướng. Các tướng vây thành, cụ xách giáo đâm Đỗ Anh Vũ cho khỏi hậu hoạ thì bị Đàm Dĩ Mông ôm chặt lấy cụ. Đỗ Anh Vũ là phụ chính đại thần của Lý Anh Tông, lại là người tình của thái hậu, vây cánh trong triều rất đông chết thế nào được. Cụ nhểch mắng các tướng vì tham của đứt đã làm lỡ việc lớn rồi nhảy xuống giếng tự vẫn. Nhưng cụ đã để lại cho đời một người con là nhà thơ Nôm đầu tiên của nước ta, cụ Nguyễn Thuyên tức Hàn Thuyên. Năm 1923, dân làng Lai Hạ (Gia Lương, Bắc Ninh) trùng tu nhà thờ cụ Hàn Thuyên có làm đôi câu đối ca tụng sự nghiệp của cụ:

Hàn luật xướng tân thanh, Lý hậu, Lê tiên, văn phái biệt khai Hoa Việt giới.

Ngạc ngư tiêu ác lãng, Lô Giang Triều Hải sùng từ đối tự Bắc Nam thiên. [1]

Năm 1388, vua Trần Đế Hiền mưu bắt Hồ Quý Ly bị bại lộ, bị thượng hoàng Nghệ Tông bắt giam, lại một ông quan võ họ Nguyễn là cụ Nguyễn Công Sách, thái úy quản quân thiết sang cùng anh em là Nguyễn Minh Du quản quân thiết hồ đem quân bản bộ định phá ngục cứu Trần Phế Đế nhưng việc không thành, bị Hồ Quý Ly giết cả hai anh em cùng với nhiều người trong họ. Sau vụ tàn sát này nhiều người họ Nguyễn phải đổi sang họ Hoàng, rồi họ Quách, họ Đỗ để ẩn thân.

Sang thời cận đại cụ nội hẳn là Nguyễn Tu, tổng đốc Ninh Thái, trong họ gọi là cụ thượng Tu, năm 1885, khi Pháp đánh Bắc Kỳ cụ chạy về quê nhưng lại nằm bên nhà vợ ở Hoàng Nghĩa, em vợ là tri huyện Bình Lục thua bạc chạy về xin tiền chị, chị lại nghiệt không cho sinh thù vu của anh rể chống phong trào Văn Thân, tổ chức vây bắt đem ra bờ sông Mã cắt cổ. Từ đó con cháu làm thịt gà chỉ được bóp cổ chứ không được cắt tiết. Ngày giỗ của cụ, ông nội hẳn làm lễ tế bố cũng đúng 5 giờ sáng là giờ bố bị hành quyết, tế xong ông đóng cửa ngòai một mình, chỉ ăn cháo với muối trong ngày. Từ ngày nhỏ hẳn chỉ biết có mối dây liên hệ duy nhất với dòng họ là không được gọi cái lược mà phải gọi chệch là cái chải, người nghe không hiểu thì nói thêm, cái chải đầu. Vì ông nội hẳn tên húy là Nguyễn Hoàng Lược. Nhưng phải tới tuổi 60 lần đầu được về quê gốc của họ Nguyễn Bồng Trung ở huyện Vĩnh Lộc tỉnh Thanh Hoá hẳn mới nhận ra hẳn đã là người của Hà Nội chứ không còn thuộc về một vùng quê nào cả. Vì hẳn có tính hay tự giấu, ngay cả khi bạn bè vạch vòi cái xấu của hẳn trước đông người hẳn chỉ hơi cứng mặt một tí, hơi ngượng một tí rồi lại cười nói hùa theo ngay, chứ không giận, cũng chả

thanh minh gì cả. Theo hẳn, đó là một đức tính đáng yêu của người ở kinh đô. Năm hẳn về Thanh, trong mấy ngày làm việc ở tỉnh chưa về Bồng, hẳn hay đến chơi nhà một họa sĩ rất đa tài, viết cả tuồng, giỏi Hán Nôm, lại ham mê lịch sử, trước hết là lịch sử Thanh Hoá. Nghe ông ta nói về lịch sử của Việt Nam thì quá nửa nhân tài của nước nam đều có gốc là người Thanh Hoá. Bà Triệu Thị Trinh khởi binh đánh Lục Dận nhà Đông Ngô là người của quận Cửu Chân, tức Thanh Hoá. Ông Dương Diên Nghệ ra xây thành Đại La từ thế kỷ thứ 9, là tướng của Khúc Hạo, sau làm Tiết độ sứ được sáu năm là người của ái Châu, tức Thanh Hoá. Ngô Quyền quê gốc ở Sơn Tây nhưng từ nhỏ tới lớn đều ở Thanh Hoá, là con rể Dương Diên Nghệ rồi lại được bố vợ cho giữ đất Ái Châu cho đến nay vẫn còn một dòng con cháu ở tỉnh Thanh. Lê Hoàn sống với mẹ ở làng Xuân Lập, huyện Thọ Xuân cũng vẫn là người Thanh Hoá. Đinh Bộ Lĩnh quê ở Gia Viễn, thời đó hai huyện Gia Viễn và Gia Khánh được gọi là Thanh Hoá ngoại. Lê Lợi thì đúng là dân Thanh Hoá rồi. Nguyễn Kim thuộc dòng Nguyễn Bắc, quê ở Gia Miêu, huyện Hà Trung, là đất tằm gỏi của triều Nguyễn, Trịnh Kiểm quê ở Biện Thượng, huyện Vĩnh Lộc. Lê Văn Hưu, ông tổ sử ở cùng một làng với ông tổ nghề đúc đồng thuộc huyện Đông Sơn... Hẳn nghe rất chăm chú rồi hỏi móc: "Vậy còn thời bây giờ?" Ông họa sĩ cũng cười: "Xưa thì cung kiếm nay thì bị gãy, đều lấy thiên hạ làm nhà cả".

Rồi ông bạn họa sĩ lại kể về quê nội của ông ở làng Phú Khê, thuộc huyện Hoằng Hoá, đất tổ của nghề tuồng. Một làng họ Lê, xưa kia có đến bảy cái đồng triện, bảy ông lý trưởng, vì làng quá lớn. Cả làng hát tuồng, có nhà mấy đời làm nghề tuồng, có gia đình năm anh em trai lập một gánh tuồng đi hát khắp mọi nơi. Và phong độ những con người ở Phú Khê cũng rất tuồng, hào hùng như các nhân vật tuồng. Thời cải cách ruộng đất có một ông bị quy là địa chủ, sẽ bị đưa ra đấu toàn xã, sau đó sẽ lập toà án xử bắn luôn. Ông này chỉ có vài mẫu ruộng, ăn ở với dân làng rất phải chăng. Khi ông bị giam đờn ngày đưa ra xử bất thần một đêm ông trốn được về nhà. Ông tắm rửa sạch sẽ, mặc một bộ quần áo dài trắng, đi giày Chi Long, dao giắt trong người rồi ngồi im lặng một mình, không ngủ, cũng không trò chuyện với ai, đờn trời sáng hẳn mới lững thững đến trụ sở của uỷ ban xin gặp cán bộ của đội cải cách. Không ai được biết ông đã xồng ngực từ đêm thấy ông xuất hiện đột ngột với bộ quần áo trắng mới, giày mới, vẻ mặt bình thản đều rất ngạc nhiên. Chưa kịp tra hỏi gì ông đã nói trước, từ tốn, đàng hoàng:

- Các anh làm sai rồi, có biết không? Tôi là người kháng chiến, các con đều đi kháng chiến, cho rằng tôi có là gian thần nhưng công kia bù với tội nọ cũng được miễn tội chết kia mà. Tôi không sợ chết nhưng tôi không thích các anh nhân danh cách mạng nã súng vào người tôi. Hãy để tôi tự xử.

Nói đoạn ông giật phanh vật áo, rút dao đâm vào bụng mình, lại rạch xuống một đường dài cho ruột xổ ra mới chịu nằm vật xuống.

Rồi một ông trung nông bị quy làm là địa chủ, khi sửa sai ông được hạ thành phần, xã trả lại nhà nhưng ruộng thì về tay chủ khác. Ông pha một ấm trà ngon mời bạn bè đến chia vui rồi làm một đôi câu đối dán cửa, ý tứ thâm trầm:

Hữu phúc khán tương lai, đồng lương y cựu

Vô tâm đàm dĩ vãng, điền địa canh tân.

(Hãy nhìn về tương lai vì ruộng cật còn nguyên. Nghĩ lại chuyện vừa rồi ruộng đất quả thật đã có đổi mới). Không giận cũng chẳng buồn chỉ cười khà một tiếng.

Một anh vốn là nhân viên của công ty cấp nước, sống độc thân ở thị xã, nghe tin vợ ở nhà ngoại tình anh liền xin về ở hẳn nhà. Vợ thì sợ nhưng anh chồng vẫn dửng dưng như không hề biết chuyện gì. Có điều đêm đêm anh ngủ riêng, lấy cớ trong người đang có bệnh. Sau khi đã thu thập mọi chứng cứ anh bảo vợ: "Cô là vợ tôi nhưng cô ăn ở không chung thủy thì tôi đành chịu vậy. Tôi sẽ không làm gì cả nhưng nội trong ngày cô phải ra khỏi cái nhà này". Cô vợ không dám cãi, vào lạy mẹ chồng rồi lạy chồng, xách khăn gói về nhà mẹ đẻ. Anh chồng cũng mẹ sang nhà hàng xóm vì bà cụ bị liệt rồi châm lửa đốt nhà. Cái nhà đó đã bị con vợ thất tiết làm cho ô uế chỉ có lấy lửa mới rửa sạch. Công an tới

lập biên bản, anh nói: "Tôi đốt nhà tôi chứ có đốt nhà hàng xóm đâu mà phải làm biên bản". Ngày hôm sau anh công mẹ lên xe đồ đi lập nghiệp ở Tây Nguyên.

Một ông già trong làng cũng là người hay làm thơ làm vè, có hai con trai là liệt sĩ, vợ chồng đều đã ngoài bảy mươi tuổi, bạn bè cũng đã chết gần hết, làm bốn câu thơ vịnh cái cảnh cô đơn của mình.

Buồn lắm chứ mà vẫn đùa được:

Thân bằng cổ hữu còn ai

Còn con vợ đó còn chai rượu này

Mơ màng nửa tỉnh nửa say

Rượu dấm ba chén thơ vài bốn câu.

Ngày ngày đầu tiên về tỉnh Thanh, hần đã được nghe một bài thơ nhại bài thơ: Nam quốc sơn hà Nam đế cư... của Lý Thường Kiệt, tất nhiên của người Thanh Hoá làm để giễu chơi cái địa phương tính của xứ Thanh:

Thanh Hoá sơn hà nam dốc xây

Tiết nhiên định phận tại nơi đây

Như hà báo chí lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan sẽ có ngày

Và có một dị bản:

Tại sao báo chí lại xâm phạm

Chúng bay sẽ bị thất bại ngay

Cái tính cách hào hùng, phóng khoáng và thích tự đùa của người Thanh Hoá đã làm hần vui lắm, tự hào lắm. Nói thế, chứ hần vẫn có gốc rễ là người Thanh Hoá. Nhưng còn chuyện các danh nhân làng hần thì sao? Thôi thì cứ viết ra đây để bạn đọc cùng xét. Làng của hần cũng có một hảo hán từ thời Tự Đức là ông Mai Bá Nghiễm, trương tuần, thấy dân tình cơ cực quá bèn mộ quân chống lại triều đình. Triều đình có ngu cũng còn cả trăm vị đại quan làm tham mưu, còn một anh trương tuần lấy đâu ra người có tài kinh bang tế thế để phò trợ nên mới bàn nhau cử người ra Sơn Tây theo ông Lê Duy cự, dòng dõi nhà Lê, tôn ông làm minh chủ, ông Cao Bá Quát làm quốc sư dựng cờ phù Lê diệt Nguyễn. Đã là một chuyện vớ vẩn. Lại bàn nhau quân ông Nghiễm từ Thanh Hoá đánh ra, quân ông Cự từ Sơn Tây kéo xuống cùng chiếm lấy thành Hà Nội. Lại càng vớ vẩn hơn. Ông Nghiễm đưa quân về Vĩnh Lộc, đóng ở Eo Lon thuộc làng Báo. Quân chưa lập xong trại, các tướng đã về thăm làng, mổ bò giết lợn, đãi đằng bà con tộc họ, nói thánh nói tướng như đã là các bậc khai quốc công thần. Rồi ùn ùn kéo nhau lên huyện giết viên tri huyện làm lễ tế cờ khởi nghĩa. Nhưng chỉ đánh nhau với quân của triều đình có vài trận thì đám quân ô hợp của ông Nghiễm tan vỡ cả, tướng chạy đằng tướng, quân chạy đằng quân, rồi kéo nhau lên tuốt mãi Cẩm Thủy, Quan Hoá để trốn sự truy nã. Sau đó triều đình cử tổng đốc Hà Duy Phiên, người Hoảng Nghĩa, làm khâm sai đại thần về tận huyện xét xử. Làng Bồng Trung sẽ phải chia làm đôi, một nửa nhập vào Bồng Thương, tức Biện Thượng, một nửa nhập vào Bồng Hạ tức xã Vĩnh Minh bây giờ, xoá tên làng. Ở làng có cụ Nguyễn Bá Thân, là cụ tổ năm đời của hần, án sát Khánh Hoà, đang ở nhà cư tang mẹ, nguyên là bạn học cũ của ông Phiên, liền viết một lá thư trần tình, lời lẽ thống thiết, gửi lên quan khâm sai. Các bộ lão và chức dịch trong làng mặc áo thụng xanh, quì ở dốc đò Ba Bông, miệng ngâm cổ, tay dâng thư lên quan đại thần khi kiệu quan vừa từ dưới thuyền lên. Chưa đánh được người mặt đỏ như vang, đánh được người rồi mặt vàng như nghệ là thế. Làng Bồng Trung chỉ bị thương quan răn đe chứ không bị xoá sổ, thật là phúc đức mười đời. Cả làng vui như ngày hội chứ không ai thấy là nhục. Một đám giặc cỏ làm sao dám chống lại với quân của triều đình, họ nói với nhau thế.

Trong làng còn một ông quan to nữa, là cụ Nguyễn Huy Tế, làm phó Đô ngự sử ở Huế. Cụ Tế được vua Tự Đức rất yêu, sai ra Thanh Hoá để thanh tra vụ động mồ mả của dòng họ nhà Nguyễn ở đất Gia

Miêu thuộc huyện Hà Trung. Mỏ mả ông tiên chỉ làng bị động dân làng còn khôn khổ hưởng hồ mả của nhà vua bản triều. Cụ Tế từ Huế ra về thẳng làng thăm gia tộc. Cụ về ngày trước thì ngày sau các quan đầu tỉnh tổng đốc, án sát, bố chánh cũng về theo luôn và quỳ một dãy ở sân nhà cụ ngự sử để chịu tội. Ông quan được vua yêu lại nhận trọng trách của hoàng tộc giao phó lấy làm mãn nguyện lắm, nằm dài trên bộ ngựa kê giữa nhà, buông màn không thềm tiếp. Cụ bắt họ quỳ đúng nửa buổi mới sai gia nhân vén màn gọi họ vào tra hỏi. Rồi cụ Tế tha nhưng khi nằm cẳng về tỉnh mỗi ông quan phải đặt một cái cùm lên bụng để tỏ hình phạt đã không chăm sóc đất tẩm gội của nhà vua chu đáo. Ông giáo là trưởng họ của chi hấn, là một trí thức xã hội chủ nghĩa, khi kể lại chính tích của một ông quan thời phong kiến mặt cứ đỏ lên vì hãnh diện. Hãnh diện vì được là người trong họ, người cùng làng với một ông quan to được vua yêu, đã từng bắt các quan đầu tỉnh phải quỳ gối trên nền đất của làng Bồng. Nhưng mặt hấn vẫn bất động, vì hấn là người của văn chương, lại có tật hay giễu, nên nghĩ thầm: "Xem ra cái mộng làm quan, được là họ hàng nhà quan, là đầy tớ hoặc người làng của quan đã thành một thuộc tính của người mình mất rồi".

Đó là chuyện về hai ông nông dân cũng khá nổi tiếng của làng hấn, một hảo hán nông dân dám làm giặc nhưng chỉ là giặc cỏ thôi chứ chưa đủ tài trí để thổi lên thành một cuộc khởi nghĩa. Và một ông nông dân được số phận nuông chiều vừa làm quan vừa làm gia nô cho nhà vua, ông ẹo, phách lối một cách khó chịu. Còn một ông nông dân nữa, là con rể ông tổ năm đời của hấn, một lãnh tụ nông dân chống Pháp tiếng tăm vang dội của tỉnh Thanh là ông Tống Duy Tân. Chiến tích của ông nghề Tống ra sao đã được viết nhiều trong sách sử chống Pháp thời cận đại. Ông sống rất anh hùng, chết cũng anh hùng nhưng vẫn không thoát khỏi cái tính cách một ông nông dân ở làng, chưa phải là một thủ lĩnh có tầm nhìn xa rộng làm đổi thay thời thế. Thời nghề Tống và giáo Thọ cùng học một thầy là cụ đốc Lê bên Báo thì giáo Thọ học giỏi hơn, văn chương tài hoa, sâu sắc hơn được thầy yêu bạn nể nên ông nghề có ý ghét. Khi cả hai ra Nam Định theo học hoàng giáp Phạm Văn Nghị một bữa trở về quê cùng lại thăm thầy cũ bên Báo. Trời mưa đường lầy, hai ông học trò xéo đất vào nhà thầy, thầy lấy dép đưa cho giáo Thọ rửa chân rồi bảo con đưa cho nghề Tống đôi guốc mộc. Lúc ngồi uống trà thì trò Thọ được ngồi ngang với thầy, còn trò Tống thì phải ngồi dưới. Ghen cũ cộng với ghét mới sinh thù. Khi ông nghề vâng chiếu Cần Vương đánh Pháp thì việc đầu tiên là cho hương binh bắt giáo Thọ trói ở sân đình Bồng vu cho ông ta chống Cần Vương, đợi giờ chém. Ông chú ruột của ông nghề biết tin liền chạy ra bảo cởi trói cho giáo Thọ rồi về máng cháu: "Giặc chưa đánh được trận nào cho dân vui đã tính chuyện trả thù nhau. Còn ai muốn theo các anh nữa". Trong làng còn một ông tướng võ là cụ Đề Điểm, thuở hàn vi làm nghề chống đồ đồng, tên húy là Đóm, nằm ngoài sổ đình để khỏi đóng thuế. Khi lấy lính cụ đi thế cho con một nhà giàu trong làng, vào Huế gặp kỳ thi võ, cụ xin ứng thí trúng phó bảng, đi đánh trận mười năm được thăng đến đề đốc, lãnh chức tổng binh giữ thành Nam Định. Cụ là người có sức khỏe chứ không có học vấn, khi một ông quan hầu nhóm dòng chữ lạc khoản của một bức đại tự không rõ, cụ liền giơ hai bàn tay cho người kia đứng lên mà nhìn. Vì cụ Điểm vô học nên ông nghề có ý khinh, gặp dịp ra chơi với bạn đồng môn là tổng đốc Nam Định, tuy có mời cụ Điểm sang dự tiệc nhưng hai ông quan văn toàn quay mặt vào nhau nói chuyện văn thơ, bỏ mặc ông quan võ ngồi uống rượu một mình. Làm thủ lĩnh mà không có chính sách chiêu hiền, toàn dùng con cháu vừa dốt nát vừa hách dịch nên người thiên hạ mới có thơ:

Khoa mục chi mây hời Tống Tân

Rõ phùng nát nước với hư dân

Cứ tưởng dài đuôi là kín mít

Toan đem khó rách để trùm chân.

Các ông bà nông dân, dầu là hào kiệt, nếu chỉ với vốn liếng sẵn có, nhiều lắm cũng chỉ làm loạn được ở một địa phương trong vòng vài năm, dăm bảy năm. Nếu làm một cuộc khởi nghĩa thay đổi vương

triều hay chống xâm lược thì phải có minh chủ, có quân sư giỏi và tướng tài, để có cách nhìn, cách nghĩ vượt ra khỏi cái hạn hẹp của người làm ruộng. Nhưng chỉ như thế thôi họ cũng không thay đổi được thời thế. Vì người tiểu nông hay nói cho rõ hơn chế độ phong kiến đã không còn đủ tư cách thay đổi thời thế. Trường hợp của vua Gia Long là một ví dụ. Nhà vua là người lãnh đạo tài ba nhất của triều Nguyễn, nhưng sau khi đã thống nhất được giang sơn, ông cũng không biết phải làm gì để vượt khỏi những thiết chế về chính trị, kinh tế và xã hội đã quá cũ kỹ của các vương triều trước. Lẽ ra ông ấy phải nhanh chóng thay đổi lại tất cả theo mô hình những quốc gia tiên tiến để bước vào thế kỷ 19, phải có một quân đội, một đường lối ngoại giao và trên tất cả là một cách quản lý xã hội của thế kỷ mới thì mới tồn tại và phát triển được, mới giải quyết nổi những vấn đề sẽ nảy sinh trong đôi nội cũng như trong đôi ngoại mà con cháu ông sẽ phải đối đầu. Quá nửa thế kỷ 19 cả triều đình nhà Nguyễn cứ lúi húi vào những chuyện không đâu vì họ chỉ có một quốc sách hết sức hủ lậu, đóng chặt cửa để người trong nhà dạy nhau. Nhưng trên thế giới đã xuất hiện chủ nghĩa đế quốc và các cường quốc công nghiệp đang tranh chấp nhau các vùng đất còn vắng chủ để sinh tồn thì chả có quốc gia nào đóng cửa được. Nhà Thanh cũng chủ trương đóng cửa để dạy nhau thì họ nã đại bác vào cho các cánh cửa phải mở tung rồi ủa vào cả lũ vô xé con mồi vừa say thuốc phiện, vừa quá mồi mết vì những cuộc chém giết lẫn nhau trong nước, thành hàng trăm mảnh nhỏ cho dễ nuốt. Mình mà thoát được ư? Chả phải chỉ tại vua quan nhà Nguyễn quá hèn yếu mà bị mất nước, cho dầu là anh hùng, hào kiệt lãnh đạo quốc gia ngày ấy cũng phải thua vì chúng ta đã là người của thế kỷ 16, 17, có khi còn xa xưa hơn nữa, bỗng chốc phải đối mặt với một đội quân xâm lược của thế kỷ 19, là người cổ xưa đánh nhau với những tên ăn cướp hiện đại, là sự tù đọng vằng vặc chống lại với dòng chảy của sự phát triển, dầu cả triệu người dám banh ngực xả thân thì vẫn cứ là thua. Theo sự đọc của bạn hấn là nhà văn Nguyên Ngọc thì cụ Phan Chu Trinh đã từng nói: "Ta với Pháp còn cách nhau cả một thời đại", đó là cái khó của mọi cái khó. Vậy tại sao Việt Nam lại thắng Pháp, sau này lại thắng cả Mỹ với những hành trang cũ kỹ đến vậy? Hấn cũng tự hỏi nhiều năm cái câu hỏi ấy, về già mới vỡ lẽ vì ngay từ những năm 30 của thế kỷ trước những nhà cách mạng Việt Nam đã phải chuẩn bị một chính đảng, một quân đội, một nền ngoại giao, một hình thức quản lý xã hội của thế kỷ 20, là những người yêu nước của hôm nay chống lại bọn xâm lược của hôm nay. Là cái chính nghĩa, cái mưu kế, cái anh hùng của một nước nhỏ thời hiện đại chống lại sức mạnh và những âm mưu gian trá, xảo quyệt của những nước lớn thời hiện đại. Còn về cái cơ sở vật chất của hai cuộc chiến tranh yêu nước thì đã có Liên Xô, Trung Quốc và các nước anh em khác hiệp lực chi viện rất khăng khải rồi. Nhưng khi chiến tranh kết thúc, viện trợ các nước thành hàng đổi hàng hoặc tính bằng tiền thì chúng ta rơi ngay vào những cuộc khủng hoảng kinh tế và xã hội. Nói cho rành rọt hơn là cái cơ sở kinh tế của một xã hội tiểu nông không thể nuôi sống những thiết chế chính trị, xã hội được tổ chức theo mô hình một xã hội công nghiệp hiện đại. Cái cơ thể lớn mạnh ấy đòi hỏi một loại dưỡng chất khác. Đó là một nền kinh tế nhiều thành phần mà người tổng quản lý là cơ chế thị trường, nhân dân không còn là một hình tượng mơ hồ, có tính tượng trưng mà đã trở thành người tiêu dùng, là khách hàng, là thượng đế, quyết định sự thành bại của mọi nền kinh tế. Làng Bồng của hấn là làng của nhiều danh nhân và anh hùng. Ông Mai Bá Nghiễm là một anh hùng, ông Đề Diễm là một anh hùng. Ông giữ thành Nam Định đánh nhau với quân Pháp suốt mấy ngày, rồi quan chạy đằng quan, quân chạy đằng quân nhưng ông vẫn chống cự cho tới lúc bị trúng đạn xổ ruột mới quần bụng nhảy lên ngựa chạy về ý Yên và chết ở dọc đường. Dân làng Hào Kiệt tháo cánh cửa chùa đóng hòm chôn ông dưới chân ruộng rồi cấy lúa lên trên. Ba năm sau bà vợ từ Thanh ra, xin hài cốt chồng gói vào tấm vải bố đặt lên lưng con ngựa chiến đã già vẫn quanh quẩn bên mộ chủ suốt ba năm. Rồi một bà lão và một con ngựa già đi bước một trở về Bồng. Một cảnh tượng hào hùng làm nôn nao nhiều thế hệ, đẹp như một bản tráng ca. Lúc ông nghe Tống bị Pháp bắt, đưa ra cầu Hạc chém đầu, ông còn tung vòng khăn nhiễu bịt tóc cho đao phủ, lấy vành tre vạch xuống đất hai câu thơ:

Nhi kim thủy liễu tiên sinh trái

Tự cổ lưu truyền bất tử danh. [2]

Một cái chết cũng thật anh hùng. Những anh hùng hào kiệt sinh vào một xã hội đã lạc thời, đã thành cổ hủ thì cũng chỉ dâng hiến cho tổ quốc được đến thế. Họ không thể làm hơn được, chí họ thì lớn nhưng tài họ rất có hạn vì đầu óc chân tay bị trói buộc bởi những học thuyết lắm cảm từ đời cha đời ông nên không nghĩ xa được, không nghĩ rộng được, lại bị nhiễm từ nhiều đời những thói xấu cố hữu của người nông dân, nên trở thành những anh hùng bất đắc chí, chỉ nên ngưỡng mộ họ từ xa, chứ nhìn quá gần cũng dễ nản lòng lắm, tội nghiệp lắm. Hắn ở lại Bồng cả tuần, nghe đủ mọi chuyện của làng, chuyện anh hùng của thời xưa và nhiều chuyện rất kinh dị của thời nay, lắm lúc buồn quá lại ra bờ sông Mã ngồi ngắm những con thuyền chở hàng lớn chạy buồm từ Hàm Rồng ngược Cẩm Thủy cho kịp phiên chợ, chạy ngược dòng vừa chèo vừa chống. Cách đây mới có vài chục năm khi thuyền chạy buồm xuôi theo dòng nước vẫn có ba đoạn phải kéo nếu không có gió, chứ không được chèo sợ chạm long mạch. Đã có câu ca "Tràng Lang, Xóm Lỗ, Báo Bồng - Qua ba khúc ấy mặc lòng ngược xuôi". Báo Lòng là đất của vua chúa. Làng Bồng là đất của con cháu Nguyễn Bặc, thủy tổ của triều Nguyễn. Làng Báo là đất đã sinh ra Trịnh Kiểm, ông tổ của dòng chúa Trịnh thời Lê Trung Hưng. Ngồi nghe những câu hò: Ê... ê... ê... ngân dài của đám "hóp đồ" chống những cây sào tre dài bảy, tám mét đầu bịt khâu sắt để khỏi trượt khi cắm vào ghềnh đá bước ngược thuyền lại càng buồn như tiếng rên sâu thẳm của những anh hùng không thoả chí từ dưới đáy sông vang vọng ngược lên.

[2]Tạm dịch :

Món nợ tiền sinh nay mới trả

Cái danh bất tử trước còn truyền

Chương 19

Có lần nói chuyện với thằng con lớn, hẳn có phần nản mẹ nó dạo này thay đổi tính nết lạ lùng quá, là một người đàn bà hoàn toàn khác chứ không còn là người vợ đã từng chung sống non nửa thế kỷ. Hẳn nói: "Tại sao mẹ mày lại làm khổ bố thế nhỉ, lại có thể ngờ vực bố có ngoại tình? Lúc trẻ thì tin về già lại không thể tin, chả lẽ bố còn trẻ lắm hả? Là một ông già bảy chục tuổi đầu rồi, sắp ra nghĩa trang nằm rồi! Thở còn không được nói gì chuyện trai gái!" Thằng con cười một cách dễ ghét, như là một chuyện rất vớ vẩn, rất nhỏ nhen, không đáng để ý mà những người già cứ thích làm cho to chuyện. Nó nói: "Nếu bố hoàn toàn trong trắng việc gì bố phải giận dữ đến thế, nói một điều không có chả lẽ nói mãi nó thành có à?" Hẳn nói gần như rít trong kẽ răng: "Cái số tao cũng là cái số không ra gì, thuở nhỏ thì bị ông nội mày vu tào là thằng ăn cắp, về già lại bị mẹ mày vu là tao có ngoại tình!" Thằng con nhìn hẳn cười nhỏ: "Lại còn không ra gì, như thế nào mới là ra gì?" Hẳn ngồi nghĩ ngợi một lát rồi bảo con: "Có thể cũng là một dạng bệnh tâm thần, bệnh tâm thần phân liệt chả hạn, lấy chuyện ảo làm chuyện thật..." Thằng con nói: "Chả có tâm thần gì đâu, một cách trả thù đấy thôi" - "Cái gì trả thù?" - "Bố là người thắng mẹ là người thua, bố được cả, mẹ gần như mất hết" - "Cái gì mất hết...?" - "Xưa kia mẹ là người đẹp, lại rất khoẻ mạnh, lại có cơ quan, có bè bạn, có việc làm hàng ngày. Sau mấy chục năm đẻ con nuôi con, bây giờ đã thành một bà già bệnh tật, xấu xí, không có việc để làm, không có bè bạn để trò chuyện, không có gì hết ngoài chồng và con". Hẳn nói vội: "Đấy, đấy, chồng con là tài sản của mẹ mày, chồng con thành đạ tức là mẹ mày đã được nhiều, đâu có thua kém ai..." Thằng con vẫn còn đều đều: "Vẫn thua chứ bố, trong gia đình mình mẹ là người chịu thiệt nhiều nhất, thua đậm nhất". Hẳn nói đã hơi gắt: "Thời xưa các bà vợ, bà mẹ chả đòi hỏi gì hơn là được hy sinh cho chồng con. Chồng con không làm gì nên vẫn chả phàn nàn một tí nào, vẫn rất thoả mãn vì đã làm tròn mọi bổn phận". Thằng con cười nhỏ: "Sao bố lại ví thời nay với thời xưa, mỗi thời mỗi khác chứ?" Hẳn nói ương bướng: "Có nhiều cái khác nhưng cũng có nhiều cái không khác, như cách ăn ở, cách cư xử trong gia đình của các bà vợ, bà mẹ của Việt Nam". Thằng con vẫn cười: "Người dân hồi xưa chỉ cần cơm no áo ấm là đã rất bằng lòng. Nhưng bây giờ họ còn cần cả tự do và dân chủ nữa. Mấy vụ lộn xộn ở mấy xã của Thanh Hoá ngày nọ của Thái Bình mới đây đâu phải vì dân đói cơm, họ chỉ đói có cái quyền dân chủ của mình mà thôi. Các bà vợ cũng thế, xưa kia có chồng con là người sang trong nước là đủ mãn nguyện, nhưng nay thì không thể đủ, còn tôi nữa chứ, tôi có phải là con đầy tớ đâu mà không được tính đến?" Hẳn lắng nghe mặt mũi cau có, nghe thì phải nhưng vẫn có cái gì chưa hẳn là phải, nó ngược lại với thói quen, với cách nghĩ vốn có của hẳn. Hẳn nói lầm bầm: "Người đàn bà là trụ cột của gia đình, là nội tướng, làm gì có chuyện chia ra là tôi, là anh, là chúng nó. Mày cứ bày đặt..." Thằng con lại hỏi, trong câu hỏi đã có ý giễu: "Một thành viên của cộng đồng phải có nghĩa vụ với cộng đồng, nhưng không bao giờ được xem là một với cộng đồng. Cộng đồng có quyền lợi của cộng đồng, cá nhân có quyền lợi của cá nhân. Nếu những người lãnh đạo quốc gia và những ông chủ gia đình lại cố tình quên đi những cái quyền của cá nhân là họ sẽ gặp rắc rối đấy. Như bố chẳng hạn?" Hẳn lại gắt: "Tao là người viết văn, không viết về các số phận cá nhân thì viết cái gì?" - "Bố viết về người khác thì thế. Nhưng thử viết về chính mình xem sao? Chỉ có một ông chủ rất sáng chói và những thành viên loè nhoè của một gia đình. Và cái gia đình ấy phải có nghĩa vụ phục vụ ông chủ, hoà làm một với ông chủ, vì ông chủ thành danh thì cả mọi người đều có danh. Nhưng con cũng muốn có cái danh riêng của con chứ, mờ nhạt hơn bố cũng được nhưng là của riêng con" - "Chúng mày vẫn nghĩ như thế à?" - "Có một ví dụ rất cụ thể, cái bữa mấy anh quay phim tới đây, họ muốn bọn con phải có mặt cùng với bố, nhưng có đứa nào chịu ngồi cạnh bố đâu, nó trốn hết. Chỉ có con buộc phải có mặt thôi, vì con không thể trốn, và một thằng cháu ngoại nó thích chụp hình quay phim nên nó cũng không trốn... Đừng có nghĩ một nước đã vẽ vang thì muốn đối xử với người dân thế nào cũng được. Cũng như ông bố đã vẽ vang thì có thể bắt vợ con làm tôi làm tớ cho mình cũng vẫn được. Nghĩ thế là nhầm!" Hẳn hỏi thăm dò: "Vậy không phải là mẹ mày ngờ tao có ngoại tình thật, mà là..." Thằng con lại cười: "Mẹ tự xem đã là người bỏ đi rồi, không còn giúp gì được cho chồng cho con nữa, là người ăn bám hoàn toàn nên một cái nhản

mặt, một câu nói gắt, một cử chỉ tỏ ra lạnh nhạt của bố thì mẹ không thể bỏ qua như hồi còn trẻ đâu. Đó là sự hắt hủi, sự ghê sợ của bố đối với một người vợ đã hoá ra xấu xí, đã hoá ra gai mắt chỉ muốn bỏ đi, muốn vút đi. Nhưng bỏ thế nào được, vút thế nào được vì mẹ vẫn là vợ của bố, là mẹ của chúng con, vẫn có quyền khuấy đảo cuộc sống của bố cả ngày lẫn đêm khiến bố phải nổi điên nếu mẹ muốn".

Chương 20

Xưa nay hần vẫn chủ trương những năm tháng ngắn ngủi của một đời người không nên tiêu phí nó vào những chuyện vô ích, không đâu để có thể dành tất cả cho sáng tác. Hần ngắm nhìn nhiều bậc đàn anh trong nghề, tài năng lớn hơn hần nhiều, học vấn cũng sâu rộng hơn hần nhiều nhưng làm nghề cứ như nhà văn nghiệp dư. Họ sinh ra để làm văn làm thơ nhưng được nửa chừng lại chuyển sang làm anh viên chức nhà nước, ngày ngày xách cặp ngồi xe, tham dự đủ mọi cuộc họp, không họp lớn thì họp nhỏ, không có một lúc nào được ngồi một mình, không có lúc nào được nhàn rỗi để đọc sách, để đi chơi với bạn bè tán lếu tán láo, lúc nào cũng công việc, cũng nghị quyết, cũng báo cáo, một đời người chỉ được tiếp xúc với cuộc sống gián tiếp, cuộc sống đã được nguyên tắc hoá, công thức hoá theo một quan điểm, một cách nhìn nên các nhà văn công chức chỉ có thể viết rất giống nhau, sự khác nhau chỉ còn ở sự già tay hay non tay trong nghề mà thôi. Các nhà văn viên chức ấy thường nói với bạn bè và với chính mình, khi nào rời bỏ được các chức vụ mà vì anh em họ phải gánh vác, họ sẽ bắt tay vào công việc chính của đời mình: ngồi viết. Nhưng cái thói quen làm công chức suốt mấy chục năm đã không buông tha họ, họ không thể không được trình trọng mời phát biểu tại các cuộc họp. Được đi họp, được mời ngồi hàng ghế đầu tại các cuộc họp đã là lẽ sống của họ mất rồi. Họ bầu víu vào cái hôm nay mà quên mất cái họ có thể để lại cho mai sau.

Nói thế chứ hần cũng đã mất vài năm ra Bắc vào Nam để giữ một chức vụ hữu danh vô thực ở Hội Nhà văn. Rút cuộc là hần thua, vừa mất thì giờ vừa thân bại danh liệt. Là vì ở xứ ta trong nhiều chục năm (và trong nhiều thế kỷ) chỉ có làm quan mới là người danh giá, được xã hội tôn trọng, bạn bè nể nả, vợ con cũng được vinh vang. Một xã hội mà cả mọi người nếu không là công nhân, viên chức nhà nước thì cũng là xã viên, hội viên của một tổ chức sản xuất hoặc kinh doanh nào đó, không có nghề tự do, không một ai được làm một việc gì hoàn toàn tư nhân cả. Những người buôn bán nhỏ ở các thành thị là những người sống khốn khổ nhất, kiếm sống đã vất vả lại không được khuyến khích, không được tôn trọng, lại bị các ông thuế, ông quản lý thị trường hành hạ vật. Ngay như những người xưa nay vốn được xem là làm nghề tự do như các nghệ sĩ chẳng hạn cũng phải sinh hoạt trong các hội nghề nghiệp, các đoàn nghệ thuật của các nhà hát, và vẫn phải đi họp, vẫn phải có người lãnh đạo và nhiều người bị lãnh đạo. Và các đại hội của các hội nghề nghiệp ấy vẫn mất rất nhiều thì giờ để bàn cãi, cân nhắc sẽ cử những ai vào cơ quan lãnh đạo. Nên làm quan là con đường duy nhất để tiến thân, là tiêu chuẩn quan trọng nhất để xem xét giá trị một con người, là những lo âu đến cháy ruột, là sự sung sướng đến phát cuồng của nhiều người vốn đã có danh trước khi có quyền. Vì cái danh trong nghề xem ra chẳng được ai trọng cả. Nhà văn Trần Công Tấn có nói với hần một chuyện: Năm ông Chế Lan Viên còn sống có lần ông về thành phố họp (vì nhà ông ở mãi đuôi quận Tân Bình) nên Tấn rất muốn mời ông anh về cơ quan mình ăn bữa cơm trưa thật đàng hoàng liền nghĩ ra một mẹo, nói với ông Tổng cục trưởng, rằng có nhà thơ Chế Lan Viên, là đại biểu Quốc hội nhiều khoá, hiện đang có mặt... Lập tức ông kia liền ra lệnh cơ quan phải tổ chức tiếp ông đại biểu quốc hội ngay, tiếp thật đàng hoàng. Chứ nếu chỉ nói là nhà thơ thì có khi ông kia sẽ hỏi lại: "Là nhà thơ à, là nhà thơ tại sao ta lại phải tiếp?" Cũng như có một ông cán bộ cũng vào cấp lãnh đạo kha khá bảo một trợ lý nhân nghe nói về Nguyễn Du: "Nếu có gặp ông ấy nhớ mời lại cơ quan mình chơi, nói là mình mời". Chẳng cứ nhiều nhà lãnh đạo coi thường những văn nghệ sĩ chẳng có chức tước gì, chỉ là nghệ sĩ thôi, mà ngay cả đám doanh nhân trẻ mới đây cũng cậy có tiền coi các nghệ sĩ như một món nhắm của họ lúc tiệc tùng. Một bữa có một doanh nhân trẻ và đám bạn của y mời ông Chế và hần tới dùng cơm tối tại một nhà hàng sang trọng ở quận 5, có xe đưa rước hần hỏi. Hai anh em đã nửa năm mới được gặp nhau, mừng quá, cứ dính vào nhau nói đủ thứ

chuyện, nói cả nửa giờ, cuối cùng cái đứa bỏ tiền phải nói một cách chả lịch sự chút nào: "Chúng em mời cơm hai bác để các bác nói chuyện với chúng em, chứ đâu phải để các bác nói chuyện với nhau". Cả hai đều ngượng, ông Chế nhìn hần cười cười: "Ồ nhỉ, bọn mình vô ý quá, các anh muốn nghe chuyện gì nào?" Năm hần còn ở quân đội, quân hàm đại tá nhưng chả có chức vụ gì, chỉ là anh phóng viên viết báo thôi, lại được giới thiệu trong danh sách các ứng cử viên đại biểu quốc hội của thành phố, khiến cả mọi người ở số 8 Nguyễn Bình Khiêm (cơ quan đại diện của Tổng cục Chính trị ở phía Nam) rất ngạc nhiên. Họ nhìn hần một cách giễu cợt, một anh chân trắng lại được bầu là đại biểu quốc hội, có nhầm không đấy? Hần là một cái tên trong vài tên trong một danh sách bầu để người đi bầu gạch ấy mà, chứ nước non gì! Mà hoá ra hần lại trúng cử với số phiếu rất cao! Hần cũng ngạc nhiên, bà con Củ Chi, Hóc Môn thì biết gì về hần mà dám bỏ phiếu cho hần. Về sau mới vỡ lẽ, họ nhầm hần với phó thủ tướng Phan Văn Khải, người ra ứng cử ở đất Củ Chi (quê hương của ông) chỉ có thể là ông Sáu Khải, chứ làm gì có một anh chàng Nguyễn Khải, chả có chức tước gì kèm theo, nào khác. Lần đầu tiên hần được mời đi họp Đoàn đại biểu Quốc hội của thành phố tại ngôi nhà tiếp dân của các nghị sĩ lại đi xe đạp nên ông thường trực vội ngăn hần và bảo: "Bữa nay các vị đại biểu quốc hội đang họp, xin mời bác lại khi khác". Thì ra hần có một bản mặt rất là dân, không trộn lẫn với quan được. Do đó hần vẫn thềm được làm quan, dầu là một chức quan nhỏ hần cũng không muốn bỏ lỡ, nên khi cấp trên gọi hần ra Hà Nội để chuẩn bị sau Đại hội Nhà văn sẽ làm người lãnh đạo Hội là hần lao ra liền, dầu hần chưa làm cái nghề quản lý bao giờ, lại có tính lười và thiếu quyết đoán. Nhưng cấp trên tính không bằng hội viên tính, đại hội phải bầu lần thứ hai cho đủ số uỷ viên Ban chấp hành hần mới trúng cử, mà cũng chỉ trúng với số phiếu thấp, quá bán một tí thì phải. Thế là hần đành phải chấp nhận cái ghế ngồi ghé, nói leo, tất nhiên cũng có bề bàng một chút, nghĩ rằng "hạ sơn" để làm vương làm tướng gì, hoá ra... Như một đèn bù, về hoạn lộ thì hần thất bại nhưng về nghề nghiệp hần lại viết được một cuốn sách rất khá, theo dư luận. Đó là cuốn tiểu thuyết: Một cõi nhân gian bé tí, chỉ viết về những người thất bại. Thất bại ở chính trường, thất bại ở tuổi già, thất bại vì sự cô đơn lúc cuối đời, thất bại không do mình gây ra mà do những ràng buộc vớ vẩn từ một quá khứ. Nỗi buồn của họ, tiếng kêu ai oán của họ như từ thẳm sâu của những kiếp người vọng lên nên nó có một vẻ đẹp riêng, nó gần gũi với con người, nó thuộc về những thăng trầm của một đời người, là những rủi ro một khi đã va phải nó rất khó rũ bỏ. Nó trở thành những hình tượng nghệ thuật để cái cõi nhân gian bé tí nhìn vào đó mà ngẫm nghĩ và được an ủi. Trong mọi thất bại của con người ta chỉ có cái thất bại về hoạn lộ là không nên biết và cũng không nên viết vì nó nhơ bần và buồn cười. Khi ông Khorútsóp, một nhân vật lưng lầy tiếng tăm một thời, bị tước mọi quyền lực, bị buộc phải nghỉ hưu, có một phóng viên nước ngoài hỏi đứa cháu ngoại: "Lúc này ông cháu ở nhà làm gì?" Đứa bé trả lời rất hồn nhiên: "Ông cháu chỉ ngồi khóc thôi". Ở nước ta cũng có vị phải ra khỏi trung ương sau nhiều khoá ở trung ương cũng đã bật khóc, nghe nói nước mắt ngấn dài suốt mấy năm, nhà như có tang suốt mấy năm. Con người đã nhỏ lại rất nhiều bởi tiếng khóc ai oán của họ và của vợ con họ.

Chương 21

Nhà thơ lớn của dân tộc Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều cũng là một ông tổ của hán nhưng khác chi. Chi cụ Thiều thuộc ông tổ Sảng quốc công Nguyễn Văn Lỗ, là con thứ năm của Hoàng quốc công Nguyễn Công Chuẩn được xếp vào hàng công thần Bình ngô khai quốc, được ban quốc tính Lê. Còn chi của hán thuộc ông tổ Châu quận công Nguyễn Như Hiếu là con thứ ba của cụ Chuẩn. Trong số con cháu của cụ Lỗ có Thọ Dương Hầu Nguyễn Hựu là tướng của Nguyễn Kim, Trịnh Kiểm, đi đánh quân nhà Mạc ở vùng Gia Lương rồi lấy vợ ở làng Liễu Ngạn, tổng Liễu Lâm, phủ Siêu Loại, thuộc trấn Kinh Bắc. Qua mấy đời nữa mới đến đời cụ Nguyễn Gia Ngô (có sách viết Nguyễn Gia Cư) tước Đạt Vũ Hầu lấy con gái Trịnh Cương, sinh ra cụ Nguyễn Gia Thiều. Cụ Thiều là cháu ngoại của Chúa, được ở trung phủ Chúa từ nhỏ, thuộc dòng dõi cảnh vàng lá ngọc, có tài cả văn lẫn võ, lại am hiểu cả nhạc và hoạ mà không được Chúa trọng như các cháu bên nội. Ông là người vừa hám công danh lại cũng ham chơi, có máu văn nghệ mà. Nhưng nhà cầm quyền cần người trung thành, tận tụy, sai đâu làm đấy, không cần bằng cấp gì, văn chương gì như đám kiêu binh lấy từ trong Thanh ra chẳng hạn. Nên Trịnh Sâm xem ông như một vật trang trí trong phủ Chúa, chỉ dùng vào những việc vui, văn thơ, đàn hát và trông nom việc trang trí trong nội phủ. Ông là cháu gọi Trịnh Doanh là cậu, là anh em con cô con cậu với Trịnh Sâm mà không có vai vế gì ở lục phiên cả, lại là người có tài ăn nói, chắc cũng hay ngửa miệng nói năng ngông nghênh gì đó, thiếu gì chuyện để nói ở cái thời Trịnh Sâm, Đặng Thị Huệ và ông em đa dâm, hiếu sát của bà ta. Nên nhà Chúa mất lòng, tỏ ra lạnh nhạt với ông, và không mời ông tham dự những buổi yến tiệc trong cung vua phủ Chúa, về sau cũng không được tự do ra vào nơi cung cấm nữa. Tới năm 1782, sau nhiều năm lận lộn trong bể hoạn ông mới được thăng chức Tổng binh Đồng tri, Đồng tri là cùng xem xét, tức chỉ là ông phó tổng binh thôi, rồi đưa đi dẹp loạn ở miền thượng du thuộc Hưng Hoá, giáp mặt với quân biên viễn nhà Thanh. Cái chức Lưu thủ Hưng Hoá không phải là thăng mà là giáng, là bị biếm, là đi đầy, vì đã có câu, quan ngoài nhất phẩm không bằng quan trong nhị tam phẩm. Còn cái tước hầu của ông ngày ấy cũng chẳng phải sang trọng gì. Đến một anh Tàu bốc thuốc cho Trịnh Cán còn được phong hầu nữa là. Nhưng ông đâu có chịu ở liên trên đó mà hay bỏ nhiệm sở về chơi bời ở Tây Hồ sớm tối cùng nhóm bạn rượu, bạn thơ lúc bàn về thời thế, lúc bàn về nhân tình thành nhóm "tứ linh tửu hữu" được người kinh kỳ tặng hai câu thơ:

Quần cư Nam Việt ộc Tây Hồ

Thi tử ngang tàng hảo trượng phu.

Đã là hảo trượng phu thì không thể làm hảo gia nhận được. Ân sủng của nhà Chúa với ông chấm dứt từ đây, đã làm nhà thơ thì không thể làm đầy tớ, muốn làm đầy tớ thì không nên mơ mộng đến văn thơ.

Xưa nay người của phú quý không thể là người của đạo lý, vừa muốn làm quan to lại muốn làm cả thi hào, tham thế! Nên ông mới mượn lời của cung nữ đã từng được vua yêu chúa dấu bỗng chốc bị bỏ quên mà than thở nhớ tiếc cái thời vàng son ấy:

Ngày sáu khắc tin mong, nhận vắng

Đêm năm canh tiếng lắng, chuông rền

Lạnh lùng thay giấc cô miên

Mùi hương tịch mịch, bóng đèn thâm u!

Tiếng kêu bi thương của cô cung nữ - Nguyễn Gia Thiều rền rĩ suốt 356 câu thơ, chẳng có câu nào muốn dứt hán cái quá khứ nhơ nhớp của kẻ tôi đòi, kẻ giúp vui để trở về với cuộc đời tự do như bản tính của một nhà thơ đòi hỏi. Nên vẫn còn: Đè chừng nghĩ tiếng tiểu đòi - Nghiêng bình phẩn mốc mà đòi má deo. Trong phả viết ông là người không thích vinh hoa phú quý, tự xưng là Hi Tôn Tử và Như ý Thiền,

lấy thi tửu cầm kỳ, nghiên cứu Phật học, Lão học làm vui. Nhưng đọc thơ của ông hẳn chẳng tin một tí nào về sự đánh giá ấy. Một người đã vào cũi ung dung tự tại, không nhuốm chút bụi trần nào thì làm sao viết nổi những câu thơ da diết những nhớ thương, những luyến tiếc những ngày vui đã qua:

Đêm hồng thúy thơm tho mùi xạ

Bóng bội hoàn nhấp nhá trắng thanh

Mây mưa mấy giọt chung tình

Đình trầm hương khoá một cảnh mầu đơn.

Trong thơ có mùi của quyền quý, có cả mùi của da thịt, một người lòng đã dửng dưng trước mọi cảm dỗ thì cảm thế nào được những tình ấy, dùng thế nào được những chữ ấy. Và cả những câu oán hờn như nghiêng rãng mà viết, như đã chất chứa bao nhiêu thống khổ, bao nhiêu cảm tức mà viết:

Gót danh lợi bùn pha sắc xám

Mặt phong trần nắng r ám mùi dàu

Nghĩ thân phù thế mà đau

Bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê.

Tiếng thở dài của cô cung nữ - nhà thơ mới tội nghiệp làm sao, mới tầm thường làm sao!

Mỗi phú quý như làng xa mã

Bả vinh hoa lừa gã công khanh

Giấc Nam kha khéo bất bình

Bừng con mắt dậy thấy mình tay không.

Đọc thơ của Ôn Như Hầu hẳn cứ lấy làm lạ tại sao ông có thể nhập vào da thịt, vào tận chỗ sâu thẳm trong tâm hồn cô cung nữ bị đấng quân vương ruồng bỏ tài tình đến vậy, như ông viết về thân phận của chính ông, nói thế cũng chưa đủ, như chính ông đã từng là đàn bà, đã từng là cung nữ. Ngay cả lối cấu trúc câu thơ cũng khác nhiều với Kiều, với Chinh phụ ngâm trật tự các từ ngữ cứ xáo trộn cả lên khiến người đọc phải ngạt thở, phải quặn gan quặn ruột: "Mùi tục luy lưởi tê tân khổ - Đường thế đồ gót rồ kỳ khu" - "Cuộc thành bại hầu cần mái tóc - Lốp cùng thông như đúc buồng gan". Đã từng là đàn bà ư? Đã từng là cung nữ ư? Lại có thể thế được sao? Lạ nhỉ! Khó hiểu nhỉ! Phải tới năm hấn đã ngoài bốn mươi tuổi tình cờ được nghe một chuyện cũng hơi bất ngờ đối với hấn, dần dần hấn mới vỡ lẽ...

Cách đây đã ba chục năm, một lần về công tác tại tỉnh N. hấn vừa bước vào văn phòng tỉnh uỷ thì gặp ngay anh M. là thường vụ tỉnh uỷ phụ trách tuyên huấn, anh liền kéo hấn ra ngoài hành lang, nói nhỏ:

"Này, mình dặn cậu, nếu ông Đ. (bí thư tỉnh uỷ) có hỏi cậu về cái vườn hoa mới làm lại của tỉnh uỷ thì cứ khen là rất đẹp nhé, đừng có sáng kiến này nọ mà khổ bọn văn phòng". Thì ra có một ông nhà báo khi được bí thư tỉnh uỷ hỏi đã nói: "Nếu có thêm vài khối đá đặt rải rác chỗ này chỗ kia thì sinh động hơn". Thế là ngày hôm sau văn phòng phải lấy một cái xe tải lên tận một huyện giáp núi khuân đá về đặt vào vườn hoa theo lệnh của người lãnh đạo cao nhất tỉnh. Anh M. lại kể có lần Ban thường vụ tỉnh uỷ ra một quyết định, cũng đã bàn bạc với ông già, ông già cũng đã đồng ý rồi, đột nhiên lại bảo nên hoãn, chưa nên làm. Thường vụ hỏi lại nếu không làm thì sẽ trả lời với Ban chấp hành ra sao thì ông nín thinh rồi bỏ hộp vung văng xách cặp về.

Thường vụ liền cử anh M. đến tận nhà bí thư lấy tình chú cháu mà thuyết phục (ông Đ. là bạn tù với ông già của anh M.). Ông bí thư buông màn nằm quay mặt vào tường, M. phải gọi mấy lần ông vẫn không lên tiếng. Ông già lão thành cách mạng về già trở lại tính trẻ, hay hờn hay dỗi như đàn bà. M. phải tụt dép vén màn, ngồi vào trong giường lay vai bí thư nói như nói với một giá đồng cô: "Cháu đây mà, chú quay lại nói chuyện với cháu đi nào..." Ông nói gắt: "Chúng mày đã quyết định thì cứ thế mà làm, hỏi han gì, tao cũng sắp được nghỉ ngơi rồi". Dĩ nhiên cả giờ mà cũng phải biết cách dỗi, giọng ông già mới dịu lại nhưng vẫn còn một chút hờn: "Được rồi, cứ thế mà làm, làm không xong đừng có đem tôi ra làm cái bung xung nhé!".

Thì ra một người được quyền lực nuông chiều quá lâu dễ biến tính thành đàn bà, thành thái hậu để được tận hưởng những cái ve vuốt làm mê muội con người của quyền lực, lúc vui lúc giận, lúc ban ơn, lúc trách phạt theo cái yêu cái ghét tức thời, lúc bảo nên làm, lúc lại bảo không nên làm, chỉ phút trước phút sau ngay những người cộng tác kề cận cũng không thể nhận ra những dấu hiệu khác thường để biết trước. Nguyễn Gia Thiều cũng thế, ông đã được đăng quân vương - quyền lực chọn làm cung nữ, làm ái phi từ thuở mới lọt lòng, thuộc dòng máu tôn quý nhà Chúa, lớn lên là chàng thanh niên văn võ song toàn, bước đường công danh như đã mở sẵn từ mọi hướng, bước đến là tới, với tay là có. Ấy là lúc cô cung nữ - Nguyễn Gia Thiều, người đàn bà trong Nguyễn Gia Thiều được phô bày mọi vẻ yêu kiều trước cái nhìn tán thưởng của nhà Chúa, như ông đã viết: "Thôi cười nọ lại nhả mây liễu - Gheo hoa kia lại dúi gót sen - Thân này uốn éo vì duyên - Cũng cam một tiếng thuyền duyên với đời..." Nhưng đăng quân vương - quyền lực cũng là người hay chóng chán: Chơi hoa cho rữa nhị tàn lại thôi. Ông ta rất thích thay người, thay là thay, rất tàn nhẫn rất lạnh lùng: "Giết nhau chẳng cái lưu cầu - Giết nhau bằng cái u sầu độc chưa" - "Tiếng thủy điện cười già hoá gắt - Mùi quyền môn thắm rất nên phai". Đó là cái giá phải trả của những người trót được đăng tối cao quyền lực yêu và để lọt vào mắt xanh.

Đã cầm đến thế, đã oán đến thế, nghĩ rằng người bị đuổi phải tởm lợm cái mùi phú quý cho đến chết, nào ngờ vẫn thèm lấm, vẫn tiếc lấm, đã phẫn mồm má deo mà không hết hy vọng:

Phòng khi động đến Cửu trùng

Giữ sao cho được má hồng như xưa

Hai câu thơ kết thúc của khúc ngâm rằng hay thì hay thật là hay... về phương diện văn chương là cái nghề của hần, hần phải nhận là tuyệt hay vì nó quá thật. Nhưng nhìn lại con người thì hần hơi xấu hổ vì hai câu thơ ấy như được buột viết ra trong lúc thăng thốt, không kịp che giấu những cái tầm thường, yếu đuối của một kiếp người. Bao nhiêu lời dậy hàm súc của các triết nhân, bao nhiêu chiêm nghiệm đau đớn của một đời người vẫn không ngăn được sức sống mãnh liệt của thói quen: Lắng nghe tiếng lăn bánh của cỗ xe phú quý, tiếng gọi của đăng quân vương - quyền lực đêm đêm mỗi lần chợt tỉnh giấc...

Chương 22

Cuối cùng thì hắn cũng nhận ra hắn là ai rồi. Hắn đã trở thành đàn bà, thành thái hậu từ lâu rồi, tuy hắn chả có một tí quyền hành nào ngoài xã hội nhưng vẫn là một quyền uy tối thượng trong gia đình. Hắn đã trở thành cung nữ của đảng quân vương quyền lực với những vui buồn thất thường, những thưởng phạt tùy thích, cả những lời nói thiếu cân nhắc, gặp gì nói nấy với vợ với con và càng ngày hắn càng thích xét nét những việc nhỏ nhặt, cay nghiệt trong cách xử sự, và muốn mỗi lời nói của mình phải là một mệnh lệnh không cho phép ai cãi lại hoặc dám làm ngược lại. Thoạt đầu hắn nghĩ những biến tính đó là một biểu hiện của tuổi già. Nhưng khi tiếp xúc với bạn bè, với Hội nghề nghiệp, với quân đội là quê cũ của hắn thì càng già hắn càng biết cách nhường nhịn, biết ngưỡng mộ những ý định đẹp, những hành động đẹp, biết làm lành với những người vốn ghét mình, biết nhận lỗi và sửa lỗi, biết nghe một cách thản nhiên mọi lời chế giễu hoặc đúng hoặc sai, không giận đã đành mà cũng không thấy cần thiết phải nói lại, cứ như một tu sĩ sắp bước vào cõi "ngộ". Là vì ở ngoài đời hắn vốn lạ với quyền lực, cũng thích nhưng là thích gọi là, không mê, dễ thì nhảy vào chơi, rắc rối quá là nhảy ra liền, cũng có nhớ, có tiếc nhưng cái tính lười cổ hữu đã lấp kín ngay lập tức cái khoảng nhớ theo thói quen ấy. Cũng có một lần hắn đã được quyền lực để mắt và cho gọi hầu nhưng hắn đã già mất rồi. Già rồi còn được gọi ra nhận chức phó tổng thư ký Hội Nhà văn, do có chân lãnh đạo một đoàn thể mà được mời ứng cử đại biểu Quốc hội và lại trúng cử Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất nước nhưng hắn không có ý định làm một đại biểu nhân dân chân chính mà chỉ muốn được tiếp tục làm nghề, lấy Quốc hội là một thực tế mới lạ để hắn tìm hiểu và quan sát. Đi họp vài lần hắn mới nhận ra các đại biểu ôm cặp đi họp gánh trên vai họ nhiều trách nhiệm lắm, vì dân hai phần ba, còn một phần ba là vì họ. Vì Quốc hội còn là nơi giao dịch, thương lượng, quyết định nhiều việc mà theo hệ thống các tổ chức nó buộc phải thông qua có khi phải kéo dài cả năm, cả mấy năm. Ở Quốc hội mỗi đại biểu có quyền gặp các Bộ trưởng, các Tổng Cục trưởng, thậm chí gặp cả Thủ tướng tương đối dễ dàng, dễ dàng làm quen, dễ dàng nói chuyện, dễ dàng thỉnh cầu vì họ đều là những đại biểu của nhân dân cả. Có một nữ đại biểu giám đốc một xí nghiệp lớn, khoe với hắn trong một buổi sáng cô đã xin được năm chữ ký tắt của các nhân vật hết sức khó gặp. Hàng ghế của thành phố Hồ Chí Minh là hàng ghế thứ hai và thứ ba sau hàng ghế đầu của các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước, hắn lại được ngồi ở hàng ghế thứ hai vì hắn là người làm công tác quản lý một đoàn thể. Ngồi ở vị trí đó hắn được tự do quan sát các vị lãnh đạo khi ngồi họp, chả để làm gì cả, chỉ để quan sát thôi. Hắn vốn thích quan sát các nhân vật nổi tiếng trong mọi sinh hoạt bình thường của họ mà. Còn việc thứ hai thì hoàn toàn bất ngờ, hắn trở thành nhân viên chuyên thư của các hàng ghế sau tới tận tay từng vị lãnh đạo ngồi ở hàng ghế trên cùng. Thư của ai hắn không thể biết, chỉ biết người ngồi ở hàng ghế sau bầu vào vai hắn, một lá thư đưa qua vai và một lời dặn nhỏ: "Họ bảo nhờ ông đưa tận tay cụ X.", rồi cụ Y, rồi cụ Z, đưa nhiều lần quá đến nỗi đã có vị quay lại hỏi đùa: "Này, cậu nhận thêm cái việc này hồi nào vậy?" Nếu các vị ấy lại sinh ngờ hắn đã nhận tiền những người nhờ vả thì hắn biết nói sao? Kỳ họp thứ hai của khóa 8, họp cuối năm, hắn có làm quen với một bí thư huyện uỷ tên là K, do sự giới thiệu của một người bạn khác. Ông bí thư này cũng đã từng là quân nhân thời đánh Mỹ, về nhà đi buôn mấy năm rồi mới ra làm việc lại, tuổi ngoài bốn chục, là người nhìn xa trông rộng, cách nghĩ, cách nói rành mạch, quyết liệt, không từ nan bất cứ một việc gì có lợi cho địa phương mình. Ngay trong lần gặp làm quen, anh ta đã hỏi hắn về ông chủ tịch thành phố cũng là trưởng đoàn đại biểu Quốc hội và có ý muốn mời ông chủ tịch một thành phố lớn nhất nước, đông dân nhất nước tới thăm huyện của anh ta vừa để thắt chặt tình đoàn kết Bắc Nam vừa tìm đối tác làm ăn cho huyện nhà. Rồi anh ta cười: "Huyện của tôi cũng là một huyện biết hoà nhập nhanh vào nền

kinh tế thị trường bằng các hàng hoá nông nghiệp của mình". Trước khi chia tay ông bí thư huyện còn nhắc lại lời mời, thành tâm lắm, tha thiết lắm. Hấn cũng tình thực nói lại với trưởng đoàn, trưởng đoàn xem lại lịch làm việc những ngày nghỉ hợp, nói: "Có lẽ phải đợi kỳ họp sau vậy, những ngày nghỉ tới không có buổi nào rảnh". Hấn nói lại với ông bí thư huyện uỷ quá nhiệt tình với miền Nam, và nhắc lại lời cảm ơn cùng lời hẹn sẽ tới thăm huyện của anh vào kỳ họp sau của ông chủ tịch thành phố. Anh ta liền nhìn hấn bằng cặp mắt trống rỗng rồi hạ một câu khiến hấn phải sửng sốt: "Tôi muốn mời ông ấy đến huyện vào dịp này là muốn nhờ ông giúp tôi đưa mấy vạn mét pháo vào thành phố nhân dịp Tết. Chứ sang năm mới đến chơi thì còn chuyện gì để nói!" Hấn đứng chết sững một lúc vì hãi quá, sau đó lại mừng quá. Vì nếu ông chủ tịch lại tin lời hấn tới thăm huyện của K., rồi tiệc tùng, rồi quà cáp, rồi diễn văn và đáp từ về tình anh em ruột thịt giữa hai miền, người lớn hỗ trợ cho kẻ bé, anh lớn hỗ trợ cho em nhỏ, cuối cùng xin ông anh giúp thằng em đưa vài vạn mét pháo phi pháp vào thành phố nhân dịp Tết thì ông anh biết nói sao? Dứt khoát là ông anh sẽ từ chối thẳng thừng, chả nể nang gì một thằng bí thư huyện uỷ mới quen biết đã giở trò láu cá. Sau đó ông sẽ tự hỏi cái thằng nhà văn có vẻ ngốc nghếch kia đã nhận của thằng bí thư huyện uỷ bao nhiêu tiền nếu vụ làm ăn này trót lọt? Nhà văn kiêm cò pháo, hay nhĩ, đẹp mặt nhĩ, có thanh minh cả một khoá quốc hội cũng chả ai chịu hiểu cho! Thế là hấn liền có ngay một phương châm sống sau hai kỳ họp Quốc hội: "Sống là phải cảnh giác, chớ vội tin vào những lời nói quá đẹp mà chết có ngày". Làm đại biểu Quốc hội thì nên đề phòng, chớ có vội tin nhưng là nhà văn thì cứ phải tin, phải yêu, phải hy vọng vào tất cả những ai mà hấn có dịp tiếp xúc, dầu vẫn biết rành rành những thói xấu của họ, những cái tầm thường của họ. Đã là con người, lại là người đang sống ở một thời mọi cơ chế bao cấp dần dần bị dỡ bỏ để chuyển đổi tất cả thành hàng hoá, tất cả đều có thể mua và bán một cách tự do dầu có nhiễm phải thói xấu của nền kinh tế thị trường cũng là chuyện tất nhiên, chuyện bình thường. Nên hấn vẫn viết về cuộc đời của K, trong một truyện vừa Người làng pháo lý thú. Vì K là một mẫu người rất tiêu biểu cho cái thời bây giờ, sỗ sàng, lì lợm, quyết liệt, tháo vát, biết cách tổ chức mọi thứ đang có trong tay thành hàng, thành tiền hết sức thần diệu. Có nghĩa là những người tốt của thời nay, những người có thể làm giàu cho huyện mình, cho tỉnh mình, nhìn cho kỹ cũng có lắm trò ma quỷ, có tính Tuy Kiên lắm. Muốn giữ cho họ khỏi sa vào tội lỗi thì pháp luật phải chặt chẽ, thi hành pháp luật phải nghiêm minh, cơ chế quản lý xã hội phải khoa học, hiện đại, báo chí phải được tự do phát hiện và tố cáo mọi hành vi lừa đảo, tham nhũng, phải dùng những công cụ của thời bây giờ để quản lý những người của thời bây giờ.

Trong suốt một nhiệm kỳ Quốc hội khoá 8 hấn chỉ phát biểu có một lần về những điều bổ sung cho Luật Báo chí. Hấn đề nghị Quốc hội xem xét cho ra báo tư nhân và nhà xuất bản tư nhân để đảm bảo quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản của một xã hội văn minh. Hấn vừa ngồi xuống thì bà T. cũng là đại biểu của thành phố Hồ Chí Minh, nguyên là một nữ luật sư danh tiếng của Sài Gòn trước đây, một thượng nghị sĩ trong phe đối lập với chính quyền Thiệu, đứng lên phản đối liền. Bà nói, đại ý, rằng hấn chưa từng sống trong xã hội tư bản nên mới ngộ nhận là ở đó có tự do báo chí! Không có đâu! Danh nghĩa là báo của tư nhân nhưng nguồn tài trợ thường xuyên để nuôi sống nó luôn luôn là của các tổ chức chính trị, tôn giáo, nghề nghiệp đầy quyền lực. Họ mới là những ông chủ đích thực của tờ báo, quyết định xu hướng chính trị của nó, còn các nhà báo chỉ là những người làm công ăn lương mà thôi. Theo bà, hãy tổ chức những tờ báo hiện có của các đoàn thể thành những cơ quan ngôn luận thật sự có uy tín, có đông đảo bạn đọc cũng đã tốt lắm rồi. Bà vừa dứt lời tiếng vỗ tay đã vỡ ra vang dội và kéo dài khắp hội trường. Bà là một trí thức yêu nước, đi học và hành nghề ở nhiều nước tư bản từ nhỏ tới già nhưng lại có lập trường của một người cộng sản. Còn hấn là đảng viên cộng sản chính gốc lại hòa theo những đòi hỏi của nhiều người được xem là rất đáng ngờ về quyền được ra báo và mở nhà xuất bản tư nhân. Ông chủ quyền lực bắt đầu ghét hấn từ ngày ấy, đã muốn đuổi hấn ra khỏi cơ quan quyền lực từ ngày ấy. Rồi hấn lại ngủ gật nữa. Trong những phiên họp tranh cãi sôi nổi về một từ, một câu trong những

điều luật bổ sung của Bộ luật Hình sự, thì hấn ngu gục, đầu vẫn ngay, lưng vẫn thẳng nhưng đầu óc đã trống rỗng, mờ mịt, người ngồi cạnh phải hích nhẹ hấn mới bừng tỉnh. Một ông nghị gật như các báo vẫn chế giễu các ông nghị bản xứ thời Pháp thuộc. Té ra hấn được vào Quốc hội là do sự hiểu nhầm từ cả hai phía. Phía lãnh đạo thì nghĩ rằng hấn đi nhiều, biết nhiều và cũng đọc nhiều ắt hấn sẽ có nhiều ý kiến mới lạ để đóng góp với nhà nước. Còn hấn cũng nghĩ do có cơ hội quen biết thêm nhiều nhân vật nổi tiếng của nhiều ngành nghề, lại được tham gia bàn bạc những việc trọng đại của cả nước ắt hấn sẽ viết được nhiều bài báo rất lý thú như những bài báo đã viết trong năm 1974 chẳng hạn. Suốt một nhiệm kỳ năm năm, đi về bằng máy bay mỗi năm bốn lượt, lại hai tháng họp Quốc hội, nuôi ăn, nuôi ở, lại chiếm một chỗ ngồi ở cơ quan quyền lực tối cao, rút cuộc hấn chả làm được tích sự gì, nói có một lần lại nói sai, đến một bài báo về đất thép Củ Chi thời đánh Mỹ như hấn đã hứa với bà con ở đó cũng không có nốt. Hấn đã ngượng lắm, lại càng ngượng khi một bạn đồng nghiệp làm tạp chí Người đại biểu nhân dân của Quốc hội hỏi hấn: "Tại sao anh lại ít nói thế nhỉ? Gần hết một khoá Quốc hội mà anh không nói được một câu nào để bọn em nhớ?" Biết nói thế nào nhỉ? Hấn đã ngồi nhầm chỗ, có thể thôi! Chỗ của hấn là quán trọ, bến phà, bến xe, sân phơi hợp tác xã, lán ở của công nhân nông trường, những khu nhà tập thể của gia đình quân nhân, ở bờ ở bụi, nghe đủ chuyện vui chuyện buồn, chuyện hay chuyện dở của thiên hạ, ngựa miêng thì góp vào một đôi câu, sáng gặp bạn trẻ tối gặp bạn già, lúc thì bàn luận nhân tình thế thái, lúc thì nói láo nói lếu về mọi sự ở đời. Một ngày sống thoả mãn, tràn đầy, càng nói càng thông minh, càng nghĩ càng nảy sinh, lắm điều sâu sắc, chữ nghĩa gọi chữ nghĩa, hình ảnh gọi hình ảnh, dưỡng chất nuôi sống ngòi bút của hấn trong bấy nhiêu năm chủ yếu là ở môi trường đó, chứ có bao giờ ở trong các cuộc họp! Ở các cuộc họp hấn chỉ ngáp thôi, vầy vầy bạc phếch, đứng xa cũng ngửi thấy mùi tanh, còn thả hấn vào nước, nước ao, nước rạch, cống rãnh được tuốt, hấn lại vùng vẫy nhào lộn, vầy vầy sáng loé, môi mép toe toét, tung bọt giỡn sóng, là cá sắp hoá rồng chứ đâu phải là con cá ươn như khi ngồi họp.

Chương 23

Năm 1957, sau khi đăng rải trên tạp chí Văn nghệ Quân đội nhiều tập ghi chép có cái tựa đề chung là Xung đột, tên của hắn bắt đầu được các tiền bối trong nghề lưu ý. Ông thầy của hắn là cụ Nguyễn Tuân nhìn hắn một cách ưu ái rồi bảo: " Xem ra cậu cũng biết nhiều nhỉ?", cũng có thể hiểu có nhiều chuyện ở một vùng nông thôn theo đạo Thiên Chúa cụ chưa được biết, nhờ đọc hắn mà biết. Lời khen của giáo chủ văn xuôi đâu phải lời nói dài bồi, nói cho có nói. Hắn bắt đầu nhen nhóm lại lòng tin, là rồi ra hắn cũng có thể viết được. Lại một tin vui khác nhưng buộc hắn phải cân nhắc, tính toán, vì trước mắt là được, về lâu dài có khi lại không được. Ấy là cấp trên muốn hắn được theo học khoa lý luận văn học của trường dạy viết văn nổi tiếng Gorki, thời gian cũng dài, khoảng bảy, tám năm gì đó. Cùng đi với hắn có anh Nguyễn Minh Tấn, là cán bộ của Ban Tuyên giáo Trung ương. Hắn muốn đi học xa trong một thời gian dài để tiện nói lời hoãn hôn hoặc thoái hôn với cô gái mà hắn đã để ý, đã thương yêu, đã hứa hẹn. Người yêu của hắn sẽ là một người vợ rất lý tưởng nếu hắn gặp cô sớm hơn năm năm, đất nước vẫn còn chiến tranh, người vợ ở nhà nuôi mẹ, nuôi con, trong trường hợp của hắn còn làm chỗ dựa cho em trai nữa để hắn yên tâm đi kháng chiến. Và lại ở làng quê trong thời kháng chiến thì vợ hắn thuộc loại xinh đẹp, lại thông minh, nói năng cũng duyên dáng, cái duyên dáng thơ ngây, mộc mạc của đồng quê, của cách mạng, của đời sống mới. Còn bây giờ người yêu của hắn lại sống giữa một Hà thành hoa lệ, giữa cả mấy chục người đẹp được tuyển chọn từ nhiều địa phương của cả nước về để múa, để hát, để diễn kịch và làm người giới thiệu. Từ sáng đến tối ở các đoàn nghệ thuật ấy người ta chỉ bàn về các vai diễn, các giọng ca, các điệu múa; về quần áo và phấn son, về cái đẹp và cái duyên của người này người nọ; và cả về những người đàn ông và các mối tình khi vui khi buồn giữa họ. Hết nói chuyện nghệ thuật trong nước lại nói chuyện nghệ thuật từ nhiều nước anh em sang Hà Nội biểu diễn trong mấy năm đầu hoà bình. Trong cái thế giới son phấn, nghệ thuật, trí thức, dầu tất cả mới chỉ là học đòi, làm ra vẻ của đám lính tráng mới tạm buông tay súng để sống trong các thành phố của hoà bình, người yêu của hắn đứng tách riêng hắn một mình, ngây ngô, ngờ ngác như của lạ. Bao nhiêu cái duyên khi còn ở quân khu liền bị tước sạch lúc bước vào Hà Nội, thành người thừa, nói cười thừa, đứng đâu cũng thừa, làm gì cũng thừa, vừa thương tâm vừa khó chịu. Thế là hắn bắt đầu chán, bắt đầu ghét, tránh gặp mặt và rất khổ tâm khi phải đi với nhau ngoài phố, cùng ngồi với nhau ở một quán hàng hoặc cùng đi xem một phim nghe nói là hay hoặc một vở kịch mới công diễn. Bạn gái hắn nghe hắn báo tin sẽ sang Liên Xô học bảy, tám năm cũng sững sờ nhưng không phản đối, vì đi học là một vinh dự, là đã được cấp trên tin cậy tuyển vào đội ngũ cán bộ trẻ được đào tạo chính quy để mai này đảm nhiệm những trách nhiệm lớn hơn. Một lần khác hắn lại nói chưa nên tổ chức cưới xin vội, lúc về cả hai mới trong ngoài ba mươi, còn trẻ chán, vả lại thời nay đâu cần nhiều con, chỉ một hai đứa là đủ. Bạn gái hắn vẫn không nói gì. Đến lần thứ ba lại bàn về việc hoãn tổ chức đám cưới, bạn gái hắn mới nói, cưới nhau trước khi đi học lại hoá hay, lúc trở về con đã lên bảy lên tám mà người chồng không phải bận bịu gì, không phải mớ tay vào tã lót cứt đái mà vẫn được con, con lại đã lớn, đi trẻ đi học cả ngày, nhà ở có chật chội cũng chẳng ảnh hưởng gì đến công việc nếu phải làm việc ở nhà. Ô hay, cái cô này ngây ngô vậy mà tính toán cũng hay nhỉ! Hắn vốn là thằng lười, muốn có cả vợ đẹp lẫn con khôn mà không phải tốn công sức nên nghe thấy phải quá. Vả lại bảy, tám năm ở nước ngoài, sống độc thân thì thiếu gì người đẹp ở trong nước sang học đủ các ngành nghề, có mèo mỗ chim chuột nhau cũng chẳng ai để ý, nước người ta văn minh, chuyện trai gái yêu đương là chuyện thường tình, miễn là không để lại dấu vết. Ở nước ngoài trong tuổi thanh xuân lúc về nước đã ngót nghét bốn chục, lao đầu vào sự nghiệp là vừa đẹp, lại đã có một gia đình yên ấm, cùng một lúc được cả việc công lẫn việc tư, còn

mong gì hơn, nhưng chả lẽ mọi chuyện khó khăn ở nhà lại dồn hết lên vai vợ? Nhưng cái người tình nguyện sẽ là vợ hần, dầu hần phải đi học xa và dài ngày, nghe những bản khoản của hần đã cười rất dễ dãi: "Một mình sinh con nuôi con rồi nuôi cả mẹ chả có gì là vất vả với em cả. Như chị em ấy, cũng nuôi con một mình trong suốt tám năm anh ấy đi kháng chiến, lại còn chạy giặc, giặc đốt nhà mấy lần còn làm lại nhà, vay ăn từng bữa mà lúc chồng về vẫn có nhà, có thóc, có cả con, có sao đâu!" Ồ nhỉ, bạn gái hần là một cô gái nông thôn quen sống trong vất vả, thiếu thốn, lại có tính hy sinh cho chồng cho con như mẹ, như chị, như những người đàn bà khác trong làng, chứ có như các cô gái ở thành phố đâu, ở nhà cha mẹ nuôi, lấy chồng chồng nuôi, chồng giàu, biến mình thành mèo cảnh, chó cảnh, nũng nịu hờn dỗi, lúc gù lúc gù, vợ phải thằng chồng vừa lười vừa có máu nghệ sĩ thì tan cửa nát nhà ngay. Thế là hần quyết định sẽ lấy vợ, và vợ sẽ có mang trước ngày hần lên đường ra nước ngoài. Nhưng cũng còn một chút tính toán nữa, hần đang viết được, các tập ghi chép có tên là Xung đột đang được bạn trong nghề khen và bạn đọc yêu văn chương đón đợi từng số tạp chí, sau nhiều năm gò gẫm chữ nghĩa ý tứ mà vẫn chẳng đâu vào đâu. Thêm nữa hần lại sống trong cái không khí náo nức sáng tác của ngôi nhà số 4 Lý Nam Đế. Hần ở một phòng với Ngô Thông, nguyên thư ký báo Quân đội Nhân dân khu 5, cạnh phòng của Phùng Quán, Tạ Hữu Thiện, rồi đến phòng của Minh Giang và Phác Văn, phòng ngoài cũng là của Hữu Mai và Nguyễn Ngọc Tấn. Tấn là người Nam Định nhưng vào Sài Gòn kiếm sống từ năm 13, 14 tuổi. Sau cách mạng tháng Tám, Tấn tòng quân tham gia kháng chiến ở trong đó suốt 9 năm, viết báo, làm thơ. Nào dè anh lại trở thành một cây bút viết truyện ngắn hết sức đặc sắc, vừa có chất thơ nhưng vẫn trĩu nặng những ý tứ thâm trầm. Vào những năm ấy Hữu Mai có truyện ngắn Mất hết đang gây bàn luận sôi nổi cùng với truyện Đẹp của Xuân Cang. Phùng Quán sau Vượt Côn Đảo có trường ca Võ Thị Sáu. Nguyễn Ngọc vẫn cái mạch sống của Đất nước đứng lên, viết tiếp nhiều truyện ngắn, truyện nào cũng đẹp như một bài thơ bằng văn xuôi. Hồ Phương có Cỏ non, Phù Thăng ở dưới đơn vị gửi lên truyện ngắn Con những người du kích... Có tối đã khuya lắm, dọc đường Phan Đình Phùng chỉ còn nghe có tiếng rao buồn nản kéo dài của hàng phở gánh: "Phở...ở...ở....", thì Tấn đến gõ cửa từng phòng kéo mọi người lại phòng anh để nghe anh đọc một truyện ngắn vừa mới đặt dấu chấm hết cách đó dăm phút. Đó là truyện ngắn Im lặng. Học lý luận có thể dành cả đời, nhưng khoảng thời gian để viết ra vẫn có khi chỉ dăm năm. Bỏ quên hoặc đánh mất hoặc tiêu phí năm năm trời cho, nghề cho coi như thành người khác, làm nghề khác chứ không thể trở lại tìm kiếm đoạn đường đã lạc. Nó đã là cái hư ảo, cái thoáng chốc mất hút mãi mãi rồi... Thế là lại có một quyết định mới, ở lại, lấy vợ, sinh con và làm nghề theo kinh nghiệm, theo bạn bè, theo cái nghiệp ông trời đã buộc, bỏ ngoài các thứ lý luận, các thứ vinh dự, vui thú khác.

Cái sự tính toán tầm thường, ích kỷ lúc mới vào nghề nào ngờ sẽ là lối sống một đời văn của hần. Trước hết hần là một tên ích kỷ không thể cứu chữa, bất kể cái gì không liên quan đến sáng tạo nghệ thuật hần đều gạt bỏ sang một bên, không nuôi tiếc gì cả. Nhưng để lỡ một cơ hội hiểu thêm một nhân vật, một cảnh ngộ, một tình huống là hần khắc khoải mãi, vì biết đâu từ những thứ vớ vẩn đó lại chĩa vật lên một cái gì đó rất lạ, rất đẹp thì sao? Hần đã để lỡ nhiều dịp may lắm, cái cơ hội lớn nhất đã để mất đi mãi mãi là tám năm kháng chiến chống Pháp. Những năm ấy hần đã trong ngoài hai mươi tuổi rồi, đâu còn trẻ con nữa. Ông Chế Lan Viên năm 16, 17 tuổi đã có tập thơ Điều tàn gây chấn động trong làng thơ thuở ấy. Ông Nguyễn Hồng cũng khoảng tuổi ấy đã có Bĩ Vô được giải thưởng của nhóm Tự lực Văn đoàn. Ông Vũ Trọng Phụng năm ngoài hai mươi tuổi đã viết được cuốn tiểu thuyết hoạt kê Số Đỏ, các nhân vật của ông còn gây cười cho tới tận bây giờ. Nguyễn Ngọc năm 23 tuổi viết tiểu thuyết Đất nước đứng lên, là vốn sống chất lọc của một nghệ sĩ trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp ở Tây Nguyên. Hần vào nghề báo từ năm 19 tuổi, làm báo tỉnh, làm báo mặt trận, rồi báo quân khu, sáu năm làm báo trong kháng chiến mà hồn nhiên, thơ ngây như đứa trẻ. Cái sự thơ ngây đáng

trách ấy, cái thứ nước lã trong veo ấy đã gột nên hai cuốn sách nhạt như nước ốc, là truyện Xây dựng (cũng được giải khuyến khích của Hội Văn nghệ Việt Nam vì đề tài) và truyện Người con gái quang vinh, viết về nữ liệt sĩ anh hùng Mạc Thị Bưởi. Chả có một tí từng trải nào, chiêm nghiệm nào trong kháng chiến ẩn hiện trên các trang sách, chữ nghĩa cứ bạc phếch, trống hoác như văn của thằng học trò sống trong Thành, nghe chuyện của kháng chiến ngồi viết lại. Giả thử khôn ngoan như bây giờ, ngày ấy cứ ghi chép lại những chuyện tai nghe mắt thấy ở Hà Nội năm 1945, 1946, ở Hưng Yên năm 1947, ở Thái Bình năm 1950, rồi ở các cơ quan lãnh đạo kháng chiến cấp khu những năm 1951, đến 1954, vùng địch hậu nam Nam Định vừa được giải phóng năm 1952, vùng du kích Thanh Liêm và các cơ quan huyện xã của Hà Nam chạy sang Bồng Lạng để chỉ đạo cuộc chiến tranh du kích các xã bên kia sông Đáy. Những năm ấy ngôn ngữ thường dùng ra sao, chuyện vui, chuyện tếu kháng chiến ra sao, những dây phở bắt thần mọc lên, bắt thần mất đi ở mọi nẻo đường kháng chiến, những thị trấn nổi tiếng một thời Quỳnh Côi, Đông Năm, Cống Thần, Sêu Tiết, Hậu Hiền, Rừng Thông... Có hàng trăm chuyện, hàng ngàn chuyện ghi đậm những dấu vết không bao giờ phai nhoà của một thời. Cái pho sách biết sao chép ấy chắc phải dày cả ngàn trang, chỉ như thế thôi rồi chết hoặc gác bút cũng đủ làm nên một sự nghiệp và những trang sách ấy chắc chắn phải hay hơn những tập ký sự nói chuyện dông dài của các cụ ở những thế kỷ trước. Từ ngày hấn biết làm nghề, tức là từ năm 30 tuổi (cùng trạc tuổi trong ngoài ba mươi, Vũ Trọng Phụng, Thạch Lam đã hoàn thành một sự nghiệp bất hủ và đã chết rồi, Nguyễn Tuân đang thời rực rỡ nhất của một đời văn, Nam Cao đã có Chí Phèo và Lão Hạc. Thì họ là những thiên tài, hấn bì thế nào được!) cho tới bốn chục năm sau hấn không để phí một giờ nào không đồng tai, không giương mắt, sống gấp hai gấp ba lần so với những người cùng thời làm các nghề khác để nghe cho rõ, nhìn cho tinh và ngẫm nghĩ về mọi sự mọi việc đang diễn ra quanh hấn. Nghĩ được điều gì hay là viết liền, được là văn thì tốt, không được là văn thì cũng là tài liệu lưu giữ cho đời sau. Truyện dài mở đầu thời kỳ này hấn gọi là ghi chép cũng từ cái ý không để mất đi bất cứ cái gì hấn đã ngẫm nghĩ và ghi nhận được. Có truyện được khen, có truyện bị chê, chê thì chê hấn đã bắt tay vào viết truyện khác rồi. Năm 1962 hấn in cuốn tiểu thuyết Một chặng đường, sách ra bị bạn đọc chê dữ quá. Họ đang đón đợi ở tác giả Xung đột và Mùa lạc một cái gì hơn thế, nào ngờ phải đọc những trang văn quá nhạt nhẽo. Hấn chỉ buồn một chút vì nhân vật Nam của nông trường Điện Biên đã lờ mờ xuất hiện, nghĩ là nó sẽ nhanh chóng qua đi vì thời gian này hấn đang phải theo học một khoá chính trị cho cán bộ trung cao cấp kéo dài một năm tại Quần Ngựa. Nào ngờ cái anh chàng thợ mộc ấy càng ngày càng hoá ra lảm lòi, thì thảo với hấn mỗi đêm và cả mỗi ngày, ngay cả giờ lên lớp hấn ta vẫn tiếp tục trò chuyện. Thế là hấn viết liền, ngay tại giảng đường, giáo viên thì giảng giải về duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, còn hấn thì bắt đầu cuộc trò chuyện dài ngày với nhân vật chính có tên là Nam, trong cái truyện vừa Hầy đi xa hơn nữa, truyện in trên tạp chí Văn nghệ Quân đội được bạn đọc khen ngay. Người khen đầu tiên là ông Phạm Lê Văn tức Thợ Rèn, là người bạn vong niên của hấn từ thời kháng chiến chống Pháp ở khu 3. Ông Thợ Rèn nói: "Mấy ông viết văn trẻ chỉ được một, hai cuốn sách đầu là đáng đọc, còn về sau, đã có nghề hấn hỏi thì ngay đến một câu văn viết cũng không thành, sao thế nhỉ?" Rồi ông nắm tay hấn, nhìn hấn rất ưu ái: "Nhưng Hầy đi xa hơn nữa thì được lắm đấy, chính mình cũng mê cái thằng Nam của cậu". Sau khoá học hấn lại ba lô lên đường về Phú Thọ, theo lời mời của người bạn cùng cơ quan, phục viên về xã đã mấy năm, nay là chủ nhiệm một hợp tác xã nông nghiệp tiếng tăm lừng lẫy khắp miền Bắc. Cuối năm 1963, truyện vừa Tầm nhìn xa in liền hai số tạp chí Văn nghệ Quân đội, nhân vật nửa chánh nửa tà Tuy Kiên xuất hiện với bộ mặt ngây ngô ăn người và cái nháy mắt tinh quái của ông ta có sức quyến rũ bạn đọc ngay lập tức hơn nhân vật chính phải có tên là Nam nhiều.

Những năm 60 là những năm mãn nguyện của đời văn nhưng vất vả về đời người. Năm 1961 vợ hấn sinh đứa con trai thứ hai sau thằng anh sinh năm 1958 và một con chị sinh năm 1960. Nhưng con bé

nhẹ nghiệp, không phải làm con một thằng văn nghệ sĩ, nên mất ngay sau khi sinh do bị dây nhau quấn quanh cổ. Mặt con bé ra sao hắn không biết, chôn con bé ở đâu cũng không biết vì bệnh viện nhận lo lắng cho tất cả. Hắn có tính lười nên bằng lòng ngay chỉ hơi buồn một tí, vợ chồng hắn còn trẻ muốn để lúc nào chẳng được. Ngay đêm hôm đó vợ vẫn nằm khóc ở khoa sản, hắn đã thản nhiên ngồi viết đoạn kết của truyện Người tổ trưởng máy kéo! Thế là hắn đã phạm tội bất từ, ở đời này có gan dám phạm luật trời thì ông trời sẽ bắt một đời phải chuộc cái lỗi đã phạm. Đứa con trai sau nặng có 2 ký 8, bị hen suyễn từ ba tháng tuổi, hắn phải hầu hạ đứa con bệnh tật đó trên ba mươi năm, theo nó vào bệnh viện khi hắn đã sáu chục tuổi, phải giúp đỡ nó cho tới tận bây giờ khi nó đã bốn mươi tuổi còn hắn đã là ông già ngoài bảy chục. Chưa hết, mười hai năm sau vợ chồng hắn còn phải chôn đứa con trai đầu khỏe mạnh, tháo vát, học giỏi khi nó vừa tròn 15 tuổi. Hắn giẫy giụa than khóc mất mười năm, vợ hắn ứa sữa non, đái ra máu, thành người ngớ ngẩn mất vài năm. Năm đó hắn đã 43 tuổi, so với cái khổ bị hắt hủi lúc còn niên thiếu thì cái khổ mất con vào tuổi trung niên còn đau đớn hơn cả trăm lần. Từ đó hắn bắt đầu biết sợ luật quả báo, luật bù trừ của ông trời, rất hãi cái ngông nghênh của sự được thời, cái lẩn sâu lẩn phần của kẻ hãnh tiến, chỉ xin nhận phần thiếu chứ không dám tranh phần dôi, thích đứng phía sau hơn chen ngồi phía trước, thích nhường nhịn, thích rút lui, vì tin rằng cái hụt cái thiếu của mình sẽ được bù lại cho con cho cháu.

Trong những năm 60 hắn có hai chuyến đi rất thú vị. Một chuyến ra biển vào giữa năm 1965 sống với một đơn vị đang chiến đấu trên đảo Cồn Cỏ trong những tháng đầu của cuộc chiến tranh phá hoại. Và một chuyến đi vào cuối năm 1967 đến một đại đội công binh phụ trách một tuyến đường chiến lược trên nước bạn Lào. Chuyến ra đảo Cồn Cỏ lúc ở Hà Nội thì nghĩ sẽ được đi bằng tàu ngầm từ quân cảng Vinh, nghe đồn thế chứ chẳng ai nói rõ với hắn là đi bằng phương tiện nào. Tới bờ biển xã Vinh Kim hắn mới được biết là bọn hắn sẽ đi bằng thuyền theo những chuyến tiếp tế hàng tuần ra đảo. Người không biết bơi lại ra đảo bằng thuyền, chuyến đi nào cũng có thuyền đắm, hàng chìm và thủy thủ bơi như cá trên biển, nghe kể lại cũng đủ sợ. Sợ thì sợ nhưng vẫn cứ phải đi, chả ai ép cả nhưng cái nghề viết nó ép, cả nước vào cuộc chiến, người viết văn không có mặt ở nơi đầu sóng ngọn gió thì biết viết gì về đồng đội, về nhân dân đang dốc toàn lực cho cuộc chiến đó. Chuyến đi sang Lào cũng mất đúng bảy đêm, ngồi trên xe tải của anh em hậu cần công binh, đêm xe chạy, ngày lại lùi xe vào các cánh rừng nấu ăn và ngủ. Chiều khoảng 4, 5 giờ lại đưa xe ra đường 7 nhắm những dãy núi phía Tây lao tới. Xe chạy qua những đồng cỏ rồi lại leo dần lên các mép núi, leo cao mãi, một bên là vực, một bên dốc núi thẳng đứng, xe chạy bằng đèn gầm, nhiều đoạn xe chạy như leo dây, người hàng nếu không chằng buộc kỹ là tuột hết xuống vực. Trước mặt là sương mù, vén một mảnh bạt ở thùng xe nhìn ra phía mép vực mây đùn lên từng mảng nhạt nhòa, nhể nhại ánh trắng, mây phủ kín thân xe, trườn vào lòng xe, nhìn người đối diện bên kia các thùng hàng cũng không rõ mặt. Mấy đêm đầu còn sợ, mấy đêm sau quen dần rồi hết cả sợ. Đã đi chiến trường, dầu là một chiến trường ít bom đạn, hiền lành cũng có thể hy sinh lắm, có lắm thứ tai nạn chết người chứ chả phải cứ giáp mặt với kẻ thù hoặc bom vương đạn lạc. Nên mỗi lần khoác ba lô lên đường coi như một chuyến đi vĩnh biệt, về được thì tốt, không về được cũng chẳng có gì bất ngờ, mình biết thế, vợ con cũng biết thế. Cái năm ra Cồn Cỏ ở ngoài đó một tháng rồi trở về đất liền, đêm đầu tiên nằm lại ở xã Vinh Kim, bao quanh lại vẫn là những tiếng động quen thuộc của một vùng dân cư ở đất liền mới cảm thấy hết cái sung sướng, cái khoan khoái của sự được trở về với cuộc sống bình thường, dầu vẫn là cuộc sống trong chiến tranh nhưng xung quanh đã là dân, là những nẻo đường, đi bộ, đi xe, đi mãi mãi cũng chưa thể tới chỗ tận cùng, cuộc sống là mộng mên, những cơ hội để sống cũng mộng mên, nghĩ lan man một lúc rồi ngủ thiếp tới gần trưa, tiếng máy bay đã vang động từng tốp trên bầu trời, rồi lại nghe những tiếng nổ nhưng xa lắm, mờ nhạt lắm, như đã không còn chiến tranh nữa. Nằm lại một ngày rồi nằm lại đến gần một tuần cho giãn xương cốt mới lên xe dừng đình chạy về Hà Nội. Năm ngày sau khi qua thị xã Ninh Bình, qua Gián Khuyết,

qua Phủ Lý, cứ bồi hồi như đã xa cách các địa danh này từ lâu lắm. Trời lại mưa to, từ Thường Tín về Hà Nội trời đã ngớt mưa nhưng mặt đường vẫn ngập nước lấp loáng ánh điện. Xe đỗ ở nhà số 4 Lý Nam Đế vào khoảng nửa đêm. Phòng làm việc của anh Thanh Tịnh vẫn còn sáng đèn, hần đứng ở ngoài cổng sắt gọi với lên: "Anh Thanh Tịnh, em đã về đây!" Tiếng gọi sung sướng trong đêm vắng vang lên suốt một đoạn đường. Anh Thanh Tịnh mở cửa chớp ngó đầu nhìn xuống: "K. phải không? K. về rồi đấy à?" Giọng anh lạ lắm, như chưa tin hần hần đã về, đã lên tiếng gọi ở dưới đường kia! Rồi anh nói ngay: "Hai mẹ con cô ấy mới từ chỗ sơ tán về lúc chiều". Thế là hần xúc lại ba lô đi bộ về nhà hần ở mép sông Hồng, cách tạp chí chưa đầy một cây số. Trời lại mưa nhỏ, từ mặt đê vào khu tập thể K.95 phải qua một quãng đường đất lầy lội, hần tụt đôi dép lốp cầm tay, bấm ngón chân lên mặt đường trơn, bước rất nhanh gần như chạy, một bên là hồ, một bên là bãi trồng mía, gió thổi hun hút, lá mía đập vào nhau rào rào, trong lòng hần chưa bao giờ rạo rực như thế, nhiệm vụ với tạp chí đã hoàn thành, tài liệu để viết trong một chuyến đi vào những ngày đầu của chiến tranh xem ra phải viết được vài trăm trang, lại vẫn còn sống, lại vẫn được về với vợ với con. Cả hầy nhà tối đen, im lặng trong giấc ngủ, hần ra vòi nước rửa chân, vắn nước rất nhỏ, cọ chân rất khế, rồi bước lên hè nhà, kéo rộng cánh cửa sổ hé mở, vợ con hần đang ngủ trong nhà, hần khẽ gọi, gọi tới lần thứ hai hơi lớn tiếng, thế là vợ hần vùng dậy nói từ trong màn: "Anh vẫn còn sống về với vợ con đấy à?" Vợ hần bật đèn nhìn hần chằm chằm, có vẻ như còn ngờ con người thật của chồng đang đứng trước mặt, có thể là một giấc mơ, cũng có thể là hồn ma, chết trẻ là thiêng lắm. Thằng con trai thứ hai cũng từ trong giường nhảy ra ôm chặt lấy một bên chân: "Bố về rồi à?" Thì ra theo lời vợ hần kể, từ một tháng nay cả cơ quan đều biết tin chuyến thuyền ra đảo tám chiếc đã bị bão và tàu địch đánh bật ra biển Đông, thủy thủ và khách ra đảo chết trên tám chục người, chỉ còn có dăm người sống sót (thật ra là chuyến trở lại đất liền vào đêm sau của tám cái thuyền đã đưa bọn hần ra đảo). Tin nói nhỏ nhưng chắc chắn lắm, chỉ còn đợi thông báo chính thức sẽ làm lễ truy điệu. Vợ hần nói mẹ và thằng con lớn đang ở trại trẻ chưa được biết nhưng bà cụ đã ngờ rồi vì những cái nhìn không thẳng thắn của các bà cụ khác cũng theo cháu đi sơ tán và những lời hỏi thăm nhiều ý tứ của bố mẹ những đứa trẻ tới trại thăm nuôi con mỗi tuần. Và bà đã khóc với con dâu. Nếu hần chết thật thì vợ hần nuôi nổi làm sao hai đứa con, rồi nó cũng còn trẻ chả lẽ ở vậy nuôi con tới già, thời xưa là thế, nhưng thời bây giờ đàn bà goá sống với đàn ông con trai trong một cơ quan, nói đùa nói tục từ sáng tới tối, giữ được thân còn khó hơn đi trên chông nhọn. Trong một gia đình mất một người đàn ông là mất tất cả. Con dâu đi lấy chồng, con cái về với bà nội, một nồi cơm trộn với mì sợi, một đĩa rau muống luộc và bát nước chấm là nước rau đánh cà chua pha muối, mắt hần đã từng được chứng kiến, nên sự trở về của hần gần như một phép lạ, trong một thoáng tất cả lại trở về cái trật tự bình yên như trước đây. Đêm ấy hần lại nghĩ những người bạn trong cơ quan lên đường vào chiến trường B2 từ năm 1962, thấm thoát đã ba năm. Trường hợp của Nguyễn Ngọc Tấn gần như là một biểu tượng của sự chia ly thời chiến. Năm 1955, Tấn tập kết ra Bắc vẫn để lại một người vợ ở Sài Gòn hoạt động nội thành và một đứa con gái do ông bà ngoại nuôi. Bảy năm sau Tấn lại trở vào Nam, để lại một người vợ ở Hà Nội (vì Tấn đã ly hôn với vợ cũ do thiếu những tin tức chính xác về một trường hợp nếu Tấn còn sống chắc anh sẽ rất ân hận) và anh cũng phải một lần nữa nghiêng răng dút áo lên đường, không dám nhìn lâu đứa con trai mới được vài tháng tuổi. Và con nhiều bạn hữu khác nữa, cả ông Nguyễn Văn Bổng, anh ấy vào chiến trường tuổi cũng đã lớn, anh hơn bọn hần cả chục tuổi, để lại ở Hà nội một gia đình cũng đông đảo. Cho nên cái vui đã thoát chết một lần, lại được về với vợ với con thêm một thời gian nữa, gần như là một tội lỗi khi nghĩ tới những người đang ở xa và chưa biết đến bao giờ mới trở về.

Năm 1967, hần tới một đại đội công binh anh hùng chốt giữ một đoạn đường chiến lược trên đất bạn, khi xe dừng lại ở một đoạn đường heo hút, không còn nhìn thấy gì ngoài một biển mây và sương sáng trắng ánh trắng, tham mưu phó trung đoàn ở trong buồng lái mở cửa xe nhảy xuống, nhìn vào thùng xe

có hấn ngồi trong đó, hét to: "Anh K., đến rồi đây!" Hấn choàng tỉnh dụi mắt xách ba lô nhảy xuống, cặp chân cứng đờ như chân giả, hỏi lại: "Đã đến rồi hả?" Người kia rút một điều thuốc Điện Biên châm lửa cho hấn hút, nói thì thào: "Chúc mừng chuyến đi an toàn, tất cả chúng ta đều khoẻ mạnh, an toàn". Hấn rít một hơi thuốc quá ngon, đáp hững hờ: "Đã vào chiến trường bất cứ lúc nào mà chả gặp nguy hiểm". Tham mưu phó cười mỉm, vẽ bí mật: "Chuyến đi này cái nguy hiểm dính chặt vào mỗi chúng ta từng giây kia". Hấn hỏi, giọng đã tỉnh hẳn: "Có gì đặc biệt hả anh?" Tham mưu phó nhe răng cười, chỉ thấy hàm răng mờ trắng trong đám râu: "Cái thùng xe của ta chở toàn kíp mìn. Anh ngồi trên những thùng kíp mìn cả tuần nay đây chứ!" Người hấn như đột ngột hạ nhiệt độ, lạnh toát và bắt đầu run, nhưng mọi sự đã thuộc về những đêm trước rồi. Sau này mỗi lần nhớ tới chuyến đi hấn lại nghĩ ngay đến cuốn phim nghệt thờ của Pháp được xem vào cuối những năm 50, Salaire de la peur (Đồng lương khủng khiếp), một cái xe tải chở những thùng chứa đầy một chất lỏng chỉ cần va mạnh là nổ, lại thấy đầu ngón chân, đầu ngón tay buốt lạnh. Hấn về đến Hà Nội khoảng 6 giờ chiều ngày chủ nhật, xe dừng ở cuối phố Lò Đúc có căn hộ của thằng em ruột, vì các gia đình ở chân cầu Long Biên phải sơ tán cả phố. Đứa con trai sau bị suyễn nên không gửi trại trẻ được, ngày ngày theo mẹ lên cơ quan sơ tán ở nhà Ngân hàng trung ương, là một khối nhà xây bằng đá đồ sộ, có một tầng hầm dài rộng như một dãy phố. Hấn chỉ buồn con hấn đã lên bảy mà chưa nhận được mặt chữ. Đường phố buổi tối đông người dân, đèn đường đã bật sáng nhưng vàng tối như đèn dầu. Con hấn đứng ở cửa, cổ đeo dây chìa khoá, nó chờ mẹ từ chỗ sơ tán thăm bà nội và anh về chứ không nghĩ là bố sẽ về. Nó bước lại nắm chặt lấy tay bố nó, mặt rạn rở: "Bố về! Bố có mua gì không?" Hấn cười: "Ở chỗ các chú bộ đội chỉ có mìn với bộc phá chứ có gì mà mua. À, có rất nhiều kíp mìn nữa, nhưng trẻ con không được chơi kíp mìn".

Chương 24

Cuối năm 1968, Mỹ ngừng ném bom miền Bắc. Đầu tháng 11 hân lên trại trẻ đón đưa con trai sau về Hà Nội. Nó vẫn lên con hen mỗi đêm, vì trời đã bắt đầu lạnh. Ở với bà nội không chừng bà sẽ ốm theo cháu. Cuộc chiến tranh phá hoại kéo dài bốn năm chỉ mới tạm dừng vì cuộc chiến tranh lớn vẫn chưa kết thúc, nhưng dứt tiếng bom đạn một ngày là vui được một ngày, ngày sau lại bom lại đạn cũng chẳng sao. Từ năm 15 tuổi cho tới năm 38 tuổi chưa có ngày nào hân được sống trong cái cảm giác hoàn toàn yên ổn, có thể hình dung một cách chắc chắn những năm tháng thuộc về tương lai. Tương lai một cá nhân, một gia đình phụ thuộc vào tương lai của đất nước. Một đất nước trên hai chục năm luôn chao đảo trong sóng to gió lớn. Đánh thắng Pháp mới chỉ thắng có một nửa, còn một nửa nước Mỹ sẽ thay Pháp giữ chặt lấy, sẽ trở thành thuộc địa mới của Mỹ với tay sai mới, quân quyền mới, thế trận mới. Mỹ không phải là Pháp nhá, nên trận chiến mới này sẽ có nhiều gian nan, trở ngại không thể ngờ, không chỉ ở trong nước mà cả ở ngoài nước vì Mỹ vẫn là bá chủ hai phần ba thế giới. Nước mình sẽ là cái gì trong sự tính toán vị kỷ giữa các cường quốc trên bàn cờ chiến lược. Sống ở Hà Nội ngay từ năm 1962 đã có nhiều người trong cơ quan đeo ba lô lên đường vào các chiến trường phía nam rồi. Cuộc chiến tranh mới đã bắt đầu nhen nhóm. Những người ở lại tuy ngày ngày vẫn về nhà ăn cơm với vợ con, đêm đêm ngủ cạnh vợ nhưng trong lòng đã mất hết mọi yên tĩnh, đã hoá ra bất an vì chẳng ai có thể ngồi yên khi bạn bè lần lượt đi vào các chiến trường. Vả lại một thế hệ lớn lên trong chiến tranh, lập nghiệp, lấy vợ sinh con trong chiến tranh lại không được sống dài ngày ở những nơi cuộc chiến đang diễn ra ác liệt thì cũng không thể hiểu hết được cái khả năng chịu đựng và thích ứng của chính mình và những người đương thời.

Cho nên Mỹ vừa ngưng ném bom miền Bắc được một tuần là hân lao vào Quảng Bình, Vĩnh Linh ngay. Hân muốn được sống ở Vĩnh Linh ít ngày, tuy không còn bom đạn nhưng đám cháy chỉ vừa mới tắt ngọn, tàn đổ vẫn chưa lui hẳn, khói bom vẫn chưa tan hẳn, những mất mát còn nguyên vẹn, những nỗi đau cũng còn nguyên vẹn, không chừng cái đau lúc này còn day dứt hơn vì đã có một khoảng thời gian yên tĩnh để ngẫm nghĩ về những cái đã mất đi mãi mãi của một gia đình. Hai bên bờ sông Gianh đã có những túp lều mới dựng bán nước, xôi, thuốc lá. Ngồi ở quán chờ phà đã được nghe bao nhiêu chuyện, chuyện còn mới cả, nói rằng trẻ con ở các xã Hương Thủy, Hương Dũng chăn bò chăn trâu ở vùng đồi nghe tiếng máy bay tới gần vẫn bình thản như không, tới lúc một đứa hô: "Hướng 34, tăng độ cao, chui vô hầm ngay!" lúc đó chúng mới tản ra nhảy xuống hầm. Một ông nói, chúng tôi làm giao thông hào từ giáp Quảng Bình đến tận sông Bến Hải khoảng hai chục cây số từ Vĩnh Tú, Vĩnh Nam, Vĩnh Hoa đến Vĩnh Tân, Vĩnh Giang, Vĩnh Quang. Lại có giao thông hào liên thôn, liên xã. Trong năm 1968, toàn dân Vĩnh Linh không ai đi trên đường cả. Một người khác nói, dân chúng tôi chỉ có một nghề đi bẫy, nó đánh bẫy thì làm lồng, trong lồng cũng bị đánh thì làm cá trên sông nhưng gặp khó khăn về thuyền, về lưới, về cách làm. Sông có bom từ trường thì đi câu ở ruộng, làm lưới nhỏ trên ruộng, làm vắn đủ ăn. Buổi chiều qua Đồng Hới, cổng thành Đồng Hới như bị chẻ đôi. Nhà máy gỗ sát cầu Dài mất hẳn. Thanh Hoá, Vinh, Đồng Hới trở nên giống nhau vì tất cả chỉ còn là những đồng gạch vụn. Chiều hôm sau qua phà Quán Hàu, rất nhiều thuyền chở gạo trên sông Nhật Lệ, mỗi thuyền chở khoảng 5 tấn. Bộ đội trù mĩ vải dù vác các bao gạo 50 cân chuyển lên xe. Mấy cô nhà thuyền ngồi ở mũi thuyền xé cua bẻ nẫu cơm chiều, nói chọc nói ghẹo gì đó mấy anh bộ đội rồi họ cười lạnh lạnh, tiếng cười trong trẻo vô tư vang vọng cả một khúc sông. Những cánh buồm trắng và nâu chạy lờ lững ngoài sáng một đoạn dài rồi như bị hút vào vùng tối huyền bí của chân núi. Khung cảnh sông nước vào lúc chiều đã có cái buồn hiu hiu của một ngày thanh bình, một ngày sống bình thường như những ngày chưa có chiến tranh. Đêm

đó hẳn ngủ tại nhà hầm của khu đội Vĩnh Linh, được chủ nhà đãi một bữa cơm thịnh soạn, tuy chỉ có một con gà luộc chấm muối và hạt tiêu xanh và một bát nước dùng lơ thơ vài cọng hành, không có rau, đến cỏ và lá tre cho trâu bò ăn cũng hiếm nói gì rau. Còn thiếu rau xanh hơn cả đảo Cồn Cỏ năm nào. Ngồi trò chuyện một lúc thì có hai o dân quân tới thăm. Một o tên là Lương, một o tên là Phú, đều ở tuổi 19, họ đã dùng đại liên 12 ly 7 bắn rớt một máy bay F4H vào tháng 11 năm 1967. O Lương kể : " Khoảng 5 giờ chiều, trời hơi mù, có hai chiếc F4H bay rất cao rồi một chiếc lao thẳng xuống trận địa, bọn em đã lấy sẵn góc độ, tầm hướng rồi, nổ súng luôn. Đạn bay từ dưới lên một cột thẳng rồi toả ra như bông sen chụp lấy thân máy bay. Máy bay xịt lửa, kéo vệt lửa bay đi, bản đồ và ghế phi công rơi vào nhà hầm của khu hội phụ nữ, còn thẳng phi công nhảy dù xuống Gia Ninh cách trận địa khoảng ba cây số". Khu đội trưởng Vĩnh Linh nói tiếp: "Tôi đứng ở cửa hầm ngó xuôi cũng đã biết có một F4 trúng đạn nhưng không rõ là bộ đội bắn hay dân quân miền bắc, một lúc thì thấy hai con nhỏ Lương và Phú chạy lại, người trắng toát như không còn máu kêu thét từ xa: "Tụi em bắn rớt máy bay rồi đó!" Tôi phải nói ngược lại để tụi nó khỏi mừng quá mà đứng tim: "Tụi bay nói trạc, tao có thấy chi mô?" O Lương phải báo cáo thêm, tụi nó bắn có 36 viên đạn, báo luôn cả góc độ tầm hướng, và nhắc cả con heo bốn chực ký mà uỷ ban đã hứa thưởng cho đội nào bắn rớt máy bay". Hấn hỏi: "Lần đầu bước vào cuộc chiến đấu các o có thấy sợ không?" O Phú nói rất sợ, năm hoà bình Vĩnh Linh thuộc miền Bắc, là vùng đất tự do, bọn họ mới có 6 tuổi, có nghe tiếng nổ, có nghe nói người chết vì bom đạn nhưng ở xã khác, mắt chưa thấy người chết bao giờ, mãi tới năm 1965 mới nghe tiếng máy bay gào rú trên đầu, bom nổ chỗ này chỗ kia, gà bay, lợn kêu, chó chạy, người cũng chạy quáng quàng cả, lần đầu giáp mặt với chiến tranh mà. O Lương đã suýt chết một lần vào năm 1966, bom nổ cạnh hầm, đất phủ lên hầm còn thiếu ba tấc đầy bảy mét (?) Đào đến 12 giờ đêm vẫn chưa tới, lúc kéo người lên phải cạy máu đông ở miệng, nằm đúng mười chín ngày mới lò dò đi lại được. O Phú lại kể chuyện bắt phi công Mỹ cuối năm 1965, vào giờ giữa trưa, nhìn thấy cái cẳng thẳng phi công đu đưa đu đưa dưới cái dù, bu xung quanh có hàng chục cái trục thẳng, phản lực bay rầm trời rầm đất. Nhưng cái dù lại rơi vào trong rú, Phú lao theo cứ nhìn dấu giày mà vọt đi, tới một bờ sông trong rú thì nhìn thấy cái lưng nó, trong súng có năm viên đạn, bắn theo một viên cảnh cáo, nó ngồi thụp xuống co người lại, bắn luôn hai phát nữa rồi chạy tới lấy cái đai con đeo bên người nó, lấy dây dù lúc nào cũng sẵn trong người để trối biệt kích, trối hai khuỷu tay quặt ra sau nhưng không bắt cởi giày, cũng không bịt mắt, nó đi chậm thì nó cực mà mình cũng nhọc. Nó trẻ lắm, chỉ hơn em khoảng một hai tuổi nhưng rất to con, cũng phải nặng hơn tã, nó ăn bơ uống sữa dư đủ chứ đâu có ăn rau ăn khoai mà vẫn không được no như mình. Hấn nghe chuyện chả ghi chép gì cả, cứ nhìn chằm chằm hai cô gái xạ thủ của đất lửa, trạc tuổi vợ hấn lúc mới làm quen nhau, hấn 24, vợ hấn 19, dáng người cũng gọn gàng như thế nhưng vợ hấn trắng hơn, hai o này da ngăm ngăm nâu nhưng cái cười thì giống hệt, tươi tắn, dễ gần. Và cả hai đều có những bàn tay, bàn chân rất to như chân tay của nam giới. Hai cô gái ở một vùng đất đã thành bùn thành bụi vì bốn năm bom đạn, không còn nhà, không còn cây, không còn những vạt rau xanh, nhưng ruộng cấy lúa vẫn còn, trước mắt hấn là những cánh đồng lúa đang vào gặt vụ mùa, thì sự có mặt của các o dân quân đã làm dịu hấn, tươi hấn cả một khung cảnh chết chóc, khô cằn. Họ đẹp từ khuôn mặt, dáng đi, giọng nói, tiếng cười và cả những bàn chân, bàn tay hơi thô cũng vẫn rất ưa nhìn, như là tặng vật của ông trời vẫn dành lại cho một vùng đất không bao giờ chết, không bao giờ bị huỷ diệt. Nếu chỉ nhìn cảnh tượng trên mặt đất của các xã Vĩnh Sơn, Vĩnh Thủy, Vĩnh Chấp thì quả là cuộc sống đã bị huỷ diệt như mình đã bị ném lên mặt trăng vậy. Nghe anh em kể có những tháng của năm 1968 cả khu vực Vĩnh Linh chỉ thấy khói và bụi bom bao bọc cả bốn phía như cả hành tinh đã bốc thành khói, khói quấn suốt ngày, bụi khói như bụi đất dính vào người có mùi khét. Bom rải thảm của B.52, bom sát thương, bom đào khoan, bom bi, có đêm nó nã pháo từ Cồn Tiên, Dốc Miếu sang tới 5000 quả, bắn suốt đêm, có ngày có 95 lần chiếc B.52 rải bom từng đợt, giờ nào cũng có từng tốp B52 bay ì ì trên trời, rồi chớp xanh chớp

trắng nhấp nháy trong khói khắp mặt đất. Nhưng không nghe thấy tiếng nổ vì hai tai đã ù đặc, rồi mắt cũng như bị lòe bị mù vì khói, không thở được, không nói được vì khói, cũng không chạy được vì chân tay như đã bị những vòng khói siết chặt. Có một chuyện nghe như đùa mà là chuyện có thật. Một bà mẹ đã ngoài bảy chục tuổi chui vào hầm chữ A đào ngay trong nhà. Bom nổ, nhà bị sập, hầm bị lấp, đang cho người vào kéo bà lão lên thì bà nói vọng ra: "Đề mẹ ăn xong miếng trầu rồi ra". Dân Vĩnh Linh vốn nổi tiếng là dân nói trạng mà! Có một điều làm hấn rất kinh ngạc là Vĩnh Linh lấy đâu ra người mà gánh vác quá nhiều việc. Vì nhiệm vụ chính của lực lượng dân quân không chỉ là bắn máy bay mà còn sản xuất và chuyển hàng từ Bắc vào Nam qua sông Bến Hải. Chỉ trong chín tháng của năm 1968 đã phải huy động 136 ngàn công chuyển hàng từ Bắc vào Nam. Lại còn công làm giao thông hào liên thôn, liên xã, công làm trận địa pháo cho bộ đội, công lấp các đoạn đường bị bom đánh cho xe qua, bao nhiêu là việc mà nhìn quanh quần đảo có thấy người. Trong một đêm ngày 3 tháng 2 năm 1967, dân quân xã Vĩnh Thủy nhận lệnh làm 8 cây số đường, 3 cầu và 3000 gánh bồi lót đường cho xe pháo ra gần mép biển đánh tàu chiến. Rồi còn phải tiếp tục đào địa đạo nữa, mỗi chiếc cuốc chim ngắn cán, một cái xẻng lưỡi sắc như dao cạo cũng ngắn cán, một cái rỏ, mấy chục mét dây chảo và một cái trục quay, đêm nào cũng phải đào, có đoạn đào sâu 20 mét, có đoạn sâu 30 mét, đào ở mọi hướng mà đều có điểm để gặp nhau thành các ngã ba ngã tư như một thị trấn dưới lòng đất. Trên mặt đất như vùng đất chết, dưới lòng đất vẫn là một Vĩnh Linh đang sống, đang chiến đấu, có những trạm y tế kiêm nhà hộ sinh, có vườn trẻ, có cả câu lạc bộ biểu diễn văn nghệ, cả học kinh nghiệm nơi nào cả, thấy cần là làm, vừa làm vừa học cách làm và học cả cách sống dưới lòng đất. Tới đâu cũng gặp các cô gái, một thế giới toàn phụ nữ đảm đương đủ mọi việc của thời chiến, vẫn cười đùa, vẫn làm duyên làm dáng và đôi lúc vẫn nghĩ tới chuyện chồng con. Trong chiến tranh vẫn lấy chồng được, vẫn sinh con được, chứ đâu phải đợi tới ngày thống nhất đất nước! Mười năm nữa chiến tranh mới kết thúc thì thành bà già cả bọn sao? Một cảnh tượng dọc đường đến xã Vĩnh Chấp làm hấn nhớ mãi. Một hố bom lọt vào giữa bốn cây mít, rễ sát đất đều bị tiện cụt mà cây vẫn sống, một đàn lợn teo tóp như một lũ chuột leo lên tụt xuống quanh miệng hố bom. Một bãi bùn với những thân cây cháy đen bị tiện ngang, tro trụi, lầy lội. Một cái nhà sát miệng hầm bị cháy từ lâu, mái tranh lợp trên như mới cắt nửa xanh nửa vàng, có một cây cột điện vẫn còn nguyên các bình sứ cách điện đưa vào làm cột chống mái nhà. Bếp đun ở cửa hầm, có một cái chạn, mấy cái rá, có cả một cái liễn bằng đất nung. Một điểm sống đã nhú lên trên vùng đất mặt trắng sau ngày ngừng bắn phá mới khoảng mười ngày chứ mấy. Một anh bộ đội ở đường 9 vào xã mua chè, đội mũ tai bèo cũng là khăn lau mồ hôi, đeo đủ thứ quanh người, cái nào cũng có vỏ bọc vàng vôi bạc, đang kể chuyện cho mấy o dân quân nghe về dốc Bà Định, dốc Anh Trỗi, dốc Anh Bé. Anh ta nói năm 1965 mới vào chiến trường đã bị sốt rét ngay, cặp nhiệt độ lên tới 42 độ người đã mê đi tưởng chết, mà rồi qua khỏi, từ đó chẳng còn ốm đau gì nữa, bệnh chề mà bom đạn cũng chề, chắc là sẽ sống được tới già. Một o hỏi: "Anh bị sốt rét có báng không?", anh kia cười, hàm răng trắng bóng: "Leo dốc thót bụng lại, thở lên đến ức lấy đâu ra báng!" Hấn đến xã Vĩnh Linh chỉ để nghe công tác đảm bảo giao thông trên các trục đường qua địa phận của xã. Một hố bom trên mặt đường phải bỏ vào đó 550 gánh bồi, hai mươi mét khối đá và gạch, chặt cả cây cối, hòm tử ném xuống hố bom. Vẫn không đủ, sau phải dỡ cả nhà đưa ra mặt đường, nhà bí thư, chủ tịch đập trước, sau đó là nhà của dân, phải đăng ký để đập nhà từng đêm, chứ đập sạch bữa sau lấy gì mà lấp. Có nhà chị Mệt, chồng cụt chân, năm con dại, nhà ba gian mới làm cũng xin cho dân quân vào đập. Xã phải ngăn: "Từ từ, chiến tranh còn dài, mần một lần, lán sau lấy chi mà mần. Bà con có quyền đăng ký nhưng không có quyền tự đập nhà". Hấn ngồi với một nhóm dân quân bất ngờ được gặp cả giờ, hỏi đủ mọi chuyện. Một o mặt hơi đỏ mà vẫn xinh lắm, giọng nói như hát hỏi hấn: "Eng là phóng viên mặt trận à, da eng trắng rứa chắc là mới đến Vĩnh Linh lần đầu?" Hấn nói, cũng là ngượng quá nên phải khoe: "Năm 65 tôi có đến Vĩnh Kim đợi thuyền ra Cồn Cỏ nên không đi được nhiều trong đất liền". Ánh mắt cô bé dịu lại, thân

thiện: "Bọn em cũng ao ước được ra Côn Cỏ để phục vụ các anh trên đảo nhưng chưa có dịp nào". Hấn lại nói: "Ở trên đảo chỉ toàn là đàn ông thôi, các o mà ra đó lên ngôi nữ chúa hết!" Cô bé lại cười: "Chu cha! Sướng hí, ở trong ni chỉ có ông già mù lão với bọn con gái chúng em thôi, đàn ông con trai đi sạch nên mọi việc ở nhà bọn em phải làm hết". Cô bé nói tiếp, mỗi lần nghe xã giao việc người cứ chết lặng vì lo, người còn một nhúm mà trăm thứ việc, lấy người đâu làm, làm lúc nào, không ăn không ngủ cũng không có thời gian để làm; ví như có lệnh trong ba ngày phải mở 10 cây số đường cát, đào 250 hố cá nhân, làm ba trận địa để bộ đội đưa pháo ra mép biên. Người giao việc cứ nói như không, bọn em phải mọc thêm mấy chân mấy tay để làm cho tròn mọi việc. Mà vẫn còn mấy chục mẫu ruộng chưa cấy, vẫn còn mấy trăm tấn gạo để gần bên phà nội trong một đêm phải bốc hết lên xe, lại còn người đi tải đạn, người đi cáng thương binh... Rồi cô gái kết luận: "Việc của bọn em các anh bộ đội đóng quân ở đây chỉ nhìn cũng đủ ngán. Chỉ có nữ mới làm được thôi, làm không tính tới ăn, không tính tới ngủ, làm hết ngày này qua tháng khác suốt bốn năm nay, không nghỉ ngày nào, không đau bệnh ngày nào, mấy anh có làm được như bọn em không?"

Chương 25

Sau chuyến đi vào Vĩnh Linh hẳn thương vợ hơn, tôn trọng vợ hơn, và tự nhận vợ hẳn quả đã có công lao rất lớn trong cái sự nghiệp văn chương của hẳn, là một nửa sự nghiệp của hẳn. Hẳn vốn lười, lại kém tháo vát ở những việc không tên, lại sống trong cái thời nửa chiến tranh nửa hoà bình mọi thứ đều thiếu thốn. Trong gần hai chục năm gia đình hẳn chỉ có mỗi cái quạt tai voi dùng trong mùa hè, cái quạt về sau lại hỏng một bộ phận nào đó không quay được, cứ chữa thẳng về một phía mà thổi gió nên trẻ con nằm vài ngày là ho sốt ngay, nên vợ hẳn phải dùng quạt nan quạt suốt đêm. Nghĩ lại cái cảnh tượng ngủ trưa mùa hè ở Hà Nội vừa thương vừa nhớ, ba con nằm ba góc chiếu, chồng nằm trên nền đất, còn vợ nằm ghé nửa chiếu nửa đất, cái quạt nan trên tay phe phẩy không lúc nào ngưng, lắm lúc buồn ngủ quá vợ hẳn vật cánh tay cầm quạt lên người chồng, là hẳn đã cần nhắc: "Em ngủ rồi à, không quạt nữa à?" thế là cánh tay cầm quạt lại nhắc lên, hơi gió lại thoang thoảng bay qua người và hẳn lại tiếp tục ngủ. Nói cho cùng vợ hẳn lấy hẳn, rồi về sống ở Hà Nội, lại làm cái nghề liên quan đến nghệ thuật là sự lựa chọn nông nổi. Làm lẫn tai hại. Đất Hà Nội và đất nghệ thuật cần cái giả dối hơn là cái chân thật, vui buồn giả dối, nhan sắc giả dối, học vấn cũng giả dối, mọi sự giả dối ấy đều rực rỡ, loé sáng dưới các lớp đèn màu của thành phố và cái thật thà, cái hồn nhiên, cái mộc mạc của những vùng quê hoá ra thô lỗ, hoá ra vênh váo, không thể ăn khớp trong cái guồng máy nịnh người, lừa người của cuộc sống thành phố. Vợ chồng hẳn sống với nhau đã 45 năm, vợ hẳn cũng đã là người của thành phố từng ấy năm mà vẫn không bỏ được thói quen mời khách ăn cơm là cầm cả bát cơm lần đôi đưa ấn vào tận tay khách, cứ như vẫn bày cơm trên nia trên mẹt đặt dưới đất của cái thuở xa xưa nào. Mới lấy nhau chồng đã dặn vợ ăn cơm ở thành phố khi nhai không nên há to miệng, không nên nhai cơm, húp canh, cắn cà thành tiếng vừa khó nghe vừa khó nhìn. Lại cãi người ăn chứ có phải ma ăn đâu mà không có tiếng động, với lại có đi ăn cơm khách bao giờ mà phải quá giữ ý, còn khách đã mời đến nhà là khách thân cả, chồng thành phố vợ gái quê ai chả biết. Người già lục phủ ngũ tạng tanh bành hết duy hàm răng vẫn trắng đều, vẫn khoẻ, cắn miếng cà nghe cứ giòn tan, các con nhìn nhau cười, còn chồng thì nhăn mặt, gần năm mươi năm ngồi ăn cơm với nhau mỗi lần nghe vợ cắn quả cà anh chồng vẫn cứ phải nhăn mặt. Đã bảo vợ sống ở thành phố phải biết che đậy, biết giả dối, chả hại ai cả chỉ để giữ mình khỏi thành trò cười thôi. Dạ vâng một hồi lúc tối, sáng hôm sau vẫn sống nguyên như cũ, bảo không thể sống khác được, ăn khác đi ăn không ngon, nói khác đi nói không xuôi, vậy biết làm sao hở trời! Đi lĩnh gạo ở bếp ăn của chồng, thấy bạn chồng đứng chơi ở cổng Tạp chí Văn nghệ Quân đội là xuống xe ngay để vào chào. Một người hỏi: "Cái thằng ấy không lấy gạo giúp vợ lại bắt vợ tới lấy à?" Thế là nói một thôi một hồi, nào anh ấy bận viết, nào anh ấy lười, mọi việc nhà đều dồn cho vợ, vợ đẻ cũng trốn, con đau cũng trốn, trốn đi tỉnh, trốn vào ngủ ở cơ quan, nhà em là sướng nhất đấy! Bạn của hẳn đều là lính cả, lính đã đùa thì gái thành phố còn phải hãi nói gì gái quê. Nên họ mới nói rằng họ không bao giờ bắt vợ phải làm việc nhà, không bao giờ bắt vợ xếp hàng đi chợ hoặc tệ hơn bắt vợ đi lấy gạo ở bếp cơ quan. Vợ họ là những bà hoàng, chỉ có sinh con, nuôi con vì đàn ông không thể thay được nên đành chịu để vợ phải chịu cái đau, cái vất vả một mình. Để bù lại họ đã... Họ nói đùa nói giỡn nhưng vợ hẳn lại nghĩ là thật cũng giận chồng mất mấy ngày vì chồng đã coi mình như con ở, không tôn trọng vợ, giúp đỡ vợ như các bạn của chồng. Nhưng khi hẳn hỏi: "Vậy mấy bà ở quê em, là các bà chị của em, chồng đi đánh Pháp suốt tám, chín năm, ở nhà nuôi con một mình, vừa chạy giặc càn, vừa chạy bữa ăn thì trách ai?" Thế là cúi mặt, tùm tùm cười: "Chuyện! Thời xưa khác thời nay khác". Hẳn được thế lại nói: "Thế thời nay không phải là thời chiến tranh à? Một dãy nhà này đã có ba bà vợ nuôi con một mình để chồng đi B, các bà ấy than thở với ai?" Thế là im luôn, thì đã bảo vợ hẳn vốn nhẹ dạ cả tin

mà. Ở thành phố, lại sống trong giới nghệ thuật, đôi lúc cũng nên nói dối một tí cho bạn vui, mình cũng vui, như một thứ tra dầu, bôi mỡ cho cỗ máy sinh hoạt chạy êm hơn, nhẹ hơn. Chả hạn, bạn cho sách, gặp lại nhau nên nói dối một tí: "Mình mới đọc một lượt, có ấn tượng tốt lắm, để đọc thêm một lần nữa mới có ý kiến được" hoặc "Đọc rồi, cuốn này viết được lắm; thích hơn cuốn trước". Nghe bạn bè nói thế mình nói theo một câu; chả mất gì mà bạn lại vui. Hoặc gặp một cô bạn làm nghề ngâm thơ, đọc truyện đêm khuya, cũng nên khen dối một câu là giọng vẫn truyền cảm lắm, giọng vẫn đẹp lắm, hoặc cô bằng tuổi vợ tôi, mỗi lần gặp cô về nhìn lại vợ thấy bà ấy già hẳn. Dầu cô em có thét lên: "Đừng có nịnh! Cái miệng ông nói ai mà tin!" Nói thế nhưng mà thích lắm đấy, vui lắm đấy. Đó là nghệ thuật sống của những người ở thành phố. Hấn cũng đã bảo vợ chớ nên thật thà quá, thật quá là lạc điệu, thi thoảng cũng nên nói dối một tí cho giống với mọi người. Và vợ hấn đã tập nói dối, với ai, với ông Hữu Mai là một ông đùa không cười, một người hay nói dối như hấn cũng không dám nói dối với Hữu Mai. Ông Hữu Mai hỏi: "Anh ấy vừa có cuốn sách dày lắm, chị tiêu làm sao cho hết tiền nhuận bút?" Nghĩ là bạn chồng nói thế để hỏi vay tiền, vợ hấn vội nói: "Chả được bao nhiêu đâu anh ạ, cầm về có ít lắm". Lại hỏi: "Ít lắm à, có được một ngàn không?" Chối ngay: "Làm gì được nhiều thế hả anh? Chỉ có mấy trăm thôi". Ông đùa không cười nhăn mặt dầy vẻ thông cảm: "Họ tính toán thế nào mà lạ thế nhỉ? Như chúng tôi một cuốn sách gần hai trăm trang phải được lĩnh chín trăm mấy chục đồng tiền nhuận bút. Anh ấy tính hiền quá nên họ dễ bắt nạt, chứ nhằm lẫn gì mà lại tính hụt tới quá nửa số tiền có thật. Anh ấy không dám nói thì để tôi nói cho, chiều nay tôi sẽ sang hỏi đám tài vụ của nhà xuất bản giúp chị". Cái số tiền ông Hữu Mai nói đúng cả số chẵn lẫn số lẻ nên mặt vợ hấn vừa đỏ vừa tái, vội thanh minh cho chồng: "Chắc là nhà em mới đưa cho em một ít, chưa đưa cả". Ông bạn chồng lại ra vẻ giận dữ: "Hấn giữ lại một nửa để làm gì, để cho gái hả, cái thằng ấy thế mà hỏng, ông Vũ Cao biết chuyện là kỷ luật nặng đấy!" Lại cuống quýt thanh minh một lần nữa: "Chắc không phải đâu, có khi nhà em đưa cho mẹ em giữ cũng nên". Vẫn chưa buông tha: "Chị cũng phải hỏi bà cụ cho biết chứ, hơn sáu trăm bạc đâu phải ít tiền. Chị không dám hỏi cứ để tôi hỏi". Hỏi mẹ chồng một số tiền mà cả vợ lẫn chồng đều chưa nói tức là muốn giấu, còn chết nữa! Chả lẽ vợ hấn phải oà khóc và thú nhận là đã nói dối. Thấy cô gái quê đến nói dối cũng không biết cách nên ông hay đùa nghĩ cũng thương tình: "Trong mấy ngày tới chị phải hỏi anh ấy xem đầu đuôi thế nào. Bọn tôi đã lĩnh tiền nhuận bút là phải đưa hết cho vợ, có cần tiêu gì lại xin vợ chi cho. Vợ là nội tướng mà lại!" Tối về nghe vợ kể lại câu chuyện đối đáp với ông Hữu Mai, hấn vừa giận vừa buồn cười. Khốn nạn ai bảo lấy vợ nhà quê đem lên thành phố làm gì, lại sống chung với những người làm văn làm báo làm nghệ thuật mới thành trò cười cho chúng bạn. Vợ hấn cũng là diễn viên đoàn kịch nói của quân đội được mấy năm, diễn vai nào cũng hỏng, giọng thì mượt mà nhưng không biết cách diễn, ra sân khấu đi lại cười nói cứ cứng đờ, đành phải vào vai ma, trùm một cái khăn xô trắng từ đầu tới gót, bước qua bước lại trong cái tranh tối tranh sáng, hoặc vào vai quân chúng hò hét, nói qua nói lại dăm ba câu trong đám người lơ lơ ở một góc sân khấu. Thì vẫn cứ là người làm nghệ thuật, vẫn phải học nghề làm nghệ thuật, tối về lại hỏi chồng ông đạo diễn Nga này là người như thế nào, ông viết kịch Đức kia là người như thế nào, và rất nhiều thuật ngữ của nghề diễn mà hấn cũng chỉ mới được nghe lần đầu. Hấn tuy là người viết văn nhưng lại rất sợ bàn chuyện văn chương và những lý luận này khác của văn chương. Hấn chủ trương chấp nhận mọi phong cách nghệ thuật, mọi cách nhìn, mọi quan điểm rồi tùy cái tạng của mình mà thâu nạp, biến hoá. Vợ hấn thấy chồng trả lời thờ ơ mọi câu hỏi cho rằng hấn là thằng ích kỷ, chỉ muốn tiến bộ một mình, không muốn dắt kéo vợ cùng tiến theo. "Anh sợ vợ anh đầu óc mở mang thì không dễ bắt nạt như trước chứ gì?", vợ hấn đã có lần day nghiêng hấn thế. Hấn liền hỏi lại, chị Sừ ở đoàn chèo có học hành gì đâu, đàn bà đã lớn tuổi mà say sưa tối ngày thì là cái giống loài gì? Vợ hấn nín thinh, hấn lại nói tiếp: "Chị ấy thuộc cái giống loài các nghệ sĩ rất có tài, tài bẩm sinh, em đã xem chị ấy diễn trích đoạn Suý Vân giả dại rồi đấy! Học thế nào được, bắt chước thế nào được mà cũng chả có phương

pháp nào, lý luận nào giải nghĩa nổi. Nó là cái huyền bí muôn đời của nghệ thuật". Nhưng vợ hần không thể nghe ra, không thể hiểu nổi và về già đã nói thẳng: "Anh đã coi khinh tôi, ruồng rẫy tôi từ ngày ấy".

Cũng trong những năm ở đoàn kịch, vợ hần chả có vai diễn nào khiến người xem phải nhớ, nhưng sau mỗi chuyến đi của đoàn vợ hần vẫn có thêm rất nhiều bạn bè thuộc nhiều quân chủng mà đoàn kịch tới phục vụ. Có ông cán bộ cấp trung đoàn viết cho vợ hần: "Trong những ngày được gần gũi đoàn anh chỉ để ý có mình em thôi, mọi lời nói của em đều đẹp, mọi cử chỉ của em đều đẹp, em là đại diện cho mọi vẻ đẹp của các cô gái quê vùng đồng bằng Bắc Bộ..." Cũng như các cô gái vùng đất lửa Vĩnh Linh, họ đều rất trẻ, rất đẹp nhưng là cái đẹp trong hy sinh, trong vô vàn những vất vả của mỗi ngày, cái đẹp trong khói lửa chiến tranh. Nếu kéo các cô ấy ra khỏi môi trường họ đã sống, theo chồng ra Hà Nội để làm một nhân viên cửa hàng mậu dịch hay một cơ quan nào đó thì họ lại trở thành các cô gái nửa quê nửa tỉnh rất khó chịu, rất vô duyên vì họ đã phải chối bỏ những cái vốn là phép màu của mình để học đòi những cái vốn là khắc tính của mình.

Trong những năm 60 hần viết rất khỏe, cái nào hần viết cũng đọc được cả, các nhà phê bình đã nói về hần khi kết bài là "một cây bút trẻ có triển vọng". Năm 1960 hần được giải nhất truyện ngắn Một cặp vợ chồng của tuần báo Văn Nghệ. Rồi hần viết truyện vừa Chuyện người tổ trưởng máy kéo đăng trên Tạp chí Văn nghệ. Năm 1961 hần đưa in tập truyện ngắn đầu tiên Mùa lạc. Năm 1962 in tiếp tiểu thuyết Xung đột quyển 2. Năm 1963 ra tiếp tiểu thuyết Một chặng đường và các truyện Hãy đi xa hơn nữa, Tầm nhìn xa, Người trở về, Gia đình lớn. Năm 1968 in tiểu thuyết Đường trong mây.

Nửa năm sau những năm 60 chiến tranh đã lan ra cả nước. Miền Bắc sau mười năm được sống trong hoà bình lại phải đối mặt với bom đạn của chiến tranh, không phải chỉ một vài năm mà sẽ kéo dài tới ngày cả nước đã giành được độc lập và thống nhất. Minh thì quyết tâm thế nhưng Mỹ cũng không thể chịu thua, một cuộc chiến tranh của Mỹ, không chỉ có tiền bạc, sinh mạng lính Mỹ mà có cả danh dự một siêu cường ký cược vào đó. Nên hần lo lắng. Một đời người phải tham gia những hai cuộc chiến tranh lớn, là cuộc đọ sức dài ngày giữa một nước nghèo và yếu với những nước giàu và rất giàu, mạnh và rất mạnh, quả là ê ả. Chả có việc gì được hoàn thành trọn vẹn trong vòng mười năm hoà bình cả, gia đình dang dở, nghề nghiệp dang dở, thậm chí đến chỗ ở, chỗ làm cũng tạm bợ, cũng có thể đổi thay. Và không thể hình dung trong mười năm nữa mình sẽ như thế nào, vợ hần đã tỏ rõ cái gan lì, cái tháo vát, cái tự lập và coi những vất vả của cuộc sống thời chiến chẳng đáng là cái gì. Vẫn cười đùa, vẫn làm đẹp theo sự chỉ dẫn của chúng bạn, tính toán mọi việc thần nhiên, bình tĩnh như có thể sống với những cái không bình thường, những cái tạm bợ đến hết đời. Một gia đình bỗng chốc phải chi tiêu những mấy nơi, mẹ và con trai lớn đi sơ tán ở trại trẻ quân đội, hần có lúc làm việc ở Hà Nội có lúc làm việc ở nơi sơ tán, còn vợ và con nhỏ lại ở một nơi sơ tán khác cùng với cơ quan. Một tuần vợ hần vẫn phải về Hà Nội một lần, ngủ lại một đêm để sáng sớm hôm sau đến cửa hàng nhà thờ mua hàng ở các ô phiếu, phiếu thịt, phiếu cá, phiếu nước chấm, cả phiếu đậu phụ cũng phải mua. Thịt lọc nạc làm ruốc hay kho mặn, mỡ rán lấy mỡ đổ vào các lon gigô, cá kho mặn hoặc rán, đậu phụ cũng rán, làm hì hụi cả buổi trong một khu nhà rộng mênh mông chỉ còn lưa thưa vài bóng người, lại là khu dân cư ngay dưới chân cầu Long Biên, cầu lại chưa bị sập nên máy bay quần đảo cả ngày, còi báo động cũng hú suốt ngày, và những tiếng loan báo trên đài máy bay tới gần, máy bay đã bay xa ra rả từ sáng đến tối như đã là một phần của cuộc sống thành phố. Khoảng 3 giờ chiều, vợ hần buộc các làn túi vào xe đạp lên chỗ trại trẻ đưa thức ăn cho mẹ và thăm con, đi vào những giờ máy bay hoạt động mạnh nhất, cứ đạp xe lững thững, vừa đạp vừa tính toán những việc phải làm, số tiền phải chi tiêu và chương trình sẽ

phải đến nơi này nơi kia trong tuần, tuyệt nhiên không để ý đến còi báo động, đến tiếng loa báo xa gần của máy bay, và cả tiếng bom nổ nếu không phải ngay trên đường mình đi, vợ hắt nói với hắt thế. Vợ hắt đến chỗ mẹ và con trời đã xâm xâm tối, lại lặn vào nấu nướng một bữa ăn tươi, giặt giũ khâu vá quần áo, trò chuyện với gia đình cho bà cháu ở trọ, biếu quà, gửi tiền trọ mỗi tháng, sáng hôm sau lại đạp xe sang cơ quan của chồng, ra chợ mua thức ăn làm một bữa cơm thành phố để chồng và các bạn chồng được ăn ngon một bữa, khoảng gần tối mới trở về cơ quan của mình, tắm rửa và cho con nhỏ ăn, hỏi han công việc phải làm trong ngày mai và những ngày tới. Những công việc của vợ hắt trong năm năm sơ tán cũng là những công việc của chị Vách vợ ông thiếu tá hàng xóm, cũng là gái quê lên tỉnh, học vắn chỉ viết được một chữ ký, suốt những năm ở cùng một dãy nhà hắt chưa bao giờ nhìn thấy vợ chồng họ đi sóng đôi với nhau, cũng không thấy họ đi xem phim xem kịch cùng với con cái (giống hết vợ chồng hắt). Ông chồng suốt ngày đọc sách, nghiên cứu, viết lách những gì gì, ăn cơm riêng, ngủ phòng riêng như ông chủ. Rồi ông ta phải nằm bệnh viện cả năm vì bị tai biến mạch máu não và chết ở bệnh viện. Hai con trai học hành dang dở, chả có nghề ngỗng gì, sau ngày bố chết thằng anh tự dung mắc bệnh tâm thần, lúc đi trại, lúc ở nhà, hai đứa con gái xấu xí, lòng không, đã hăm mấy tuổi vẫn chưa có thằng con trai nào tới thăm hỏi, chọc ghẹo. Bà mẹ ngày một già đi, sáng sáng đội thúng xôi ra đầu đường ngồi bán cho những người đi làm sớm ăn vội. Bà vẫn cười nói suốt ngày, như đã lấy cái vui thay cho cái buồn, lấy cái cười để át đi tiếng khóc. Truyện ngắn Đời khổ viết về bà Vách hai chục năm sau chính là chuyện của vợ chồng hắt, là sự tự nhận lỗi và bày tỏ lòng biết ơn đối với vợ theo cái cách của hắt, dẫu sao vợ hắt vẫn may mắn hơn bà Vách vì công sức một đời đã được chồng con đền bù. Nhưng vợ hắt lại không cần được đền bù bằng cái danh của chồng hay sự trưởng thành của con cái, vợ hắt vẫn nói: "Tôi không cần cái danh của anh, cũng không cần tiền bạc của chúng nó, tôi cần cái tình cảm kia, sống được một năm như vợ chồng bác Diễm rồi chết tôi cũng hả!" Bác Diễm là bà chị ruột của vợ hắt, hơn em gái gần hai chục tuổi, chị sinh con đầu thì mẹ sinh con út, em bú chị, cháu bú bà, mẹ chết sớm thì chị buồn bán nuôi em, coi em như con. Năm hắt lấy vợ thì ông anh rể của vợ đạp xe xích lô, còn bà chị thì buôn bán vật vãnh ở cửa ga Hà Nội, con cái làm các nghề vất vả nhưng lương thiện và họ không hề hỏi vay tiền vợ chồng hắt bao giờ. Chính hắt cũng thích đến chơi nhà bà chị vợ và ông anh rể, nhà của họ ở trong ngõ sâu của phố Khâm Thiên, hơi lầy lội khi trời mưa và rất chật với một gia đình có những năm người. Mà lại hay bày cỗ bàn mỗi lần giỗ tết, khách mời ngồi chen nhau trên cái phản mộc, còn con cháu trải chiếu ngồi chen chúc dưới đất. Mâm mời khách có mọi đồ xào nấu của một bữa cỗ, còn mâm dưới chỉ có một đĩa thịt ba chỉ luộc, miến xào lòng và một nồi to canh bánh đa nấu với cua. Mà vui lắm, cười đùa rầm rầm, mặt ông lão đã đỏ ửng sau vài chén rượu, bắt đầu nói năng huyền thuyên, bà vợ cũng uống rượu rồi bước ra giữa nhà vừa hát vừa múa vì bà có máu đồng bóng. Con cháu ngồi xung quanh nhìn mẹ nhìn bà hò hét cổ vũ. Đó là cảnh tượng một gia đình hạnh phúc, một cặp vợ chồng hạnh phúc như ước ao từ thời còn trẻ của vợ hắt. Những lúc giận dữ với chồng với con, vợ hắt lại gầm gào: "Thà tôi lấy một thằng phu hồ, một thằng đạp xe xích lô nhưng là vợ chồng thật, còn lấy một ông nhà văn vừa có danh vừa có tiền nhưng sống với nhau như khách trọ tôi cũng chả thiết đâu!" Vợ là của hắt, là tài sản của hắt, là một nửa của chính hắt lại có thể nghĩ về hắt lầm lẫn đến thế sao!

Chương 26

Những năm 70 cũng là những năm hết sức quan trọng đối với một đời văn cũng như một đời người của hần. Ông Trời đã chiều hần một nửa, ít người được chiều đến thế. Nhưng ông cũng trừng phạt hần một nửa, cái sự trừng phạt vừa bất thần vừa tàn nhẫn. Từ những năm này hần mới hiểu ra lời khuyên của các cụ từ những ngày xưa ngày xưa: "Mất nhiều cũng chớ vội buồn, được nhiều cũng chớ vội vui". Trong mất có được, trong được có mất, nhất là được nhiều là tai họa sẽ tới liền nếu không biết giữ cái ngắn chừng mực. Khi vợ hần sinh đứa con gái út vào năm 1970 liền được bạn bè bình luận: "Cái số thằng ấy đến là may mắn, muốn sao được vậy". Lại có người nói: "Nó có biết buồn là gì, một đời người không có buồn, không có thất bại làm sao viết được văn!" Thế là hần bắt đầu sợ, vì đã linh cảm được một tai họa rất lớn đang tìm đường đến hần, đến vào lúc nào, bằng cách nào thì hần không thể biết, nhưng chắc chắn sẽ xuất hiện vào lúc hần bất ngờ nhất. Cũng trong năm 1970 hần đưa in một lúc hai cuốn tiểu thuyết: Ra đảo và Chủ tịch huyện. Cuốn Ra đảo viết rất công phu nhưng bị chê vì tác giả đã lạm dụng tiếng địa phương quá nhiều. Quả thật cái giọng Quảng Trị, ngôn ngữ Quảng Trị là hết sức thích hợp với một vùng đất sóng gió, cát đá, bão tố. Con người cũng như được tạc bằng đá, cây cối của vùng đất này cũng gân guốc, nhọn sắc, đất và người đều đã quen với biến động, với chinh chiến từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh, đất không hiền, người cũng không hiền và tiếng nói càng không hiền. Hần là người hiền lành, thích nhân nhượng, thích rút lui nên rất ngưỡng mộ những tính cách đối nghịch: cái dũng mãnh, cái không khoan nhượng, cái quyết liệt. Và hần đã tìm thấy những cái hần thiếu ở những con người dọc ven biển Quảng Trị. Nhưng sự sùng mộ thiếu tinh táo ấy đã làm hỏng cuốn sách về phương diện nghệ thuật. Còn ở Chủ tịch huyện hần và các nguyên mẫu bao giờ cũng có một khoảng cách, cái khoảng cách về tầm nhìn, tầm nghĩ, cái khoảng cách về tư tưởng. Tức là các nhân vật văn học đều cao hơn, đẹp hơn, lý tưởng hơn những mẫu người có thật, kể cả nguyên mẫu là một ông bí thư tỉnh uỷ nào đó. Vì cảm nhận của nghệ sĩ do đọc nhiều, biết nhiều, lại làm nghề nghệ thuật nên bao giờ cũng tinh tế, nhạy bén hơn các nguyên mẫu mà họ chọn lựa. Với hần chỉ cần nghe một tiếng cười, nhìn một ánh mắt, nắm một bàn tay là đã biết được phần nào người nói chuyện với mình là đáng tin hay không đáng tin, là người có thể cộng tác được hay chỉ nên quen biết qua loa rồi quên đi. Và hần đã truyền những kinh nghiệm của hần cho các nhân vật của mình. Nói cho đúng các nhân vật văn học của hần chỉ mượn các nguyên mẫu có cái vỏ ngoài, cái phần xác, còn cái phần hồn, cái phần tư tưởng của nhân vật thì vẫn là hần, bất kể họ là bí thư tỉnh uỷ hay chỉ là chủ tịch một xã, là một nhà báo hay một lãng tử, một ông già đã gần kề cái chết hay một chàng trẻ tuổi đang háo hức bước những bước đầu tiên trên đường đời. Chủ tịch huyện được bạn bè khen, bạn đọc khen, còn ông Nguyễn Hồng gặp hần ở quán bia đường Trần Hưng Đạo liền giơ một bàn tay lên và bảo: "Này, Chủ tịch huyện viết tốt đấy!"

Khoảng cuối năm 1970, hần được đi dự Hội nghị các nhà văn Á Phi cùng với nhà văn lão thành Tô Hoài, họp ở New Delhi - Ấn Độ cùng với đoàn nhà văn miền Nam là Phan Tứ và Thu Bồn. Cả hai đoàn đều phải qua Mátxcova, ở lại mấy hôm rồi cùng lên đường với các nhà văn Liên Xô trên một chuyến máy bay. Hần đến Mátxcova lần này là lần thứ hai cách lần thứ nhất mười ba năm. Lần trước hần đi cùng đoàn Thanh niên Việt Nam tham dự Festival Thanh niên 1957, đi bằng xe lửa, qua Trung Quốc ở lại ít ngày rồi đi xe lửa tiếp qua vùng đất Viễn Đông của Liên Xô rồi tới Mátxcova. Chuyến đi cuối năm 1970 đi bằng máy bay IL.62, lần đầu tiên trong đời hần được đi máy bay mỗi lần lên xuống muốn nôn thốc, rồi hần lại nghĩ lần thân như một anh nhà quê, cái ống thép bọc kín chứa mấy trăm con người bay lơ lửng từ Á sang Âu lỡ nó rơi một cái thì sao nhỉ? Cho đến bây giờ mỗi lần đi máy bay hần đều nghĩ nếu bất thần nó rơi xuống thì sao nhỉ? Thì chết cả nút chứ còn sao! Nên hần sợ lắm, cứ

bước chân lên máy bay là sợ. Hẳn rong chơi nước ngoài khoảng nửa tháng rồi về, ở nhà được khoảng một tháng thì được lệnh đi chiến dịch Đường 9 Nam Lào. Hẳn đến nơi thì chiến dịch cũng đang hồi kết thúc. Bộ Tư lệnh chiến dịch giới thiệu hẳn xuống một đơn vị xe tăng, rồi hẳn đi la cà các đơn vị bộ binh khác, giữa các đợt đi ngăn ngày hẳn lại về nằm khu lán của các phái viên thuộc nhiều Tổng cục của Bộ Tổng tư lệnh. Họ đã thay nhau đi xuống các binh chủng trong suốt chiến dịch để kiểm tra, đôn đốc những công việc của chuyên ngành nên mỗi người có cả một kho chuyện còn chưa nhạt mùi máu và mùi khói đạn của chiến trường, tối tối lại ngồi quây quần trên những tấm giát nứa thay giường, căng thêm một tấm vải dù lớn chắn gió, pha một bình nước trà đặc, hút thuốc cuốn, thuốc điếu, thuốc lào; bình luận, tranh cãi, tán róc đủ thứ chuyện, từ chuyện lính đến chuyện quan cho mãi tới nửa đêm. Chắc hẳn cái ông Vũ Trọng Phụng cũng đã được nghe vô khối chuyện buồn cười của cái thời ông ở những căn phòng chật chội, bần thiêu mà khách trọ mỗi đêm đều là dăng làng bẹp, dân nghiện lúc đã no thuốc thì thiếu gì chuyện để nói, toàn là những chuyện đã được chất lọc, được ép nén thành biểu tượng, những điển hình cùng với những câu nói của miệng trong dân gian thời ấy, Xuân Tóc Đỏ, bà Phở Đơan, cụ Cố Hồng và cả một lũ lũ người ngợm của một thời nhố nhăng chắc đã lần lượt xuất hiện trong những câu chuyện phiếm quanh những ngọn đèn dầu lạc của dân nghiện cả. Chính là các bạn hút có danh và vô danh đã cung cấp cho Vũ Trọng Phụng những mẫu chuyện quý giá, những điển hình quý giá để ông có thể xây dựng được cuốn tiểu thuyết hoạt kê bất hủ Số Đỏ. Tất nhiên phải có cái thiên tài của Vũ Trọng Phụng nữa. Chính trong những ngày đi lang thang với nhiều đơn vị tham gia chiến dịch, gặp đủ mọi người cần gặp, nghe đủ mọi chuyện, toàn là những chuyện có thể vào thẳng văn chương được cả mà hẳn đã nghĩ rất nhiều đến một tài năng tiểu thuyết rất mạnh mẽ mà hẳn vô cùng ngưỡng mộ: Vũ Trọng Phụng.

Giữa năm 1971, không quân Mỹ lại bắn phá trở lại những tỉnh thuộc khu 4, thừa thớt hơn nhưng cuộc sống trong đó lập tức trở lại thời chiến như những năm 1965 đến 1968. Trong đợt bắn phá này, bên báo bạn mất hai người: anh Tô Ân và Tuấn. Hẳn không thể nào quên được cái cảnh tượng đau đớn của gia đình Tuấn buổi chiều làm lễ truy điệu anh tại trụ sở báo Quân đội Nhân dân. Anh là con trai duy nhất của một dòng họ rất hiếm con trai. Bố mẹ sinh anh khi họ đã lớn tuổi, anh đã có vợ con nhưng đứa con đầu lại là con gái, nghe nói vợ anh đã mang thai, hy vọng đứa con sau là con trai thì cái mất của hôm nay chưa phải đã mất hoàn toàn. Cả hai cụ đều đã gần tám chục tuổi, tóc bạc phơ, bà dựa vào ông cứ run bần bật, ông cũng run, cả hai dúm xương da cứ dính vào nhau, đến một giọt nước mắt khóc con cũng không thể có, chỉ thấy hai tròng con mắt ngầu đỏ như đã bị đốt cháy. Hẳn cùng bạn bè đến trước mặt hai cụ, đầu cúi xuống như kẻ có tội, là cái tội hẳn đã có hai con trai nối dõi mà hẳn vẫn còn sống, còn bạn hẳn đến một giọt máu lưu lại cho bố mẹ dựa vào đó mà sống tiếp cũng không có. Ông trời cũng bất công, có gia đình ở Hà Nội, hẳn đi lại từ năm còn học tiểu học, có năm con trai vừa là đàn anh của hẳn vừa là bạn hẳn đi đánh Pháp suốt tám năm, đến ngày hoà bình lần lượt trở về đủ năm người, không phải năm mà là tám người vì có thêm ba cô con dâu nữa, thêm hai đứa cháu nội là mười người, đi năm về mười là chuyện có thật. Còn một chuyện thương tâm nữa, là cái hồi sau của buổi lễ truy điệu, cũng là nghe nói chứ chưa hẳn đã là chuyện thật, cũng mong thế. Ấy là người vợ của Tuấn, y tá một bệnh viện, đã ngấm phá cái thai đã ba tháng. Vì chồng chết thì ai nuôi các con của cô, nuôi một đứa thì được chứ nuôi hai đứa chịu sao thấu. Bố mẹ chồng thì quá già, các bà chị chồng đều nghèo, xưa nay em trai vẫn giúp các chị chứ các chị giúp thế nào được em dâu. Cô ấy lại còn trẻ, mới ba mươi tuổi, gái goá hai con thằng đàn ông nào dám rước. Thương chồng và bố mẹ chồng thì vẫn thương, nhưng vì nhà chồng mà phải sống khốn khổ nhiều năm tháng còn lại thì không nên mà cũng không thể. Cái việc phá thai bảo là tàn nhẫn cũng được, mà bảo là nhân đạo cũng được, vì một người đã chết mà hành hạ những ba người còn sống, theo hẳn mới thật là tàn nhẫn. Trong thâm tâm hẳn ủng hộ việc làm của vợ bạn, hãy cứu lấy những người còn sống là việc quan trọng nhất, nên làm nhất. Hẳn là

nhà văn có tư tưởng tự do và cấp tiến mà lại. Nhưng vợ hần về già lại nói với hần trong nước mắt: "Anh đi rồi anh viết, hết cuốn này đến cuốn khác, người đưa kẻ đón, chả có lúc nào anh phải buồn cả, nhưng vợ anh một đời hầu hạ bố con anh mà không được một lời động viên, một câu nói âu yếm, chỉ có cau có với gắt gỏng thôi, sống như thế là khổ lắm nhưng tôi còn biết đi đâu bây giờ, ở với ai bây giờ. Chả lẽ lại về quê sống một mình chờ chết!" Lời nói ấy là lời nói từ đáy sâu địa ngục vọng lên, và cái người đã tạo ra cảnh địa ngục trần gian cho vợ mình lại chính là nhà văn tự do có tư tưởng cấp tiến. Trong một con người chả lẽ lại cùng tồn tại hai cách nghĩ hai cách sống trái ngược nhau đến thế sao!

Năm 1972 Mỹ ném bom trở lại thành phố Hải Phòng và rải mìn ở cảng, dữ dội hơn những năm trước. Các cơ quan của quân đội và dân sự lại rục rịch sơ tán lần thứ hai. Lần này mẹ hần đi sơ tán với em trai hần vì đã yếu nhiều. Còn hần cho thằng lớn đi cùng với cơ quan của hần vì nó đã lớn. Thằng bé mới 15 tuổi nhưng lực lưỡng, tháo vát như trai 18. Nó tự nguyện nhận làm những việc nặng phụ giúp chị nấu cơm người địa phương được cơ quan thuê đến nấu cơm cho bộ phận sơ tán. Lại nhận giúp các bạn đào hầm tại các gia đình đến trọ, tổ chức sinh hoạt văn nghệ mỗi tối để các bạn khỏi buồn, rồi viết cả đơn xin được tòng quân đánh Mỹ dầu chưa đến tuổi. Những ngày nghỉ nó không đi chơi đâu cả, gánh phân ra ruộng giúp gia đình bố con hần ở nhờ, giúp chị chủ nhà nấu cơm mỗi sáng sớm để chị có thì giờ chăm lo cho mấy đứa nhỏ trước khi đi làm. Và rất say mê nghe chuyện chiến trường của chú Ngô Thảo, vì chú là người của chiến trường mới được điều về tạp chí phụ trách phần phê bình, lý luận. Nó là đứa con có đầy đủ phẩm chất một công dân xã hội chủ nghĩa, là nhân vật tích cực trong các sáng tác văn học của bố nó. Nhưng thằng em nó, một đứa làm nghề kinh doanh gặp may mắn mấy năm gần đây đã bình luận về người anh cả nhân ngày giỗ của anh với bố: "Nếu ông H. còn sống thì cũng chỉ làm được một anh viên chức gương mẫu nhưng nghèo kiết là cùng, người tốt thế thì còn làm gì hơn được. Không chừng con lại phải cấp lương tháng như với ông K." Bố nó bảo: "Nếu còn anh H. thì làm gì có may, tao đã có hai thằng con trai là quá đủ đâu cần đến một thằng thứ ba". Thằng con út cười toe toét: "Thế là số bố may mắn đấy, bố luôn luôn gặp may mà, thời này mà bố mẹ có trong nhà những hai thằng viên chức ăn lương tháng thì có muốn ăn bát phở mỗi sáng cũng phải tính toán". Nó nói một cách trắng trợn, một cách đáng ghét nhưng chả lẽ lại bảo không đúng? Trong thời gian phải rời Hà Nội đi đến những nơi sơ tán, mỗi gia đình phải làm thêm bao nhiêu việc mà chỉ có hai vợ chồng, các con đều còn nhỏ cả. Trong khu tập thể tai hoạ đã giáng xuống hai nhà trong những ngày này, một bà bị bom trên cầu phao sông Hồng trên đường đi thăm con, một bà bị xe quân sự cán chết ở Phùng trên đường về Hà Nội. Hai người đàn ông với một lũ con dại, với một đồng công việc, không có người chia sẻ, mất trộm sâu, môi nhợt trắng, mặt mũi lem nhem những râu ria không kịp cạo, nhìn vào mặt bạn hần muốn ứa nước mắt. Còn hần, hần vẫn là người sung sướng. Lúc con còn nhỏ thì mẹ chồng chia sẻ mọi khó nhọc với con dâu để hần yên tâm đi viết. Lúc con đã lớn thì con thay mẹ hầu bố để bố ngồi viết. Ngồi viết mà được con hầu cơm, hầu đào hầm nơi ở, hầu đun nước nóng để bố tắm một tuần hai lần khi trời vào rét và cũng một tuần hai lần giặt quần áo cho bố. Đợt sơ tán thứ nhất hần còn phải đạp xe đến cơ quan của vợ đưa tiền hàng tháng và nhiều thứ lặt vặt, đợt sơ tán thứ hai mọi sự đi lại hần đều nhờ con cả. Hần chỉ có một việc ban ngày ngồi viết, tối đến thì ngồi tán chuyện nhân tình thế thái với ông giáo chủ nhà, nguyên chủ tịch xã những năm đánh Pháp, mới trở lại nghề gõ đầu trẻ khoảng mười năm nay. Cả hai ông bà đều ăn nói nhỏ nhẹ, cử chỉ khoan thai, đều thưa dạ với nhau, kính nhau như khách, thoát nhìn hần cũng ngượng, hơi khó chịu, với những người ruột thịt mà còn gò bó thế thì cái phần tự do của mình được dùng vào lúc nào. Nhưng ở lâu lại thấy chỉ có sự kính trọng lẫn nhau mới tạo được sự gắn bó và ý thức trách nhiệm của mỗi thành viên với truyền thống của gia đình, bất chấp mọi thay đổi của thời cuộc. Người ở nông thôn mà xem ra cách sống lại văn minh hơn nhiều gia đình ở Hà Nội. Như gia đình của hần chẳng hạn, gia đình trí thức mà sống buông tuồng, tùy tiện, bắt đầu từ chính người chủ gia

đình, rồi đến vợ con cũng quen theo cách sống đó, cười nói rất to, gắp gồng nhau cũng rất to, ăn cơm trải chiếu dưới đất, nồi nhỏ đặt giữa, nồi lớn đặt cạnh mâm, vừa ăn vừa dặn bảo công việc, nhòm nhোam, hể hả, mồ hôi chảy nhễ nhại trên mặt bố mặt con như gia đình của mọi người lao động. Hẳn thích thế, hẳn tự hào được sống như thế vì hẳn là nhà văn của giai cấp vô sản, thù ghét mọi biểu hiện của tầng lớp quý tộc và tư sản. Về già hẳn mới biết, ở các xã hội trước, giai cấp vô sản là tầng lớp nghèo khổ nhất nên không làm chủ được vận mệnh của mình, tất cả đều tùy thuộc vào sự may rủi. Công ăn việc làm, dựng vợ gả chồng, sinh con đẻ cái, nuôi dạy con cái ăn học gặp cơ may thì mọi sự trót lọt, không gặp may thì gia đình chia ly, con cái mỗi đứa đi một phương kiếm sống hoặc phải đi ăn đi ở cho những người giàu có trong họ, có chí và có điều kiện theo học thì học cũng giỏi, nhiều người rất giỏi, còn tự buông thả thì suốt đời vô học. Do nghèo đói nên gia đình thiếu kỷ cương, gắp đầu hay đó vì không thể tính trước, không có điều kiện để tính trước bất cứ việc gì sinh ra thói quen tùy tiện, rồi do quá túng thiếu, do buồn chán không tìm được lối thoát lại sinh ra cờ bạc, nghiện hút. Một gia đình như thế rất hiếm hoi sinh được nhân tài, vì nhân tài cũng như thiên tài đều phải được nuôi dưỡng, được chăm bón trong những môi trường thuận lợi. Chả nói đâu xa cứ lấy ngay chính hẳn làm một ví dụ, người như hẳn nếu không gặp được thời thế đổi thay thì suốt đời chỉ là anh làm công, lại nhút nhát, lại kém tháo vát thì chỉ làm thằng gác đêm tại các biệt thự hay các công sở ở Hà Nội. Cách mạng đã đưa hẳn lên thành một người có danh vọng, nhưng cách mạng không thể thay đổi được nếp sống buông tuồng, tùy tiện từ nhỏ của một gia đình không có người đàn ông làm chủ, không có nguồn thu lợi nào bền vững đủ để tính toán được những việc của tương lai, cũng không có truyền thống học hành, giao tiếp và một nếp sống căn cơ như những gia đình đã nhiều đời ở Hà Nội. Hẳn là người gặp thời mà nên. Thời thế có thể thay đổi vị trí xã hội của hẳn nhưng không thể thay đổi được nếp nhà của hẳn. Bây giờ hẳn đã là người có danh, ngấp nghé tầng lớp thượng lưu của xã hội nhưng nhìn vào những ngày giỗ tết của nhà hẳn thì vẫn là một gia đình bình dân thuộc tầng lớp nghèo của xã hội, cỗ bàn bát nháo, cúng kiếng bát nháo, cha con vợ chồng trò chuyện với nhau cũng bát nháo. Muốn thành một gia đình có nền nếp kỷ cương thì phải bắt đầu từ đời hẳn ngay từ những năm hẳn mới lập gia đình. Cũng vẫn còn chưa quen, hẳn chưa quen, vợ hẳn càng không quen nên phải có ý thức nhắc nhau cho trở thành thói quen. Sang đời con hẳn may ra mới bắt đầu thuần thực, đến đời các cháu hẳn mới trở thành thói quen, sống khác đi, xử sự khác đi là không thể làm được, không thể chịu nổi. Hẳn có một người bạn lớn tuổi, biết nhau từ thời đầu chống Pháp, là đồng hương, đồng đội, về sau còn là người cùng một cơ quan, đó là nhà thơ Xuân Thiêm. Chồng là con ông ấm, vợ là con ông tuần, một đời khổ sở vì cái lý lịch quan lại nên cả vợ lẫn chồng đều cố gắng tự cải tạo thành người bình dân để khỏi bị chú ý. Nhưng tới ở đâu đâu chỉ là một căn phòng rất chật hẹp bà vợ vẫn phải mua mấy thước vải xô may rèm che các cửa sổ. Dầu đã là người của giới lao động họ vẫn không thể quen sống trống trải, sống toang hoác không có một tí gì riêng tư để giữ kín. Con cái những gia đình sống không có kỷ cương chúng chỉ sợ có pháp luật, nếu lừa được pháp luật, hối lộ được pháp luật thì mọi cái đều có thể đổi với chúng, kể cả hiếp người, giết người. Lại trở lại gia đình ông giáo. Lần sơ tán thứ nhất thì người con trai thứ hai của ông (con bà cả đã mất) vừa lên đường đi bộ đội, ở một đơn vị cao xạ đóng tận mãi Quảng Bình. Lần sơ tán thứ hai hẳn vẫn ở nhà ông nhưng ông già đi, buồn hơn vì đứa con ở pháo cao xạ đã hy sinh vào giữa năm 1968 ở Ninh Bình. Anh trai nó cũng chuẩn bị lên đường theo đoàn cán bộ giáo dục của tỉnh vào miền đông Nam Bộ. Bữa cơm chia tay bố con, hẳn cũng được mời tham dự. Anh con trai lớn của ông giáo kém hẳn mười tuổi, đã có vợ và hai con nhưng đều là con gái cả. Anh vừa ăn vừa nói chuyện với bố mẹ và mẹ kế, toàn những chuyện đầu đầu không đả động gì tới chuyện đi ở. Người vợ chỉ ngồi xới cơm cho chồng, gắp thức ăn cho bố và hai con, mắt toàn nhìn xuống. Bà mẹ kế cười nói gượng gạo, có lúc bà chống dũa nhìn chằm chằm cô con dâu, về mắt của bà cứ đỏ dần lên. Lúc tiễn nhau, hẳn đứng trong hè nhìn theo hai bố con ông giáo cùng đi ra cổng rồi bất chợt người con trai quay lại ôm chầm

lấy bố, dúi đầu vào vai bố và cứ đứng nguyên như thế rất lâu. Người con dâu đi theo cũng quàng tay ôm lấy lưng bố chồng, hai đứa con gái, một đứa ôm chân bố, một đứa ôm chân ông nội. Một gia đình cần răng chịu đựng mọi đau đớn để những đứa con được làm tròn nghĩa vụ với tổ quốc trong thời chiến.

Từ tháng 3 đến đầu tháng 8, hấn không đi đâu cả, miệt mài ngồi viết cuốn tiểu thuyết Chiến sĩ tại nhà ông giáo. Tháng 9 hấn ôm một cặp bản thảo về Hà Nội đưa cho nhà xuất bản Quân đội Nhân dân. Hai tháng sau nhà xuất bản trả lời nhận in, sẽ đưa vào kế hoạch in quý I năm 1973, khoảng tháng 5 sách sẽ được phát hành. Tết năm Quý Sửu là một cái Tết rất vui, tiền tiêu không thiếu vì hấn đã nhận của nhà xuất bản một khoản tiền ứng trước, đất nước hoà bình, lần này chắc là lâu dài, con cái đã lớn, trước mắt sẽ là những năm an nhàn hơn, hấn sẽ trượt dần vào tuổi 50 một cách êm ái, mãn nguyện vì hấn vốn cũng chả có ước mơ gì quá cao xa ngoài tầm tay với. Nhưng tới giữa tháng 5 thì thằng con khoẻ mạnh nhất, tháo vát nhất và rất yêu bố bị chết đuối ở sông Hồng. Chỉ trong vòng có một tiếng vắng mặt nó mà hoá ra mất nó mãi mãi. Hấn không tin được, không có cách gì khiến hấn tin được hấn đã mất một đứa con, lại là đứa trẻ hấn gửi gắm mọi hy vọng, mọi niềm vui của một đời người. Bỗng chốc mất trắng cả, tất cả trong một sớm một chiều hoá ra vô nghĩa. Hấn vật vã khóc than như đàn bà, ruột quặn đau, cái đau có thật, cái đau sinh lý, dẫn đến nghẹt thở. Mất con đau đớn đến thế ư? Vợ hấn đau đớn đến bật ra sữa non, máu tươi, nằm lăn lộn ở một góc đường để chờ con từ bờ sông trở về như mọi chiều nó vẫn đi bơi và trở về theo lối ấy. Những lúc tỉnh táo hấn lại chợt nghĩ đến gia đình ông giáo. Ông cũng đã mất một đứa con trai khi nó ở tuổi hăm hai, là lao động nông nghiệp chính của gia đình khi bố mẹ đã già. Nhiều năm sau hấn còn biết người con vào Nam dạy học đã trở về nhà sau ngày đất nước thống nhất, sống với bố mẹ, vợ con được một năm thì bị cảm đột ngột và mất trên đường cáng đến bệnh viện. Chết đột ngột trong dân nay nói là bị cảm mạo phong hàn mà chết, chứ cái chết ấy cũng là bệnh của chiến trường. Một người chết chưa vợ con gì, một người chết mới có hai đứa con gái, ông giáo sẽ không bao giờ có cháu đích tôn nối dõi, một dòng họ bị mất hương khói từ đây. Nghe nói ông gắng gượng sống thêm được vài năm rồi bị liệt, nằm thêm mấy năm nữa mới mất. Một người già hầu một người già nằm bất động trong năm gian nhà vắng lặng, lạnh lẽo, cái buồn ấy là cái buồn thiên cổ, cái buồn của thân phận làm người.

Chương 27

Năm 1974, hấn trở lại cái nghề làm báo, viết một lúc cho mấy tờ báo: Nhân dân - Văn nghệ - Tạp chí Tác phẩm mới. Vẫn là làm báo nhưng văn chương dồn nén hơn, câu chữ lợi hại hơn, được bạn đọc bình luận sôi nổi, cả khen và chê, nhất là các bài báo nối tiếp nhau mỗi sáng chủ nhật trên báo Nhân Dân. Rồi vở kịch ngắn để đọc Đối mặt, bài báo Chúng tôi chăm sóc tài năng trẻ, truyện ngắn Người mơ mộng, tạp văn Nghĩ về anh L.M ít nhiều đều có tiếng vang trong giới yêu văn chương của thủ đô. Thoạt đầu thì vui vẻ sau hoá ra không vui và hấn không viết nữa, nói cho đúng là không viết được nữa, ý tưởng, câu chữ đã mất tự do, mất tự tin thì làm sao quynh rữ được bạn đọc. Và đã có ý kiến của lãnh đạo: "Nó viết lách linh tinh chẳng qua là cứ quần quanh ở Hà Nội nghe chuyện hay có ít, chuyện dở thì nhiều, cho nó vào chiến trường một thời gian để rèn luyện là tốt đấy". Thế là hấn chuẩn bị vào miền Nam đang ở trong tình thế nửa hoà bình nửa chiến tranh và quân ta cũng đang chuẩn bị một chuyện gì đó rất lớn và từ rất lâu rồi, phải ít ngày sau hấn mới được biết đầy đủ. Người cùng đi với hấn một chuyến đi nghĩ là thường như mọi chuyến đi mà hoá ra một chuyến đi lịch sử, một đời chỉ được một lần là đủ mãn nguyện. Người đó là Lê Lựu, bạn thân thiết của hấn từ đầu những năm 60. Năm đó Lê Lựu rủ hấn về quê anh ở Khoái Châu, hấn đã ở lại nhiều ngày, rồi đi đi về về trong khoảng nửa năm, trở thành người trong gia đình của Lựu. Chú ruột của Lựu là chủ tịch huyện Khoái Châu, anh ruột của Lựu là chánh văn phòng Ủy ban huyện và một dây những anh em con cháu vừa ở làng, vừa ở huyện ở tỉnh, là một kho tư liệu về người về việc của một dải đất bãi ven sông Hồng trong vòng nửa thế kỷ. Cũng như hấn đã về viết ở Phú Thọ theo lời rủ rê của anh Tuế, nguyên trưởng ban hành chính của Tạp chí Văn nghệ Quân đội. Có bạn bè ở những nơi mình sẽ ở lại và sẽ viết là hết sức thuận lợi. Người của địa phương dễ thân dễ tin cậy một người viết báo là bạn bè của người nhà mình, còn hấn cũng cảm thấy thân thuộc ngay cả cảnh cả người cái nơi vừa đặt chân đến. Chuyến về Phú Thọ hấn viết được Tầm nhìn xa, chuyến về Khoái Châu hấn viết được tiểu thuyết Chủ tịch huyện, là những sáng tác về cuộc sống nông thôn những năm hợp tác hoá nông nghiệp thành công nhất của hấn, có nhiều bạn đọc nhất.

Chiếc xe con quân sự đi vào chiến trường tới quãng trên Thường Tín thì dừng lại, bà cụ sinh ra Lựu cùng ông anh ruột của Lựu từ vùng đất bãi của Khoái Châu đi dò qua sông Hồng từ sáng sớm đã đón đợi sẵn, mang theo rất nhiều thức ăn để anh em ăn dọc đường. Ai ngờ buổi sáng lên đường bữa ấy cũng là ngày bắt đầu của một loạt những ngày tháng rất vui, vui đến nghẹt thở. Với hấn chuyện nước đã vui mà chuyện nhà cũng vui, như người được cởi trói và được đẩy ra khỏi cái ngục tù u ám những chuyện buồn. Ấy là vợ hấn vừa sinh đứa con trai út thay thế cho đứa đã mất. Chuyện như một ao ước hão huyền mà lại là thật. Ngay từ tháng vợ mang thai hấn đã lo. Vợ hấn lại cả quyết sẽ sinh con trai hấn lại càng lo. Vợ có mang được hai tháng đi thử nước tiểu, khoa phụ sản của bệnh viện 108 căn cứ trên xét nghiệm bảo là chưa ngoài dạ con. Hấn bảo phải huỷ thai nhưng vợ hấn kiên quyết giữ vì đã nằm mơ thấy một thằng bé rất bụ bẫm nín chặt lấy chân mình. Tức là đầu óc vợ hấn đã không bình thường rồi, đau đớn quá buồn bã quá rồi lại đòi có mang, rồi lại nói một cách chắc chắn sẽ là con trai, không là diên còn là gì! Vợ chồng tranh cãi âm ỉ suốt cả tuần, người bảo bỏ, người nói giữ, nếu không cho giữ thì cả hai mẹ con sẽ đâm đầu xuống sông Hồng, ai mà giữ nổi người muốn được chết, đòi được chết. Hấn sợ quá, tin chắc những ngày tới sẽ là những ngày rất u ám đối với gia đình hấn. Cái thai lớn một cách bình thường, rồi nó đập đau nhói, đập loạn lên như nó đang đá bóng trong bụng mẹ nó, đập mạnh thế, nghịch ngợm thế hấn là thằng cu rồi. Vợ hấn nói một cách chắc chắn, một cách tin

tướng nhưng hần vẫn chưa thể tin. Vì hần đã được nhiều nay trời bắt đi một đứa con hần thương yêu nhất cũng là lẽ công bằng, có được có mất, được lúc trẻ mất lúc già hoặc ngược lại, không một ai ở đời này lại được hết. Được hết là sẽ có lúc mất ráo. Có hai gia đình được trời cho một lúc được hết, rồi lại lấy đi sạch sẽ cũng trong một lúc, ở Mỹ là gia đình John Kennedy, ở Việt Nam là gia đình Ngô Đình Diệm. Mẹ hần cũng phải nói: "Vợ anh dạo này tính nết thế nào ấy, ai hỏi cũng nói nhất định sinh con trai, lỡ sinh con gái thì nó vứt con đi à?" Một tối ăn cơm xong vợ kêu ngâm ngẫm đau bụng, hần đưa vợ vào cơ quan ngủ nhờ rồi lại nhờ anh lái xe của cơ quan giúp đỡ nếu trong đêm vợ chuyển dạ đẻ. Dặn dò xong hần về nhà đọc sách, rồi cho các con đi ngủ, hần cũng ngủ rất say, chỉ cầu trời cho mẹ tròn con vuông, còn trai hay gái hần đều thương hết. Sáng hôm sau, hần cho các con ăn sáng, đưa con nhỏ ra nhà trẻ rồi mới thủng thẳng đạp xe vào bệnh viện. Người trực khoa sản nghe tên vợ hần nói ngay: "Chị ấy sinh rồi, con trai, nặng 3 ký 8, sức khỏe của hai mẹ con đều tốt". Hần ngây người vì quá mừng, lại hỏi lần nữa: "Nhà tôi sinh con gái hay con trai?" Chị kia cười: "Anh mong con trai lắm hả, cả ba ca đẻ trong đêm đều sinh con trai hết, con anh nặng nhất, gần bốn ký". Hần hỏi hả đạp xe về nhà mẹ, bà cụ hỏi: "Nó sinh rồi hả? Con gái phải không?" Hần làm ra vẻ thất vọng: "Vâng, con gái". Mẹ hần an ủi: "Con nào cũng là con, con gái hiếu thuận còn bằng mấy con trai ấy chứ". Hần nhìn mẹ rồi cười hết cỡ: "Sinh con trai, mẹ ạ, thế mới tài, cầu sao được vậy nhá!" Bà mẹ cũng cười nhưng còn ngờ: "Nó bảo nhất định sẽ sinh con trai, mà là con trai thật à?" Về nhà hần vẫn chưa hết bàng hoàng, ông trời đã tha hần thật ư? Ông lại rộng lượng với hần đến thế sao? Vừa lấy đi thấy hần buồn quá lại lập tức cho lại! Hần sẽ đặt tên đứa con mới sinh là Hoàn, có nghĩa là trả lại. Nguyễn Thế Hoàn. Thăng anh vừa mất là Nguyễn Thế Huỳnh. Mấy đứa trẻ con nhà hàng xóm đứng thập thò ngoài cửa nhìn vào, một đứa hỏi: "Cô sinh rồi hả chú?" - "Sinh rồi" Lại hỏi: "Là trai hay gái?" - "Trai!" - "Chú đặt tên em là gì?" - "Hoàn, Nguyễn Thế Hoàn". Một đứa nói: "Nguyễn Thế Hoàn, không hay, sao chú không đặt Nguyễn Khải Hoàn, nghe hay hơn?" Hần ngồi sững, hỏi lại: "Cháu nói cái gì?". "Khải Hoàn, Nguyễn Khải Hoàn!" Hần nói ngay: "Ừ, Khải Hoàn, Nguyễn Khải Hoàn, có lý đấy. Cảm ơn cháu". Nhân bảo như thần bảo, con hần sinh ngày 3 tháng 1 năm 1975. Năm 1975 là năm đại khai hoàn của Việt Nam, cả dân tộc khai hoàn sau ba chục năm chinh chiến. Nhưng lúc này hần chưa thể biết những gì hần được chứng kiến sau hai tháng nữa. Theo chương trình ở nhà, hần với Lê Lựu sẽ vào Tây Nguyên nhưng mới vào đường Trường Sơn lại nhận được lệnh trở lại đi theo hướng chủ yếu, đường 1, ở bộ phận của trung tướng Lê Quang Hoà, phó chủ nhiệm Tổng cục chính trị. Ngày 26 tháng 3 bọn hần vượt qua sông Thạch Hãn thì quân ta đã giải phóng Huế. Thế là quân tướng vào thẳng Huế vào một buổi chiều. Ngồi trên xe nhìn qua lớp rào hai bên đường thuộc ngoại vi thành phố thấy các cô gái Huế mặc bộ đồ trong nhà nhiều màu và in rất nhiều hoa hoặc các đường kẻ sắc sỡ nom rất vui mắt, hần đã lạ lẫm. Các đường phố rất vắng, nhiều nhà cửa sắt mở toang nhưng không có người, giày dép, quần áo, túi xách, hòm làn vứt ngổn ngang dọc đường như vừa qua một cơn hoảng loạn, chắc đã có nhiều người rời nhà chạy ra đường nghe ngóng rồi nhập theo dòng người đi luôn. Không có đánh nhau trên đường phố mà lại có nhiều lỗ đạn trên tường và trên nhiều cánh cửa sắt, bắn lẫn nhau sao? Những người Huế còn ở lại nhìn xe bọn hần chạy qua vẻ mặt bình thản, có nhiều người giơ tay vẫy. Mấy ngày sau hần và Lê Lựu, Xuân Sách cùng với Hữu Mai, Hồ Phương vừa mới tới Huế đến thăm nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Suốt mấy ngày ở Huế hần chỉ nghe có một dòng nhạc của Trịnh Công Sơn ở mọi nhà, mọi nơi, một âm điệu buồn buồn, không thay đổi, như lời tâm sự, như lời cầu nguyện của cả một thế hệ trẻ ở các đô thị miền Nam. Hần sẽ không thể quên một tối ở uỷ ban quân quản, những người Huế mới ở rừng xuống ngồi quây tròn nghe một người Huế nổi tiếng là Trịnh Công Sơn ôm đàn hát. Lời ca của Sơn đẹp và mệnh mông như thơ, là những bài thơ rất đẹp và cũng rất lạ nhưng tác giả lại không thuộc hoàn toàn và những người ở rừng về lại nhắc lời cho người đang hát từng đoạn, rồi họ cùng hát theo vang vọng cả gian phòng lớn. Lê Lựu, Xuân Sách, nhạc sĩ Huy Du và hần còn được làm quen với một nhà tư sản

thương nghiệp tên là Kim ở đường Phan Bội Châu, gần như tôi nào bọn hấn cũng có mặt ở nhà ông ta để nghe nhạc qua dàn máy Akai và nghe mọi chuyện về Huế dưới các chính quyền cũ. Mùa xuân năm 1968 ông Kim cũng ở lại Huế một mình để đón quân giải phóng; lần này ông cũng ở lại Huế cùng với người con trai lớn để đón những người kháng chiến trở về, lần này chắc là các anh sẽ ở lại đây mãi mãi, Mỹ đã bỏ thì miền Nam phải thuộc về cách mạng rồi, ông ta nói chắc chắn thế. Rồi bọn hấn cũng gặp các nhà sư ở Huế, là các nhân vật nổi tiếng một thời, góp phần làm sụp đổ chính quyền Ngô Đình Diệm trong vụ án Phật giáo cuối năm 1963. Những ông sư trí thức rất ham làm chính trị, rất muốn có phần quyền lực của nhà chùa trong chính quyền mới. Và các em sinh viên của nhiều trường đại học, rất trẻ trung, rất nồng nhiệt tham gia các công việc xã hội trong những ngày đầu của một thành phố vừa được giải phóng. Họ ăn mặc đẹp, gương mặt cũng đẹp, cử chỉ thanh lịch, cười nói thơ ngây như một biểu tượng của hy vọng về một nước Việt Nam thống nhất trong vận hội mới. Ngắm nhìn họ trong mấy ngày cùng lao động để làm sạch đẹp thành phố và cùng gìn giữ trật tự với lực lượng cảnh vệ của quân đội, hấn đã thoáng linh cảm hình như thế hệ của bọn hấn đã hoàn thành tốt đẹp sứ mạng của mình, từ nay về sau sẽ là công việc của một lớp người khác, có cách sống và cách nghĩ khác, vẫn tiếp nối những tinh hoa của cha anh nhưng họ sẽ khẳng định mình bằng những tiêu chuẩn giá trị không hoàn toàn giống với bây giờ. Rồi hấn lại nghĩ tiếp, vậy sắp tới hấn sẽ phải viết như thế nào, bạn đọc chủ yếu của hấn sẽ là những ai, chuyện nông thôn và chuyện bộ đội, các đề tài ruột của hấn sẽ có ý nghĩa gì trong cơ cấu xã hội những chục năm tới. Hấn tự đánh giá hấn chỉ là một tài năng do thời thế tạo nên chứ không phải do trời đất tạo nên, nên không thể tiên đoán những gì chưa xảy đến. Những ý tưởng hay, độc đáo của hấn đều từ những từng trải, những chiêm nghiệm của chính cuộc đời hấn mà có chứ không từ những lời phán truyền huyền bí nào mà có. Vậy thì hãy để sự từng trải mới của hấn sẽ chỉ vẽ cho hấn phải viết cái gì, viết như thế nào để những người trẻ tuổi của hôm nay vẫn là bạn đọc của hấn, vẫn mong chờ hấn, và vẫn tìm được cái họ cần trong những trang văn của hấn. Trước ngày lên đường vào mặt trận Quảng Đà trong cuộc hành quân dài mà mục tiêu cuối cùng là Sài Gòn, bọn hấn đã được một vị trong hoàng tộc nhưng có quan hệ với kháng chiến từ nhiều năm trước tổ chức cho các văn nghệ sĩ trong quân đội được đến chào bà Từ cung. Bọn hấn xin được gặp Ngài buổi sáng, nhưng các buổi sáng là giờ niệm Phật của Ngài, nên bọn họ sẽ được tiếp vào giờ gần trưa. Năm ấy bà Từ cung đã ở khoảng tuổi trong ngoài chín mươi, người thấp nhỏ, tóc búi rất thưa nhưng mới lốm đốm bạc, mặc cái áo dài hàng tơ nhuộm đen như các bà già ở Huế, đi hài, bước đi rất nhẹ như lướt trên nền gạch. Ngài chỉ tay cho bọn hấn ngồi hai hàng ghế dựa, sơn son thếp vàng, còn Ngài ngồi vào ghế giữa cạnh cái bàn nhỏ. Hấn ngồi bên tay trái Ngài, nhìn thành kính một nhân vật đã chứng kiến bao nhiêu biến động của lịch sử trong gần một thế kỷ ở những cơ quan quyền lực cao nhất, mà vẫn còn sống, một người đàn bà quyền uy còn sót lại của vương triều Nguyễn, người đại diện cuối cùng cho một lối sống, cho những quan niệm và vô vàn các mối quan hệ thức tạp của các vương triều phong kiến đã vĩnh viễn thuộc về lịch sử. Hấn nhìn bà lão đầy vẻ ngưỡng mộ, bà lão cũng nhìn lại hấn một lúc lâu, ánh mắt rất trẻ, rất vui, giống hệt cái cảnh bà cháu gặp nhau sau nhiều năm xa cách. Bà cụ nói: Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp rất quý tôi, năm 1945 con tôi ([1]) có được mời ra Hà Nội làm việc với Ông. Ông có gửi thư thăm hỏi tôi và những người trong hoàng tộc". Thoạt nghe một bà cụ gọi lãnh tụ của mình là Hồ Chí Minh, hấn cũng phật ý vì chưa từng nghe ai gọi trống không thế, ngoại trừ các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học. Nhưng đây là các nhân vật lịch sử nói về nhau, họ có cùng một đẳng cấp, lại sinh cùng thời, một người đại diện chính quyền phong kiến đã kết thúc về mặt lịch sử, một người là đại diện cho chính quyền dân chủ vừa mới bắt đầu. Rồi Ngài lại nắm một bàn tay hấn, dẫn hấn tới trước một khung hình mạ vàng, có hình một người đàn bà rất đẹp, mặc triều phục ngồi trên ngai vàng: "Con có biết ai đây không?" Hấn định buột nói: "Nam Phương hoàng hậu!", thì bà cụ đã nói ngay: "Là ta đây, cũng là một người đàn bà, lúc trẻ thì đẹp rứa về già lại xấu rứa!". Ôi, bà ngoại! Chín chục tuổi

đâu mà vẫn biết nói những câu rất hóm của người còn trẻ. Ngài lại nói: "Khi chiến sự lan rộng, Nguyễn Văn Thiệu đã cho máy bay riêng đón tôi về Sài Gòn. Nhưng tôi không đi, tôi là người con dâu cuối cùng của triều Nguyễn, sớm tối phải châu hầu liệt Thánh, còn đi mô!" Rồi Ngài nhìn hấn cười rất hồn nhiên. Những ngày tháng còn lại bà cụ chỉ sống với những người đã chết, một vương triều đã chết. Bà vẫn ngồi trước mặt hấn nhưng chỉ một câu nói bà đã lùi dần khỏi tầm nhìn của hấn, lùi mãi vào cái quá khứ đã xa thăm thẳm.

Chương 28

Sáng ngày 2 tháng 5 năm 1975, hấn và các bạn đồng nghiệp của nhiều cơ quan báo chí của Hà Nội và Đà Nẵng theo đường số 1 vào thẳng thành phố Sài Gòn vừa được giải phóng trưa ngày 30 tháng 4. Trong khoảng hai chục năm hấn đã được bước vào hai thành phố lớn sau ngày được giải phóng. Một lần vào Hà Nội sau chiến thắng Điện Biên Phủ, và lần sau vào Sài Gòn sau chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Ngày vào Hà Nội hấn tìm mẹ và em theo địa chỉ cũ hấn được biết nhưng không gặp, chủ nhà mới dọn đến cũng không biết họ đã đi đâu. Hấn đến thị xã Hà Đông lấy một số tài liệu rồi trở lại quân khu đóng ở thị xã Phú Lý lòng tràn ngập buồn bã, thất vọng. Phải một tháng sau hấn mới nhận được tin chính thức qua người bạn cùng toà báo là họa sĩ Phan Bá Thọ, lúc này đã về Tổng cục Chính trị để chuẩn bị cho cuộc triển lãm lớn nhân ngày thành lập quân đội vào tháng 12 năm 1954. Lần này vào Sài Gòn hấn vẫn chưa biết rõ bố hấn và bà mẹ già còn sống hay đã mất, còn ở Sài Gòn hay đã theo con cháu chạy ra nước ngoài trong những ngày hỗn loạn vào giữa tháng Tư. Nhưng hấn vẫn tìm vì vẫn có một chút hy vọng mơ hồ rằng họ vẫn còn sống, còn ở lại Sài Gòn và bố con hấn sẽ được gặp lại nhau.

Trong một buổi tối gặp gỡ tình cờ giữa mấy anh em viết văn ngoài Hà Nội với mấy anh viết văn của Sài Gòn, theo hấn nhớ có vợ chồng nhà văn Vũ Hạnh, nhà văn Mai Thảo tới tìm gặp nhà thơ Xuân Thiêm, hình như họ có thời cùng học ở trường Đỗ Hữu Vị, nhà văn Lưu Nghi tới tìm gặp nhà văn Nguyễn Văn Bổng... hấn có hỏi dò địa chỉ những người thuộc giới quan lại miền Bắc di tản vào miền Nam cuối năm 1964. Nhà văn thời bây giờ có thể có quan hệ xa gần với những người làm nghề tự do, hoặc giới doanh nhân, giới sĩ quan chứ ít ai biết tới giới quan lại. Các ông quan của chính phủ Nam triều do Pháp bảo hộ đã thuộc về một thời xa xưa lắm rồi. Hấn đã thất vọng, bỗng dưng một hôm nhạc sĩ Huy Du rủ hấn cùng đi thăm một ông bác họ cũng thuộc giới quan lại ngoài Bắc thời trước gọi là cụ phủ Trước. Thế là hấn đi ngay, hấn rất tin là ông cụ Trước có biết bố hấn nhưng lại sợ ông ấy thốt ra: "À, tôi biết, nhưng ông ấy mất rồi, mới mất..." Hấn mong mỏi được gặp lại bố và mẹ già còn khỏe mạnh, còn tỉnh táo chỉ để thỏa mãn một khao khát rất tầm thường, rất xoàng xĩnh là "được mặc áo gấm về làng". Áo mặc cũng chưa phải gấm võ gì, chỉ là áo lính thôi nhưng là người tử tế, có vợ con, có nghề nghiệp đàng hoàng, không đến nỗi mẹ đã là phường "mèo mả gà đồng" (như mẹ già đã mắng thẳng mặt mẹ hấn như thế) thì con cái không là quân lưu manh cũng phường trộm cướp chứ làm sao có số phận khác được! Không ngờ ông cụ Trước vừa nghe hấn nói xong liền cười ngay: "Còn sống, cả hai ông bà đều còn sống, chắc là chưa đi đâu đâu, đã già rồi còn đi đâu nữa. Nhưng tôi không nhớ phổ, cũng không biết số nhà, để xem nào, anh nên đến nhà bà Đại, bà này là cháu gọi ông cụ nhà anh là cậu. Nhà bà này ở..." Hấn ngồi nhờ xe hơi của nhà văn Nguyễn Chí Trung đến ngay nhà cái bà Đại nào đó. Nhưng bà ấy không có nhà, chỉ có một ông chồng đã ngoài bảy chục tuổi với hai cô gái giúp việc, nhìn thấy hai ông lính Việt Cộng sầm sầm bước vào căn hộ thì sợ lắm, sợ đến không nói được. Mãi một lúc sau ông già mới bảo: "Bà nhà tôi không có nhà, có chuyện gì cần xin mời hai ông khoảng gần trưa quay lại". Hấn phải nói ngay hấn là ai, tới nhờ bà nhà giúp việc gì, toàn việc vui cả, việc trong nhà cả, không có gì khiến ông bà phải lo lắng. Nét mặt ông lão như giãn ra, ông đã hơi cười: "Ông cụ bên nhà mấy bữa nay người gầy rộc hấn vì có bao nhiêu tin đồn, nghe hãi lắm. Vậy ông là... sao không nghe ông cụ nói bao giờ...". Rồi ông nói nhà bố hấn chỉ cách chung cư này có một dãy phố, đường Quý Cáp, số nhà xanh căng xanh (55). Xuống các bậc thang của toà nhà chung cư đầu gối hấn như nhũn ra, hấn xúc động thật sự, giận thì vẫn giận nhưng vẫn thương, vẫn là cha con xa cách nhau còn kém một năm là

vừa tròn ba chục năm mới được gặp lại. Lần gặp sau cùng vào tháng 6 năm 1946, ngày ấy mẹ con hắn đang ở nhờ nhà ông chú họ bên bố, trong cái ngõ cụt gọi là ngõ Yên Bái bây giờ, qua dãy tường chắn ngang trước nhà là khu nghĩa địa Tây, nay là khu nhà tập thể Nguyễn Công Trứ. Hắn nằm quay mặt vào tường, đắp cái vỏ chăn mỏng, tiếng người bố thăm thì những gì dài dòng lắm, có vẻ khó nói lắm, còn mẹ hắn không nói gì cả, chỉ khóc thôi, khóc cũng rất nhỏ. Rồi nghe bố hắn nói: "Tôi bây giờ cũng gặp nhiều khó khăn lắm. Chẳng giúp gì được mấy mẹ con đâu. Người ta sống được thì mình cũng sống được". Rồi nghe tiếng giày của ông bước ra cửa, hắn quay người lại còn thoáng nhìn thấy bố đã bước ra đến giữa vuông sân, lưng rất thẳng, tóc rất đen, mảng gáy rất trắng, vẫn là một người đàn ông còn trẻ, mới 46 tuổi chứ mấy. Hắn nhìn mẹ hắn, bà vẫn ngồi lặng lẽ một chỗ, cũng không ngoái đầu nhìn theo người đàn ông đã từng làm bà vui, bà buồn, đã cùng bà chống đỡ những cơn ghen tuông của người vợ cả gần hai chục năm, nay đã biến đổi tâm tính, vứt bỏ ba mẹ con bà một cách lạnh lùng vì thời cuộc đổi thay, từ nay họ sống hay họ chết ông không cần quan tâm tới nữa. Cái gia đình thêm này chỉ là kết quả của những năm tháng đại đột, dư thừa của thời trai trẻ, bỏ đi cũng chẳng có gì phải ân hận, phải hối tiếc. Và bây giờ, sau ba chục năm cách mạng, chiến tranh, đất nước chia đôi, gia đình phân ly nay tiếng súng đã tắt, khói lửa chiến tranh cũng đã tắt, tất cả lại hợp dần lại làm một, Nam Bắc, cha con, anh em, cả vợ chồng nữa, như một chuyện thần tiên, một chuyện trong mơ mộng, một chuyện không thể có thật mà hoá ra lại là thật, thật đến từng ngày, thật ngay lúc này, hắn vẫn còn sống và sắp gặp lại những người đã đuổi hắn đi. Hắn trở lại không phải là một kẻ khổ rách áo ôm dẫn một lũ người rách rưới là vợ con hắn đến gõ cửa một gia đình quyền quý xin tiền, xin ăn, xin ân huệ mà là một nhà báo, một nhà văn của phe cách mạng, phe chiến thắng, của đội quân chiến thắng tới gặp một gia đình hắn đã từng là một thành viên bất đắc dĩ. Nhà của bố hắn là nhà trệt, mặt nhà hẹp, có một vuông sân nhỏ làm vườn, nhà của giới viên chức nhỏ được nhà nước cho thuê, hắn thế. Hắn kéo chuông, cửa nhà trong mở và bà mẹ già của hắn mang kính râm như người đang đau mắt bước ra. Vẫn là gương mặt quen thuộc rất hiền của những người đàn bà xưa, tóc vẫn khắn vẫn đen chỉ hơi lốm đốm bạc phía trước trán, dáng đi chậm chạp, đứng trong cánh cửa phần trên có chân song sắt, hỏi ra: "Ai hỏi gì thế?" Hắn nói nhỏ: "Thưa mẹ con là K. đây!" Bà cụ như sững sờ khoảng vài giây rồi tươi ngay nét mặt: "K. hả? Cả nhà mong con mãi". Thế là bao nhiêu oán thù ti tiện của kẻ mới làm nên với bố mình, với mẹ già mình trong phút chốc mất sạch, chỉ còn thương thôi, còn mừng thôi, mừng bố mẹ vẫn còn sống, mình vẫn còn sống để có ngày được gặp lại nhau. Nhưng ông cụ đi vắng, bà cụ nói: "Cậu đi cắt tóc, tự đừng ông lão chống gậy bảo đi cắt tóc, đầu ngứa quá". Hàm răng đen của bà vẫn đều, chưa rụng cái nào, năm nay bà vừa tròn bảy mươi, mẹ hắn bảy mươi một, bà thứ nhất hơn bà chính thất một tuổi, lại xấu hơn, lại đã có một đời chồng mà sao ông già lại mê được nhỉ? Cũng là duyên số thế nào! Hắn ngồi chờ một lúc thấy mặt bà cụ tuy tươi tuy mừng nhưng vẫn thoáng có cái ngượng, cái lo, nó tuy là con cái trong nhà nhưng lại là một thằng Việt Cộng, tức là một thằng cộng sản, là cái quân thâm hiểm, đã nghĩ không bao giờ phải gặp lại mặt nó như âm dương đôi ngả, bỗng chốc nó lại lù lù hiện ra ngay ở cổng nhà! Hai mẹ con ngồi đối mặt nhau nhưng không phải là mẹ ruột với con ruột, ngoài vài lời thăm hỏi cũng chẳng biết nên nói với nhau những gì thêm nữa, vì một người muốn giấu và một người cũng chưa dám nói. Ví như phải hỏi các anh chị hiện giờ ở đâu, đã có gia đình riêng chưa, họ làm những nghề gì, còn ở Sài Gòn hay đã đi di tản. Cũng còn phải hỏi hiện nay bố mẹ ở với ai, các cụ sống bằng nguồn tiền nào. Thời thế thay đổi thì sẽ sống ra sao. Mẹ con không nói những chuyện cần nói ấy thì còn biết nói gì. Cái năm hắn về Hà Nội để tìm mẹ và em sau ngày giải phóng thủ đô, phải tìm đến lần thứ hai hắn mới biết mẹ đang sống với gia đình người cháu gọi bà là cô ruột. Anh ấy là y sĩ của chế độ cũ. Bà cũng không có nhà, cũng phải ngồi chờ vì bà hàng ngày phải đi bán trâu vỏ ở cùng một dãy phố. Đã cho người đi gọi bà về nhưng hắn sốt ruột quá lại chạy ra ngoài ngóng, cũng lo lắng, hồi hộp không biết sau năm năm xa cách mẹ hắn có thay đổi gì nhiều không. Một lát sau hắn nhìn thấy bà cụ gánh đôi xảo từ xa đi lại, nhìn dáng

người bước lều đều hần nhận ngay ra mẹ, liền chạy ào lại, kêu to: "Mợ!" Bà cụ đứng sững lại, hắt nón nhìn người gọi, nhận ra con, thê là nước mắt tràn ra chan chứa. Chả nói được câu nào cả. Hần bước đi bên cạnh mẹ cũng chỉ hỏi được một câu: "Mợ vẫn khoẻ chứ? " - "Vẫn khoẻ, năm ngoái bị bệnh thương hàn đã tưởng chết". Mẹ con chỉ nói với nhau được có thế nhưng vẫn là nói rất nhiều bằng cái im lặng và những bước đi im lặng bên nhau. Về đến nhà mẹ hần lại một câu thứ hai: "Thằng Toàn năm nay 19 rồi, nó cao cũng gần bằng anh mà gày lăm. làm sư bác ở chùa Hoè Nai". Hần nói: "Bán hàng thế này có đủ ăn không?" - "Ăn thì đủ nhưng lúc ốm đau thì lo lăm, cháu chứ có phải con đâu mà nhờ vả mãi được". Chả có câu nào mẹ nhớ con, mẹ mong đợi con, con về mẹ mừng lăm. Hần cũng thế, chả nói được câu nào tình cảm như hần vẫn nghĩ về mẹ trong năm năm xa mẹ.

Hần ngồi chờ bố nghĩ ngợi mung lung một lúc lâu rồi xin phép về hên chiều sẽ quay lại. Bà mẹ già đứng lên tiễn, cũng không bảo ở lại ăn bữa cơm trưa đoàn tụ, không nói gì cả cứ như người cùng ở một thành phố lâu lâu lại thăm nhau để biết tin tức. Cũng có nhiều chuyện để nói nhưng không thể nói, đã biết hần là người thế nào mà nói. Khoảng ba giờ chiều hần quay lại, người ra mở cửa chính là bố hần, vẫn nhận ra ngay nhưng đã lạ lăm, người gày tốp, tóc bạc trắng, bước đi lom khom. Hai cha con cùng bước vào nhà lặng lẽ. Ông cụ nhìn hần nói đi nói lại một câu như chả có chuyện gì quan trọng hơn để nói: "Không thể nào nhận ra anh, anh khác quá". Hần cười mỉm: "Con năm nay bằng tuổi cậu lúc con về Nam Định". Bố hần sinh năm Canh Tý, 1990, hần sinh năm Canh Ngọ, 1930, năm 1945 bố hần 45 tuổi, năm 1975 hần cũng đã 45 tuổi. Hai cha con, hai thời thế, hai số phận. Bố hần lại nói: "Cái năm ấy chẳng qua là do hoàn cảnh...". Lời nói cứ nhẹ như không. Hần nói liền: "Cậu mợ chả nên nhắc lại chuyện cũ làm gì. Được gặp lại cậu mợ là con rất mừng". Hần đã nói rất thật lòng, cha con được gặp lại nhau sau mấy chục năm sóng gió đổi thay mới là chuyện lớn, chuyện quan trọng còn những oán giận một thời chỉ là chuyện nhỏ nhoi, vô nghĩa. Lúc chia tay bố hần cũng không giữ lại ăn cơm, cũng không hên một bữa nào đó quay lại cùng ăn với gia đình một bữa cơm. Đúng là họ đang có một chuyện gì đó rất khó nói, có thể nói với mọi người cùng cảnh ngộ nhưng không thể nói với đứa con đang ở phía bên kia. Và rất nhiều chuyện nửa vui nửa buồn sau đó mà hần là nhân vật chính. Hần đã rất chủ động và cũng biết điều trong mọi mối quan hệ, có nghĩa là người chiến thắng vẫn khiêm tốn, vẫn là đứa con của gia đình, đứa em của dòng họ, thừa gửi với mọi người kể cả với người làm ở các gia đình anh chị vì họ đều đã lớn tuổi. Hần vừa trò chuyện vừa quan sát, và trong khi trò chuyện hần luôn đặt mình là người đối thoại để không làm họ phật lòng, không làm họ buồn thêm và không giở giọng tuyên truyền chính trị bao giờ. Hần quan niệm những việc đang diễn ra mỗi ngày, mọi người đều nhìn thấy, đều nghe thấy, là một thực tế có sức lay chuyển nhiều tín điều trước đây của họ. Một ông anh là thượng sĩ của chính quyền Sài Gòn, một người có những hai bằng tiến sĩ, hỏi hần: "Tại sao lại có thể thế?", hần trả lời rất nhũn nhặn: " Anh biết nhiều hơn em, nhưng nó đã là thế tất phải có những nguyên do rất xác đáng để nó trở thành như thế, phải tìm hiểu nó chứ không thể không chấp nhận nó". Chuyện nhà của hần lại lồng trong chuyện nước ở vào một thời điểm lịch sử của dân tộc, mọi sự việc diễn ra trong tháng 5 năm 1975 đối với riêng hần cứ như trong một kịch bản sân khấu theo cách viết cổ điển, lại thấm đậm tính lãng mạn, hơi suốt mướt một chút, hơi "cải lương" một chút, cha con gặp nhau, Nam Bắc gặp nhau, quân xâm lược phải ra đi, dân tộc Việt Nam đã giành được độc lập hoàn toàn, thống nhất được quốc gia sau hơn một thế kỷ nằm gai nếm mật. Quá đẹp như trong sự tưởng tượng của một tài năng văn chương hơi tầm thường, hơi đơn giản.

Hần viết kịch Cách mạng như chép lại vở kịch của chính đời hần. Chỉ khác là hần loại hết mọi cảnh suốt mướt gặp gỡ, thăm hỏi, kể lể mà đưa ngay ông bố vào một tình huống hết sức khó chịu: trong những thành đạt của đứa con ông đã có phần công lao nào trong đó; ông có dám viết thư xin lỗi mẹ hần

hiện vẫn còn sống và đang ở Hà Nội? Hấn đã buộc ông phải đối mặt với chính mình, tự vấn mình và thú lỗi với khán giả. Hấn đã buộc các chính khách khôn ngoan của Sài Gòn phải trả lời những câu hỏi của một đại uý đội quân thất trận về thời thế, về thắng bại và cả về nhân cách của những người cầm đầu một quốc gia khi phải lựa chọn giữa quyền lợi của cá nhân và tính cách mạng, tài sản của dân chúng mà họ có trách nhiệm phải bảo vệ. Các nhân vật trong vở kịch buộc phải tranh cãi nhau, tố cáo nhau và nói hết những điều đã lâu họ rất muốn nói nhưng chưa có dịp để nói. Những lời nó tự bào chữa mà lại hoá ra tự buộc tội, đã từ lâu chỉ là lời nói thầm, nói với chính mình chứ chưa dám nói với ai này buộc phải nói công khai, nói không úp mở mà không có mặt một thằng Việt Cộng nào đứng đó gây áp lực cả. Việt, nhân vật gây sóng gió trong một gia đình, một dòng họ không xuất hiện một lần nào trên sân khấu, hấn chỉ hiện diện qua lời đối thoại của những người khác, màn kéo lên lại nghe nói hấn mới ở đây và chỉ vừa đi khỏi. Và các cuộc tranh luận vắng mặt hấn mới thực sự bắt đầu. Tất nhiên sự thắng bại trong cuộc sống không dễ dàng, rành rọt như trên sân khấu. Sau những ngày lãng mạn (cũng chỉ có một chút thôi) của cuộc trùng phùng cha con (hoàn toàn không mong đợi), ấy là diễn giải một cách văn chương, chỉ còn là sự tính toán tâm thường, thì vào cái lúc hỗn loạn có được một đứa con ở phe chiến thắng cũng là điều hay. Nhưng khi thời thế đã phân định rõ ràng, những tin đồn nhảm thừa dần đi, những cái lo sợ vô lý cũng nhạt dần đi thì sự có mặt của hấn chẳng những không cần thiết mà còn gây phiền phức vì cứ buộc phải nghĩ lại nhiều chuyện không muốn nhớ. Hấn càng ăn ở tử tế lại càng khó chịu, hấn được họ hàng tiếp đón như một thành viên chính thức của họ tộc, một thành viên sang trọng, hấn có mặt ở đâu là họ chỉ ngồi quây quanh hấn, trò chuyện với hấn và quên luôn các người con của bà chính thất, thì có thể nói tức đến ứa máu, đến ngạt thở. Năm 1976 hấn ra vào Sài Gòn đến vài lượt, lần nào vào hấn cũng đều có quà biếu bố mẹ, nhưng cái nhìn của ông bố cứ gườm gườm, ông có thể ngồi trước mặt hấn cả giờ mà không hề mở miệng, còn bà mẹ già thì cười rất nhạt, cái cười ớn rợn như của thuở nào. Thì ra họ chẳng thay đổi tí gì, vẫn còn nguyên vẹn cái ghét cái căm của ngày xưa, còn hơn cả ngày xưa. Tại sao thế nhỉ? Về sau hấn mới hiểu, người ta có thể tha thứ cho kẻ đã làm nhục mình chứ không thể tha thứ cho kẻ đã làm mình phải xấu hổ. Tha thứ cho những người đã từng làm nhục mình cũng là một khoái cảm của người thành đạt. Còn với kẻ đã làm mình phải xấu hổ thì tự giải thoát bằng cách nào? Phải bỏ hấn cái mặc cảm là mình đã bị thua! Người ta có thể nhận là đã thua với người ngoài (cũng khó đấy!) nhưng không bao giờ dám nhận là thua với người trong gia đình. Thua ngay ở chỗ trốn nấp cuối cùng là thua hoàn toàn, thua triệt để, đầu là thua với một đứa con!

Vợ hấn cũng thế. Cô ta có thể nhẫn nhịn chồng lúc còn trẻ vì họ vẫn bình đẳng trong trách nhiệm, trong kiến tạo một gia đình, anh kiếm ra tiền, anh có danh vọng nhưng tôi lại sinh cho anh những đứa con và chăm sóc nuôi dạy chúng khôn lớn. Anh có công tôi cũng có công, chẳng ai sống bám vào ai cả. Lúc trẻ hấn cũng đã nói với vợ nhiều câu rất tẻ nhưng vợ hấn không để ý, không có mặc cảm thua kém chồng nên không chấp những câu nói thiếu cân nhắc của chồng. Hấn là người đọc sách, lại làm nghề của chữ nghĩa nhưng sống với vợ con giống hệt một người lao động làm nghề nặng nhọc, ăn to nói lớn, cười đùa ròn rảng, cái gắt om xòm, sống quá hồn nhiên gần như tự nhiên đã để lại nhiều di chứng xấu cho con cái. Và vợ chồng hấn cãi nhau cũng giống hệt những gia đình bình dân, cãi nhau lúc sáng đến chiều đã làm lạnh, cãi nhau lúc tối đến đêm đến lại lặn vào nhau như chẳng có chuyện gì đã xảy ra. Nhưng về già thì phải sống khác, phải sống bằng những lễ luật đã thành nếp nhà mới giữ được sự tôn nghiêm trước con cháu. Phải có nghệ thuật sống già. Ví như người già không nên nói to, cười to, không nên cáu gắt, la lối, khuyên bảo nhẹ nhàng thì được nhưng ra lệnh một cách nghiêm khắc là rất không nên, giới thiệu kinh nghiệm thì tốt nhưng khẳng định kinh nghiệm thì nên tránh. Có nhiều việc nên im lặng, nên lờ đi thì tốt hơn là biết, còn đã biết thì phải chọn người, chọn lúc để nói, có việc nói với con trai nhưng có việc chỉ nên nói với con dâu, có việc nên để vợ nói, lại có việc phải chính mình nói. Có khi nhờ đứa

cháu nói lại tốt hơn chính ông bà nói. Đều có luật cả. Luật vẫn thay đổi theo thời nhưng sự tôn nghiêm của những người già trong một gia đình thì xưa là thế nay vẫn là thế. Tóm lại về già phải sống bằng văn hoá chứ không thể sống bằng bản năng. Hẳn rất sợ lời tán tụng: "người già mà tính trẻ". Thế là ra quái rồi, là nên lo chứ còn mừng nổi gì!

Vợ chồng hẳn về già không phải lo tiền bạc, không phải lo con cái, thế là sướng lắm, mà lại hoá ra có nhiều phiền muộn, vì giữa họ chưa tìm ra được một cách sống hợp lý của tuổi già. Cả hai đều lớn lên trong thời cách mạng và chiến tranh, của các cuộc cải cách xã hội, của sự đối nghịch giữa cách sống phong kiến, tư sản và cách sống xã hội chủ nghĩa, nói cho thật, cũng chả ai biết cái xấu, xấu như thế nào, cái tốt, tốt như thế nào, và gia đình mình phải sống như thế nào. Đại khái sống có quá nhiều phép tắc, nhiều lễ nghi là cách sống của phong kiến, tư sản, sống hồn nhiên, giản dị, dễ dãi, có phần tùy tiện là cách sống của người vô sản. Những tiêu chuẩn giá trị mới chưa thành phong cách sống của một quốc gia, là nếp sống của mỗi gia đình, ở nơi công cộng thì sống và nói một cách khác, ở nhà sống với vợ con lại sống và nói một cách khác. Trong lễ lối làm việc ở các cơ quan nhà nước lúc họp bàn, ra nghị quyết thì rất đàng hoàng, rất dân chủ nhưng trong quan hệ với dân, với nhau thì lại thiếu dân chủ và rất phong kiến. Người sống ngay thẳng, thật thà ngày một hiếm, người sống mưu mẹo, dối trá ngày một nhiều, con dối cha, vợ dối chồng, trò dối thầy, cấp dưới dối cấp trên, dân chúng dối nhà nước và ngược lại. Trong chiến tranh mọi người đều sống vì nghĩa lớn, đức hy sinh trở thành tính cách bao trùm của một dân tộc, mọi tham vọng cá nhân nhất thời bị loại bỏ, sống nay chết mai thì lúc sống phải cho đàng hoàng, lúc chết phải cho oanh liệt. Vào những năm ấy đã có một vị lão thành cách mạng trong một lúc cảm khái đã phải thốt lên: "Con người thời cộng sản chủ nghĩa cũng chỉ mong được như thế này". Và một vị khác cũng nói: "Ra ngõ gặp anh hùng!" Thời sau người ta hay đem những câu nói rất chân thật của một thời thành chuyện khôi hài lúc trà dư tửu hậu là rất nhảm. Cũng như lấy cái thật của một thời khái quát thành cái thật của mọi thời lại càng nhảm.

Sáng ngày 2 tháng 5 năm 1975, hẳn và các bạn đồng nghiệp của nhiều cơ quan báo chí của Hà Nội và Đà Nẵng theo đường số 1 vào thẳng thành phố Sài Gòn vừa được giải phóng trưa ngày 30 tháng 4. Trong khoảng hai chục năm hẳn đã được bước vào hai thành phố lớn sau ngày được giải phóng. Một lần vào Hà Nội sau chiến thắng Điện Biên Phủ, và lần sau vào Sài Gòn sau chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Ngày vào Hà Nội hẳn tìm mẹ và em theo địa chỉ cũ hẳn được biết nhưng không gặp, chủ nhà mới dọn đến cũng không biết họ đã đi đâu. Hẳn đến thị xã Hà Đông lấy một số tài liệu rồi trở lại quân khu đóng ở thị xã Phú Lý lòng tràn ngập buồn bã, thất vọng. Phải một tháng sau hẳn mới nhận được tin chính thức qua người bạn cùng toà báo là họa sĩ Phan Bá Thọ, lúc này đã về Tổng cục Chính trị để chuẩn bị cho cuộc triển lãm lớn nhân ngày thành lập quân đội vào tháng 12 năm 1954. Lần này vào Sài Gòn hẳn vẫn chưa biết rõ bố hẳn và bà mẹ già còn sống hay đã mất, còn ở Sài Gòn hay đã theo con cháu chạy ra nước ngoài trong những ngày hỗn loạn vào giữa tháng Tư. Nhưng hẳn vẫn tìm vì vẫn có một chút hy vọng mơ hồ rằng họ vẫn còn sống, còn ở lại Sài Gòn và bố con hẳn sẽ được gặp lại nhau.

Trong một buổi tối gặp gỡ tình cờ giữa mấy anh em viết văn ngoài Hà Nội với mấy anh viết văn của Sài Gòn, theo hẳn nhớ có vợ chồng nhà văn Vũ Hạnh, nhà văn Mai Thảo tới tìm gặp nhà thơ Xuân Thiêm, hình như họ có thời cùng học ở trường Đỗ Hữu Vị, nhà văn Lưu Nghi tới tìm gặp nhà văn Nguyễn Văn Bổng... hẳn có hỏi dò địa chỉ những người thuộc giới quan lại miền Bắc di tản vào miền Nam cuối năm 1964. Nhà văn thời bây giờ có thể có quan hệ xa gần với những người làm nghề tự do, hoặc giới doanh nhân, giới sĩ quan chứ ít ai biết tới giới quan lại. Các ông quan của chính phủ Nam triều do Pháp bảo hộ đã thuộc về một thời xa xưa lắm rồi. Hẳn đã thất vọng, bỗng dưng một hôm nhạc

sĩ Huy Du rủ hần cùng đi thăm một ông bác họ cũng thuộc giới quan lại ngoài Bắc thời trước gọi là cụ phủ Trước. Thế là hần đi ngay, hần rất tin là ông cụ Trước có biết bố hần nhưng lại sợ ông ấy thốt ra: "À, tôi biết, nhưng ông ấy mất rồi, mới mất..." Hần mong mỗi được gặp lại bố và mẹ già còn khoẻ mạnh, còn tỉnh táo chỉ để thoả mãn một khao khát rất tầm thường, rất xoàng xĩnh là "được mặc áo gấm về làng". Áo mặc cũng chưa phải gấm võ gì, chỉ là áo lính thôi nhưng là người tử tế, có vợ con, có nghề nghiệp đàng hoàng, không đến nỗi mẹ đã là phường "mèo mả gà đồng" (như mẹ già đã mắng thẳng mặt mẹ hần như thế) thì con cái không là quân lưu manh cũng phường trộm cướp chứ làm sao có số phận khác được! Không ngờ ông cụ Trước vừa nghe hần nói xong liền cười ngay: "Còn sống, cả hai ông bà đều còn sống, chắc là chưa đi đâu đâu, đã già rồi còn đi đâu nữa. Nhưng tôi không nhớ phố, cũng không biết số nhà, để xem nào, anh nên đến nhà bà Đại, bà này là cháu gọi ông cụ nhà anh là cậu. Nhà bà này ở..." Hần ngồi nhờ xe hơi của nhà văn Nguyễn Chí Trung đến ngay nhà cái bà Đại nào đó. Nhưng bà ấy không có nhà, chỉ có một ông chồng đã ngoài bảy chục tuổi với hai cô gái giúp việc, nhìn thấy hai ông lính Việt Cộng sầm sầm bước vào căn hộ thì sợ lắm, sợ đến không nói được. Mỗi một lúc sau ông già mới bảo: "Bà nhà tôi không có nhà, có chuyện gì cần xin mời hai ông khoảng gần trưa quay lại". Hần phải nói ngay hần là ai, tới nhờ bà nhà giúp việc gì, toàn việc vui cả, việc trong nhà cả, không có gì khiến ông bà phải lo lắng. Nét mặt ông lão như giãn ra, ông đã hơi cười: "Ông cụ bên nhà mấy bữa nay người gầy rộc hần vì có bao nhiêu tin đồn, nghe hãi lắm. Vậy ông là... sao không nghe ông cụ nói bao giờ...". Rồi ông nói nhà bố hần chỉ cách chung cư này có một dãy phố, đường Quý Cáp, số nhà xanh căng xanh (55). Xuống các bậc thang của toà nhà chung cư đầu gối hần như nhũn ra, hần xúc động thật sự, giận thì vẫn giận nhưng vẫn thương, vẫn là cha con xa cách nhau còn kém một năm là vừa tròn ba chục năm mới được gặp lại. Lần gặp sau cùng vào tháng 6 năm 1946, ngày ấy mẹ con hần đang ở nhờ nhà ông chú họ bên bố, trong cái ngõ cụt gọi là ngõ Yên Bái bây giờ, qua dãy tường chắn ngang trước nhà là khu nghĩa địa Tây, nay là khu nhà tập thể Nguyễn Công Trứ. Hần nằm quay mặt vào tường, đắp cái vỏ chăn mỏng, tiếng người bố thăm thì những gì dài dòng lắm, có vẻ khó nói lắm, còn mẹ hần không nói gì cả, chỉ khóc thôi, khóc cũng rất nhỏ. Rồi nghe bố hần nói: "Tôi bây giờ cũng gặp nhiều khó khăn lắm. Chẳng giúp gì được mấy mẹ con đâu. Người ta sống được thì mình cũng sống được". Rồi nghe tiếng giày của ông bước ra cửa, hần quay người lại còn thoáng nhìn thấy bố đã bước ra đến giữa vuông sân, lưng rất thẳng, tóc rất đen, mảng gáy rất trắng, vẫn là một người đàn ông còn trẻ, mới 46 tuổi chứ mấy. Hần nhìn mẹ hần, bà vẫn ngồi lặng lẽ một chỗ, cũng không ngoái đầu nhìn theo người đàn ông đã từng làm bà vui, bà buồn, đã cùng bà chống đỡ những cơn ghen tuông của người vợ cả gần hai chục năm, nay đã biến đổi tâm tính, vứt bỏ ba mẹ con bà một cách lạnh lùng vì thời cuộc đổi thay, từ nay họ sống hay họ chết ông không cần quan tâm tới nữa. Cái gia đình thêm này chỉ là kết quả của những năm tháng đại dột, dư thừa của thời trai trẻ, bỏ đi cũng chả có gì phải ân hận, phải hối tiếc. Và bây giờ, sau ba chục năm cách mạng, chiến tranh, đất nước chia đôi, gia đình phân ly nay tiếng súng đã tắt, khói lửa chiến tranh cũng đã tắt, tất cả lại hợp dần lại làm một, Nam Bắc, cha con, anh em, cả vợ chồng nữa, như một chuyện thần tiên, một chuyện trong mơ mộng, một chuyện không thể có thật mà hoá ra lại là thật, thật đến từng ngày, thật ngay lúc này, hần vẫn còn sống và sắp gặp lại những người đã đuổi hần đi. Hần trở lại không phải là một kẻ khổ rách áo ôm dẫn một lũ người rách rưới là vợ con hần đến gõ cửa một gia đình quyền quý xin tiền, xin ăn, xin ân huệ mà là một nhà báo, một nhà văn của phe cách mạng, phe chiến thắng, của đội quân chiến thắng tới gặp một gia đình hần đã từng là một thành viên bất đắc dĩ. Nhà của bố hần là nhà trệt, mặt nhà hẹp, có một vuông sân nhỏ làm vườn, nhà của giới viên chức nhỏ được nhà nước cho thuê, hần thế. Hần kéo chuông, cửa nhà trong mở và bà mẹ già của hần mang kính râm như người đang đau mắt bước ra. Vẫn là gương mặt quen thuộc rất hiền của những người đàn bà xưa, tóc vẫn khăn vẫn đen chỉ hơi lốm đốm bạc phía trước trán, dáng đi chậm chạp, đứng trong cánh cửa phần trên có chấn song sắt, hỏi ra: "Ai hỏi gì thế?" Hần nói nhỏ:

"Thưa mẹ con là K. đây!" Bà cụ như sững sờ khoảng vài giây rồi tươi ngay nét mặt: "K. hả? Cả nhà mong con mãi". Thế là bao nhiêu oán thù ti tiện của kẻ mới làm nên với bố mình, với mẹ già mình trong phút chốc mất sạch, chỉ còn thương thôi, còn mừng thôi, mừng bố mẹ vẫn còn sống, mình vẫn còn sống để có ngày được gặp lại nhau. Nhưng ông cụ đi vắng, bà cụ nói: "Cậu đi cắt tóc, tự đừng ông lão chống gậy bảo đi cắt tóc, đầu ngứa quá". Hàm răng đen của bà vẫn đều, chưa rụng cái nào, năm nay bà vừa tròn bảy mươi, mẹ hẵn bảy mươi mốt, bà thứ nhất hơn bà chính thất một tuổi, lại xấu hơn, lại đã có một đời chồng mà sao ông già lại mê được nhỉ? Cũng là duyên số thế nào! Hẳn ngồi chờ một lúc thấy mặt bà cụ tuy tươi tuy mừng nhưng vẫn thoáng có cái ngượng, cái lo, nó tuy là con cái trong nhà nhưng lại là một thằng Việt Cộng, tức là một thằng cộng sản, là cái quân thâm hiểm, đã nghĩ không bao giờ phải gặp lại mặt nó như âm dương đôi ngả, bỗng chốc nó lại lù lù hiện ra ngay ở cổng nhà! Hai mẹ con ngồi đối mặt nhau nhưng không phải là mẹ ruột với con ruột, ngoài vài lời thăm hỏi cũng chả biết nên nói với nhau những gì thêm nữa, vì một người muốn giấu và một người cũng chưa dám nói. Ví như phải hỏi các anh chị hiện giờ ở đâu, đã có gia đình riêng chưa, họ làm những nghề gì, còn ở Sài Gòn hay đã đi di tản. Cũng còn phải hỏi hiện nay bố mẹ ở với ai, các cụ sống bằng nguồn tiền nào. Thời thế thay đổi thì sẽ sống ra sao. Mẹ con không nói những chuyện cần nói ấy thì còn biết nói gì. Cái năm hẵn về Hà Nội để tìm mẹ và em sau ngày giải phóng thủ đô, phải tìm đến lần thứ hai hẵn mới biết mẹ đang sống với gia đình người cháu gọi bà là cô ruột. Anh ấy là y sĩ của chế độ cũ. Bà cũng không có nhà, cũng phải ngồi chờ vì bà hàng ngày phải đi bán trâu vó ở cùng một dãy phố. Đã cho người đi gọi bà về nhưng hẵn sốt ruột quá lại chạy ra ngoài ngóng, cũng lo lắng, hồi hộp không biết sau năm năm xa cách mẹ hẵn có thay đổi gì nhiều không. Một lát sau hẵn nhìn thấy bà cụ gánh đôi xảo từ xa đi lại, nhìn dáng người bước lều đệu hẵn nhận ngay ra mẹ, liền chạy ào lại, kêu to: "Mợ!" Bà cụ đứng sững lại, hất nón nhìn người gọi, nhận ra con, thế là nước mắt tràn ra chan chứa. Chả nói được câu nào cả. Hẵn bước đi bên cạnh mẹ cũng chỉ hỏi được một câu: "Mợ vẫn khỏe chứ? " - "Vẫn khỏe, năm ngoái bị bệnh thương hàn đã tưởng chết". Mẹ con chỉ nói với nhau được có thế nhưng vẫn là nói rất nhiều bằng cái im lặng và những bước đi im lặng bên nhau. Về đến nhà mẹ hẵn lại một câu thứ hai: "Thằng Toàn năm nay 19 rồi, nó cao cũng gần bằng anh mà gầy lắm. làm sư bác ở chùa Hoè Nhai". Hẵn nói: "Bán hàng thế này có đủ ăn không?" - "Ăn thì đủ nhưng lúc ốm đau thì lo lắm, cháu chứ có phải con đâu mà nhờ vả mãi được". Chả có câu nào mẹ nhớ con, mẹ mong đợi con, con về mẹ mừng lắm. Hẵn cũng thế, chả nói được câu nào tình cảm như hẵn vẫn nghĩ về mẹ trong năm năm xa mẹ.

Hẳn ngồi chờ bố nghĩ ngợi mừng lung một lúc lâu rồi xin phép về hẹn chiều sẽ quay lại. Bà mẹ già đứng lên tiễn, cũng không bảo ở lại ăn bữa cơm trưa đoàn tụ, không nói gì cả cứ như người cùng ở một thành phố lâu lâu lại thăm nhau để biết tin tức. Cũng có nhiều chuyện để nói nhưng không thể nói, đã biết hẵn là người thế nào mà nói. Khoảng ba giờ chiều hẵn quay lại, người ra mở cửa chính là bố hẵn, vẫn nhận ra ngay nhưng đã lạ lắm, người gầy tóp, tóc bạc trắng, bước đi lom khom. Hai cha con cùng bước vào nhà lặng lẽ. Ông cụ nhìn hẵn nói đi nói lại một câu như chả có chuyện gì quan trọng hơn để nói: "Không thể nào nhận ra anh, anh khác quá". Hẵn cười mỉm: "Con năm nay bằng tuổi cậu lúc con về Nam Định". Bố hẵn sinh năm Canh Tý, 1990, hẵn sinh năm Canh Ngọ, 1930, năm 1945 bố hẵn 45 tuổi, năm 1975 hẵn cũng đã 45 tuổi. Hai cha con, hai thời thế, hai số phận. Bố hẵn lại nói: "Cái năm ấy chẳng qua là do hoàn cảnh...". Lời nói cứ nhẹ như không. Hẵn nói liền: "Cậu mợ chả nên nhắc lại chuyện cũ làm gì. Được gặp lại cậu mợ là con rất mừng". Hẵn đã nói rất thật lòng, cha con được gặp lại nhau sau mấy chục năm sóng gió đổi thay mới là chuyện lớn, chuyện quan trọng còn những oán giận một thời chỉ là chuyện nhỏ nhoi, vô nghĩa. Lúc chia tay bố hẵn cũng không giữ lại ăn cơm, cũng không hẹn một bữa nào đó quay lại cùng ăn với gia đình một bữa cơm. Đúng là họ đang có một chuyện gì đó rất khó nói, có thể nói với mọi người cùng cảnh ngộ nhưng không thể nói với đứa con đang ở phía bên

kia. Và rất nhiều chuyện nửa vui nửa buồn sau đó mà hẳn là nhân vật chính. Hẳn đã rất chủ động và cũng biết điều trong mọi mối quan hệ, có nghĩa là người chiến thắng vẫn khiêm tốn, vẫn là đứa con của gia đình, đứa em của dòng họ, thừa gởi với mọi người kể cả với người làm ở các gia đình anh chị vì họ đều đã lớn tuổi. Hẳn vừa trò chuyện vừa quan sát, và trong khi trò chuyện hẳn luôn đặt mình là người đối thoại để không làm họ phật lòng, không làm họ buồn thêm và không giở giọng tuyên truyền chính trị bao giờ. Hẳn quan niệm những việc đang diễn ra mỗi ngày, mọi người đều nhìn thấy, đều nghe thấy, là một thực tế có sức lay chuyển nhiều tin điều trước đây của họ. Một ông anh là thượng sĩ của chính quyền Sài Gòn, một người có những hai bằng tiến sĩ, hỏi hẳn: "Tại sao lại có thể thế?", hẳn trả lời rất nhũn nhặn: " Anh biết nhiều hơn em, nhưng nó đã là thế tất phải có những nguyên do rất xác đáng để nó trở thành như thế, phải tìm hiểu nó chứ không thể không chấp nhận nó". Chuyện nhà của hẳn lại lồng trong chuyện nước ở vào một thời điểm lịch sử của dân tộc, mọi sự việc diễn ra trong tháng 5 năm 1975 đối với riêng hẳn cứ như trong một kịch bản sân khấu theo cách viết cổ điển, lại thâm trầm tính lãng mạn, hơi suốt mướt một chút, hơi "cải lương" một chút, cha con gặp nhau, Nam Bắc gặp nhau, quân xâm lược phải ra đi, dân tộc Việt Nam đã giành được độc lập hoàn toàn, thống nhất được quốc gia sau hơn một thế kỷ nằm gai nếm mật. Quá đẹp như trong sự tưởng tượng của một tài năng văn chương hơi tầm thường, hơi đơn giản.

Hẳn viết kịch Cách mạng như chép lại vở kịch của chính đời hẳn. Chỉ khác là hẳn loại hết mọi cảnh suốt mướt gặp gỡ, thăm hỏi, kể lể mà đưa ngay ông bố vào một tình huống hết sức khó chịu: trong những thành đạt của đứa con ông đã có phần công lao nào trong đó; ông có dám viết thư xin lỗi mẹ hẳn hiện vẫn còn sống và đang ở Hà Nội? Hẳn đã buộc ông phải đối mặt với chính mình, tự vấn mình và thú lỗi với khán giả. Hẳn đã buộc các chính khách khôn ngoan của Sài Gòn phải trả lời những câu hỏi của một đại úy đội quân thất trận về thời thế, về thắng bại và cả về nhân cách của những người cầm đầu một quốc gia khi phải lựa chọn giữa quyền lợi của cá nhân và tính cách mạng, tài sản của dân chúng mà họ có trách nhiệm phải bảo vệ. Các nhân vật trong vở kịch buộc phải tranh cãi nhau, tố cáo nhau và nói hết những điều đã lâu họ rất muốn nói nhưng chưa có dịp để nói. Những lời nó tự bào chữa mà lại hoá ra tự buộc tội, đã từ lâu chỉ là lời nói thầm, nói với chính mình chứ chưa dám nói với ai này buộc phải nói công khai, nói không úp mở mà không có mặt một thằng Việt Cộng nào đứng đó gây áp lực cả. Việt, nhân vật gây sóng gió trong một gia đình, một dòng họ không xuất hiện một lần nào trên sân khấu, hẳn chỉ hiện diện qua lời đối thoại của những người khác, màn kéo lên lại nghe nói hẳn mới ở đây và chỉ vừa đi khỏi. Và các cuộc tranh luận vắng mặt hẳn mới thực sự bắt đầu. Tất nhiên sự thắng bại trong cuộc sống không dễ dàng, rành rọt như trên sân khấu. Sau những ngày lãng mạn (cũng chỉ có một chút thôi) của cuộc trùng phùng cha con (hoàn toàn không mong đợi), ấy là diễn giải một cách văn chương, chỉ còn là sự tính toán tầm thường, thì vào cái lúc hỗn loạn có được một đứa con ở phe chiến thắng cũng là điều hay. Nhưng khi thời thế đã phân định rõ ràng, những tin đồn nhảm thừa dần đi, những cái lo sợ vô lý cũng nhạt dần đi thì sự có mặt của hẳn chẳng những không cần thiết mà còn gây phiền phức vì cứ buộc phải nghĩ lại nhiều chuyện không muốn nhớ. Hẳn càng ăn ở tử tế lại càng khó chịu, hẳn được họ hàng tiếp đón như một thành viên chính thức của họ tộc, một thành viên sang trọng, hẳn có mặt ở đâu là họ chỉ ngồi quây quanh hẳn, trò chuyện với hẳn và quên luôn các người con của bà chính thất, thì có thể nói tức đến ứa máu, đến ngạt thở. Năm 1976 hẳn ra vào Sài Gòn đến vài lượt, lần nào vào hẳn cũng đều có quà biếu bố mẹ, nhưng cái nhìn của ông bố cứ gườm gườm, ông có thể ngồi trước mặt hẳn cả giờ mà không hề mở miệng, còn bà mẹ già thì cười rất nhạt, cái cười ớn rợn như của thuở nào. Thì ra họ chẳng thay đổi tí gì, vẫn còn nguyên vẹn cái ghét cái căm của ngày xưa, còn hơn cả ngày xưa. Tại sao thế nhỉ? Về sau hẳn mới hiểu, người ta có thể tha thứ cho kẻ đã làm nhục mình chứ không thể tha thứ cho kẻ đã làm mình phải xấu hổ. Tha thứ cho những người đã từng

làm nhục mình cũng là một khoái cảm của người thành đạt. Còn với kẻ đã làm mình phải xấu hổ thì tự giải thoát bằng cách nào? Phải bỏ hẳn cái mặc cảm là mình đã bị thua! Người ta có thể nhận là đã thua với người ngoài (cũng khó đấy!) nhưng không bao giờ dám nhận là thua với người trong gia đình. Thua ngay ở chỗ trốn nấp cuối cùng là thua hoàn toàn, thua triệt để, đầu là thua với một đứa con!

Vợ hần cũng thế. Cô ta có thể nhẫn nhịn chồng lúc còn trẻ vì họ vẫn bình đẳng trong trách nhiệm, trong kiến tạo một gia đình, anh kiếm ra tiền, anh có danh vọng nhưng tôi lại sinh cho anh những đứa con và chăm sóc nuôi dạy chúng khôn lớn. Anh có công tôi cũng có công, chả ai sống bám vào ai cả. Lúc trẻ hần cũng đã nói với vợ nhiều câu rất tẻ nhưng vợ hần không để ý, không có mặc cảm thua kém chồng nên không chấp những câu nói thiếu cân nhắc của chồng. Hần là người đọc sách, lại làm nghề của chữ nghĩa nhưng sống với vợ con giống hệt một người lao động làm nghề nặng nhọc, ăn to nói lớn, cười đùa ròn rảng, cái gắt om xòm, sống quá hồn nhiên gần như tự nhiên đã để lại nhiều di chứng xấu cho con cái. Và vợ chồng hần cãi nhau cũng giống hệt những gia đình bình dân, cãi nhau lúc sáng đến chiều đã làm lạnh, cãi nhau lúc tối đêm đến lại lẫn vào nhau như chẳng có chuyện gì đã xảy ra. Nhưng về già thì phải sống khác, phải sống bằng những lễ luật đã thành nếp nhà mới giữ được sự tôn nghiêm trước con cháu. Phải có nghệ thuật sống già. Ví như người già không nên nói to, cười to, không nên cái gắt, la lối, khuyên bảo nhẹ nhàng thì được nhưng ra lệnh một cách nghiêm khắc là rất không nên, giới thiệu kinh nghiệm thì tốt nhưng khẳng định kinh nghiệm thì nên tránh. Có nhiều việc nên im lặng, nên lờ đi thì tốt hơn là biết, còn đã biết thì phải chọn người, chọn lúc để nói, có việc nói với con trai nhưng có việc chỉ nên nói với con dâu, có việc nên để vợ nói, lại có việc phải chính mình nói. Có khi nhờ đứa cháu nói lại tốt hơn chính ông bà nói. Điều có luật cả. Luật vẫn thay đổi theo thời nhưng sự tôn nghiêm của những người già trong một gia đình thì xưa là thế nay vẫn là thế. Tóm lại về già phải sống bằng văn hoá chứ không thể sống bằng bản năng. Hần rất sợ lời tán tụng: "người già mà tính trẻ". Thế là ra quái rồi, là nên lo chứ còn mừng nổi gì!

Vợ chồng hần về già không phải lo tiền bạc, không phải lo con cái, thế là sướng lắm, mà lại hoá ra có nhiều phiền muộn, vì giữa họ chưa tìm ra được một cách sống hợp lý của tuổi già. Cả hai đều lớn lên trong thời cách mạng và chiến tranh, của các cuộc cải cách xã hội, của sự đối nghịch giữa cách sống phong kiến, tư sản và cách sống xã hội chủ nghĩa, nói cho thật, cũng chả ai biết cái xấu, xấu như thế nào, cái tốt, tốt như thế nào, và gia đình mình phải sống như thế nào. Đại khái sống có quá nhiều phép tắc, nhiều lễ nghi là cách sống của phong kiến, tư sản, sống hồn nhiên, giản dị, dễ dãi, có phần tùy tiện là cách sống của người vô sản. Những tiêu chuẩn giá trị mới chưa thành phong cách sống của một quốc gia, là nếp sống của mỗi gia đình, ở nơi công cộng thì sống và nói một cách khác, ở nhà sống với vợ con lại sống và nói một cách khác. Trong lễ lối làm việc ở các cơ quan nhà nước lúc họp bàn, ra nghị quyết thì rất đàng hoàng, rất dân chủ nhưng trong quan hệ với dân, với nhau thì lại thiếu dân chủ và rất phong kiến. Người sống ngay thẳng, thật thà ngày một hiếm, người sống mưu mẹo, dối trá ngày một nhiều, con dối cha, vợ dối chồng, trò dối thầy, cấp dưới dối cấp trên, dân chúng dối nhà nước và ngược lại. Trong chiến tranh mọi người đều sống vì nghĩa lớn, đức hy sinh trở thành tính cách bao trùm của một dân tộc, mọi tham vọng cá nhân nhất thời bị loại bỏ, sống nay chết mai thì lúc sống phải cho đàng hoàng, lúc chết phải cho oanh liệt. Vào những năm ấy đã có một vị lão thành cách mạng trong một lúc cảm khái đã phải thốt lên: "Con người thời cộng sản chủ nghĩa cũng chỉ mong được như thế này". Và một vị khác cũng nói: "Ra ngô gặp anh hùng!" Thời sau người ta hay đem những câu nói rất chân thật của một thời thành chuyện khôi hài lúc trà dư tửu hậu là rất nhảm. Cũng như lấy cái thật của một thời khái quát thành cái thật của mọi thời lại càng nhảm.

Nhiều năm trước hấn đã nghĩ, thời trẻ vất vả, thiếu thôn vẫn chịu được chỉ mong về già đời sống dư dật, con cái trưởng thành, được an nhàn tí chút là đã có phúc lắm. Về già hấn được sống đầy đủ hơn thời trẻ nhiều, hầu như không có gì phải lo mà hoá ra cuộc sống gia đình lại ngọt ngào hơn cả những năm còn trẻ. Có lúc hấn đã nghĩ đến cái chết để thoát khỏi cảnh ngộ nửa khóc nửa cười này. Với hấn là một tai hoạ bất thần ập xuống, không thể tính trước, không thể ngờ tới nhưng nghĩ cho kỹ, một gia đình sống tùy tiện, sống không có kỷ cương làm sao tránh được bị kịch lúc đã về già. Lấy ngay cái gia tộc của hấn làm một ví dụ: Ông nội hấn có những bốn bà vợ, bốn dòng con mà những đứa con của các dòng thứ vẫn rất hiếu kính với mẹ già, anh em một đời chăm sóc lẫn nhau và cả con cháu của nhau. Đó là cách sống của các danh gia vọng tộc nên sự hoà thuận của anh em con cháu còn giữ mãi cho đến tận bây giờ, sau gần một trăm năm. Bà mẹ già của hấn xuất thân tầm thường, gặp may mà vào được nhà quan, lấy được chồng quan nên không biết cách ứng xử cho đúng với sự tôn nghiêm của một dòng họ, sinh ra ghen tuông, sinh ra hận thù, không chỉ hại đời mình mà còn hại cả đời con đời cháu. Cũng là một gia đình không tạo được gia pháp gia phong, nên chưa được một đời mà cả phúc lẫn lộc đều cạn kiệt, con cháu ly tán không kết tụ thành một tộc hệ, vinh dự cùng hưởng, hoạn nạn cùng chia.

Chương 29

Từ năm 1980 tới 1988 hắn viết được năm cuốn tiểu thuyết, mỗi cuốn chỉ khoảng dưới 200 trang: Gặp gỡ cuối năm - Thời gian của người - Điều tra về một cái chết - Vòng sóng đến vô cùng - Một cõi nhân gian bé tí. Và cả năm cuốn đều đọc được cả, đều được hắn chọn đưa vào Tuyển tập tiểu thuyết in năm 2001. Có thể nói cả năm cuốn sách đó đều do phần đất phía Nam của tổ quốc ban tặng cho hắn. Cho hắn đề tài, cho hắn ý tưởng, cho hắn nhân vật và bao trùm là tư tưởng dân chủ của một miền đất đã thoát khỏi tư tưởng phong kiến từ lâu. Mỗi nhân vật là một phát hiện, một kinh ngạc đối với hắn, vì hắn chưa từng biết, chưa từng gặp. Ngay đến những người thân thuộc trong gia đình cũng mỗi người mỗi vẻ và người nào đối với hắn cũng đều quan trọng, đều hấp dẫn trong sự tìm hiểu mãi mãi của hắn về lai lịch của con người. Hắn gặp Quân vào những ngày đầu tiên của Sài Gòn vừa giải phóng tại gia đình, rồi gặp anh ở quán cà phê với bạn bè, gặp anh lang thang ở khu chợ bán chó, bán cây kiểng, rồi gặp anh ở Hà Nội tại một cơ quan hết sức quan trọng như là một chuyện không thể có thật, mà hoá ra có thật. Nhận được ra một nhân vật có thể chuyển tải được ý tưởng của mình là đã tìm được việc làm cho những ngày sắp tới. Còn nhận được ra nhân vật của mình trong môi trường hoạt động quen thuộc của họ tức là cuốn sách đã được viết non nửa. Hắn đã gặp ông Hai Riêng tại khu vườn ươm của nông trường cao su Dầu Tiếng, gặp chị Ba Huệ tại văn phòng huyện uỷ huyện Thống Nhất tỉnh Đồng Nai, gặp linh mục Vĩnh tại nhà thờ chánh toà của Sài Gòn, gặp anh Mười tại xã Đốc Binh Kiều của tỉnh Đồng Tháp, và gặp các nhân vật "phản loạn" muốn cải tạo giáo hội Cao Đài cho phù hợp với vận hội mới ngay tại vùng đất của toà thánh Tây Ninh. Mỗi người trong bọn họ lại kéo theo hàng loạt bạn bè, người thân, kẻ thù chìm nổi trong sóng gió của chiến tranh trong suốt ba chục năm, người đã lạ, chuyện đời của họ lại càng lạ, hắn nghe họ kể ngày này qua tháng khác, đi về cả năm cái nơi hắn sẽ viết mới dần dần nhập vào hồn cốt những mẫu người rồi ra sẽ là các nhân vật văn học trong cái thế giới tiểu thuyết của hắn. Cũng rất may các nhân vật ấy đều là người cùng thời với hắn, dẫu nghề nghiệp khác nhau, cảnh ngộ khác nhau, số phận khác nhau nhưng vẫn hiểu nhau hoàn toàn, lấy chính mình mà hiểu họ, lấy sự từng trải của mình hoà lẫn với sự từng trải của họ, nhưng hồn cốt là của hắn, lắm lúc chính hắn cũng không phân biệt được trong một nhân vật phần nào là của người, phần nào là của hắn. Thông thường câu chuyện là của đời, giọng kể là của hắn, hắn đến với bạn đọc chủ yếu là nhờ vào cái giọng kể, nó là từng trải, là nỗi niềm, là tâm sự, là cái vui và cả nhiều cái buồn suốt một đời của hắn. Giọng kể chính là cái hồn của hắn đã nhập vào chữ nghĩa, nhịp điệu để được đi sóng đôi với bạn đọc cho đến trang cuối cùng của cuốn sách. Tất nhiên chỉ ở những cuốn sách hay mới có giọng kể, còn ở những cuốn sách dở thì giọng kể quen thuộc đã biến mất chỉ còn lại một kẻ thuật chuyện vô danh và vô duyên thôi. Theo hắn năm cuốn sách viết trong những năm 80 đều có giọng kể riêng cả.

Trong tám năm hắn viết năm cuốn sách, lại đã ở vào quãng tuổi ngoài 50 xấp xỉ 60, viết như thế là khoẻ, sức viết có thể sánh ngang với vài vị nhà văn tiền bối, nhưng lại là những năm hắn và vợ con phải sống túng thiếu nhất, vất vả nhất. Tiền nhuận bút không thay đổi nhưng cuộc sống của người cầm bút đã thay đổi trong sự di chuyển từ Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài Bắc lương chồng đại tá, lương vợ thiếu tá đã là một gia đình vào bậc trung lưu trở lên, chưa kể còn có tiền nhuận bút thêm vào. Ở thành phố Hồ Chí Minh ăn vẫn theo chế độ bao cấp nhưng tiêu thì chả ai bao cho, mà cái tiêu ở một thành phố lớn thì vô chừng, vài lần đóng góp giỗ tết, ma chay, cưới xin là coi như hết nhẵn. Năm ấy viên chức nhà nước, sĩ quan quân đội không phải trả tiền nhà, tiền điện, tiền nước nên mới có "phong trào" ăn cắp điện làm nước đá bán cho các quán giải khát. Một tú làm đá giá tiền khoảng hai

chỉ vàng, có nhà hàng xóm có ba tú, hai lớn một nhỏ. Năm vào Sài Gòn vợ chồng hần không có một phân vàng nào, có vài chỉ vàng đã gửi lại cho các em bán dần nuôi mẹ ốm. Thế là vợ hần phải đi làm thuê, tức là nhận cho người ta đặt tú đá ở nhà mình, tiền bán đá chia đôi. Một ngày một đêm lấy được ba mẻ đá cục, bỏ vào các lon nhỏ. Nhưng chỉ khoảng 3, 4 giờ đã có thể gỡ ra vài chục lon nước đặt trong cùng đã thành đá, nếu chịu khó một ngày cũng có thể được thêm một trăm viên của riêng mình, không phải chia với ai cả. Nhưng mà cực. Nửa đêm đang ngủ say với chồng con chợt nghĩ tới món "đá ăn cắp" đó là vợ hần liền vùng ngay dậy chạy sòng sọc vào mở tú đá, dùng chính bàn tay mình xĩa thẳng vào và lấy ra những cục đá trắng toát. Tiểu thư thành phố không thể làm được, chỉ có các cô nông dân với bàn tay to và khoẻ mới dám làm, làm như không, chả thấy mệt nhọc gì. Vợ hần đã được bạn bè của Đoàn văn công sau này là Đoàn Kịch tặng danh hiệu "B. xe tăng" vì sức khoẻ và sự tháo vát trong những công việc nặng nhọc còn hơn các công tử thành phố nhiều. Vệ sinh doanh trại, dọn kho phim và chuyển kho phim những năm sơ tán vợ hần bao giờ cũng là tướng tiên phong. Năm chữa đờn con thứ ba đã được năm sáu tháng, cơ quan cho xe lên vùng đất sản xuất đỡ khoai, đỡ sắn gì đó, vợ hần xung phong xin đi, cản thế nào cũng không được, còn nói: "Các anh không cần em đi luộc sắn cho các anh ăn à? Nấu xôi sắn tưới rưới thêm tí mỡ hành còn ngon hơn nem công chả phượng". Thế là cô ấy được đi. Tới nơi cô ta tổ chức đỡ sắn, bóc sắn, làm món xôi sắn như đã hứa, giờ nghỉ cầm dao phát chặt đám cây nhỏ mọc lúp xúp quanh đồi, chặt chơi chơi thôi mà cũng được mấy gánh củi vút lên xe phải đun được cả tháng. Đêm đi để buổi chiều còn đèo bằng xe đạp các thứ quần áo chăn màn và đồ dùng lật vật về nhà mẹ chồng vì vợ hần sẽ nằm cữ ở đấy, bãi Phúc Xá sắp vào mùa lụt rồi.

Vợ hần đẻ thằng út, nhà không có ai giúp, nhờ chồng nấu cơm, nấu cháo, nấu nước tắm cho con nhỏ và giặt tã lót mấy ngày đầu mặt chồng nhăn như mặt khỉ, động nói động gất mà nào có phải việc của hàng xóm. Gái đẻ bị chồng xử tệ là dễ uất lắm nhưng vợ hần vẫn cười, nói năng với chồng vẫn dịu dàng vì cô ấy biết tính chồng, người lười phải làm việc vất là khổ tâm lắm, chứ không phải lòng dạ đã thay đổi, nên không chấp. Có một chị lớn tuổi đã nói với vợ hần: "Thằng chồng có lúc nó là bố mình, có lúc là con mình, cứ nghĩ thế là bỏ qua được hết".

Trong những năm ở Hà Nội, gia đình hần chưa bao giờ phải thiếu tiền, hần chưa bao giờ phải nghĩ đến tiền, phải tính toán, cân nhắc việc tiêu tiền. Tiền lương tiêu đã không hết lại còn tiền nhuận bút. Hàng xóm hỏi vay năm hào một đồng, mỗi lần gặp người cho vay lại xin khát, giọng nói nét mặt nom rất thảm. Nhà văn không phải lo sinh kế, không phải chạy tiền là chả hiểu bao nhiêu về những người đang sông quanh mình, văn chương hoá ra cao xa, hoá ra trong veo vì thiếu hần cái đục của trần gian, mùi bùn của trần gian. Nên trong rất nhiều năm hần chả viết được gì về cái khu tập thể bám theo ven sông của hần. Phải vào sống ở thành phố Hồ Chí Minh hần mới trở lại làm nhà văn của mọi thời, nghĩa là luôn luôn thiếu tiền. Và những người có tiền, có quyền coi thường hần, khinh rẻ hần, dẫu hần là một đại tá, lại là một nhà văn. Bà Đại là bà chị con cô con cậu, con trai và hai người con gái sang Mỹ ở từ trước năm 1975, còn lại ở thành phố chỉ có cô con gái út, con rể và hai đứa con của họ. Mấy năm đầu mỗi lần hần đến chơi với chị, cháu gái, cháu rể đều chào: "Cậu đến chơi ạ", những đứa trẻ khoanh tay cúi đầu: "Ông đến chơi". Hần cũng chưa hỏi xin hỏi vay tiền các bà chị bao giờ, nhưng các chị cho gì đều nhận, mà của cho cũng nhếch nhếch lắm, là cho người nghèo, người không được trọng. Lâu dần mỗi lần hần đến chơi cũng chả ai buồn chào hần, đến chơi tay nhẹ lúc về tay nặng, toàn thứ tập tàng nhưng không nhận lại phải mua, nhà có tiền không dùng nhưng nhà nghèo vẫn phải dùng. Chị và các cháu sẽ khinh nhưng vợ con lại mừng, thôi, lấy cái vợ con mừng làm nước rửa đi cái nhục, chả sao cả. Con trai lớn nhờ bạn xin mãi mới được chân chạy bàn của một khách sạn nhà nước. Nhưng lúc con được về chơi cả nhà xúm xít nghe nó kể nó đã được ăn những món gì, đến tên gọi cũng lạ nói gì đã được

nêm, toàn thức ăn thừa, nhưng làm bồi được ăn thừa là sướng hơn các em ở nhà rồi, con chị xuýt xoa, thằng em gầm gào: "Ngon thế mà chỉ biết ăn một mình". Còn bố mẹ thì sung sướng lắm vì con được ăn những miếng ngon. Rồi nó bị đuổi việc cùng với mấy đứa bạn do bị nghi đã lấy cắp khăn trải giường. Rồi lại được nhận làm tiếp vì kẻ cắp từ ngoài trèo vào chứ không phải người ở trong khách sạn nhưng con hẳn phải đổi đi làm nhà hàng khác, nhỏ hơn, lương ít hơn. Thế là hẳn phải chạy đến xin với giám đốc cho con được ở lại vì nó đã quen việc. Hẳn ngồi chờ ở hành lang, hai tay thu vào lòng, điệu bộ lo lắng, khúm núm. Giám đốc bước vào cùng với các trợ lý, hẳn đứng bật lên, giám đốc hắt hàm hỏi: "Bác là ai, đến có việc gì?" Hẳn phải nói thật nhanh lời xin của mình rồi nín lặng chờ đợi. Giám đốc nhìn quanh quáo một lát, hình như ông ta đang đợi ai đó chứ chả để lọt tai những lời nói đã được tính toán đến từng chữ của hẳn rồi bảo: "Bác cứ về đi, nếu nó phải làm nơi khác bác có bằng lòng không hay xin thôi việc hẳn." Hẳn cười mếu: "Dạ, thưa anh, tùy anh quyết định" Nhà thơ Trần Nhật Thu có sáng kiến tổ chức một quán ăn mà đội quân chạy bàn là các văn nghệ sĩ vừa hấp dẫn khách ăn vừa có tiền nhét túi cho các nghệ sĩ. Nhưng quán ăn không thành nên hẳn vẫn thất nghiệp. Lại có lời mời hẳn tới ngủ đêm tại một nhà hàng, là ông bảo vệ nhưng được ngủ ở phòng giám đốc có máy lạnh, có điện thoại, được ăn bữa cơm chiều, bữa điểm tâm sáng, lương tháng khoảng vài trăm, vừa nhàn vừa đỡ túng. Hẳn cũng nhận nhưng chờ mãi không thấy ai nhắc lại, rồi cũng thôi. Bạn bè có gợi ý hẳn viết hồi ký thuê cho một số vị giám đốc các ngành công nghiệp có thành tích nổi trội, tên tác giả là của người bỏ tiền, mình chỉ là thợ sắp xếp câu chuyện, đẽo gọt chữ nghĩa, nếu sách viết hay có nhiều bạn đọc, có dư luận tốt thì còn được thưởng thêm tiền. Nhưng hẳn từ chối phắt. Xưa nay hẳn chỉ viết những gì hẳn thích, xác của người hồn của hẳn, chứ chưa viết thuê bao giờ. Đói chết thôi chứ hẳn kiên quyết không đi làm cái nghề hầu bút. Hẳn cũng có tài viết truyện trinh thám, gián điệp nhưng hẳn nhất định không dính vào, chuyện săn người, bắt người chỉ là cái vỏ, còn cái ruột phải là những vấn đề khác cần nói hơn, đáng nói hơn. Đói thế, túng thế mà vẫn viết được năm cuốn sách tiếp tục một phong cách, tiếp tục một dòng tư tưởng, chính hẳn cũng phải tự khen sống thế là được, viết thế cũng là được, có thể chưa hay nhưng không làm tổn hại đến nhân cách của một cây bút.

Chương 30

Năm 1990, hấn vừa tròn sáu mươi tuổi, là cái tuổi đã hoàn thành mọi việc lớn để chuẩn bị cho cái chết. Nhưng nhìn vào đầu hấn cũng thấy buồn. Buồn nhất và lạ nhất là sự tan vỡ của Liên bang Xô Viết và một loạt các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Các thiết chế về chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội của một quốc gia hùng mạnh vào bậc nhất của hành tinh chỉ một sớm một chiều sụm hấn xuống, nằm thẳng đơ và rã ra như đã mỗi một đến cùng cực. Các chính khách nổi tiếng một thời khi ánh hào quang của một siêu cường vừa tắt, lập tức hiện ra như một đám viên chức già nua cũ kỹ, hoàn toàn bất lực trước tình thế mới. Thế giới mất thế quân bình trở nên hỗn loạn với các cuộc chiến tranh vô lý và kéo dài về sắc tộc về tôn giáo. Bao nhiêu niềm tin cao đẹp của những năm đầu thế kỷ bỗng chốc hoá ra vô nghĩa. Văn chương, học thuyết, kinh sách chỉ là những trò chơi trí tuệ phù phiếm vì đã chả làm gì được để ngăn chặn hai cuộc thế chiến, và cũng chả làm gì được trước những la hét, hành động rồ dại của một nhân loại đã mất hết những kinh nghiệm lịch sử trở nên nông nổi, hung bạo. Hấn rất buồn nhưng không hoang mang vì chất viết của hấn luôn lấy xung đột, lấy sự phát triển biện chứng làm nền của mọi câu chuyện. Xưa nay hấn vốn đã không tin câu chuyện thần tiên về một thiên đường dưới hạ giới. Con người vốn có nhiều khiếm khuyết lại muốn tạo dựng một xã hội thật hoàn hảo, không có khiếm khuyết là chuyện không thể có, là chuyện không thật. Xã hội Nga và con người Nga hiện giờ là rất chân thật, thật hơn thời còn là Liên Xô nhiều, vì họ đã phơi bày cái mạnh cái yếu của một dân tộc, một thể chế hết sức tự nhiên, không che giấu. Hấn rất ngưỡng mộ ông Putin, tổng thống Liên bang Nga hiện giờ, ở ông hấn nhận ra một chính khách kiểu mới, có phong cách một nhà lãnh đạo quốc gia ở thế kỷ 21. Hấn thường so sánh hai nhân vật kiệt xuất của nền chính trị Nga trong thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21, đó là Lê nin và Putin. Cả hai ông đều lên cầm quyền trong một bối cảnh xã hội hết sức rối ren, Lê nin phải nói rất nhiều và viết cũng rất nhiều. Còn Putin không nói gì cả, cũng không viết gì cả cứ lặng lẽ làm, cầm cúi làm, cũng không hứa hẹn gì nhiều, lại còn nói với cử tri xin đừng trông đợi quá nhiều ở ông, ông làm gì có phép lạ để trong một thời gian ngắn có thể thay đổi được tất cả. Nói thế là một nhà chính trị rất chân thực, rất có lương tâm.

Những năm 90 cũng là những năm cuối của đời hấn, hấn hay nghĩ lại những năm tháng đã qua, những việc đã làm, những người đã gặp, rồi bằng sự từng trải của tuổi tác hấn đã nhận ra vẻ đẹp của đời thường và sự bất biến của những tính cách mới được xác lập trong nửa thế kỷ qua sẽ thành máu huyết của dân tộc, thành tính cách Việt Nam. Nói thì dễ nhưng hiểu được vẻ đẹp của đời thường với riêng hấn cũng phải mất nửa thế kỷ. Nhận ra vẻ đẹp một cách nên thơ, trong ánh sáng của bình minh thì hấn đã nhận ra từ Mùa lạc, Hãy đi xa hơn nữa từ những năm hấn mới 30 tuổi. Nhưng nhận ra vẻ đẹp của thất bại, của vất vả, trầm luân trong cái quầng sáng vàng ủa của hoàng hôn thì phải từ năm hấn đã 50 tuổi khi hấn viết Hai ông già ở Đồng Tháp Mười. Mãi mãi hấn không quên được ông già thư ký của một trạm máy kéo ở Đồng Tháp Mười, người gầy nhỏ, tóc bạc trắng, đứng đơn độc dưới tán cây gáo cổ thụ nhìn theo cái xuống máy của bọn hấn rẽ nước rời xa một rẻo đất mà hấn nghĩ sẽ không bao giờ có dịp quay lại. Cũng năm 1990 hấn trở lại làng Tả Thanh Oai, tục gọi là làng Tó, nằm bên tả ngạn sông Nhuệ. Đó là quê của nhà chính trị, nhà quân sự, nhà ngoại giao Ngô Thị Nhậm, đất phát tích của dòng họ Ngô Thị và được gặp hậu duệ của dòng đích tên là Trác, chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp. Năm 1944, hấn mới 14 tuổi cùng mẹ và em tản cư về làng Tó, quê của một bà bạn của mẹ, tránh máy bay Mỹ. Mẹ hấn phải đến trình báo với lý trưởng làng và biếu quà, ông này cũng thuộc dòng Ngô Thị. Mẹ hấn con tới xin ở nhờ ngôi chùa làng gọi là chùa Thắm, cách mộ ông bà Ngô Thị Nhậm có một

quãng đường ngắn. Một năm ở chùa, hẳn thuộc lòng mọi cung cách trong sinh hoạt của các sư, mối quan hệ giữa sư cụ trụ trì với các sư đệ tử trông nom các chùa khác, rồi ngôn ngữ nhà chùa, ngôn ngữ của đám con nhang đệ tử, của các vãi. Trong kháng chiến chống Pháp mấy năm đầu mẹ và em hẳn cũng ở nhờ chùa Phương Cái kề sát thị xã Hưng Yên. Hai mẹ con bán hàng xén ở chợ Bảo Châu, không đủ ăn lại làm nghề bóc vỏ hạt sen, chủ đầm sen không trả tiền mà trả công bằng các đầu hạt sen ăn thay cơm, vừa đói vừa thèm cơm lại ăn mỳ cơm nhà chùa. Rồi sư cụ cho em hẳn làm tiểu chùa, mẹ làm vãi chùa quét dọn, hầu hạ sư cụ, chùa nuôi luôn cả hai mẹ con cho tới ngày cụ mất. Thời đi kháng chiến hẳn đã làm y tá một trạm xá của tỉnh đội Hưng Yên cũng là một ngôi chùa làng, chùa Cốc thuộc huyện Kim Động. Mãi mãi hẳn không thể quên sư bác chùa Cốc hơn hẳn vài bốn tuổi, đẹp và thanh mảnh như bông huệ, là chị cứu thương, chị nấu cơm, rồi giặt giũ, khâu vá quần áo cho các thương bệnh binh và bằng cái vẽ đẹp thoát tục chị đã làm ngôi chùa trạm xá thành nơi an ủi, tĩnh dưỡng về cả tinh thần. Những ngôi chùa làng với những nhà sư làm quần quật từ sáng sớm đến nửa đêm, làm ruộng làm vườn, gánh rau ra chợ bán, ủ tương, đóng oản mà mặt vẫn tươi, không than khổ bao giờ, không kêu khó bao giờ, từ bi hỉ xả là những kỷ niệm đầy yêu thương và rất đẹp của hẳn những năm còn trẻ. Những tình cảm ấy, những nhớ nhung ấy hẳn đều đưa vào truyện vừa Sư già chùa Thắm và ông đại tá về hưu. Một nhà sư đã rời bỏ một môi trường vốn rất u tĩnh của kẻ xuất gia bỗng chốc nhón nháo bởi những thói hư của thế tục, lại trở về ngôi chùa vô danh từ đó ông đã ra đi, để tìm lại chính mình. Một đại tá quân đội sau nhiều chục năm nam chinh bắc chiến nay trở về làm ông già bình thường sống với con gái và cháu ngoại. Mọi tham vọng đã thuộc về quá khứ, cái nghĩa vụ làm trai thời chiến đã hoàn thành, đôi bạn tưởng là rất xa nhau về lý tưởng về cách sống lại cảm thấy rất gần gũi nhau khi cùng ngắm cảnh hoàng hôn.

Hẳn ở lại Tó vài ngày và ở với gia đình Trác, vì Trác là chủ nhiệm hợp tác xã mà cũng vì muốn được quan sát kỹ hơn một giọt máu của cái dòng họ đã sinh ra nhiều nhân vật nổi tiếng về cả chính trị lẫn văn chương trong lịch sử Việt Nam thời cận đại, xem thử có còn dấu tích gì lưu giữ được cho đến hôm nay. Càng trò chuyện với Trác hẳn càng buồn cười vì ông cháu hôm nay chẳng giống chút nào với các cụ tổ nổi tiếng thời xưa. Trác không đọc sách và cũng không thích đọc sách, chẳng biết một tí gì về công tích và văn chương của các cụ tổ nhà mình. Trác đã đi lính chiến đấu ở mặt trận Thừa Thiên, hết chiến tranh lại sống sót thì về nhà đi cày, gặp thời buôn bán dễ dãi thì đi buôn làm giàu như mọi người. Sáng chưa rõ mặt người vợ Trác đã đội thúng bánh cuốn trắng trong đêm ra đầu làng chờ xe buýt lên Hà Nội, khoảng trưa đã về lại ra đồng làm mầu hoặc bắc nồi rượu nấu. Chồng buổi sáng ra nhà để máy xay xát mới mua nhận thóc xay, chiều ra trụ sở hợp tác xã, sau bữa rượu tối hai vợ chồng lại chụm đầu tính toán tiền thu chi trong ngày. Mà vui lắm, ai cũng có việc làm, việc nào cũng kiếm ra tiền, tháng này vài triệu, tháng sau vài triệu, một năm là bao nhiêu triệu, hy vọng gần, tham vọng cũng nhỏ nhoi, còn việc thì làm hết việc đặt lưng xuống là ngáy bằng sấm, Trác nói thế. Còn nói: "Em bốn mươi tuổi rồi đấy nhưng ai cũng bảo chỉ ngoài ba chục là cùng, chẳng lo gì hết, việc nước có cấp trên lo, việc xã có xã lo, em chỉ lo mỗi việc của hợp tác xã, từ ngày khoán hộ làm chủ nhiệm cũng nhàn lắm". Nói rồi cười, lại tớp một ngụm rượu, nhai một miếng thịt, sừng thế mà bảo chưa sừng thì thế nào mới là sừng. Ồ, nghĩ thế cũng phải, làm người nổi tiếng mà làm gì, toàn chết bất đắc kỳ tử với chết yếu thôi. Ngô Thị Sĩ giận con là Ngô Thị Nhậm phải uống thuốc độc tự sát năm 54 tuổi. Ngô Thị Nhậm thì bị kẻ thù đánh gần chết ở Văn Miếu, thọ 57 tuổi; Ngô Thị Chí, em Ngô Thị Nhậm, tác giả Hoàng Lê nhất thống chí, hưởng dương có 35 năm. Làm anh chủ nhiệm hợp tác xã mãn nguyện, mặt phẳng lì như trẻ thơ, sáng làm đĩa bánh cuốn ăn với giò với chả, tối làm cút rượu nhắm với dồi lợn, với thịt chó. Mọi người đều sống như thế cả, suốt chiều dài của lịch sử người dân chỉ có mấy việc phải làm, đi lính khi nước có chiến tranh, rồi đi cày, lúc rảnh rỗi thì đi buôn, truyền từ đời này sang đời nọ, chẳng tiếng tăm gì

cả, chẳng lưu danh gì cả nhưng bãi hoang, rừng rậm đã thành làng, thành ruộng, thành đường, thành các dòng họ, thành dân tộc, thành quốc gia, là tổ tiên, ông bà, cha mẹ, anh em, bè bạn, hàng xóm láng giềng của các danh nhân, danh tướng. Họ là những vật liệu nguyên sơ, luôn luôn có sẵn, chỉ đợi một nháng lửa, một trận gió là lập tức bùng cháy thành ánh sáng, thành hào quang làm rạng rỡ cả một thời. Viết về những số phận nhạt nhẽo, tầm thường với những vui buồn bé nhỏ là rất có lý. Vì không có cái nhạt nhẽo của một ngày, một đời, của nhiều đời thì lấy gì mà nuôi dưỡng những nhân vật xuất chúng, kỳ tài. Và... tất cả bỗng nhiên thay đổi trong con mắt của hắn. Nói một cách ngoa ngôn hắn có thể viết được tất cả những gì nằm trong tầm nhìn tầm nghĩ của hắn. Hắn đã bước vào một thời kỳ viết mới ở tuổi sáu mươi, bắt đầu từ cái truyện ngắn miêu tả cái thân phận buồn cười của chính hắn trong cái buổi giao thời, từ cái thời kinh tế được chỉ huy bằng các biện pháp hành chính, xã hội xếp hàng dọc đợi đến lượt mình mua hàng, in sách, đề bạt và cả đợi lượt được thi thố tài năng sang cái thời kỳ kinh tế theo cơ chế thị trường, theo luật cung cầu, đồng tiền chỉ huy tất cả, nó là bản vị mới của mọi giá trị, "là tiền là phật" như lời ca của một bài đồng dao thời hiện đại. Nhưng hắn sinh ra là để sống trong trật tự, trong xếp hàng chờ đến lượt mình, ngoan ngoãn, khiêm nhường, làm sao có đủ bản lĩnh để nhảy vào một thế giới cạnh tranh. Có người khuyên, hãy viết truyện tình báo, gián điệp, truyện ái tình tay ba tay tư, truyện giám đốc ăn cắp tiền công và ngủ với các cô thư ký, và tên sách phải đặt cho kêu, gọi được sự tò mò, bìa sách phải có đàn bà đẹp, con gái đẹp, có súng và xác chết, hãy làm thử đi, làm được đây, mấy cô thợ may ở Đồng Nai còn viết được tiểu thuyết mỗi năm vài cuốn, hưởng hơ là một nhà văn chuyên nghiệp. Hắn đành cười xoa và nhận thua, cái thời này đâu còn là của hắn mà lại mong xuất đầu lộ diện. Hắn chỉ viết được những gì hắn muốn viết, hắn viết về cái nhạt nhẽo, cái tầm thường của mỗi ngày, của một đời vậy. Trước hết viết ngay chính hắn trong cái truyện Anh hùng vĩ vận. Bạn đọc tìm đọc và mỉm cười, thế là thắng rồi. Rồi hắn viết ngay chính bà chị hàng xóm sống với nhau gần hai chục năm ở xóm lũ. Một người vợ tự nguyện làm nô lệ cho một ông chồng rất vô tích sự mà vẫn sợ người ta giận rồi người ta bỏ thì khổ. Với chị ông chồng đã là thần linh rồi, phải chiều chuộng, sớm tối nhang đèn chứ không nên trách, không nên oán và cũng không nên buộc ông chồng phải chú ý, phải nhúng tay vào những việc nhơ nhớp của cõi phàm, như lương đưa không đủ nên nợ chưa trả được, con không được bố dạy dỗ nên học kém, ham chơi thành đứa trẻ, như... Trong truyện vợ chồng chị Vách có nhiều chi tiết của chính vợ chồng hắn, vợ hắn là chị Vách, còn hắn cũng không đến nỗi tệ như ông chồng của chị, cũng là người có tiền và có danh nhưng cách đối xử với vợ thì chẳng sai chút nào. Viết về người lại được dịp tự cười với mình nên câu văn vừa hoạt vừa vui, viết rất nhanh, rất thoải mái, truyện Đời khổ được bạn đọc hoan nghênh ngay. Khi tới thăm động Từ Thức ở Nga Sơn hắn chỉ chú ý có gia đình anh thương binh mù, còn bỏ ngoài tai cặp vợ chồng thần tiên Giáng Hương - Từ Thức. Chuyện thần tiên là chuyện để giải trí còn chuyện cặp vợ chồng anh thương binh là một biểu tượng của tính cách Việt Nam. Người chồng vì lòng kiêu hãnh dám chấp nhận thử thách, người vợ vì lòng kính trọng người đàn ông mà chị ngưỡng mộ tự nguyện bù đắp cho anh bằng một gia đình yên ấm mà chỉ riêng có một mình chị phải gánh chịu mọi nỗi nhọc nhằn. Đó là truyện Cặp vợ chồng dưới chân động Từ Thức. Rồi lại chuyện một bà hàng xóm, là người làm tương ngon nổi tiếng còn sót lại của đất Cự Đà, đòi lên Hà Nội để ẵm cháu đích tôn, thành một bà vú già nửa quê nửa tỉnh, sống gượng gạo, giả dối, con dâu thì lười, con trai thì gắt vì bà không được sống đúng với nghề nghiệp của mình, với môi trường của mình. Cũng như một người viết văn thì rất tồi nhưng làm công việc quản lý, quản trị thì tuyệt giỏi, trong nửa năm cầm quyền đã thay đổi hẳn bộ mặt cơ quan. Hãy múa võ trên mảnh đất của mình, chẳng ai dám tranh tài với anh cả (Người của nghề). Lại có một chuyện nếu không phải là hắn cũng khó có nhà văn nào nhận ra và viết được. Ấy là một người sống vì quá tôn trọng đồng loại lại bị chính đồng loại khinh lờn. Cũng là chuyện của chính hắn khi thằng con lớn bảo hắn sống bình dân quá, nói năng khiêm nhường quá, nói với ai, kể cả với đám trẻ con cũng vâng cũng dạ nên hàng xóm đâm coi

thường. Hần nói: "Sống tử tế, sống khiêm tốn người ta không thích à?" Nó cãi: "Ồ đời người ta thích được làm bạn với người giàu người sang chứ ai thích đánh bạn với người hèn, người nghèo". Hần cười: "Ai dám bảo tao hèn?" Nó cũng cười: "Không hèn nhưng đáng điều của bố lắm lúc cứ khúm núm thế nào." Khoảng những năm 80 khi viết tiểu thuyết Điều tra về một cái chết, đoạn viết về đội Trần, một người theo đạo Cao Đài đăng lính sang Pháp tham dự thế chiến 2, được tặng huân chương, được thăng cấp đội, có lần qua Mã Đảo liền vào thăm hộ pháp Phạm Công Tắc đang bị quản thúc ở đây. Năm ở nhà ông Hộ pháp ngồi trên ngai rắn, giáo đồ quỳ dưới đại điện, cái khoảng cách ấy đã gây uy, gây nghiêm cho người cầm đầu mỗi đạo, tạo nên những ấn tượng thiêng liêng với giáo đồ. Ở nơi bị quản thúc ông hộ pháp cũng giống như mọi can phạm chính trị khác, còn đội Trần lại là người có công với nước Pháp, được đặc cách tới thăm bạn tù thành thử ông giáo chủ hoá ra ông già bé nhỏ, tầm thường trong cách nói, cách cười, cách hỏi han. Vàng hào quang bao quanh vị giáo chủ đã biến mất thì lòng tin mê muội của giáo đồ cũng lập tức tàn lụi theo. Đó là nguyên nhân sâu xa cái chết bí ẩn của đội Trần khi anh trở về toà thánh và được đức hộ pháp cho trông nom cơ Thánh vệ. Đội Trần chỉ là một nhân vật hần được nghe thoáng qua khi trò chuyện với mấy người trong đạo. Còn lại là hần bịa hết, bạn đọc Cao Đài viết thư hỏi hần: "Ông viết rất đúng về Hai Trần, ai kể cho ông biết được những chuyện đó thế?" Chính hần cũng không tự biết tại sao hần viết được thế, chẳng qua là đoạn trước mở lối cho đoạn sau, câu trước kéo theo câu sau, hình ảnh gọi hình ảnh, câu chữ gọi câu chữ mà thành chứ còn biết tại sao! Đột nhiên lại nghe thằng con trách móc cách sống quá nhũn nhặn của hần, liền nhớ ngay tới ông Bọt và câu chuyện buồn cười về cách đánh giá của đám đông hình thành trong nháy mắt. Truyện ngắn Sống giữa đám đông đã được viết như thế. Rồi chuyện về một bà cô tài sắc vẹn toàn mà một đời vất vả, lúc trẻ thì vì chồng, về già thì vì con (Má hồng); chuyện về các bà chị tiểu thư, sống đài các và cô độc trở thành các cô cấp dưỡng cho Sở Liêm phóng năm cách mạng vừa thành công, và cái kết cuộc tầm thường chả nên thơ chút nào của mấy bà (Đã từng có những ngày vui); chuyện một ông anh đẹp trai, một tiểu đoàn trưởng có tiếng thời Hưng Yên bị Pháp chiếm đóng vợ phải một bà vợ lắm mưu, hám quyền thành một ông già tàn tạ lúc cuối đời... Nhiều chuyện lắm, thì ra cái "thực tế" của đời hần cũng đến là lắm chuyện và chuyện nào cũng có thể viết được cả. Nếu so vốn sống thì hần sống nhiều hơn, biết nhiều hơn, từng trải cũng nhiều hơn và sống cũng lâu hơn, tuổi hần gần gấp đôi tuổi các ông Nam Cao, Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng, hần chỉ thua các ông ấy về văn thôi, vì đã không sinh được một nhân vật văn học nào có sức quyến rũ lâu dài như Xuân Tóc Đỏ và Chí Phèo. Thua xa! Mà thua là phải vì chúng là những đứa con tinh thần của các thiên tài. Đã nói tới cái tài trời cho là hết nói, hết lý lẽ, nó mãi mãi là một bí mật mà không có nhà lý luận văn học nào phân tích được cái cơ cấu huyền diệu của nó. Nó không có mẫu số chung, nó là muôn vàn cách, mỗi thiên tài một cách riêng, cái tài ấy chỉ nảy sinh ở riêng con người ấy, có một tiểu sử riêng như thế ấy. Ngưỡng mộ thì được, tò mò tìm hiểu thì vô vọng. Đã bảo nó là một bí mật của tạo hoá mà. Khi viết truyện ngắn Nghệ nhân ở làng, người thì có thật, nghề phải học khoảng một buổi, chi tiết là của nhiều người ghép lại, nhưng cái hồn của truyện là của riêng hần, là một mơ mộng táo bạo và vô vọng của chính hần, ấy là lần tìm những bí mật trong sáng tạo của các thiên tài. Nhà văn Stéfan Zweig, một tác giả viết nhiều tiểu sử các danh nhân mà hần rất mê đọc từ những năm hần mới 30 tuổi, cũng có tham vọng y như hần, tìm hiểu những cơ cấu sáng tạo của các thiên tài. Ông này rất giàu, lại có cái thú sưu tầm những bản thảo nổi tiếng của các nhạc sĩ, thi sĩ, văn sĩ, giá đắt bao nhiêu cũng mua. Từ những trang bản nháp với những sửa chữa, những gạch xoá, những lấy lại, những thêm vào, ông lần mò những dấu vết dẫn đến những hình tượng nghệ thuật bất hủ của các thiên tài. Chính ông cũng là một tài năng văn chương lỗi lạc của châu Âu, có bạn bè là những tên tuổi sáng chói khắp các châu lục, lại có lòng ái tài, hần đọc của ông cũng được biết thêm nhiều lắm, hoàn cảnh lịch sử, môi trường xã hội, tiểu sử cá nhân, những tình huống kỳ lạ mà các thiên tài ấy phải đối mặt, những bức xúc bất thần, những nỗi đau, những đối nghịch, những mơ

mộng, những tuyệt vọng... tất cả đều được nghiên cứu tỉ mỉ, có văn bản rõ ràng. Chàng sĩ quan công binh của binh đoàn sông Rhin, Rouget de Lisle trong một đêm xuất thần của năm 1792 đã làm lời và nhạc bản quốc ca của nước Pháp Marseillaise trong hoàn cảnh nào, sau đó ông ta lại sống vô danh và nghèo khổ cho tới lúc mất. Ông là thiên tài của một đêm. Nhạc sĩ thiên tài Đức Haendel đã sáng tác bản thánh ca Le Messie trong tâm trạng ra sao vào lúc cuối đời. Và Dickens với cuốn tiểu thuyết đăng nhiều kỳ trên báo Những cuộc phiêu lưu của ông Pickwick. Rồi cái thế giới đen tối đầy những đối nghịch của Fédor Dostoiewski. Một nhà quý tộc muốn được làm người bình dân, một đời khắc khoải vì sự tự hoàn thiện, Léon Tolstoi. Ông Zweig không chỉ tìm hiểu những giây phút ngây ngất của hân hoan, của tự do, làm bùng cháy ngọn lửa sáng tạo mà còn cả những giây phút đen tối nhất, ảm đạm nhất của tấn bi kịch tới hồi kết thúc của Marie Stuart, của Marie Antoinette, của Napoléon, của Fouché. Đại đề là những giây phút có sức nặng của một nhân loại, mãi mãi gây hứng thú tìm hiểu, ngõ hầu có thể nhận ra trong thoáng chốc cái huyền cơ của tạo hoá. Đọc thì vui chứ cũng chả hiểu gì thêm cái mà mình muốn hiểu. Bởi vì từ ngày mới cầm bút cho tới tận hôm nay hấn vẫn thắc mắc những công việc có tính chuyên môn, tính kỹ thuật để tạo dựng các nhân vật bất tử Xuân Tóc Đỏ, Chí Phèo. Hình như không có kỹ thuật gì, không có bí mật gì, vẫn là chuyện đời, chuyện tai nghe hàng ngày, mắt thấy hàng ngày, quen cả, rất quen của vô vàn tính cách Chí Phèo, Xuân Tóc Đỏ khi các biểu tượng điển hình của nó chưa xuất hiện. Có điều trong đời thường thì nó nhạt nhòa, thô lậu, tản mát, có chất liệu nhưng chưa có hình thù, chưa có tên gọi, sống lẫn với mọi người hoặc ngay trong một người, khi nhận ra thì người ta chỉ buông một câu chửi: đồ lưu manh, quân mất dạy, thằng ăn vạ! Thế là xong. Nhưng bây giờ thì những tính cách ấy đã có tên gọi hấn hoi, có hình thù hấn hoi để thiên hạ có thể chỉ tay day mắt, có thể chế giễu, lên án và cũng nhận ra cả sự bất lực để loại bỏ cái nòi giống ấy ra khỏi cộng đồng. Hấn tin rằng ngay các cha đẻ của chúng cũng không thể ngờ mình đã sinh ra những đứa con quý quái bất tử, chỉ là viết trong một lúc hết sức sáng khoái, viết để đùa giỡn, viết để trả thù mọi sự bất công ở đời. Viết để chửi đời qua miệng một thằng lưu manh mới sượng, mới hả. Nó càng nói những câu ngây ngô, ảm ớ càng khoái. Dùng Xuân Tóc Đỏ để chửi cái xã hội nhố nhăng là tuyệt nhất. Cũng như dùng Chí Phèo để chửi cái đám hương lý kỳ hào bản thủ mà hồng hách, chửi thẳng mặt, không cần che giấu cũng thật hết ý. Viết cho hả giận, cho bồ uất. Chính là cái giận cái uất lâu ngày lại nhân gặp một chuyện thương tâm, hoặc một chuyện vô lý rót thêm vào lập tức bùng cháy thành lửa xanh và cả một thế giới tưởng tượng với hình thù, câu chữ loé sáng, lung linh như hiện ra cho mà viết, như đọc lên cho mà viết, viết như mê đi, như nương theo một chỉ dẫn nào đó, người viết thành công cụ được điều khiển từ rất xa, từ rất sâu, viết mà cũng không biết mình đang viết những cái gì. Người ta thường gọi trạng thái khác thường ấy là xuất thần, vừa là mình vừa không phải là mình. Hấn chỉ tiếc Vũ Trọng Phụng mất năm còn quá trẻ, môi trường sống quá hẹp, cái biết về các tầng lớp phía trên còn quá ít nên không dám để Xuân Tóc Đỏ dẫn bước tiếp những cuộc phiêu lưu mới, mà cái thằng lưu manh ấy cũng đã đủ lông cánh để lao vào những trò chơi có tầm vóc lớn hơn rồi. Tức là hấn muốn Xuân Tóc Đỏ phải được trúng cử vào nghị viện thành nghị sĩ, từ đó mà được giao tiếp với những "týp" người còn vô lý hơn nhiều, buồn cười hơn nhiều, là cái thế giới quan lại của một xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Chắc chắn sẽ lại là một cuốn sách rất hay (Số đỏ quyển 2 chẳng hạn), viết về cuộc phiêu lưu của một tên bất lương vào cái thế giới bất lương của các chính khách ở xứ này trước năm 1945 để bạn đọc có dịp được cười thật thoải thuê, cười đến ghen thờ. Nếu viết được thế thì Số đỏ sẽ trở thành một kiệt tác của thế giới mất.

Hình như hấn đang dò tìm những lối đi đã bị xoá sạch của một tác phẩm nổi tiếng của văn chương Việt Nam thì phải. Cũng là bàn suông thôi, chứ tài cán như hấn làm sao dám mon men tới cái lãnh vực siêu nhiên ấy. Nhưng có một sự thật là hấn muốn có được cái công thức làm nên sự bất tử, cái công thức huyền bí của những người gọt tượng xưa có thể khiến các pho tượng gốc sống lại và trò chuyện rì rầm

mỗi đêm, những pho tượng đã trở thành linh vật tại các đền, phủ, chùa, miếu của một thời. Đó là cái ước ao kiêu ngạo của một anh thợ đục đẽo tượng gỗ ở làng, và cũng là một ao ước vô vọng của chính hắn. Truyện viết thì giản dị, khiêm tốn nhưng ý tưởng chứa đựng bên trong là sự day dứt khôn nguôi. Chẳng hiểu bạn đọc có cảm nhận được những điều không thể nói của hắn không?

Chương 31

Những năm 90 hẳn đã có bạn đọc ở thành phố Hồ Chí Minh, nhiều tờ báo lớn yêu cầu hẳn gửi truyện ngắn, bút ký, tạp văn cho trang văn hoá văn nghệ của báo. Cứ mỗi tờ nuôi hẳn một đạo, thoát đầu là báo Tuổi trẻ, rồi báo Lao động, rồi báo Công an thành phố, khi Tạp chí Văn hoá Văn nghệ của Bộ Công an ra mắt bạn đọc hẳn lại được mời viết bài thường xuyên. Đó là những tờ báo có nhiều bạn đọc, ban biên tập biết lấy con mắt xanh đối đãi với người cầm bút nên trả tiền nhuận bút rất hậu. Hẳn đến với các tờ báo ấy như một thành viên của toà soạn, ẩm áp, tin cậy, cười nói thoải thích như thời đang sống ở tạp chí Văn nghệ Quân đội của những năm 60 và nửa đầu những năm 70. Cái không khí bạn bè trong nghề trọng nhau, tin nhau đã giúp hẳn giữ được ngọn lửa của tuổi trẻ, của người trong cuộc, tham gia vào cuộc tranh luận âm thầm về sự lựa chọn những cách sống về những giá trị mãi mãi còn nguyên vẹn đã làm nên tính cách Việt Nam. Thành phố Hồ Chí Minh và các báo của thành phố đã nuôi hẳn cả phần xác phần hồn để hẳn có thể bước vào một thời kỳ sáng tác mới hào hứng, sôi nổi như những năm hẳn mới có ba mươi tuổi. Có Tết hẳn có truyện ngắn đăng trên bốn tờ báo của Hà Nội và của thành phố, còn trong kia thì hầu như tháng nào hẳn cũng có bài không của báo này thì báo kia. Mãi mãi hẳn biết ơn những người bạn mới quen biết của thành phố, bạn trong nghề và bạn khác nghề bằng những chăm sóc rất thiết thực, rất chân tình đã giúp hẳn giữ được niềm tin, niềm vui và rất nhiều hy vọng để hẳn có được những năm tháng đầy ấp những ý tưởng mới mẻ, chủ đề mới mẻ, cách viết mới mẻ, để có thể ngày nào cũng được viết những trang văn mới, đã sang tuổi 60 lại được tái sinh thành một cây bút trẻ, càng viết càng tự khám phá những vỉa mạch còn nguyên sơ chưa có thì giờ đụng chạm đến. Về già hẳn vẫn được sống trong hồi hộp, trong hy vọng của người đang tiếp tục cuộc chiến với chữ nghĩa khi thắng khi thua, khi vui khi buồn, không ngồi không ngày nào, không để đầu óc rảnh rỗi ngày nào, sống vội hơn, viết cũng vội hơn vì hẳn có thể sai khiến cái đầu nhưng không thể sai khiến trái tim của hẳn, xem chừng mỗi ngày một mệt mỏi hơn, uể oải hơn và hình như đã muốn xin được nghỉ ngơi hoàn toàn. Nếu như hẳn có trái tim của người ba mươi tuổi nhỉ, không chừng hẳn sẽ tìm ra nhiều bí mật của cái nghề cầm bút cũng nên.

Sau ngày về Tó, được trò chuyện với Ngô Thị Trác thuộc con cháu dòng đích của Ngô Thị Nhậm, hẳn thay đổi hẳn lãnh vực quan tâm, không phải là trái cây, thân cây mà là bộ rễ cây, vùng đất ươm trồng của cây, là cái đồng nhờ nhờ, hỗn mang, chưa có hình thù màu sắc gì cả. Là một Ngô Thị Trác, đã bốn chục tuổi đầu mà chả có một ham mê gì, một khuynh hướng gì về chính trị, văn chương ngoài việc mưu sinh, việc kiếm tiền, sáng lo việc sáng, tối lo việc tối, với những mong ước gần, những hy vọng gần, một người bình thường với những công việc bình thường, là cái cỗi nhân gian bé tí, nhờ nhờ mà hẳn đang sống, vợ con hẳn đang sống, lại không đáng để hẳn viết sao, lại không có một nghĩa lý gì sao?

Ở thành phố Hồ Chí Minh lắm lúc hẳn rất nhớ Hà Nội, nhớ các mùa của Hà Nội, các đường phố của Hà Nội, nhớ bãi Phúc Xá và những mùa lụt lên ở nhờ cơ quan, nhớ lúc lấy vợ, lúc sinh con, nhớ cái năm con đã lớn mở khoá dây lưng kêu lách cách và dựng xe đạp ở một góc sân cùng với bạn bè. Mỗi ngày nhớ một tí, lúc rảnh rỗi lại nhớ, đêm nằm khó ngủ cũng nhớ. Nhớ cả những tiếng rao quà lúc hẳn còn nhỏ ở Hà Nội, tiếng rao xôi lúa lúc tờ mờ sáng ở phố Hàng Bún, tiếng rao phở đêm ở ngõ Hầm Bốn Gian, tiếng rao cháo đỗ xanh chè đỗ đen các trưa hè dọc phố Huế. Hẳn còn nhớ cả cái xe thùng có vòm mui sơn vàng, ngựa kéo, bán bánh mì nóng với miếng chả trâu rắc muối tiêu kẹp giữa mỗi sáng mùa đông ở phố Sinh Từ năm hẳn mới sáu, bảy tuổi. Bạn bè, người thân, những kỷ niệm của một thời

ầu thơ, một thời thanh niên, của mọi sự bắt đầu của một đời người, trong xa cách, trong nhớ nhung bỗng hiển hiện hết sức rõ ràng trong một vùng sáng nhạt hơi mờ ảo của hoàng hôn, gần như đã tãi hết lên trang giấy, chân dung, ngôn ngữ, hình ảnh còn đọng lại, chi tiết đã được năm tháng lưu giữ, tất cả đã sẵn sàng chỉ còn đợi hấn cầm bút tô lại, viết lại... Hấn mở đầu các truyện viết về Hà Nội bằng Một người Hà Nội rồi Tiền, rồi Danh phận, rồi đến Đã từng có những ngày vui, Chị Mai... đội ngũ những gương mặt thân quen đòi được viết, đòi được nói cứ dài dần mãi ra nhốn nháo, chen chúc. Một nữ luật sư kiêm nghệ sĩ dương cầm, một cặp vợ chồng tài tử giai nhân chồng đạo diễn vợ diễn viên là kỷ niệm về một Hà Nội vừa được giải phóng. Viết về ông Kim Lân đã thấy thấp thoáng bóng ông Trọng Hứa đứng phía sau, hai ông có gương mặt và vóc dáng nhìn xa rất giống nhau, và cũng vì sự nhầm lẫn tai hại ấy mà ông Trọng Hứa giận hấn cho tới ngày mất. Viết về người Hà Nội hôm nay lại nhớ đến người Hà Nội của ngày xưa, tất nhiên người của hôm nay quyến rũ hơn nhưng khi họ trò chuyện với hấn, thậm chí còn chửi hấn một cách oan uổng thì hấn lại sợ cái hôm nay quá, cái hôm nay trơ tráo, trắng trợn, có thể nói bất cứ câu gì, làm bất cứ chuyện gì nếu không có những ràng buộc của một Hà Nội kinh kỳ ngày xưa ngăn giữ lại. Hấn đã trải lòng ra gần hai năm trời, lúc nghỉ lúc viết, ngoài những chuyện ra Hà Nội để " nạp thêm năng lượng " mới, hấn không đi đâu cả, không nghĩ gì khác để khỏi làm loãng những mơ mộng của hấn đang dòn về một vùng kỷ niệm, về những con người đang lùi dần vào quá khứ mỗi năm mỗi xa hơn, một mờ dần. Chính hấn cũng đang lùi dần vào quá khứ bằng cái thái độ dửng dưng như đã tách ra, đã thoát ra những tin tức, những trao đổi của bạn bè, của con cái về những thay đổi này khác trong giới quan chức nhà nước, về nền kinh tế thị trường với vô vàn chuyện hay và chuyện không hay của nó, về đầu tư và hội nhập, về những triệu phú đô la mới của Hà Nội và những cuộc phá sản hết sức thương tâm ở các thành phố lớn... Tất cả những chuyện lớn chuyện nhỏ cứ rì rầm như mỗi lúc một xa dần đi, nhỏ dần đi, chả còn một chút quan trọng nào nữa. Tức là hấn sắp trở về với hư vô rồi, để hoà nhập vào cái khối hỗn mang không hình, không sắc của trời đất. Nếu tính từ truyện ngắn đầu tay Ra ngoài được in trên tạp chí Lúa mới của Chi hội Văn nghệ liên khu 3 năm 1950 thì hấn đã có trên năm chục năm trong nghề gấp gần năm lần tuổi nghề của Vũ Trọng Phụng, gấp hai lần tuổi nghề của Nam Cao, cái gì cũng hơn hai ông anh cả, thời thế tiểu thuyết hơn, bạn bè đông đảo hơn, đi nhiều hơn, biết nhiều hơn, thời gian để viết cũng nhiều hơn, lại được nhà nước cho nhà, chữa bệnh và nuôi ăn cả đời mà những đứa con tinh thần lại yếu đuối còi cọc, đi mới được nửa cuốn sách đã chân nọ đá chân kia, mặt mũi méo mó, ăn nói chẳng đâu vào đâu, không còn ra cái giống người, cái ngữ ấy có chết non chết yếu cũng là đáng. Là làm sao thế nhỉ? Còn sao giảng gì nữa! Là do hấn kém tài so với các bậc đàn anh, chứ nếu có được cái tài như hấn mong muốn thì thiếu gì cách để tạo ra những hình tượng nghệ thuật có thể chuyển tải toàn bộ tư tưởng của hấn tới bạn đọc. Kém tài là cái chính nhưng cũng còn có những quan niệm chưa chuẩn xác về các chức năng của nghệ thuật một thời; về sự thiếu niềm tin của bạn đọc vào lòng yêu nước và khuynh hướng cách mạng bẩm sinh của các nghệ sĩ nên hay nghi ngờ, hay bắt bẻ; về tính ganh ghét giữa các tài năng nhỏ với các tài năng lớn nên hay bày ra những chuyện ngoài nghệ thuật để hãm hại nhau; có cả sự thiếu bao dung, thiếu thông cảm của những người làm công tác quản lý nghệ thuật với những cá tính bất tuân, ngang tàng của một vài tên tuổi lớn, mà theo hấn, họ làm thế chẳng qua để trêu chọc cho vui, để làm giai thoại trong giới, chứ bản chất các nghệ sĩ có tài lớn là hết sức hiền lành, hết sức chất phác, họ là một với tiến bộ, phát triển chứ chưa bao giờ là vật cản. Và còn một điều này nữa, mỗi lần nghĩ đến hấn lại bật cười với chính mình, vì cái lỗi này phải chia đôi, nhà nước chịu một nửa, các nghệ sĩ chịu một nửa. Ấy là, chế độ mới với tầm lòng ưu ái hơi quá mức đã biến các nghệ sĩ của mình thành một tầng lớp viên chức với tham vọng viên chức, ganh ghét viên chức, tính toán viên chức, là các viên chức nhà nước lúc thâm nhập thực tế, lúc sáng tác, lúc quan hệ với nhau, chả giống tí nào với cách sống cách viết của các bậc tiền bối trong nghề những chục năm đầu của thế kỷ. Và những vui buồn, lo lắng của giới viên chức càng không giống

với các nhân vật văn học của họ. Các nhân vật đều phải tự nuôi mình còn các nghệ sĩ đều được nhà nước nuôi. Giữa những người tự nuôi và những người được nuôi có một khoảng cách xa lắm, chả lẽ thương vay khóc mướn mà làm được tác phẩm nghệ thuật lớn sao? Chuyện văn chương của hắn tới đây cũng nên chấm dứt. Hắn phải trở lại câu chuyện gia đình của hắn, chuyện vợ chồng hắn, vì những oan ức đó mà hắn có nhu cầu tự nhìn lại mình và viết nên cuốn sách này. Từ năm hắn được một lúc hai giải thưởng văn học lớn đã nghĩ vợ con sẽ rất vui vì được làm vợ làm con một người nổi tiếng, nào ngờ lại là điểm bắt đầu của một tấn bi kịch gia đình hết sức vô lý và buồn cười. Trong sự nghiệp của hắn có tới một nửa là của vợ, vậy mà trong lời phát biểu với báo chí hắn chỉ nói tới thời thế và bạn bè, chả đề động một tí gì tới người bạn đường, người cộng tác, người chịu phần vất vả nhất của một gia đình để hắn có một nơi trú ngụ ấm áp, êm ái, yên tâm ngồi viết. Xưa nay nhiều nhà văn chả được bất kỳ giải thưởng nào vẫn nghĩ được ra vô vàn cách để tưởng thưởng công lao cho vợ mình. Lẽ ra khi đi nước ngoài nhận giải thưởng hắn phải dành hắn một số tiền, cũng chả nhiều lắm, mua một món quà có giá trị tặng vợ. Đằng này hắn chả mua gì cả, đưa phong bì tiền cho vợ, nói một câu: "Bà xem có đứa nào cần tiền thì cho nó một ít". Vợ hắn nín thinh, mặt lạnh ngắt, lúc nào cũng nghĩ đến con, không có vợ mà có được con sao? Có lần đi họp ở nước ngoài với ông anh Tô Hoài thấy ông chọn lựa mua sắm rất nhiều thứ cho vợ hắn đã cười thầm: "Ông này sống cũng Tây nhì?" Tây là thế, còn Ta thì sao? Người đàn bà sống với mình là vật sở hữu của mình việc gì phải chiều chuộng nịnh bợ. Ngẫm cho cùng bố hắn bỏ mẹ hắn như vứt cái áo cũ cũng có cái lý của nó, dòng họ hắn chưa bao giờ tôn trọng thật sự người đàn bà trong gia đình cả. Xưa nay đi họp ở nước ngoài về hắn chưa hề mua một món quà nào đáng giá để tặng vợ, thuở trẻ có thể bỏ qua, về già đối xử với nhau thế ắt hẳn muốn ruồi nhau ra chứ gì. Nên vợ hắn phải tỏ cho hắn biết hắn muốn bỏ vợ cũng không dễ đâu. Tất nhiên ở thời buổi này người đàn ông bỏ vợ cũng nhiều mà chả có điều tiếng gì, là quyền tự do cá nhân, luật pháp nào can thiệp được. Miễn là được các con bằng lòng, miễn là người bố không được đụng chạm đến tài sản đang có của gia đình. Từ nay ông có ốm đau, đi nằm bệnh viện, rồi chết, rồi ma chay đã có bà vợ mới lo, các con bà vợ mới lo, còn bọn chúng sẽ đứng ngoài, vừa bớt được một người già phải chăm sóc, lại vừa được tiếng sống rất tân tiến, rất hiện đại. Cho nên vợ hắn phải ngăn chặn hắn từ lúc chỉ mới có ý định, mới bắt đầu chán gia đình, chán vợ con. Những tháng đầu hắn phản ứng rất quyết liệt những lời buộc tội vô lý đó, hắn không thể tại sao lại dám nói thế. Tiếng gầm thét của hắn bộc lộ sự tức giận của một ông chủ, ông chủ đã hy sinh một đời cho gia đình thì vợ con (một thứ tội tởm tự nguyện) phải biết ơn ông chủ, không được phép nghĩ sai, hiểu lầm. Hiểu lầm là có tội. Đã thế vợ hắn cũng chứng tỏ cô ta ngờ vực chồng là có chứng cứ. Chứng cứ nào, tôi không làm những chuyện vợ vẫn đó làm sao có chứng cứ! Vợ hắn nói thùng thảng là có, có nhiều. Ví như mỗi lần có chuông điện thoại, vợ chưa kịp cầm thì chồng đã nhao lại cầm vội lấy không có ý gian làm sao phải vội vã thế? Nói điện thoại thì nói thầm thì, rồi cười khùng khục đầy khoan khoái, trai gái nói với nhau mới có vẻ mặt ấy, giọng cười ấy, đừng có chối, tôi sống với anh gần năm chục năm tôi lại không biết! Đứng ở cửa nhà mà nhìn ra ngoài đường vợ hắn cũng cần nhìn, rồi nói rất thiếu não: "Anh đừng nhìn đàn bà con gái đi ngoài đường đăm đăm như thế, tôi khổ tâm lắm". Hắn có tật nhìn hiếng, xem tivi mắt cứ như nhìn ra đường, vợ hắn cũng nói buồn bã: "Anh đợi ai mà nhìn ra ngoài nhiều thế?" Mỗi lần có bạn đọc, bạn viết là đàn bà con gái tới nhà là hắn chết khiếp, nếu lại vợ phải một bà bạn có tính hay đùa thì địa ngục nứt ngay dưới chân liền. Thậm chí hắn đi ăn sáng, uống cà phê sáng, vợ hắn cũng đứng ở cửa chờ, lại hỏi: "Anh đi những đâu mà lâu thế?" Có lúc lại căn dặn: "Bây giờ bệnh Sida đầy rẫy, anh phải cẩn thận". Rồi lục tìm ví tiền: "Tiền bữa nọ còn nhiều thế tiêu những gì mà đã hết rồi, tôi bảo, có ra ngoài cũng chỉ nên cầm năm chục, một trăm, chứ cầm nhiều là bọn gái điếm có lột hết". Cứ như hắn đã biến thành một kẻ cuồng dâm, thấy đàn bà là lao lại, bất kể sáng tối, vắng người hay đông người, cứ như mọi ngõ ngách đều có nhà chứa, có thể chui vào đó làm mọi chuyện bậy bạ trong vòng dăm mười phút ai biết đây là đâu. Hắn quát: "Sao

lại không ai biết, hàng xóm láng giềng biết, các con biết, tôi biết. Tôi sống đơn mật thể còn dám nhìn mặt con cái à?" Trong hai năm trời gần như ngày nào hấn cũng phải nổi điên vài lần, da mặt lúc đỏ lúc tím, huyết áp lên một cách khủng khiếp, sáng tối đều uống thuốc hạ huyết áp mà mặt vẫn nóng phừng phừng, đầu nhức như búa gõ. Hấn đã nghĩ đến chuyện bị tai biến mạch máu não, sẽ là một đồng thịt nằm vài năm rồi mới được chết, chả lẽ đến lúc đó vợ hấn mới chịu buông tha hấn sao? Chả lẽ hấn phải uống một liều thuốc ngủ rồi tọt thêm một ly rượu mạnh để kết thúc cho nhanh những ngày khổ khổ cuối đời này. Hấn tâm sự với các con về cái cảnh ngộ không thể lường trước và cả ý định sẽ tự kết thúc sự sống của mình, thì đứa lớn cười, đứa nhỏ cũng cười như chúng vừa được nghe một chuyện hết sức kỳ quái, hết sức buồn cười. Thằng lớn nói: "Bố nghĩ là đã chuẩn bị mọi chuyện chu đáo để được sống mấy năm yên ổn lúc cuối đời nhưng lại quên mất mẹ, đúng không nào? Một người như mẹ làm sao có thể gây phiền cho bố được, phải không?" Nó đã bốn mươi tuổi, cũng là đứa chịu đọa, chịu nghĩ, chắc nhận xét của nó cũng không đến nỗi vô cớ. Thằng nhỏ ăn nói bồ bã hơn: "Trường hợp của bố cũng là hiếm đấy, ra ngoài bố được đẩy lên tận mây xanh, về nhà lại bị bà vợ kéo xuống tận đáy vực". Con gái cũng cười: "Chả ai ở đời được hoàn toàn mãn nguyện cả, được cái này thì mất cái nọ, cũng là lẽ công bằng". Thằng lớn lại nói tiếp: "Thà để mẹ kéo bố xuống bùn còn hơn để người khác kéo. Mẹ kéo thì còn gỡ được, chứ người khác kéo thì hết gỡ". Thằng nhỏ nói: "Đã lên cao thì phải chuẩn bị có ngày xuống thấp, xuống thấp trong nhà chả hơn à? Câu trên là bố vẫn nói, còn câu sau là của con". Đúng, chính hấn đã từng nói như thế, chuẩn bị như thế, chỉ không ngờ cái người kéo hấn xuống lại chính là "kẻ nô lệ một đời" của mình. Cũng là sự trùng phạp xứng đáng thôi, ở đời chả có sự ngẫu nhiên nào lại không bị trùng phạp, chả có sự mãn nguyện nào lại không phải trả giá, chỉ có điều cách trả giá và cái lúc phải trả giá thì luôn luôn bất ngờ, một người luôn canh chừng bản thân như hấn cũng phải bàng hoàng mất gần hai năm vì những sự việc không thể tính trước.

Và hấn bắt đầu viết, do một nhu cầu tự giải thoát mà hấn viết. Viết lại một truyện dài cũng là một bất ngờ nữa, vì đã mười năm nay hấn không nghĩ là hấn còn viết được truyện dài. Nay hấn cần viết một truyện dài là để có thì giờ ngẫm nghĩ về tất cả, có công việc phải bận bịu, phải lo lắng sẽ bớt đi những bức bối của một tuổi già thiếu may mắn. Và càng ngẫm nghĩ về mình hấn càng nhận ra những lầm lỗi trong cách ăn ở với bạn bè, với vợ con. Thì đã có lúc nào hấn thật quan tâm tới cái phần máu thịt đã cùng lo lắng, buồn vui suốt mấy chục năm. Không để ý tới họ thì họ chỉ như những thực thể đơn giản, vô tri, chỉ biết làm theo sự chỉ huy của một người chồng, một ông bố rất có trách nhiệm với vợ con nhưng lại buộc họ phải hoàn toàn phụ thuộc vào những quyết định lớn nhỏ của mình. Họ không có cuộc sống riêng sao, không có những yêu ghét tính toán và những hy vọng của riêng họ sao? Trách nhiệm của chính nhà văn là phục vụ con người, là bằng tài năng của mình tháo bỏ mọi trói buộc, mọi trói buộc để con người được nghĩ ngợi tự do hơn, hành động tự do hơn, để họ có thể huy động toàn bộ ý chí và năng lực của họ vào cái sự nghiệp mà họ đang ấp ủ. Cái đó gọi là nghệ thuật phục vụ nhân sinh. Cho nên người cầm bút do chức trách của nó bao giờ cũng là một chiến binh tình nguyện của cuộc đấu tranh cho quyền tự do và dân chủ của con người, từ gia đình mình trở đi. Chứ ai có thể ngờ người chiến sĩ của dân chủ lại là tên độc tài trong gia đình. Và hấn đã bị những tên "nô lệ về tinh thần" trùng phạp lại một cách đích đáng cũng là điều dễ hiểu. Càng viết hấn càng thấy nhẹ nhõm, càng thấy buồn cười vì cái cảnh ngộ trở trêu của mình. Hấn đã biết tội và vui vẻ nhận sự trừng phạt, dầu rằng sự trừng phạt ở ngay nơi trú nấp cuối cùng là hết sức khó chịu, là rất khó chấp nhận. Có thể nhận tội với xã hội rồi chạy về trú nấp ở gia đình. Xã hội nhiều người làm việc, không ai có thì giờ nhìn chăm chú mãi một người, chỉ quan tâm có lầm lỗi của một người, cộng đồng vốn mau quên cả công lẫn tội. Nhưng trong một gia đình mọi người nhìn nhau chăm chăm từ sáng đến tối, chả quên cái gì, và có thể nhớ từ đời này qua đời nọ nên rất khó chịu. Khó chịu ở gia đình lại không thể tìm ra nơi trú nấp nào khác ngoài nhà

nhân tình, tiệm hút, sòng bạc, đó là chuyện ngày xưa. Còn bây giờ có một số ông chồng trong giới viết văn từng chạy trốn gia đình bằng các cuộc phiêu lưu vật, gọi là đi thực tế và các trại viết dài ngắn, đi mãi cũng phải về, chả giải quyết được gì. Còn hấn, hấn chạy trốn vào trang giấy, hấn đã trốn vào đó nhiều lần, mỗi dòng viết phảng phất như một lời thú tội, vừa viết vừa điều chỉnh lại cách sống của bản thân bằng những cách sống dũng mãnh hơn, phóng khoáng hơn, nhiều nghị lực hơn của các nhân vật hấn ngưỡng mộ. Hấn sống tốt hơn, thông minh hơn, có thêm nhiều người thương, bớt đi những người ghét hoàn toàn là nhờ vào những trang viết từ trẻ đến già. Một đời người đi rồi viết, năm này qua tháng khác, chả chơi bởi gì, chả có lúc nào thử quên đi cái nghề của mình, cái nghiệp của mình, làm người hoàn toàn tự do với những nhu cầu bẩm sinh của con người, hồn nhiên, ngu muội, mắc lầm lỗi giống như mọi người, nhiều lần thất bại như mọi người, có nghĩa là được chìm nổi cùng với thiên hạ chứ không chỉ biết vui buồn trên trang giấy, phiêu lưu, thành bại trên trang giấy. Sống thông qua số phận các nhân vật của mình đâu phải là đã sống, không sống đến triệt để, đến tận cùng làm sao viết được những câu văn đời người, mãi mãi còn gây thắc mắc cho nhiều thế hệ bạn đọc. Một nhà văn thành công một đời chưa hấn đã là thành công, chỉ là một viên chức nhà nước với những thành công vật vãnh trong cái nghề của anh ta, trong phòng giấy của anh ta, một thứ văn chương giống như đời người mà chưa hấn là đời người, một đời người chỉ cần một trăm trang sách, là máu, là nước mắt một đời trút vào đó, chứ máu đã sôi lên vài ngàn trang sách lại là máu loãng rồi, máu pha nước lã rồi, máu nhân tạo rồi. Thành công của hấn có thể chỉ là thành công giả, còn những khôn khó của vợ để gìn giữ sự yên ấm của một mái nhà lại là những khôn khó có thật, khôn khó sinh con, nuôi con với bao nhiêu vất vả lo lắng, chạy vạy của nhiều năm trong chiến tranh, lại nhiều năm tháng trong một thứ hoà bình pháp phông, trong vô vàn thiếu thốn, thiếu gạo, thiếu thịt, thiếu sữa, thiết bột ngọt, thiếu vải, vải đen may quần cho vợ, vải đẹp và mềm cho các con, thiếu cả kim chỉ, mỗi lần mua được một thứ thiếu sau bao nhiêu mưu mẹo, nhờ vả, giành giật, vợ hấn đạp xe về, ôm hàng về, mặt tươi rói từ ngoài cửa: "Mua được rồi, vừa vặn đến mình là hết!" Đó cũng là thành công, thành công trong cuộc sống khó khăn của mỗi ngày, thành công đó chả có bằng khen, phần thưởng, huân chương, huy chương nào ngoài vẻ mặt rạng rỡ của chồng, cái cười rất tươi của chồng, và một câu nói dịu dàng, hàm ơn: "Vất vả cho em quá thôi, thế là anh đỡ lo hấn rồi... các con đang thiếu, nhà mình đang thiếu..."

Hấn hãy nhìn kỹ lại vợ đi, nhìn chăm chú một lần thử coi, sau hơn bốn chục năm phục vụ cho sự nghiệp của chồng được xem là thành công vào lúc này nhưng ai mà biết được những bạn đọc chục năm tới sẽ đánh giá như thế nào! Còn vợ hấn từ một cô gái nông thôn hơi ngây ngô nhưng mà đẹp, cái đẹp khoẻ mạnh của đồng ruộng đã sinh cho hấn những đứa con thông minh, tháo vát và ngoan, thích ứng được với cuộc sống hôm nay, đã là một bà già đi lại lom khom, tóc bạc quá nửa, cái nhìn bạc phéch ngơ ngác trên một gương mặt đã nhỏ đi rất nhiều, đã héo lại, đã khô lại với màu da vàng nhạt, với nhiều vết xám ở má ở thái dương, chỉ có hàm răng là vẫn đều như xưa, vẫn trắng như xưa, vẫn nhận ăn phần xương của gà của cá, nói thì thảo với chồng: "Để tôi ăn xương cho, ông ăn phí lắm!" Vậy còn muốn dành lại cho ai nữa mà vẫn sợ ăn tiêu phí phạm, con cái đã có nơi có chốn cả rồi. Nghĩ tới đó nước mắt hấn tự nhiên ứa ra. Vợ hấn nói: "Mấy tháng nay ông thay tâm đổi tính làm tôi cũng lo". Hấn cười: "Làm người chồng tốt hơn cũng lo à?" - "Lo chứ, lúc sắp xuôi tay là hay đổi tính lắm" - "Năm nay tôi đã bảy mươi ba rồi, có chết cũng là tận số, không còn chết non chết yếu gì đâu!" - "Cả đời mãi đến lúc này mới được an nhàn một chút, ai muốn chết sớm!" Hấn đùa: "Bà giam tôi như giam tù cả mấy năm tôi còn muốn sống thêm làm gì". Vợ hấn nhìn hấn bằng cặp mắt nhăn nhúm, mờ đục: "Ông cứ sống như ý ông thích, ông đừng có bỏ tôi là được".

Hấn lăm lăm bàn tay chỉ còn da với xương của vợ, ngồi nhìn lặng một lúc lâu, rồi bảo: "Những thứ bà

giúp tôi đều là những thứ giá trị thật, mãi mãi không thay đổi, còn những gì tôi cống hiến cho đời như tôi thường nghĩ, đến lúc này tôi lại phân vân không rõ nó có là giá trị thật như những gì bà đã cho bố con tôi không?"

Hết